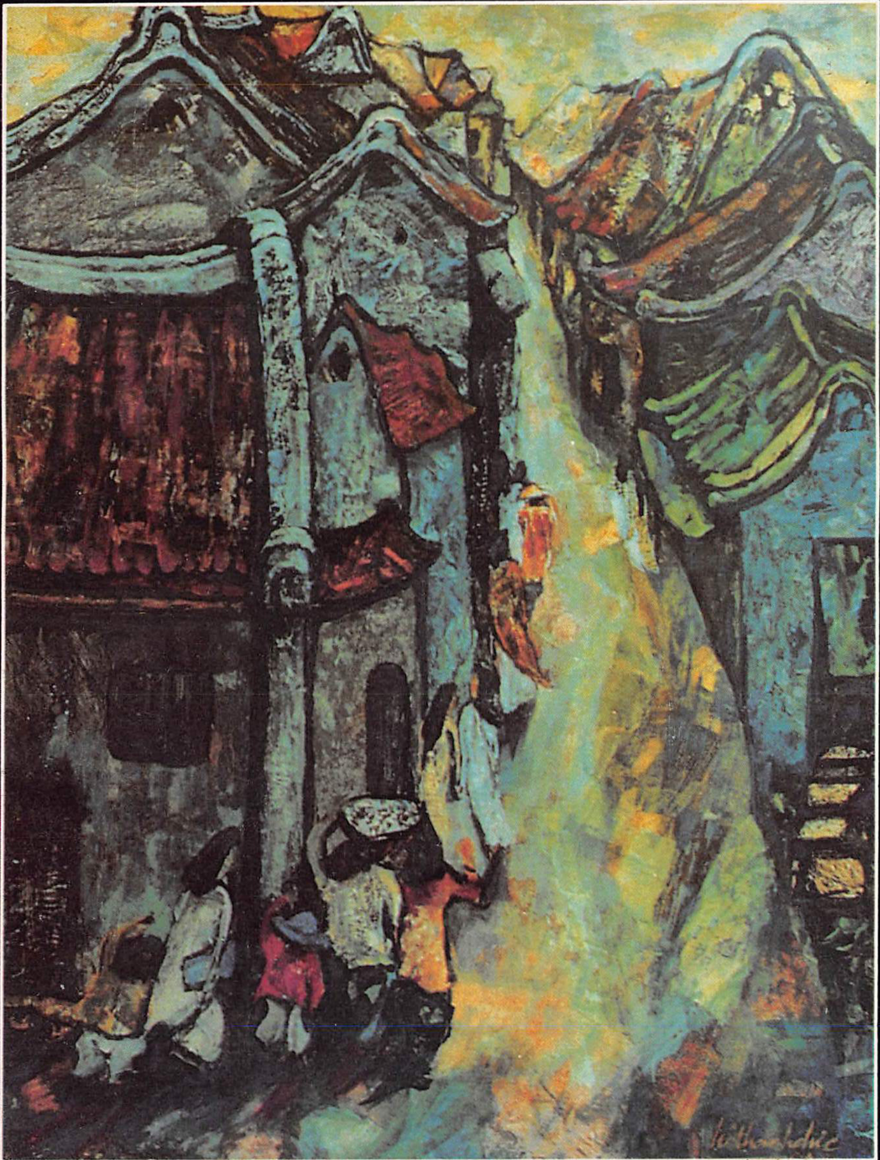
HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 11 tháng 6 & 7 năm 1993



THƠ VĂN VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA
Telephone và Fax: (714)537-2468

Phát hành hai tháng một kỳ - số 11 tháng 6 & 7, 1993

Đại diện tại Florida:
Triều Hoa Đại, 2835 Cranberry Cir, Middleburg, FL 32068
Tél: (904)282-2419
Đại diện tại Âu Châu:
Mr & Mrs Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris, France
Tél: 45.83.19.12
Đại diện tại Na Uy:
Hoài Mỹ, Olsvikaasen 138, N-5079 Olsvik, Norway
Đại diện tại Canada:
Trân Sa, 12 Denbigh Cres., Toronto, ONT, M3M-2T2, Canada
Tél: (416)652-1384 và (416)398-5916
Hồ Đình Nghiêm, 3360 Barclay, Apt # 10, Montréal PQ. H3S 1K4
Tel: (514)342-8018
Đại diện tại Australia:
Thường Quán, 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149
Tél: 011-61-3-8071797

*

Chủ trương:

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Vũ Quỳnh N.H., Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh Hương, Đỗ Kh., Ngọc Khôi, Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Sĩ Liêm, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Nguyễn Văn Sâm, Hoàng Xuân Sơn, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Nhật Tiến, Kim Thi, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Trần Vũ, Trương Vũ.

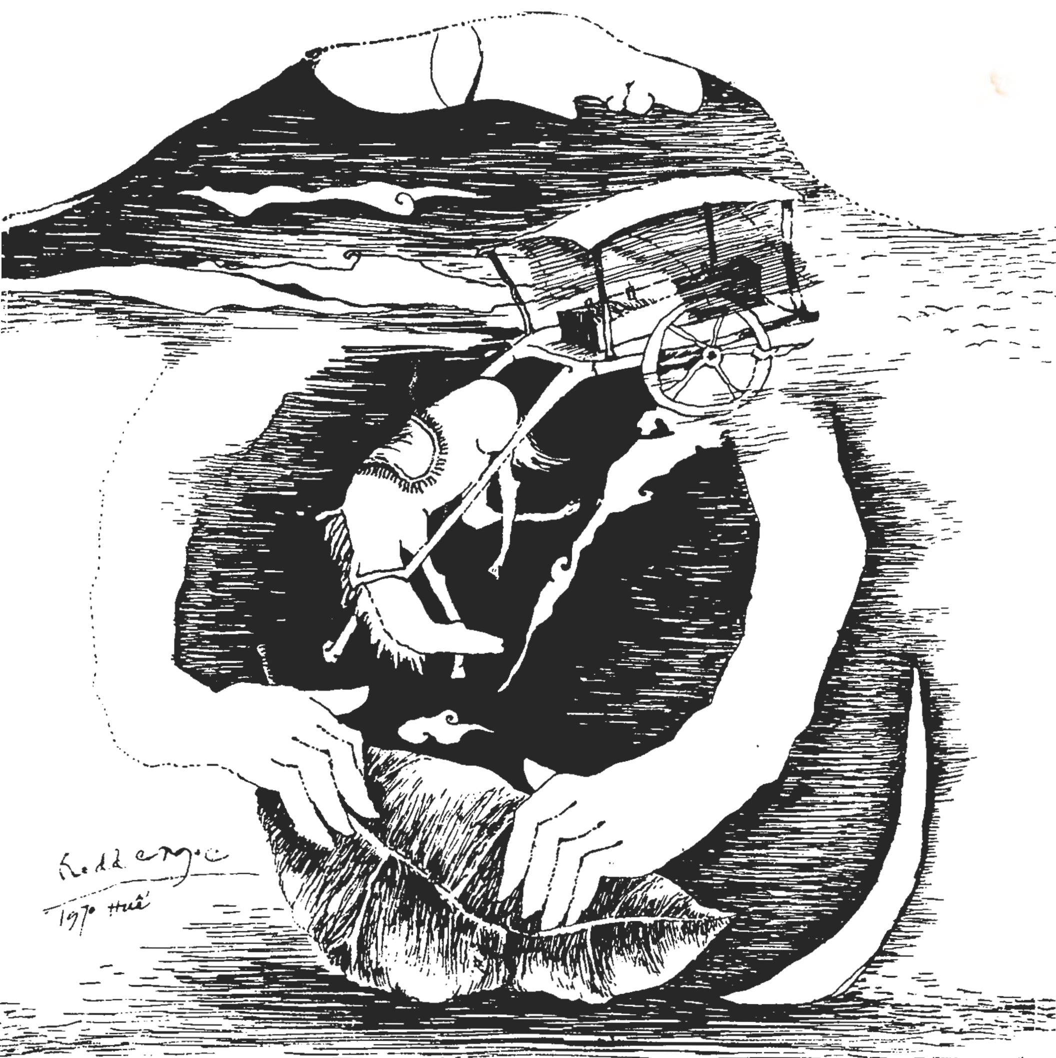
Chủ biên
Khánh Trường

Phụ tá chủ biên:
Phan Tấn Hải

Nghiên cứu, lý luận
Hoàng Sử Mai - Đỗ Hữu Tài

Trị sự
Nguyễn Thị Giáng Châu

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN 1065-9323



HỢP LƯU

Số 11 tháng 6 và 7, 1993

Thơ Văn Việt Nam Đương Đại



mục lục

Tranh bìa:
Hồ Thành Đức: Phố Cổ Hội An. *Tranh dán giấy (50 x 60cm)*

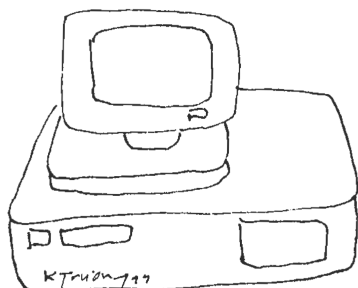
Tranh đen trắng:
Hồ Đắc Ngọc

Minh họa:
Đinh Cường, Bùi Quang Ngọc, Duy Thanh, Khánh Trường, Trương Vũ





thư tòa soạn



Hợp Lưu số 11 trân trọng giới thiệu đến độc giả những sáng tác mới nhất của các cây bút nổi danh trong và ngoài nước, để bù lại số vừa rồi (số 10), phần lớn số trang dành cho chủ đề Hội Họa.

Ngoài các tác giả thuộc thế hệ đi trước như Thế Uyên, Cung Tích Biền... Chúng ta sẽ được thưởng thức nhiều sáng tác của các nhà văn "mới" Ở đây, xin hiểu như "mới" như là thế hệ chuyển tiếp của văn chương Việt Nam sau dấu mốc 1975. Điểm đặc biệt: Qua những sáng tác này, chúng ta có thể nhận thấy phong cách và suy nghĩ của họ, dù chưa điển hình, vẫn phản ảnh tâm tư của một thời đại, một giai đoạn. Tâm tư đó thế nào, phần đánh giá xin nhường cho độc giả; chỉ biết, trên chữ nghĩa, rõ ràng đang có nhiều chuyển biến. Một điểm khác, cũng đặc biệt và lý thúkhông kém: "có vẻ như" mỗi khi muốn gởi đến bạn đọc một khai phóng nào đó, về tư tưởng hay kỹ thuật, các tác giả thường chọn Hợp Lưu làm diễn đàn phổ biến. Phải chăng vì vậy, theo nhận xét của nhiều người, Hợp Lưu là tạp chí văn học nghệ thuật cấp tiến nhất của Việt Nam đương đại. Đó là điều đáng mừng cho tất cả mọi người Việt Nam thực sự yêu mến và trân trọng cái mới.

Nói như thế không có nghĩa Hợp Lưu tự giành lấy trách nhiệm của kẻ tiên phong, chỉ hy vọng, bằng nỗ lực và tâm thành, chúng tôi sẽ cố gắng hơn nữa, để may ra có thể thổi vào môi trường văn học, vốn từ lâu đã bị khô nẻ vì chính kiến, hằn thù và bảo thủ, một luồng sinh khí trong lành hơn, tươi mát hơn. Nhân đây, thay mặt độc giả, Hợp Lưu trân trọng gởi đến các nhà văn nhà thơ từng gián tiếp hoặc trực tiếp đóng góp công sức, trí tuệ của mình để tờ báo có được chỗ đứng ngày hôm nay, và hy vọng mối giao tình này sẽ mãi mãi bền vững, hầu mỗi ngày Hợp Lưu mỗi vững vàng, giá trị và xứng đáng tiêu biểu cho một thời điểm văn học.

Riêng phần lý luận, biên khảo : Số báo trước, theo đánh giá chung, được xem là tương đối đầy đủ cho chủ đề Hội Họa, tuy nhiên, lai rai đến hôm nay, chúng tôi vẫn nhận thêm một lượng bài cũng dành cho chủ đề trên, từ trong

nước và trên thế giới gởi về, khá nhiều. Để đáp ứng lòng ưu ái của các tác giả, cũng như để độc giả có thêm các tài liệu quí về nền Hội Họa Việt Nam hiện đại, Hợp Lưu tiếp tục gởi đến độc giả những bài viết đó, trong số này và các số sau.

Đồng thời cũng xin thông báo: Hợp Lưu dự định thực hiện một số chủ đề về Phan Khôi, ngọn cờ đầu của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm. Tòa soạn đang thu tập tài liệu, cũng như đã liên lạc với khá nhiều văn nghệ sĩ trong và ngoài nước đóng góp bài vở cho chủ đề này. Rất mong độc giả, văn hữu tiếp tay với chúng tôi, hoặc viết bài, hoặc cho chúng tôi mượn những tài liệu mà quí vị đang có, để số báo thêm phần phong phú.

Cuối cùng, rất cực lòng nhưng cũng đành phải nhắn thêm một lần nữa với một số nhà sách trên thế giới CHƯA THANH TOÁN TIỀN BÁN BÁO cho Hợp Lưu (kể từ số 1): Vô cùng mong quí vị bỏ chút thì giờ kết toán sổ sách giúp chúng tôi. Quý vị thừa biết, Hợp Lưu không sống bằng quảng cáo, tất cả đều nhờ vào sự chiếu cố, quan tâm của độc giả. Nếu báo gởi đi, vừa tốn tiền in, tiền cước... mà không được quí vị thanh toán tiền bán được thì thử hỏi chúng tôi lấy gì để tiếp tục tồn tại? Hai năm nay, đều đặn mỗi số, đôi ba người trong ban chủ trương và vài Mạnh Thường Quân đã rộng lòng đóng góp để Hợp Lưu có mặt đều đặn trên thị trường, nhưng giải pháp này chỉ có tính cách tạm thời, không thể và không nên kéo dài mãi mãi, vì vậy, chúng tôi rất cần sự giúp đỡ của quí nhà sách. Theo tổng kết của ty trị sự, nếu quí vị thanh toán hộ tiền báo bán được, cộng thêm số độc giả dài hạn hiện nay, Hợp Lưu sẽ có khả năng "thủ huề". Đối với chúng tôi, chỉ có một mong ước duy nhất: được "huề" để có thể yên tâmphục vụ bạn đọc!

Hợp Lưu

Kính mời các văn hữu và độc giả trong, ngoài nước
đóng góp bài vở, tư liệu cho số báo có chủ đề:

PHAN KHÔI

(Ngọn cờ đầu của nhóm NHÂN VĂN GIAI PHẨM)

Bài vở, tư liệu, hình ảnh...
xin gởi về tòa soạn càng sớm càng tốt

Hợp Lưu



NGUYỄN KIẾN GIANG

nhìn nhận thực trạng văn hóa việt nam hiện nay*

Thật khó khăn — nhất là đối với một người — khi phải đánh giá thực trạng văn hóa Việt Nam vào thời điểm này (đầu những năm 90). Dưới đây, nhiều lắm cũng chỉ có thể nêu lên một số nhận xét về một số mặt nào đó của đời sống văn hóa. Ý định chủ yếu của chúng tôi là thử đưa ra một cách nhìn (một cách tiếp cận, nói theo kiểu khoa học) dựa vào sự vận động xã hội nói chung và của bản thân văn hóa nói riêng. Đây tuyệt nhiên không phải là những kết luận, dù là của chúng tôi, mà chỉ là những suy nghĩ, những gợi ý. Các cuộc thảo luận về vấn đề này, nếu được tổ chức và tiến hành một cách tích cực và nghiêm túc, chắc chắn sẽ bổ sung và sửa chữa nhiều cho những ý kiến nêu lên ở đây.

1. Bức tranh thực trạng văn hóa Việt Nam hiện nay rất phức tạp, bao hàm những mâu thuẫn sâu sắc, khiến cho mọi lý giải giản đơn, một chiều đều không thích hợp. Một nhận xét thường được nghe thấy: văn hóa nước ta đang *xuống cấp* nghiêm trọng. Có đúng thế không? Theo chúng tôi, để trả lời câu hỏi đó, phải lấy một chuẩn mực nào đó làm căn cứ. Nhưng lấy chuẩn mực nào để nói rằng văn hóa đang xuống cấp hay lên cấp? Hơn nữa, chuẩn mực ấy được lựa chọn dựa vào cái gì?

Ý kiến của chúng tôi là: không phải văn hóa Việt Nam đang xuống cấp, nó đang ở trong một thời kỳ chuyển tiếp về chất với những biểu hiệu ngược chiều, trong đó xuất hiện những yếu tố có thể coi là những tín hiệu của một sự phục hưng văn hóa Việt Nam trong thời đại mới, và tất cả những điều đó diễn ra một cách tự phát, đầy những xung đột sâu sắc và gay gắt giữa các xu hướng khác nhau. Văn hóa Việt Nam đứng trước những nguy cơ lớn, những mối lo ngại lớn, nhưng cũng đang hàm chứa những niềm hy vọng lớn, những triển vọng lớn. Chúng tôi nói điều đó dựa vào những căn cứ chủ yếu:

Thứ nhất, những vận động đầy mâu thuẫn của cả loài người trong thời đại hiện nay, khi chuyển từ một giai đoạn văn minh này sang một giai đoạn

văn minh khác;

Thứ hai, những vận động cũng đầy mâu thuẫn của xã hội Việt Nam hiện nay, khi chuyển từ một trạng thái này sang một trạng thái khác về chất;

Thứ ba, những vận động vô cùng phức tạp và tế nhị của bản thân nền văn hóa Việt Nam trong quá trình khắc phục những yếu tố phi văn hóa, phản văn hóa để trở thành một nền văn hóa mang tính nhân bản, dân tộc và giàu năng lực hòa nhập văn hóa thế giới.

2. Trước khi đi vào những điểm nói trên, xin nói ngay: khái niệm văn hóa dùng ở đây chưa phải theo nghĩa một tập hợp những lĩnh vực đời sống và hoạt động tinh thần, mà chủ yếu theo nghĩa *một hệ thống những giá trị tinh thần chi phối đời sống, tâm lý và hoạt động của con người*. Nói cách khác, ở đây chúng tôi không phân tích từng lĩnh vực đời sống và hoạt động văn hóa, mà coi văn hóa như một tổng thể, một cấu trúc mà hạt nhân là hệ giá trị tinh thần. (Nhưng chính tổng thể văn hóa, cấu trúc văn hóa ấy cũng không có tính thuần nhất về các yếu tố của nó, trước kia là thế và ngày nay hay sau này cũng thế. Vấn đề đặt ra là phân biệt tính chất của các yếu tố ấy và nêu được những yếu tố nào giữ vai trò chi phối — những giá trị tinh thần, văn hóa được toàn xã hội, hay đại bộ phận xã hội, thừa nhận.)

3. Văn hóa Việt Nam đang chuyển từ nền văn hóa cũ sang nền văn hóa mới, từ hệ giá trị tinh thần cũ sang hệ giá trị tinh thần mới. Để hiểu được cái gì là mới, cần hiểu cái gì là cũ.

Về mặt thời gian, cũ là bao giờ? Có thể lấy Cách Mạng Tháng Tám 1945 làm cái mốc để phân biệt văn hóa cũ và văn hóa mới ở nước ta. Cũng có thể lấy việc giải phóng miền Nam và thống nhất đất nước năm 1975 làm một cái mốc để phân biệt. Những sự kiện đó chắc chắn đã có ảnh hưởng to lớn đến đời sống tinh thần và văn hóa của đất nước. Nhất là khi lấy giá trị độc lập dân tộc làm căn cứ chủ yếu, thì rõ ràng những sự kiện lớn lao ấy là những cái mốc không thể phủ nhận. Nhưng vì đời sống tinh thần và văn hóa, những giá trị chi phối đất nước tinh thần và văn hóa bao trùm lên mọi mặt đất nước xã hội và cá nhân (từ sản xuất và tái sản xuất của cải vật chất, tái sản xuất con người cho đến những quan hệ giao tiếp giữa con người với nhau), nên chỉ lấy một giá trị duy nhất (độc lập dân tộc) làm căn cứ là không đủ. Nền văn hóa một nước và hệ giá trị tinh thần của nó có phạm vi rộng hơn nhiều. Lấy một ví dụ: nếu trước khi giành được độc lập dân tộc và sau đó, đời sống tinh thần của nhân dân vẫn như cũ, hoặc gần như cũ, hoặc có biến cải phần nào nhưng căn bản vẫn thế, chẳng hạn vẫn một nền sản xuất nhỏ với lao động thủ công là chính, với tâm thể (mentalité) của người tiểu nông, với những cộng đồng làng xã (được tổ chức một cách khác nhau nhưng vẫn lấy lợi ích cộng đồng làm giá trị chủ yếu), v.v., thì chưa thể nói tới hai nền văn hóa khác nhau về chất được.

Về mặt văn hóa, sự thể diễn ra phức tạp hơn nhiều. Mọi cách nhìn giản đơn đều bị bật khỏi hiện thực vô cùng phức tạp. Chẳng hạn, nếu lấy sự giao tiếp làm một nội dung cơ bản của văn hóa, thì việc sáng tạo và phổ biến chữ quốc ngữ lại là một cái mốc hết sức quan trọng. Hãy tưởng tượng xem, nếu chúng ta không có chữ quốc ngữ thì liệu việc phổ cập giáo dục sẽ khó khăn tới chừng nào. Chưa nói tới sự phát sinh và phát triển của một số loại hình văn học nghệ thuật (như tiểu thuyết, v.v...) cũng khó đạt được những nhịp độ nhanh chóng và những chiều sâu tinh tế như đã có từ nửa đầu thế kỉ XX ở nước ta. (Chúng tôi không nói rằng không có chữ quốc ngữ, nước ta sẽ không có những loại hình văn học nghệ thuật ấy — như trường hợp Trung Quốc, Nhật Bản... cho thấy với những văn tự truyền thống cũng có thể có những thứ đó, ở đây chúng tôi chỉ muốn nói tới những nhịp độ và những chiều sâu nào đó. Hay cũng có thể nêu lên một giả thuyết ngược lại: nếu có chữ viết truyền thống, thì dễ bảo tồn văn hóa truyền thống hơn? Xin để ngỏ vấn đề này).

Theo ý chúng tôi, cái mốc để nền văn hóa cũ chuyển sang nền văn hóa mới ở nước ta chính là *hiện nay*, vào *chính thời điểm này*, tức là vào những năm 80-90 của thế kỉ này. Bởi vì đến lúc này, sự vận động xã hội Việt Nam mới thật sự có những chuyển biến về chất trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội và cá nhân, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, sự chuyển biến ở lĩnh vực này chịu tác động những chuyển biến của các lĩnh vực khác, đồng thời cũng tác động ngược lại một cách mạnh mẽ chưa từng thấy. Chúng tôi sẽ dần dần chứng minh luận điểm này trong những đoạn dưới đây.

4. Như vậy, trong quan niệm của chúng tôi, nền văn hóa trước thời điểm này (những năm 80-90) nói chung là nền văn hóa cũ. Nhưng chính nền văn hóa cũ ấy cũng không thuần nhất và nó cũng trải qua những giai đoạn khác nhau. Tạm thời có thể chia thành mấy giai đoạn:

4.1. Giai đoạn truyền thống thuần túy trước khi nước ta trở thành một nước thuộc địa. Truyền thống không có nghĩa là chỉ có tính chất nội sinh (endogène), chỉ sống bằng những giá trị tinh thần của dân tộc mình. Không, truyền thống cũng có tính chất ngoại sinh (exogène), có du nhập ảnh hưởng của những nền văn hóa bên ngoài. Nhưng dù là nội sinh hay ngoại sinh, tất cả đều thuộc phạm trù truyền thống (chẳng hạn Khổng giáo hay Phật giáo đều là những giá trị tinh thần nảy sinh và lan rộng trong trạng thái xã hội truyền thống).

4.2. Giai đoạn thuộc địa. Những mốc thời gian của giai đoạn này, bắt đầu cũng như kết thúc, là không đơn nhất. Từ những nhượng địa đầu tiên cho tới chế độ bảo hộ thiết lập trên cả nước (với những sắc thái khác nhau: chế độ bảo hộ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, chế độ trực trị ở Nam Kỳ) là một khoảng thời gian khá dài, khoảng ba mươi năm, kể từ hiệp ước 1858 đến hiệp ước 1883. Sự kết thúc của giai đoạn này cũng trải ra một khoảng thời gian dài tương

tự: năm 1945 khi Cách Mạng Tháng Tám thành công, năm 1954 khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng, năm 1975 khi cả nước hoàn toàn giải phóng. Giai đoạn thuộc địa, như vậy, mang tính tương đối thuần nhất trong khoảng nửa thế kỉ, từ 1895 khi bắt đầu thời kỳ khai thác thuộc địa lần thứ nhất, đến 1945 khi đất nước giành được độc lập. Còn 30 năm trước đó và 30 năm sau đó, đời sống xã hội và văn hóa của nước ta không thuần nhất, nhiều yếu tố xen kẽ nhau, cùng tồn tại cạnh nhau và mâu thuẫn nhau. Nhưng nếu lấy khoảng thời gian nửa thế kỉ tương đối thuần nhất của giai đoạn này để nói, thì có thể nhìn thấy rằng các yếu tố truyền thống không còn nguyên vẹn; một số yếu tố hiện đại đã xâm nhập đến những mức độ nào đó (giao thương, đô thị hóa, những giá trị tinh thần và văn hóa phương Tây...). Nổi bật lên trên tất cả là cuộc đấu tranh dai dẳng và quyết liệt giữa các giá trị thực dân và các giá trị dân tộc, diễn ra chung quanh vấn đề giải phóng dân tộc.

Trong thời kỳ này, cần ghi nhận một nét mới không chỉ có ảnh hưởng chính trị mà có ảnh hưởng cả về mặt văn hóa, đó là chủ nghĩa cộng sản (dưới dạng chủ nghĩa Mác-Lênin) du nhập nước ta và trở thành một nhân tố chủ đạo của phong trào giải phóng dân tộc. Như sau này sẽ thấy, tác động của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với các mặt đời sống xã hội và văn hóa nước ta mang những tính chất khác nhau, có cả ý nghĩa tích cực và tiêu cực. Nhưng về cơ bản, trong giai đoạn này đã có một sự kết hợp (hay có thể nói, một sự cộng sinh) của nó với những giá trị truyền thống.

4.3. Giai đoạn sau giải phóng, từ năm 1975 đến giữa những năm 80, đến khi bắt đầu sự nghiệp "đổi mới". Trong giai đoạn này, nổi bật lên mâu thuẫn giữa những yêu cầu về bình thường hóa đời sống con người và phát triển kinh tế (hiện đại hóa kinh tế) với sự duy trì và tăng cường mô hình "xã hội nhà nước hóa" mà kết quả là một sự đổ vỡ toàn diện, đưa xã hội vào trạng thái khủng hoảng nặng nề và sâu sắc. Những giá trị cũ mất chỗ đứng và ảnh hưởng, trong khi những giá trị mới chưa kịp hình thành và phát triển.

Sự phân chia hết sức sơ lược nói trên cho thấy nền văn hóa cũ mang những yếu tố rất khác nhau, thậm chí xét về mặt hình thức là đối lập nhau (chẳng hạn, những giá trị "vô sản" do chủ nghĩa Mác- Lênin đề xướng với những giá trị truyền thống thuần túy), nhưng trên thực tế, nói chung những giá trị truyền thống vẫn giữ địa vị ưu thế.

Xin nói ngay một điều để tránh hiểu lầm. Chúng tôi không hiểu "truyền thống" như một cái gì kém và xấu. Cũng như không đồng nhất "hiện đại" với cái gì hay và tốt, nói chung. Giá trị học (axiologie) không có những thước đo về đúng, sai và tốt, xấu. Nó coi các giá trị như một hiện thực xã hội (Durkheim và Weber, những nhà xã hội học đầu tiên nói tới khái niệm "giá trị" đều coi các giá trị được khắc sâu vào các cá nhân và được họ chia xẻ và đồng hóa là những cái bảo đảm cho sự thống nhất xã hội).

5. Những giá trị đặc trưng của nền văn hóa cũ gần như bao giờ cũng có những biến thể có thể có của chúng, dưới tác động của yếu tố này hay yếu tố khác, có khi ngược lại với những giá trị vốn có. Trong lịch sử xa xưa, đã từng xảy ra như vậy trong những quá trình tiếp nhận văn hóa (acculturation) của một cộng đồng người nào đó. Chẳng hạn, trong lĩnh vực tín ngưỡng, khi chuyển từ những hình thức tín ngưỡng dân gian sang những hình thức tín ngưỡng tôn giáo, không phải là không có những "đụng đầu", những xung đột gay gắt. Nhưng rốt cuộc, một sự đồng hóa từ cả hai phía đã xảy ra. Tín ngưỡng dân gian (đa thần, vật linh) tiếp nhận một số giáo lý tôn giáo nào đó làm của mình, ngược lại tín ngưỡng tôn giáo cũng "kết nạp" một số yếu tố tín ngưỡng dân gian vào "hệ thống" của mình. Trong một ngôi chùa Phật, có thể thấy bên cạnh các pho tượng Phật cả những tượng Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thượng Mẫu, v.v... Ki Tô Giáo khi du nhập Việt Nam cuối cùng cũng chấp nhận những bàn thờ tổ tiên trong các gia đình tín đồ, mà việc thờ tổ tiên là đi ngược với giáo lý Ki Tô Giáo. Cũng có thể nói như vậy, ở một mức độ nhất định, về sự kết hợp chủ nghĩa cộng sản (dưới dạng chủ nghĩa Mác-Lênin) với những giá trị tinh thần truyền thống. Sự kêu gọi đoàn kết các tầng lớp bị áp bức (*Vô sản toàn thế giới, liên hiệp lại!*) chuyển thành sự cố kết làng xã (*tình làng nghĩa xóm*), thành khẩu hiệu đoàn kết dân tộc (*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết*), giữa hai cái đó có một điểm giống nhau từ trong chiều sâu tâm thức: ý thức cộng đồng. Chủ nghĩa vô thần tưởng như xóa sạch sành sanh mọi biểu hiện tôn giáo và tín ngưỡng, và trên thực tế có lúc điều đó đã xảy ra, nhưng chính tâm thức tín ngưỡng, tôn giáo ấy lại biểu hiện ở thái độ của khá nhiều đảng viên cộng sản đối với chính học thuyết của mình: biến nó thành một thứ giáo lý, với một niềm tin tuyệt đối có tính tiên thiên (a priori), biến sinh hoạt tư tưởng của một chính đảng thành sinh hoạt giáo hội. Hơn nữa, còn áp đặt học thuyết của mình lên toàn xã hội như một hệ tư tưởng thống trị. Ở đây, những mâu thuẫn và xung đột giữa cái "mới" và cái "cũ" chỉ là về mặt hình thức, còn về thực chất lại đồng hóa lẫn nhau, và trong sự đồng hóa ấy, các yếu tố truyền thống vẫn giữ vai trò ưu thế. Ngày nay cũng vậy, nếu có ai đó một mực đề cao cái hiện đại và bài xích cái truyền thống, không phân biệt, với một thái độ cực đoan (hoặc là/hoặc là), thì xét đến cùng, đó không phải là mới, mà về thực chất vẫn là theo tâm thế cũ (tâm thế độc tôn).

Vậy thì, những đặc trưng cơ bản của hệ thống giá trị truyền thống, hạt nhân của văn hóa cũ, là những gì? Nói cách khác, những giá trị nào tạo nên sự cố kết, thống nhất của xã hội?

5.1. Con người tồn tại trong tự nhiên, vì thế bao giờ quan hệ giữa con người và tự nhiên cũng là một mặt cơ bản — nếu không nói là cơ bản nhất — của đời sống tinh thần con người. Trong những nền văn minh xa xưa, vũ trụ (tự nhiên) là một sự huyền bí tuyệt đối, đồng thời cũng là một quyền năng tuyệt đối, đối với con người. Con người chưa có và cũng chưa thể có thái độ

(hay tâm thế) chinh phục tự nhiên, mà chỉ có thể có thái độ nương nhờ tự nhiên, khuất phục những sức mạnh tự nhiên. Tất cả các tín ngưỡng xa xưa của con người (kể cả con người Việt Nam) đều mang một nét chung: sùng bái, thờ cúng tự nhiên. Không chỉ trong hoạt động lao động sản xuất, mà cả về các mặt sinh hoạt khác (cư trú, chữa bệnh...), con người đều cầu xin tự nhiên giúp đỡ. Tất cả các vật tự nhiên (một hòn đá, một cây to, một hốc núi...) đều được linh thiêng hóa. Cho đến trước cách mạng, ở nhiều vùng người ta không dám xâm phạm vào tự nhiên (các lùm lòi là chốn huyền bí, một cây to cây nhỏ đều có thần hay có "ma"...). Ngay hiện nay, ai đến bệnh viện Huế cũng đều nhìn thấy một hiện tượng có vẻ khác thường: mỗi gốc cây quanh vườn bệnh viện đều có một nắm hương thờ cúng. Thờ cúng tự nhiên, phục tùng tự nhiên để được yên ổn, được phù hộ là một nét căn bản trong tâm thế con người, do đó, là một giá trị tinh thần cơ bản của đời sống con người. Ở Việt Nam, *Trời* là khái niệm tối thượng và toàn hiện (omniprésent). Lạy Trời, nhờ Trời, ơn Trời, vv... nằm trong ngôn ngữ hàng ngày của mọi người. Trời là tự nhiên, là vũ trụ trong tâm thức Việt Nam. (Dù có lúc "oán Trời" hay giễu Trời—con cóc là cậu ông Trời—thì không phải vì vậy mà hạ thấp Trời) Có thể nói rằng trong quan hệ người—tự nhiên truyền thống, không phải không có xung đột, nhưng con người bao giờ cũng chịu khuất phục và ở thế "nhờ vả". Tâm thức truyền thống ấy lại được củng cố bởi ý niệm "thiên mệnh" của Nho giáo. Và cả sau này, khi tiếp xúc với chủ ngĩa Mác-Lênin, tâm thức phục tùng Trời ấy là cơ sở hết sức thuận lợi để tiếp nhận những quy luật phổ biến do chủ nghĩa Mác-Lênin nêu lên như những giá trị *tuyệt đối*, không cưỡng được, và từ đó coi những gì thể hiện những quy luật phổ biến ấy (đảng, lãnh tụ...) không khác gì Trời. Một học thuyết khoa học — ít ra nó tự coi như thế — khi cắm vào mảnh đất tâm thức truyền thống sâu sắc như của Việt Nam, lại chưa trải qua giai đoạn tư duy duy lý, thì những gì vốn là "khoa học" đều biến thành tín ngưỡng theo lối truyền thống.

5.2. Quan hệ cá nhân—xã hội trong một hệ giá trị truyền thống ở nước ta, cũng như trong mọi xã hội truyền thống khác, dựa trên nguyên tắc (chuẩn mực) *cá nhân tồn tại vì cộng đồng, cho cộng đồng*, mà không phải ngược lại, như trong các xã hội hiện đại. Nói cụ thể hơn, con người chỉ tồn tại với tư cách một bộ phận cộng đồng mà không phải với tư cách cá nhân. Hay nói như Mác, trong các xã hội truyền thống, con người được nuôi dưỡng bằng cuống nhau nối liền với cộng đồng; cắt cuống nhau đó đi, cá nhân không thể tồn tại được nữa. Lợi ích cộng đồng bao giờ cũng được trên lợi ích cá nhân. Ý thức cộng đồng bao giờ cũng lấn át ý thức cá nhân. Cá nhân tuy không phải là con số không đối với cộng đồng, nhưng dù giá trị của cá nhân lớn đến mấy đi nữa thì cá nhân vẫn phải phục tùng cộng đồng. Không thể đứng cao hơn cộng đồng, thậm chí không thể *khác* với cộng đồng, với điều đó ý thức cộng đồng trở thành ý thức bình quân, cào bằng, san phẳng mọi cá tính con người.

Ý thức cộng đồng, do đó, cũng tạo ra một thái độ thụ động của cá nhân. Tất nhiên, vì địa vị cá nhân trong cộng đồng không giống nhau, vì các xã hội truyền thống được tổ chức theo những thứ bậc nhất định (ban đầu là hệ thứ bậc về tuổi tác, về dòng họ, sau đó là cả hệ thứ bậc về quyền lực), nên những cá nhân chiếm địa vị cao trong hệ thứ bậc nắm lấy quyền chi phối cộng đồng, ý kiến và ý chí của họ được đồng nhất với ý kiến và ý chí của cộng đồng. Tất cả những cái đó được củng cố thêm bởi Nho giáo với quan niệm kỉ cương, thứ bậc vô cùng chặt chẽ của nó. Ý thức cộng đồng ở nước ta còn được củng cố hơn nữa bởi những nhu cầu thống nhất, đoàn kết dân tộc chống ngoại xâm. Sức mạnh chống xâm lược trước hết là sức mạnh thống nhất của cộng đồng. Ý thức đó lại càng được củng cố bởi "nền văn minh lúa nước", khi mọi người được huy động vào đắp đê phòng lụt, vào những công trình thủy lợi, vào cả những lúc thời vụ bận rộn nhất. Ý thức cộng đồng truyền thống ấy được phát huy đến trình độ cao nhất trong mấy chục năm cách mạng và kháng chiến. Chỉ cần lấy một ví dụ nhỏ cũng thấy ý thức cộng đồng có tác dụng to lớn như thế nào trong cuộc kháng chiến chống Mỹ vừa qua: vào giữa những năm 60, nhiều người - trước hết là chính quần chúng nông dân xã viên—bắt đầu thấy rõ cách tổ chức hợp tác xã nông nghiệp hồi đó là không thích hợp với nền sản xuất tiểu nông, nó có tác dụng kìm hãm sản xuất nông nghiệp, tạo nên tình hình "cha chung không ai khóc", mảnh đất rất thuận lợi cho mọi tệ hại lãng phí và tham ô. Nhưng chính các hợp tác xã lại có tác dụng rất lớn trong việc huy động nhân lực, vật lực ở nông thôn trong chiến tranh (cả những đơn vị trực chiến của dân quân làng xã cũng do các hợp tác xã đài thọ).

5.3. Trên cơ sở những giá trị ấy, một giá trị truyền thống khác được đẻ ra và ăn sâu vào tâm thức con người trong quan hệ giữa dân và nhà nước. Chỉ kể từ khi có nhà nước tự chủ (thế kỉ X), gần một nghìn năm (cho tới Cách Mạng Tháng Tám), dân Việt Nam luôn sống dưới chế độ quân chủ, mọi công việc lớn nhỏ đều do nhà vua định đoạt, nhất là dưới những triều đại tập quyền cao độ. Người dân bao giờ cũng mang thân phận *thần dân* đối với nhà vua. Và thần dân là đồng nghĩa với phục tùng tuyệt đối. Thần dân không có quyền lựa chọn người cai trị mình, chỉ có thể nuôi hy vọng trên đầu mình là những "đấng minh quân" có những "tôi hiền" giúp việc cai trị. "Vua giỏi tôi hiền", dân cảm thấy sung sướng. "Vua hỏng tôi hư", dân đành cam chịu.

Như đã biết, sau chế độ quân chủ tập quyền lâu đời ấy, là chế độ thực dân. Tất nhiên, người dân vẫn nằm trong địa vị thần dân, và bây giờ còn cộng thêm địa vị của những kẻ mất nước, làm nô lệ cho nước ngoài. Trong những điều kiện ấy chưa thể nói tới địa vị công dân và nền văn hóa công dân. Nhưng có một điều cần nói rõ. Địa vị thần dân chủ yếu là trong lĩnh vực chính trị (quan hệ dân—nhà nước), còn trong lĩnh vực văn hóa thì có khác. Ngoài thứ văn hóa chính thống (của những thế lực thống trị hay do những thế lực đó chi phối), vẫn tồn tại một thứ văn hóa không chính thống, trong đó có cả hai

thành phần: bác học và dân gian. Thứ văn hóa không chính thống này, miễn là không trực tiếp đụng tới sự thống trị, vẫn có những biểu hiện riêng của người dân: tín ngưỡng, tôn giáo, tình cảm con người... về mặt nội dung, và các thể loại văn học nghệ thuật về mặt hình thức. Nhà nước không trực tiếp chi phối lĩnh vực văn hóa riêng tư này (từ "riêng tư" ở đây không chỉ nói tới cá nhân, mà còn nói tới những cộng đồng nhất định). Trong di sản văn hóa của chúng ta, ngoài những yếu tố tích cực của văn hóa chính thống từ xưa để lại— mà ngày nay chúng ta nhìn nhận một cách "rộng rãi" hơn, có quan điểm lịch sử hơn—, chính như4ng di sản của văn hóa không chính thống (tất nhiên, không phải là tất cả) là những yếu tố có sức sống nhất của dân tộc (chỉ cần nhìn tới kho tàng truyện cổ, ca dao, dân ca, cũng đủ thấy sự phong phú và sức sống của văn hóa không chính thống như thế nào, chưa nói tới cả một nền văn học hiện đại ra đời từ đầu thế kỉ này). Tóm lại, trừ những gì trực tiếp đụng tới quan hệ dân—nhà nước ra, người dân có thể sống một đời sống văn hóa riêng của mình ở những mức độ nhất định.

Sở dĩ phải nói tới điều đó, vì với chính quyền được dựng nên sau cách mạng, đời sống văn hóa của người dân có những thay đổi lớn. Lúc đầu, đúng là có một sự giải phóng thật sự về chính trị và văn hóa đối với người dân. Khái niệm "công dân" xuất hiện chính thức. Nhiều yếu tố văn hóa dân tộc được khẳng định và phục hồi. Trong đời sống văn hóa của người dân, không tồn tại ranh giới "chính thống" và "không chính thống". Nhưng do hoàn cảnh chiến tranh liên miên, phải tập trung lực lượng toàn dân tộc vào các cuộc đấu tranh cứu nước và giữ nước, nhất là do sự độc quyền lãnh đạo (trên thực tế là độc quyền thống trị) được thiết lập trong *tất cả* các lĩnh vực đời sống con người, từ sản xuất vật chất đến đời sống tinh thần; từ cá nhân đến tập thể, cộng đồng (nhớ rằng từ nhiều năm nay, trong các văn bản chính thức của đảng và nhà nước đều có ghi rõ: đời sống tinh thần và tư tưởng ở nước ta phải lấy hệ tư tưởng Mác-Lênin làm cơ sở, phải đi tới thiết lập sự thống trị của hệ tư tưởng này trong đời sống tinh thần và tư tưởng của nhân dân), do những điều đó (và những điều khác nữa) đời sống văn hóa của nhân dân chịu sự chi phối gần như tuyệt đối của nhà nước. Không còn văn hóa chính thống và không chính thống, vì trên thực tế chỉ có văn hóa chính thống được phép tồn tại, tất cả các yếu tố văn hóa không chính thống (tín ngưỡng, tôn giáo, sáng tác nghệ thuật...) đều bị coi là không hợp pháp, ít ra cũng bị coi là lạc hậu, cần phải bài trừ. Đời sống văn hóa và tinh thần của con người bị khuôn vào những quy tắc, lề lối ngặt nghèo, từ những trung tâm nào đó đề ra. Nói cách khác, đời sống tinh thần và văn hóa cũng bị "Nhà nước hóa" nặng nề không kém đời sống kinh tế và chính trị, nếu không muốn nói là nặng nề hơn (vì đời sống tinh thần và văn hóa bị chính trị hóa cao độ). Tình hình đó lại càng ngăn cản sự hình thành và phát triển của văn hóa công dân (Nhưng trên thực tế, nền văn hóa công dân vẫn hình thành, chỉ có điều là nó không được coi là chính thống, là hợp pháp).

5.4. Một đặc trưng khác của văn hóa truyền thống là *sức ì rất lớn* của nó. Điều đó là dễ hiểu, vì một khi cá nhân còn phụ thuộc vào cộng đồng, người dân còn là "thần dân" (dưới những biến thể khác nhau)..., thì không thể nói tới tính năng động của cá nhân và của xã hội trong lĩnh vực văn hóa (với bản chất của nó, văn hóa vốn đã có sức ì lớn hơn các lĩnh vực khác). Khả năng tiếp nhận những biến đổi của văn hóa truyền thống thường là không lớn. Tất nhiên, không phải nó đứng nguyên về nội dung và hình thức. Ở những thời điểm nhất định, đã diễn ra những biến đổi nhất định và hai lực chủ yếu tác động trực tiếp tới những biến đổi đó là ảnh hưởng bên ngoài (của những nước, những cộng đồng có trình độ phát triển cao hơn về văn hóa) và từ trên xuống (của giới thống trị). Trong văn hóa truyền thống, ít có những vận động từ dưới lên.

Những biến đổi trong lĩnh vực văn hóa ở nước ta không xóa bỏ những nền móng trước đó của nó. Có những trường hợp tưởng như xóa sạch cái cũ (chẳng hạn, khi thay đổi triều đại), nhưng thật ra vẫn giữ nguyên cái cũ dưới một hình thức mới, có khi còn làm cho cái cũ bền vững hơn. Xung đột giữa cái cũ và cái mới (cái mới đích thực, chứ không phải là cái mới bề ngoài) diễn ra nói chung không quyết liệt. Sự từ giã cái cũ (chẳng hạn, đối với Nho giáo vào đầu thế kỉ này) thường là tương đối êm thấm. Người ta vẫn thắp hương cho Khổng Tử, nhưng không làm theo Khổng Tử từng câu từng chữ như trước nữa. Vì thế, cái cũ lại có cơ hội và điều kiện để xuất hiện trở lại dưới những hình thức mới.

Nói chung, trong văn hóa truyền thống, quá khứ đè nặng lên hiện tại và thậm chí còn ảnh hưởng khá lớn tới tương lai, hay nói theo một cách nói của Mác: cái chết túm chặt lấy cái đang sống (le mort sais it le vivant). Hướng về cái cũ, về những giá trị cũ là mô-típ chủ đạo của nó.

5.5. Nói chung, các nền văn hóa truyền thống đều đóng khung vào một không gian nhất định và thường dị ứng với những gì của bên ngoài. Văn hóa truyền thống Việt Nam cũng theo quy luật ấy,. Sự dè dặt, nghi ngờ đối với những gì bên ngoài khiến cho sự tiếp nhận chúng không diễn ra nhanh chóng. Nhưng nằm ở một mảnh đất giao nhau của các nền văn hóa lớn (Trung Quốc, Ấn Độ, phương Tây...), ở Việt Nam không thấy có sự bài ngoại về văn hóa. Khả năng tiếp nhận văn hóa bên ngoài của dân tộc Việt Nam—ngay cả trong văn hóa truyền thống—đã tỏ ra khá lớn. Chính khả năng ấy đã tạo nên một sức sống mạnh mẽ của nó. Nhưng đó là sự tiếp nhận *một chiều*. Nhận, nhưng không có gì nhiều để tác động trở lại đối với văn hóa bên ngoài. Trình độ thấp hơn của văn hóa dân tộc (từ tôn giáo, triết học đến khoa học, kỹ thuật) dễ đưa tới chỗ sao chép những khuôn mẫu bên ngoài, tới lề thói giáo điều. Yếu tố này càng tăng lên rất nhiều, khi tiếp nhận một hệ tư tưởng được coi là có tính quốc tế như chủ nghĩa Mác-Lênin. Cũng do trình độ thấp, nên sự tiếp

nhận văn hóa bên ngoài nói chung dễ trở thành sao chép những khuôn mẫu thực tiễn, hơn là tiếp nhận những yếu tố tinh hoa, thực chất. Phật giáo vào nước ta bằng nghi lễ hơn là bằng lý thuyết. Nho giáo cũng vậy. Và gần đây đối với chủ nghĩa Mác-Lênin cũng như vậy, càng như vậy (Thật ra, những kinh nghiệm áp dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn ở Liên Xô, Trung Quốc được tiếp nhận như những khuôn mẫu hành vi hơn là chính nội dung và thực chất lý luận của nó).

Ở đây, có lẽ nên xem xét kỹ hơn về tính dân tộc trong hệ giá trị tinh thần truyền thống. Một số ý kiến, khi nói tới truyền thống tinh thần của dân tộc, đã đặt *yêu nước* lên thành giá trị cao nhất. Đó là điều không ai chối cãi. Nhưng, thứ nhất, yêu nước không phải là độc quyền của dân tộc Việt Nam và, thứ hai, nội hàm của khái niệm yêu nước được hiểu theo những lối khác nhau, nên khó có thể chấp nhận nó như một khái niệm khoa học. Về mặt chính trị, yêu nước là bảo vệ chủ quyền quốc gia và độc lập dân tộc và về mặt này, yêu nước đồng nghĩa với chống ngoại xâm. Nhưng về mặt văn hóa thì yêu nước là gì? Chúng ta gặp phải một hiện tượng không đơn giản. Một mặt nhưng ký ức lịch sử, những tình cảm gắn bó với quê hương, những di sản văn hóa từ xưa để lại... tất cả tạo thành một ý thức dân tộc sâu lắng và thậm chí, trở thành một thứ vô thức trong mỗi con người Việt Nam. Coi ý thức dân tộc chỉ là ý thức về quyền lợi dân tộc là quá chật hẹp. Ý thức dân tộc có nội dung tâm linh của nó, bắt nguồn từ những gì dân tộc coi là thiêng liêng nhất của mình, những gì đã kết tụ thành tâm hồn dân tộc. Mặt khác trong lĩnh vực văn hóa, đặc biệt ở nước ta, ý thức dân tộc chưa bao giờ ngăn cản người Việt tiếp nhận những giá trị văn hóa cao hơn của bên ngoài. Vì vậy, sự đồng hóa những giá trị văn hóa đó nhằm làm phong phú thêm văn hóa dân tộc vốn có là một yếu tố không thể tách rời của lòng yêu nước, của ý thức dân tộc. Điều này cần được chú trọng khi đề xướng việc bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc. Đánh giặc giữ nước thì kiên cường khó có ai vượt qua được, nhưng lấy những yếu tố, những giá trị văn hóa bên ngoài bồi đắp cho nền văn hóa của mình thì cũng khiêm nhường rất mực. Chủ nghĩa hư vô dân tộc (phủ nhận mọi giá trị văn hóa dân tộc) cũng như chủ nghĩa độc tôn dân tộc đều xa lạ với những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc.

Cũng cần nói thêm một chút về những giá trị *nhân văn* và *dân chủ* trong văn hóa truyền thống nước ta. Không ai phủ nhận những yếu tố nhân văn và dân chủ của nó (cũng như của mọi nền văn hóa trên thế giới). Nhưng say sưa tới mức khẳng định có một nền văn hóa truyền thống nhân văn và dân chủ thì không thể chấp nhận. Ở nước ta, nhân văn và dân chủ chưa bao giờ là những trào lưu chủ đạo trong văn hóa, với tư cách những hệ tư tưởng được toàn xã hội—đặc biệt là các thế lực thống trị—chấp nhận. Trong lịch sử văn hóa loài người, chủ nghĩa nhân văn, chủ nghĩa dân chủ (và kèm theo đó là chủ nghĩa duy lý) chỉ có thể ra đời trên những mảnh đất lịch sử nhất định. Ở Tây Âu chẳng hạn, phải tới thời Phục Hưng cho tới thế kỉ Khai Sáng (từ thế

kỉ XV-XVI đến thế kỉ XVIII), những giá trị đó mới hình thành như những trào lưu chủ đạo. Không phải chỉ lấy một câu "Thương người như thể thương thân" hay một châm ngôn "Dân vi quý" (hay "dĩ dân vi bản") để khẳng định sự tồn tại của chủ nghĩa nhân văn và chủ nghĩa dân chủ trong văn hóa truyền thống. Chừng nào cá nhân con người chưa tự ý thức được về giá trị tối thượng của nó với tư cách một con người và một người dân (một công dân), và hành động với ý thức đó một cách đầy đủ, chừng đó chưa thể nói tới chủ nghĩa nhân văn và chủ nghĩa dân chủ. Đối với văn hóa truyền thống, đó là những giá trị mới mẽ và, như đã thấy, khó có thể "chung sống" với những giá trị truyền thống.

6. Một lần nữa, xin lưu ý: ngay cả khi một số giá trị mới được du nhập vào văn hóa của đất nước, tưởng như những giá trị đó sẽ lật nhào những giá trị cũ, ngay cả khi đó những giá trị mới rất dễ có nguy cơ bị những giá trị cũ "đồng hóa". Xin lấy phương châm "dân tộc, khoa học, đại chúng" được *Đề Cương Văn Hóa Việt Nam* đề xướng như những giá trị chủ yếu của nền văn hóa mới để phân tích. Chưa cần bàn luận những xuất xứ của phương châm đó từ đâu tới (Thật ra đó là phương châm của nền văn hóa dân chủ mới do Mao Trạch Đông đề xướng trong *Bàn Về Chủ Nghĩa Dân Chủ Mới* năm 1940), chỉ cần theo dõi những biến hóa của phương châm này trong thực tiễn xây dựng văn hóa mới ở nước ta, cũng có thể thấy rằng hơn một nửa thế kỉ thực hiện phương châm này, văn hóa Việt Nam vẫn chưa thoát khỏi cái khung truyền thống của nó. Tính dân tộc vẫn là một sự tìm kiếm mơ hồ, ngoài nội dung chống ngoại xâm của nó. Tính khoa học lại càng mơ hồ hơn nữa, càng đề cao tính khoa học bao nhiêu thì lại càng rơi vào tính phi khoa học bấy nhiêu. Còn đại chúng? Đại chúng vẫn chưa thoát khỏi thân phận "thần dân", mà dân chủ hóa vẫn còn là một mục tiêu không dễ dàng đạt tới.

Như vậy, nền văn hóa truyền thống không có gì thay đổi hay sao? Có, có những thay đổi và những thay đổi quan trọng, nhưng chưa đủ để phá vỡ văn hóa truyền thống, chưa đủ để làm một cuộc cách mạng đối với nó. Khi nói phá vỡ văn hóa truyền thống hay làm một cuộc cách mạng đối với nó, chúng tôi tuyệt nhiên không nghĩ rằng phải từ bỏ, phải xóa sạch mọi giá trị văn hóa và tinh thần truyền thống. Trong nền văn hóa truyền thống, có những giá trị vô cùng bền vững đang và sẽ tồn tại lâu dài, nếu không nói là vĩnh hằng. Những yếu tố văn hóa tâm linh, chủng học, thuộc về những giá trị như vậy. Có lúc chúng ta (và cả nhiều dân tộc khác) tưởng rằng có thể xóa bỏ đời sống tâm linh của con người bằng chủ nghĩa duy lý triệt để, bằng chủ nghĩa khoa học, bằng những mô hình công bằng xã hội đẹp đẽ ("xây dựng thiên đường trên trái đất" để cho con người không hướng về những thiên đường hứa hẹn ở bên kia thế giới), nhưng hóa ra đời sống tâm linh là một mặt không thể xóa bỏ được khỏi sự tồn tại của con người, hay như bây giờ người ta nói, một thuộc tính có tính bản thể (ontologique) của chính con người. Một điều nghe

có vẻ lạ lùng nhưng lại đang là sự thật lớn của con người: nền văn minh loài người càng đi xa, lại càng trở về nguồn ban đầu của nó (Trong những đoạn dưới đây, sẽ trở lại vấn đề này).

7. Văn hóa Việt Nam cho đến nay vẫn chưa vượt ra khỏi văn hóa truyền thống—nhận xét ấy không hề mâu thuẫn với việc khẳng định sự tồn tại của *những yếu tố hiện đại* trong văn hóa Việt Nam thế kỉ XX này. Cũng không làm giảm bớt tầm quan trọng của những yếu tố hiện đại. Ở những mức độ nào đó, văn hóa Việt Nam đang cố bắt kịp trình độ hiện đại của những nền văn hóa tiên tiến trên thế giới. Và những thành tựu về mặt này không ít. Chỉ trong vòng mấy chục năm, chúng ta đã có những thể loại văn học nghệ thuật hiện đại: tiểu thuyết, thơ mới, kịch nói, hội họa, ca khúc trữ tình... mà trong văn hóa truyền thống chưa từng có mặt. Báo chí và xuất bản cũng là những phương tiện hiện đại để trao đổi và truyền bá những sản phẩm tinh thần và văn hóa của xã hội. Các trào lưu tư tưởng hiện đại—từ triết học đến nghệ thuật—đã len lỏi và tìm được chỗ đứng chân ở nước ta. Vân vân và vân vân. Chứng minh sự tồn tại của những yếu tố văn hóa hiện đại ấy là không cần thiết: sự tồn tại của các yếu tố ấy là rõ ràng như ban ngày vậy. Nếu có điều gì cần phải nói thêm, thì đó là văn hóa Việt Nam có khả năng khá dồi dào trong việc tiếp nhận mọi trào lưu và xu hướng văn hóa hiện đại cả về chiều rộng cũng như về chiều sâu (Tất nhiên, khi nói như vậy, chủ yếu là nói tới giới tinh hoa — élite— của đất nước, vì ở đâu cũng vậy, giới tinh hoa bao giờ cũng đóng vai trò chi phối đời sống văn hóa và tinh thần của một dân tộc. Ngay cả một học thuyết mang tính giai cấp chặt chẽ như chủ nghĩa Mác, sự tiếp nhận và truyền bá nó cũng phải thông qua một bộ phận nào đó của giới tinh hoa ấy).

Đối lập với những đặc trưng của văn hóa truyền thống, các yếu tố văn hóa hiện đại mang theo những giá trị mới:

— đối lập với sự phụ thuộc vào tự nhiên gần như tuyệt đối, là ý thức chiếm lĩnh và cải tạo tự nhiên;

— đối lập với sự phụ thuộc của cá nhân vào cộng đồng, cũng gần như tuyệt đối, là ý thức về cá nhân và giải phóng cá nhân; — đối lập với địa vị thần dân, là ý thức độc lập của người dân, ý thức công dân;

— đối lập với sự trì trệ về tư duy và hành động, là ý thức duy tân (đổi mới) và cách mạng;

— đối lập với sự cô lập đối với bên ngoài (may thay, ở Việt Nam, điều này không mang tính tuyệt đối), là ý thức quốc tế, hòa chung vận mệnh dân tộc và văn minh dân tộc vào vận mệnh loài người và văn minh loài người.

Các yếu tố hiện đại ấy không thuần nhất, có khi ngay trong một yếu tố cũng có những quan niệm ngược nhau. Chẳng hạn, ý thức cá nhân và giải phóng cá nhân có thể biểu hiện ở hai dạng khác nhau: hoặc là đặt cá nhân lên trước xã hội, hoặc là lấy sự giải phóng xã hội làm tiền đề cho sự giải phóng

cá nhân. Nhưng cá nhân, với tư cách một thực thể, đã được tính đến mà không phải bị xóa bỏ như trong các xã hội truyền thống. Cũng có thể nói như vậy đối với nhiều yếu tố hiện đại khác. (*Chú ý:* khái niệm "hiện đại" dùng ở đây chỉ có tính ước lệ, trong mối quan hệ đối lập với khái niệm "truyền thống". Bản thân khái niệm "hiện đại" cũng trải qua những biến đổi căn bản, gắn liền với những trình độ văn minh hiện đại khác nhau (văn minh nông nghiệp và văn minh hậu công nghiệp, tạm gọi như thế). Có những yếu tố hiện đại của văn minh công nghiệp đã bị những yếu tố hiện đại hơn của văn minh hậu công nghiệp phủ định. Có những yếu tố truyền thống bị tính hiện đại của văn minh công nghiệp phủ định hoàn toàn, thì lại tìm thấy chỗ đứng chân trong tính hiện đại của văn minh hậu công nghiệp. Vấn đề này sẽ còn được quay lại sau này).

Sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của các yếu tố hiện đại trong văn hóa Việt Nam là những hiện thực có thể sờ thấy, nhưng như đã nói, chưa đủ để làm cho văn hóa Việt Nam thành một nền văn hóa thật sự hiện đại.

Vì mấy lẽ:

— những điều kiện xã hội — kinh tế chưa cho phép các yếu tố ấy mang tính phổ biến trong toàn xã hội. Chỉ cần nói rằng đô thị và dân cư đô thị (cơ sở của văn hóa hiện đại) mới chiếm một vị trí rất nhỏ trong đời sống xã hội, giữa cái "biển nông thôn" mênh mông, cũng có thể thấy điều đó;

— các thế lực thống trị tuy có du nhập một vài yếu tố hiện đại nào đó có lợi cho sự thống trị của họ, nhưng về căn bản, những giá trị truyền thống vẫn được họ duy trì (điều đó không có nghĩa là phủ nhận hoàn toàn một số việc làm của họ có lợi cho sự xuất hiện và phát triển của một số yếu tố văn hóa hiện đại nào đó);

— đáng chú ý nhất là sự "thích nghi" của các yếu tố văn hóa hiện đại với môi trường truyền thống đến mức làm cho các yếu tố hiện đại ấy bị tước bỏ mất phần ruột, chỉ còn lại phần vỏ, thậm chí còn củng cố hơn nữa các yếu tố truyền thống, kéo dài "sức sống" của các yếu tố đó dưới cái vỏ hiện đại. Điều này, như trên đã nói, vừa kìm hãm quá trình chuyển biến triệt để từ truyền thống sang hiện đại, nhưng cũng có cái lợi là tập cho các yếu tố truyền thống quen dần với các yếu tố hiện đại, khiến cho quá trình chuyển biến ấy diễn ra tương đối "êm thấm" hơn.

Chính lúc này, vào những thập kỉ cuối thế kỉ XX này, cuộc sống xã hội và vận mệnh dân tộc đang đặt ra sự lựa chọn gay gắt chưa từng thấy: sự "chung sống tương đối êm thấm" giữa văn hóa truyền thống và văn hóa hiện đại không thể kéo dài được nữa, sự chuyển biến từ cái cũ sang cái mới không thể trì hoãn được nữa, nếu không muốn duy trì trạng thái lạc hậu và "lạc điệu" của nền văn hóa nước ta đối với những bước đi gia tốc của văn hóa và văn minh trên thế giới.

8. Chưa lúc nào như hiện nay, những xung đột trong lĩnh vực văn hóa ở

nước ta lại diễn ra quyết liệt đến thế. Và vì cái cũ tuy có yếu đi nhưng vẫn còn đó, với những sức mạnh không thể coi thường, còn cái mới tuy xâm nhập vào cuộc sống một cách mãnh liệt, ồn ào nhưng vẫn chưa được khẳng định vững chắc, nên bộ mặt văn hóa nước ta hiện ra thật hỗn độn, khó phân định cái gì là cái gì. Có thể tạm dùng một từ để chỉ trạng thái đó: *khủng hoảng*. Đúng vậy, văn hóa nước ta đang khủng hoảng sâu sắc, diễn ra song song với trạng thái khủng hoảng xã hội — kinh tế, mặt này vừa là hệ quả vừa là nguyên nhân của mặt kia.

Nhưng nếu chỉ dừng lại ở cái từ"khủng hoảng" trần trụi ấy, rõ ràng là không đủ, vì chỉ riêng từ đó mới nói lên phần nào trạng thái nhiễu loạn, hay nói theo lối xã hội học, trạng thái "loạn cương" (anomie), mà chưa chỉ ra được một nội dung và đặc trưng của trạng thái khủng hoảng ấy. Hơn nữa, từ "khủng hoảng" thường được tiếp nhận theo ý nghĩa tiêu cực, trong khi trạng thái khủng hoảng hiện nay trong lĩnh vực văn hóa ở nước ta thật ra mang theo không ít những yếu tố tích cực, đáng đặt hy vọng. Vả chăng, ở đây, trong lĩnh vực văn hóa này, không có sự tồn tại đơn thuần của một mặt nào, tiêu cực hay tích cực. Hai mặt này thường ở trong mối quan hệ phản ứng với nhau và sự phản ứng ấy đôi khi thật quyết liệt. Người ta thường phàn nàn, chẳng hạn, về sự suy đồi, bại hoại của những giá trị đạo đức ở con người và đó là một hiện thực bi đát thật. Nhưng có bao giờ văn học Việt Nam, chẳng hạn, lại tập trung vào những chủ đề thân phận con người và chiều sâu đạo đức của nó như hiện nay không? Hãy đọc dù chỉ là một số truyện ngắn thôi, cũng đủ thấy sự phản ứng đối với tình trạng băng hoại đạo đức ở con người được biểu hiện quyết liệt và sâu sắc như thế nào. Không cường điệu chút nào, văn học Việt Nam lúc này đang làm công việc "thanh lọc" xã hội về mặt đạo đức một cách bén nhạy nhất, có hiệu quả nhất, dù nó có ý thức hay không có ý thức về điều này.

Sự chuyển biến về mặt văn hóa ở nước ta hiện nay biểu hiện rõ nhất ở sự thay thế các giá trị tinh thần cũ của xã hội bằng những giá trị tinh thần mới. Đó là *sự thay thế về hệ giá trị* mà không phải lúc nào cũng có thể nhận ra được thực chất của nó. Bởi vì, không phải bao giờ những giá trị mới cũng xuất hiện dưới cái vỏ mới, mà trong một số trường hợp, lại xuất hiện dưới những hình thức cũ, có khi rất cũ. Ngược lại, những giá trị cũ có khi lại đội lốt những cái mới, thậm chí cái được coi là "tiến bộ" nhất.

Xin minh họa những điều vừa nói bằng mấy ví dụ lấy từ cuộc sống hàng ngày.

Trong những năm gần đây, hiện tượng quay về với đời sống tâm linh, với thờ cúng, với mồ mả, với gia phả, với tử vi tướng số... lan rộng chưa từng thấy. Bằng con mắt rất cũ, có thể kết luận ngay đó là sự phục hồi của tệ mê tín dị đoan, cần trừ bỏ bằng mọi cách, kể cả bằng quyền lực hành chính. Thoạt nhìn có vẻ là thế. Nhưng đi sâu vào thực chất, chưa hẳn là thế. Sự chú trọng nhiều tới cá nhân mình, tới dòng dõi cha ông mình, tới những gì của mình, không

giống của người khác, không hòa chung vào cộng đồng đến mức đánh mất *cá nhân mình* đi—đó là biểu hiện, dù ở dưới dạng tiêu cực, của sự khẳng định cá nhân. Đó là ý thức cá nhân được khẳng định như một giá trị tinh thần, do đó như một giá trị văn hóa. Chưa nói tới một vấn đề có liên quan với hiện tượng đó: không chỉ ở nước ta, mà ở cả các nước tiên tiến trên thế giới, vấn đề đời sống tâm linh được đặt ra như một vấn đề của chính sự sống con người, một vấn đề có tính vĩnh cửu như chính sự sống và cái chết của con người. Ở nơi nào, ở người nào, đời sống tâm linh càng bị chối bỏ bao nhiêu thì nó lại "quay trở lại" càng mạnh mẽ bấy nhiêu.

Trong khi đó, một phương tiện rất hiện đại, chẳng hạn như ti vi, có khi được dùng để chuyển tải và truyền bá những giá trị tinh thần rất cũ: sự phục tùng mù quáng, sự tôn thờ các thần tượng, dù đó có thể là các thần tượng cũng "rất hiện đại" (như các siêu sao, các hoa hậu...).

Khủng hoảng văn hóa mang thêm một đặc trưng khác nữa: nó phá vỡ nền văn hóa chung như một chỉnh thể và tạo ra nhiều thứ văn hóa khác nhau, đối lập nhau, trong cùng một thời điểm. Văn hóa không có tính thống nhất nữa, nó mang rất nhiều bộ mặt. *Hệ giá trị tinh thần thống nhất mất đi*, nhường chỗ cho nhiều hệ giá trị rất khác nhau. Không chỉ có sự khác nhau, đối chọi nhau ở từng vùng, thành phố hoặc nông thôn, ở từng lứa tuổi, ở từng gia đình... Chưa bao giờ sự xung đột về hệ giá trị lại trở nên gay gắt, quyết liệt như hiện nay. Nếu như trước đây, có thể nghĩ tới (và trên thực tế đã diễn ra) một sự "chung sống" tương đối êm thấm và kéo dài của các hệ giá trị đối lập nhau, thì bây giờ dưới sức ép của sự phát triển gia tốc trên thế giới và cả ở nước ta, khó hình dung được một sự "chung sống" như vậy. Trong rất nhiều trường hợp, những xung đột ấy mang tính chất phủ định quyết liệt, không điều hòa: Lý tưởng cách mạng bị lý tưởng tiền phủ định, "tất cả vì mọi người" bị "tất cả vì mình" phủ định; chủ nghĩa độc tôn dân tộc bị chủ nghĩa hư vô dân tộc phủ định, v.v...

Ở đây, cần nhấn mạnh sự xuất hiện và gia tăng của một số yếu tố *cực đoan* và *bệnh lý* (pathologique) trong hành vi của một số người (tuy không nhiều nhưng lại tác động lớn tới không khí đạo đức của xã hội): trò đánh thầy, con đánh mẹ, giết chết nhau chỉ vì một duyên cớ nhỏ nhặt, dùng xương động vật làm giả hài cốt liệt sĩ, đào mả lấy xương làm giả hài cốt lính Mỹ bán cho người vượt biên, v.v. và v.v. Nhiều thói xấu và tệ nạn xã hội hiện lên dưới bộ mặt trâng tráo, vô sỉ (cynique). Người ta ngang nhiên chiếm đoạt tài sản Nhà nước, ngang nhiên hợp thức hóa sự chiếm đoạt ấy. Tệ tham nhũng tàn phá cơ thể xã hội như chứng hoại thư. Tình trạng loạn cương (anomie) trở thành phổ biến, khi những vi phạm về đạo đức và luật pháp được coi là "bình thường", khi những hành vi của các cá nhân không còn được điều tiết bằng những chuẩn mực, những quy tắc chung nữa, mà chỉ là hoặc chủ yếu là theo những ham muốn không giới hạn của cá nhân. Ở một mức độ nào đó, những ham muốn bệnh hoạn trở thành những "quy tắc", những "chuẩn mực" chi

phối hành vi con người. Khủng hoảng xã hội và văn hóa đang đưa ra xã hội tới một trạng thái nguy hiểm đối với toàn xã hội và đối với các cá nhân, khi con người rơi vào chỗ "không có niềm tin, không có luật pháp" (sans foi ni loi) như cách nói của người Pháp. Nói đúng hơn, niềm tin trong nhiều trường hợp biến thành niềm tin *giả vờ*, và luật pháp cũng biến thành luật pháp *giả vờ.*

Tâm lý giả vờ, oái oăm thay, lại được không ít người coi là một thứ giá trị mới để tồn tại yên ổn và để tiến thân nhanh chóng. Cộng với tâm lý đó là tâm lý *chụp giựt*, mạnh ai nấy được, bất chấp lương tâm ,pháp luật, đang trở thành một nếp sống "mới". Tất nhiên, bên cạnh những xu hướng cực đoan và bệnh hoạn ấy, cũng đang tồn tại những xu hướng lành mạnh về đạo đức và hành vi, những sức mạnh tiềm tàng và biểu hiện chống lại cái xấu, cái ác trong xã hội, và không được đánh giá thấp những xu hướng cũng như những sức mạnh ấy. Những yếu tố đạo đức và văn hóa lành mạnh chưa đủ sức trở thành "dòng chủ lưu" của đời sống tinh thần toàn xã hội, nhưng đó chính là niềm hy vọng của đất nước trong tương lai và ngay hiện nay, cũng tạo thành một đập chắn đáng kể không để cho những yếu tố cực đoan và bệnh hoạn tha hồ hoành hành. Cái khó là những yếu tố lành mạnh, do nhiều hạn chế khách quan cũng như chủ quan (đặc biệt là chưa có những thể chế dân chủ vững chắc và ý thức công dân sâu sắc), nên thường biểu hiện nửa vời, không triệt để.

Hơn nữa, những yếu tố lành mạnh có khi lại chứa đựng những nội dung đầy mâu thuẫn trong bản thân chúng. Chẳng hạn, ý muốn làm trong sạch xã hội về mặt văn hóa và đạo đức lại chưa cắt đứt với ý thức "thần dân", hay vừa muốn có dân chủ, vừa sợ dân chủ dẫn tới tình trạng vô chính phủ. (Trong nhận thức của một số người, chưa có sự phân biệt rõ ràng hai khái niệm "dân chủ" và "vô chính phủ". Không có và không thể có một thứ "dân chủ vô chính phủ" nào cả, vì dân chủ bao giờ cũng bao hàm chế độ Nhà nước pháp quyền, trong đó *tất cả* các công dân đều phải tuân theo pháp luật, không có ngoại lệ; vô chính phủ là sự phủ định dân chủ như nước và lửa. Kinh nghiệm cho thấy những ai sợ dân chủ thường ghép hai khái niệm ấy với nhau, lấy cớ đề phòng vô chính phủ để hạn chế và bóp nghẹt dân chủ. Cũng có thể nói như thế về cách nói "dân chủ nhưng phải có lãnh đạo", không hiểu rằng dân chủ là một hình thức tự tổ chức của xã hội về tất cả các mặt đời sống của nó, nghĩa là dân chủ đã bao hàm trong bản thân nó yếu tố lãnh đạo, chứ không phải loại bỏ lãnh đạo—vấn đề chỉ là sự lãnh đạo bắt nguồn từ đâu, do dân, vì dân và của dân hay ngược lại). Tình trạng nửa vời, không triệt để, có thể nói là "nhập nhằng" ấy, càng làm cho sự phân hóa của các hệ giá trị hiện có không rõ ràng; điều đó chỉ có lợi cho cái xấu, cái ác đang lan rộng và ăn sâu trong xã hội, nhất là khi cái xấu, cái ác đội lốt cái mới.

9. Cuối cùng, còn một đặc trưng hết sức quan trọng nữa của khủng hoảng văn hóa ở nước ta hiện nay (là cuối cùng, nhưng về ý nghĩa lại ở vị trí hàng

đầu). Đó là sự hòa lẫn văn hóa và chính trị, trong đó chính trị vừa trực tiếp quyết định văn hóa, vừa bao trùm lên cả văn hóa. Trong các xã hội công dân, chính trị chỉ là *một* lĩnh vực đời sống xã hội, chỉ tác động tới các quan hệ của nhà nước với người dân. Các lĩnh vực đời sống xã hội khác tuy cũng chịu ảnh hưởng của chính trị đến một mức độ nào đó, và đến lượt chúng, lại tác động ngược đối với chính trị, nhưng mỗi lĩnh vực có một tính độc lập riêng. Đặc biệt, văn hóa là một lĩnh vực có tính độc lập cao hơn tất cả. Nhưng trong xã hội nước ta, văn hóa phụ thuộc hoàn toàn, hoặc gần như hoàn toàn, vào chính trị. Nói như vậy có nghĩa là khủng hoảng văn hóa không tách rời khỏi đời sống chính trị của xã hội. Chúng tôi không bàn tới tất cả những vấn đề có liên quan với mối quan hệ này, mà chỉ nêu bật lên một điểm: hệ tư tưởng chính trị của Đảng từ lâu được đại đa số trong xã hội coi là giá trị tinh thần chính thống của mình, nó đảm nhận vai trò "chất kết dính" xã hội, vai trò thống nhất xã hội trong một thời gian tương đối dài, nhất là trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hệ tư tưởng đó cũng đang khủng hoảng trước những chuyển biến sâu sắc của xã hội. Hệ giá trị chính thống không còn được thừa nhận phổ biến như trước nữa. Ngay trong lĩnh vực đời sống văn hóa, hệ giá trị ấy không còn có tác dụng chi phối một cách đơn nhất và tuyệt đối, và trong một số hoạt động văn hóa (văn học, nghệ thuật...) chính hệ giá trị chính thống đang phải tự điều chỉnh, tự thích nghi với những xu hướng sáng tạo và thưởng thức mới của đông đảo quần chúng, đặc biệt là ở lớp trẻ. Như vậy, mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa hệ giá trị chính thống và những hệ giá trị khác đang hình thành tự phát trong xã hội là một trong những biểu hiện chủ yếu, đồng thời cũng là một trong những nguyên nhân chủ yếu, của khủng hoảng văn hóa và tinh thần ở nước ta.

10. Việt Nam từ lâu đã không còn là một nước tự cô lập với các quá trình chung của thế giới. Những giao lưu kinh tế và văn hóa trên thế giới ngày càng gia tăng về cường độ cũng như về nội dung. Những khái niệm "quốc tế hóa" và "thế giới hóa" (còn gọi là "toàn cầu hóa") phản ảnh những hiện thực cơ bản và phổ biến của loài người hiện nay, không một nước nào tách khỏi những hiện thực ấy được. Đây không còn là sự trao đổi giữa các giá trị như trước, mà đã là sự hòa lẫn, hội nhập của các giá trị. Không còn là sự vận động một chiều (từ các nước tiên tiến sang các nước lạc hậu hơn), mà là hai chiều, nhiều chiều (tác động qua lại giữa các nước có những trình độ phát triển khác nhau, có những nền văn hóa khác nhau). Trong các quá trình giao lưu ấy, các giá trị tích cực cũng như tiêu cực đều có mặt. Có thể có những giá trị thích hợp với nơi này nhưng lại không thích hợp với nơi khác vẫn được truyền bá như những giá trị phổ biến. Chẳng hạn, về mặt tiêu dùng. Những vật tiêu dùng hiện đại và sang trọng là kết quả của một trình độ phát triển cao (tạo thành "xã hội tiêu dùng" ở các nước phương Tây), nhưng ở những nước phát triển thấp cũng đang trở thành những nhu cầu rộng rãi (ở đây, không chỉ là

nhu cầu có thật, mà còn là nhu cầu "xài sang"—consommation de prestige). Giao lưu quốc tế, do đó, cũng là một yếu tố tạo nên khủng hoảng văn hóa và tinh thần ở nước ta. Nói như vậy, chúng tôi tuyệt nhiên không có ý nói rằng giao lưu quốc tế là nguyên nhân gây ra khủng hoảng văn hóa để rồi đi tới chủ trương "đóng cửa". Không một người nào, dù có bám giữ cái cũ đến đâu đi nữa, lại không nhìn thấy tính tất yếu của giao lưu quốc tế trong thời đại hiện nay. Hơn nữa, chỉ có thông qua giao lưu quốc tế, nước ta mới có thể đạt tới những trình độ phát triển cao hơn, mới có thể hội nhập với nền văn minh mới của loài người. Nói giao lưu quốc tế là một yếu tố của khủng hoảng văn hóa và tinh thần ở nước ta, chúng tôi chỉ muốn nói rằng: cả những yếu tố văn hóa tích cực lẫn những yếu tố văn hóa tiêu cực ở bên ngoài đều là những chất xúc tác gây ra những vận động "trái khoáy" ở trong nước. Những yếu tố *văn minh* (chẳng hạn, sự phát triển vĩ bão của công nghệ tin học) làm nổi rõ tình trạng lạc hậu và lạc điệu của nước ta hiện nay. Những yếu tố *không văn minh* (chẳng hạn, du lịch sex) làm sói mòn những giá trị đạo đức của con người. Cả hai mặt tác động tích cực và tiêu cực từ bên ngoài ấy bồi thêm một lớp vào trạng thái khủng hoảng văn hóa ở nước ta, trộn lẫn với những yếu tố khủng hoảng bên trong, tạo thành một lực cộng hưởng làm nhiễu loạn đời sống văn hóa và tinh thần trong nước như chưa từng thấy.

Nói cách khác, khủng hoảng văn hóa ở nước ta có những yếu tố ngoại sinh (exogène). Nhưng những yếu tố ấy chỉ có tác động mạnh mẽ khi kết hợp được với những yếu tố nội sinh (endogène). Sự thật là ở trong nước đã hình thành những nhóm người có xu hướng, và cũng có lợi ích (vật chất cũng như tinh thần) để tiếp nhận và du nhập những yếu tố bên ngoài. Đặc biệt, trong lĩnh vực văn hóa, càng thấy rõ như vậy.

Sẽ hết sức thiếu sót nếu không đề cập một yếu tố nữa về mặt quốc tế của khủng hoảng văn hóa và tinh thần ở nước ta hiện nay: đó là khủng hoảng tư tưởng và chính trị của chủ nghĩa xã hội, thể hiện ở sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở một loạt nước Đông Âu, ở Liên Xô và Mông Cổ. Khỏi phải phân tích kỹ ảnh hưởng của tình hình ấy đối với nước ta lớn đến mức nào. Chỉ nói riêng về những giá trị tinh thần gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đã thấy rất rõ một thử thách to lớn đang đặt ra đối với sự tồn tại (hay không tồn tại) của những giá trị ấy. Ở một số người, những giá trị ấy bị phủ định hoàn toàn. Ở một số người khác, tuy không bị phủ định như vậy, nhưng đã bị hoài nghi phần nào. Những giá trị ấy còn được bảo vệ về căn bản chỉ ở một số ít người, chủ yếu là ở những người cộng sản lão thành.

Ở nước ta, sự phủ định những giá trị tinh thần từng được coi là chính thống ấy—ở đây là những giá trị gắn liền với chủ nghĩa xã hội—không diễn ra dưới những hình thức tranh luận quyết liệt về tư tưởng như đã xảy ra ở một số nước khác. Giống như đầu thế kỉ này, khi người ta lặng lẽ từ bỏ hệ giá trị Khổng giáo, bây giờ cũng vậy, người ta từ bỏ những giá trị của chủ nghĩa xã hội bằng cách không nhắc tới, bằng cách hành động ngược lại với chúng.

Những sự giải thích "mới" về chủ nghĩa xã hội không có sức thuyết phục, chỉ có tác dụng "tự trấn an" đối với một số người.

11. Như vậy, khủng hoảng văn hóa và tinh thần ở nước ta không chỉ phản ảnh những hiện thực riêng biệt của xã hội nước ta, một xã hội đang chuyển từ trạng thái truyền thống sang trạng thái mới, mà còn phản ảnh cả những hiện thực của các nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây (hay còn gọi là của "chủ nghĩa xã hội hiện thực"). Không chỉ có thế. Nếu xem xét thật kỹ, dưới hai lớp ấy còn có một lớp rộng lớn và sâu sắc hơn nhiều: khủng hoảng của loài người, của con người với tư cách một tộc loại (espèce).

Như đã biết, loài người đã vươn tới một trình độ văn minh cao hơn trước nhiều với những phát minh khoa học và công nghệ mới, với sự tự giải phóng và sự phát triển của con người với tư cách cá nhân. Nhưng chính trình độ văn minh mới ấy đã và đang đưa con người, loài người tới một ngã ba đường hết sức nguy hiểm, mà bất cứ một sự lựa chọn sai lầm nào cũng đều dẫn tới những hậu quả khó lường trước được, kể cả nguy cơ tự hủy diệt của con người với tư cách tộc loại như một số nhà tư tưởng lên tiếng báo động. Chưa bao giờ người ta bàn luận nhiều về "thảm họa con người" (catastrophe anthropologique) như bây giờ.

Một mặt, con người có những khả năng chưa từng thấy trong việc tạo ra những của cải vật chất, những vật phẩm tiêu dùng phong phú như bây giờ (Hơn nữa, nếu như trước đây, mọi phát minh và sáng kiến của con người là nhằm đáp ứng những nhu cầu vốn có của bản thân mình bằng những phương tiện khác nhau, thì bây giờ con người đi tới chỗ tạo ra những *nhu cầu mới*, chưa từng có; chẳng hạn, nhu cầu về sự "hồi sinh", về sự tiếp xúc với những nền văn minh ngoài trái đất...).

Nhưng mặt khác, cũng chính những khả năng mới ấy của con người cũng đặt nó trước những nguy cơ phụ thuộc vào những phương tiện sống mới và tự biến mình thành một con số không (như J. Attali cảnh cáo trong cuốn *Những Đường Chân Trời* của ông).

Một mặt, con người có nhiều khả năng hơn trong việc "chinh phục tự nhiên", nhưng mặt khác cũng lại có nhiều khả năng hơn trong việc phá hoại tự nhiên, đến mức tạo ra những nguy cơ về môi trường sinh thái đe dọa ngay chính sự tồn tại của con người.

Một mặt, con người có những vật phẩm tiêu dùng vô cùng phong phú, đa dạng và tiện lợi, nhưng mặt khác sự trống rỗng về tinh thần của con người cũng xuất hiện và tăng lên chưa từng thấy.

Một mặt, con người có ý thức mạnh hơn về tự do cá nhân và đã đạt tới sự tự do ấy trên những phạm vi ngày càng rộng lớn, nhưng mặt khác, con người cũng lại "tự do" hơn đối với cả trách nhiệm đạo đức cá nhân trước cộng đồng, trước xã hội.

Vân vân và vân vân.

Trí tuệ hay bản năng? Cộng đồng hay "cái Tôi"? Tự khuôn mình vào kỉ luật hay phóng túng? Chạy theo những của cải vật chất hay những giá trị tinh thần? Hòa hợp với tự nhiên hay hủy hoại tự nhiên để rồi tự hủy hoại cả chính mình? Toàn cầu hay quốc gia?... Vô số những câu hỏi đặt ra trước con người có liên quan mật thiết với số phận của nó.

Đừng tưởng rằng những vấn đề này là của nơi khác mà không phải của nước ta, của xã hội ta. Ở những mức độ nào đó, có ý thức hay không có ý thức, đó cũng là những vấn đề của con người Việt Nam lúc này. (Nhớ rằng "con người Việt Nam" là sự kết hợp của cái phổ biến là "con người" và cái đặc thù là "Việt Nam"). Không có điều gì có liên quan với vận mệnh con người mà không liên quan tới con người Việt Nam cả.

Tóm lại, khủng hoảng văn hóa và tinh thần ở nước ta là một tập hợp của ba trạng thái (ba lớp) khủng hoảng: khủng hoảng của văn hóa và những giá trị tinh thần truyền thống của xã hội Việt Nam, khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội và khủng hoảng của văn minh loài người hiện nay. Nói cách khác, đó là tiêu điểm (focus) của cả ba trạng thái (ba lớp) khủng hoảng ấy. Không nhìn thấy rõ điều đó, sẽ dễ dàng tưởng rằng chỉ bằng một vài chủ trương và biện pháp nào đó là có thể giải quyết được vấn đề (vừa không tưởng, vừa hời hợt).

12. Vậy thì, trong xã hội nước ta hiện có những hệ giá trị cơ bản nào đang chi phối đời sống văn hóa và tinh thần của con người?

Không dễ dàng đưa ra một sự trả lời thật rành rọt. Như trên đã nói, xã hội nước ta đang nằm trong trạng thái nhiễu loạn và hỗn tạp. Các quá trình phân hóa xã hội (hay phân tầng xã hội — stratification sociale — nói theo ngôn ngữ xã hội học) đang diễn ra một cách ngoắt ngoéo và có lẽ còn lâu mới hoàn thành. Trong nhiều trường hợp, thật khó xếp những người nào đó vào một phạm trù xã hội (catégorie sociale) nào, vì chính bản thân họ mang những mâu thuẫn nội tại chưa được giải quyết dứt khoát. Một viên chức, chẳng hạn, có thể kiếm những nguồn thu nhập hợp pháp hay bất hợp pháp khác ngoài tiền lương của mình (có khi gấp tiền lương nhiều lần). Sự phân chia xã hội theo những phạm trù cũ: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa không còn thích hợp nữa với một nền kinh tế thị trường. Các nhóm xã hội trở nên đa dạng hơn. Một tầng lớp kinh doanh tư nhân đang hình thành với những bộ phận rất khác nhau. Ngay trong những người lao động làm thuê cũng có những bộ phận có nguồn thu nhập rất khác nhau (từ quốc doanh, từ tư doanh, từ liên doanh với nước ngoài, từ "xuất khẩu lao động"...). Sự phân hóa ấy cũng diễn ra cả trong nông dân, trong trí thức. Trừ một bộ phận nhỏ trong xã hội ra, nói chung chưa có "cương vị xã hội" (statut social) rõ rệt. Xã hội chưa có những nhóm xã hội (giai cấp, tầng lớp) với những lợi ích tương đối thuần nhất. Và một khi chưa có những nhóm xã hội có lợi ích giống nhau thì khó mà nói tới những hệ giá trị của họ (lợi ích

là một trong những cơ sở chủ yếu của sự hình thành hệ giá trị văn hóa và tinh thần).

Tình trạng nhiễu loạn ấy trong đời sống văn hóa lại càng "rối" hơn nữa. Vì ở đây, ngoài lợi ích hết sức khác nhau ra, còn có những tâm lý, những sở thích, những xu hướng bắt nguồn từ những lĩnh vực khác, "ngoài kinh tế", theo lứa tuổi, theo nơi cư trú (thành thị, nông thôn, miền núi...), theo những ảnh hưởng tiếp nhận được từ bên ngoài... Lớp trẻ thành thị, chẳng hạn, rất thích nhạc *rock*, một thứ nhạc tạo nên cuộc "cách mạng" trong âm nhạc vì nó xóa nhòa những ranh giới phân biệt chủng tộc, văn hóa và ngôn ngữ, dựa vào những thành tựu mới của "công nghiệp âm thanh", vang lên khắp thế giới và biến thành tài sản tinh thần chung. Không thể không chào mừng hiện tượng văn hóa của thời đại ấy. Nhưng cũng không thể hoan nghênh những xu hướng cực đoan và bệnh hoạn ở một lớp người trẻ tuổi, khi họ hướng quá sâu vào những phim bạo lực và khiêu dâm, vào những sản phẩm văn hóa rẻ tiền (thật ra là phản văn hóa) làm thui chột năng lực mỹ học của con người.

Nhân đây, cũng xin nói đôi chút về đời sống văn hóa trong nền kinh tế thị trường.

Những hiện tượng nhiễu loạn trong đời sống văn hóa hiện nay thường bị đổ cho là kinh tế thị trường, dường như thị trường là thủ phạm gây ra những hiện tượng đó. Nhiều người lên tiếng phê phán gay gắt cái được gọi là "thương mại hóa" văn hóa và nghệ thuật. Ở đây, có một sự lẫn lộn về nguyên nhân và bối cảnh. Đúng là có xu hướng thương mại hóa các sản phẩm văn hóa (sách, phim, âm nhạc, mỹ thuật...) và xu hướng này có cơ phát triển ngày càng mạnh. Những người sáng tác, biểu diễn đang tìm mọi cách hướng tới những người tiêu dùng sản phẩm văn hóa bằng chính tiền của họ, tới "công chúng có sức mua" các sản phẩm văn hóa. Làm thế nào khác được khi hầu hết các nguồn tài trợ theo kiểu bao cấp bị cắt đi? Mà cắt là đúng, tuy cắt hết chưa hẳn là đúng. Những sản phẩm văn hóa bao cấp rõ ràng là bị giảm đi rất nhiều tính nghệ thuật và cả tính tư tưởng của nó. Công chúng gần như chỉ được hưởng những sản phẩm sáo mòn, nghèo nàn cả về tư tưởng và nghệ thuật. Bởi vì những người sáng tạo ra chúng, trừ một số rất ít trường hợp, không phải hướng về công chúng mà trước hết hướng về những người, những cơ quan có tiếng nói quyết định về bao cấp, từ mức tiền lương của các văn nghệ sĩ đến các kế hoạch xuất bản, trình diễn. Nghệ thuật bị bứng khỏi mảnh đất nuôi sống nó là công chúng, không thể tránh khỏi nguy cơ khô cằn và khuôn sáo. Cả nghệ thuật lẫn những người làm nghệ thuật đều bị "quan liêu hóa" ở những mức độ khác nhau. Bỏ bao cấp đối với các sản phẩm văn hóa chính là đem lại nhựa sống cuộc đời cho các sản phẩm đó. Và như đã thấy, trong những năm gần đây, rõ ràng nghệ thuật có sức sống hơn, gần với công chúng hơn, với "đời thường" hơn. Sản phẩm nào được công chúng hưởng ứng thì sống, sản phẩm nào không được công chúng chấp nhận thì chết. Sản phẩm văn hóa, giống như mọi sản phẩm khác, chịu tác động khắc nghiệt của quy

luật cung-cầu. Điều đó không phải ở nước ta mới có, mà ở tất cả các nước theo kinh tế thị trường đều có. Những thứ sản phẩm ở ta thường gọi là "sách đen", "phim đen"... có mặt ở nhiều nước khác, kể cả những nước có trình độ phát triển cao về văn hóa, bên cạnh những sản phẩm văn hóa được coi là "tử tế". Bởi vì những thứ sản phẩm "đen" ấy thật ra vẫn có nhu cầu. Cấm lưu hành công khai, chúng sẽ đi vào bí mật, càng khó kiểm soát hơn. (Ở Phần Lan, người ta tính có khoảng 10% số người tiêu dùng có "nhu cầu" về những thứ đó; nếu cứ để bán những thứ đó một cách công khai thì cũng chỉ có số người này lui tới để mua, còn +/-90% khác thì dửng dưng, hoàn toàn không bận tâm và để mắt tới). Nói như vậy, không có nghĩa là khuyến khích tiêu dùng những thứ sản phẩm này, làm ngơ trước ảnh hưởng xấu của chúng đối với công chúng, nhất là đối với lớp trẻ. Chỉ có điều là đừng ngạc nhiên trước "sức tiêu thụ" của chúng trong xã hội và đừng tìm cách giải quyết vấn đề thuần túy bằng những biện pháp hành chính (trừ những hiện tượng phạm pháp rõ ràng cần phải xử lý thật nghiêm, dù người vi phạm pháp luật là ai). Tất cả vấn đề là ở công chúng và những nhu cầu của nó. Khi trình độ văn hóa của công chúng được nâng cao — và điều này được diễn ra một cách tự nhiên — thì thị trường văn hóa sẽ có những sản phẩm văn hóa đích thực nhiều hơn (Ở đây, chưa nói tới sự thẩm định thế nào là sản phẩm văn hóa đích thực, bởi vì những chuẩn mực đánh giá thường hết sức khác nhau và trong một số trường hợp, ranh giới giữa đích thực và không đích thực rất khó phân biệt. Chẳng hạn,những sách báo về tính dục và khiêu dâm là thuộc hai phạm trù rất khác nhau, nhưng lại rất dễ lẫn lộn. Cũng vậy, những sách báo bàn về đời sống tâm linh của con người rất dễ lẫn lộn với những sách báo "mê tín dị đoan").

Hiện tượng phổ biến và đáng lo ngại hiện nay là: những kẻ có tiền thường ít có nhu cầu tiêu dùng văn hóa hoặc chủ yếu hướng tới những sản phẩm văn hóa rẻ tiền, thấp kém, còn những người hướng tới những sản phẩm văn hóa có giá trị đích thực, ở trình độ cao, lại thường không có tiền. "Ai trả tiền, người đó làm chủ"—câu nói đó hoàn toàn thích hợp với đời sống văn hóa nước ta hiện nay. Để giải quyết mâu thuẫn này, không thể chỉ dùng biện pháp hạn chế sự tiêu dùng của loại công chúng có tiền nhưng lại có thị hiếu văn hóa thấp kém, mà phải làm cho những người có nhu cầu văn hóa lành mạnh, đích thực có tiền để tiêu dùng những sản phẩm văn hóa thuộc loại này, hoặc trong một số trường hợp cần thiết, nhà nước phải tài trợ những hoạt động văn hóa thuộc loại đó để cho công chúng có thể với tới được. Ngay ở nhiều nước có kinh tế thị trường phát triển cao, sự tài trợ của nhà nước đối với loại hoạt động văn hóa này cũng rất lớn và ngày càng tăng thêm (chẳng hạn ở Pháp, các quỹ tài trợ cho các dàn nhạc giao hưởng, các bảo tàng nghệ thuật, các tượng đài... hàng năm đều tăng). Đến một lúc nào đó, những người kinh doanh văn hóa (các nhà xuất bản, chẳng hạn) sẽ tự điều chỉnh về mặt này bằng cách lấy tiền lãi ở những sản phẩm bán chạy nhất bù cho những sản

phẩm chắc chắn thua lỗ về tài chính.

Như vậy, kinh tế thị trường không phải là đối lập về nguyên tắc với đời sống văn hóa như có người tưởng, vấn đề chỉ là làm thế nào để đời sống văn hóa thích nghi ngày càng tốt đẹp với kinh tế thị trường. Và đó là một quá trình lâu dài, thường là hàng chục năm. Hốt hoảng, sốt ruột cũng như bỏ mặc, thủ tiêu vai trò của nhà nước trong lĩnh vực này đều dẫn tới những hậu quả không mong muốn.

14. Xin trở lại với vấn đề các hệ giá trị văn hóa và tinh thần hiện nay. Như trên đã nói, xã hội nước ta chưa đi tới chỗ phân hóa thành các nhóm xã hội với những xu hướng, những lợi ích vốn có của chúng một cách dứt khoát, rõ ràng. Khó có thể quy hệ giá trị này cho nhóm xã hội này, hệ giá trị kia cho nhóm xã hội khác, vv... Càng không thể coi nhóm xã hội này mang hệ giá trị văn hóa và tinh thần cao hơn nhóm xã hội kia (theo kiểu trước đây, coi giai cấp công nhân là tiên phong, là "cách mạng nhất", là "tiên tiến nhất"). Trong hoàn cảnh nhiễu loạn như hiện nay, các giá trị khác nhau nằm chồng chéo nhau cả trong mỗi tầng lớp, mỗi thế hệ, thậm chí mỗi tổ chức (kể cả tổ chức đảng), mỗi gia đình (kể cả những gia đình có "truyền thống cách mạng").

Nhưng phải chăng trong xã hội hiện nay không tồn tại những hệ giá trị khác nhau? Không phải thế. Những hệ giá trị văn hóa và tinh thần khác nhau, đối lập nhau đang tồn tại trong xã hội. Chỉ cần bằng những quan sát hàng ngày, có tính chất kinh nghiệm (empirique), nhất là về những biểu hiện tâm lý xã hội, cũng đủ khẳng định điều đó.

Về đại thể, có thể phân biệt ba hệ giá trị cơ bản như sau:

Thứ nhất, hệ giá trị chủ yếu mang tính truyền thống (với cách hiểu khái niệm "truyền thống" như đã trình bày trong các đoạn đầu), về cơ bản là *bảo thủ.*

Thứ hai, hệ giá trị chủ yếu mang tính cách-tân và phục hưng.

Thứ ba, hệ giá trị tạm gọi là hãnh tiến, ích kỉ cực đoan và đầu cơ, phá hoại.

Cuộc đấu tranh giữa ba hệ giá trị ấy diễn ra một cách gay gắt trong hoàn cảnh khủng hoảng xã hội và văn hóa, và khủng hoảng chỉ có thể chấm dứt khi cuộc đấu tranh ấy kết thúc với vị trí ưu thế của hệ giá trị cách-tân và phục hưng.

Xét trên bình diện toàn xã hội, hệ giá trị truyền thống vẫn duy trì vai trò chính thống của nó, tuy đang mất dần uy tín và ảnh hưởng. Nó không được ủng hộ mạnh mẽ và rộng rãi như trước, đặc biệt trong các giới trí thức, thanh niên và kinh doanh. Tư thế chung của nó là cố thủ hơn là tiến công (tuy đôi khi có những phản công có vẻ quyết liệt, nhưng lại không có hiệu quả mấy). Trong những người mang hệ giá trị truyền thống—bảo thủ, cũng đang diễn ra một sự phân hóa. Ngoài một số ít người cố thủ đến cùng do không khắc phục được sức ì tâm lý của họ, một số người dần dần tiếp nhận hệ giá trị cách tân—phục hưng, nhưng cũng có một số khác lại chuyển sang hệ giá trị hãnh

tiến (số người này trên lời nói dường như vẫn bảo vệ hệ giá trị thứ nhất, nhưng trong hành động thì lại theo hệ giá trị thứ ba). Sự suy yếu của hệ giá trị này—và có thể nói tới sự phá sản của nó trong một tương lai nào đó—không có nghĩa là nó đã mất hết sức mạnh. Nó vẫn còn có tác động kìm hãm những bước phát triển của xã hội. Nhưng rõ ràng nó không có tương lai.

Hệ giá trị thứ hai (cách tân—phục hưng) là niềm hy vọng chủ yếu, nếu không phải là duy nhất, đối với sự phát triển văn hóa và xã hội. Nhưng hiện nay, nó chưa trở thành một sức mạnh chi phối đời sống văn hóa và tinh thần của xã hội. Một mặt, nó gặp sức chống đối mạnh mẽ của các hệ giá trị khác, mặt khác nó cũng chưa hình thành một cách đầy đủ, hoàn chỉnh.

Trong khi đó, hệ giá trị thứ ba đang đặt đời sống văn hóa và tinh thần của con người trước những nguy cơ lớn của sự băng hoại. Tính chất nguy hiểm của nó là ở chỗ chủ nghĩa ích kỉ cực đoan, chủ nghĩa hoan lạc (hédonisme) của nó hiện ra như một phản ứng "triệt để" đối với chủ nghĩa khắc kỉ cũng cực đoan, chủ nghĩa khổ hạnh thuộc hệ giá trị truyền thống—bảo thủ, còn tư duy đầu cơ, "chụp giựt", kiếm tiền bằng mọi giá lại hiện ra như một phản ứng đối với tư duy "bao cấp", phi kinh tế trước đây, như một "năng lực mới" của con người. Ở một ý nghĩa nào đó, điều đó là như thế thật (cực đoan này chống lại cực đoan khác như một phản ứng tự nhiên), nhưng xét kỹ, đó không chỉ là một phản ứng, mà còn là một khuynh hướng xã hội bắt nguồn từ những điều kiện xã hội hiện có.

Tất cả các hệ giá trị nói trên đang và sẽ đấu tranh với nhau dưới nhiều hình thức, mà trung tâm của cuộc đấu tranh ấy là *giá trị con người*, nói cụ thể hơn, *giá trị con người Việt Nam*. Nếu hệ giá trị truyền thống—bảo thủ cắt xén, bóp méo con người với tư cách cá nhân, chà đạp lên nó, thì hệ tư tưởng hãnh tiến lại phá hủy nhân cách và tâm hồn con người. Hệ giá trị cách tân— phục hưng, muốn có ưu thế đối với hai hệ giá trị vừa nói, phải đi tới một quan niệm về giá trị con người Việt Nam hôm nay, lấy quan niệm đó làm cơ sở, thấm sâu vào những hoạt động văn hóa khác nhau. Đáng mừng là xu hướng ấy đã xuất hiện trên nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật gần đây.

Tiểu luận chuyên đề này chưa bàn tới các vấn đề có liên quan với sự nghiệp xây dựng văn hóa hiện nay và sau này. Xin dành những vấn đề đó cho một tiểu luận khác. Ở đây, chỉ tập trung phân tích về thực trạng văn hóa hiện nay, về khủng hoảng văn hóa và tinh thần hiện nay, với một cách nhìn tỉnh táo đến mức có thể có. Tất nhiên, như đã nói ngay ở câu đầu tiên, công việc này không thể do một người làm được.

NGUYỄN KIẾN GIANG
Việt Nam, tháng Bảy 1992

---

* Bài viết này lẽ ra đã được in trong cuốn *Việt Nam, Khủng Hoảng Và Lối Ra* , nhưng vì nhà *Trăm Hoa* nhận được quá trễ, khi sách đã in xong, nên *Hợp Lưu* xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả, và xem như phần bổ sung, trong lúc chờ tái bản.



TRẦM MẠNH HẢO

mình anh trong một thế giới

Trong một thế giới không bền vững
Mà anh tìm cái vững bền
Trong một thế giới không còn chỗ đứng
Nhà thơ, anh phải bay lên

Trong một thế giới Em - người đàn bà biết đi như phép lạ
Anh phải minh chứng sự tồn tại của tình yêu
Trong một thế giới bị đảo lộn tất cả
Nhà thơ bé bỏng ơi, anh thử sắp xếp lại mọi điều

Trong một thế giới đầy diều hâu cú vọ
Anh phải dẫn bầy gà con đi dạo chơi
Trong một thế giới không còn Thượng Đế
Anh là chàng mục sư đi truyền giáo: con người

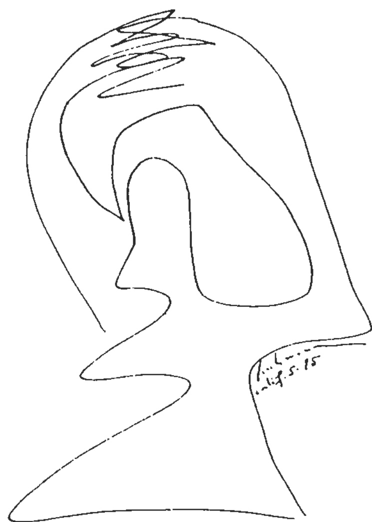
Trong một thế giới đi từ cái ngọt vô cùng của mật ong
đến cái cay đắng vô cùng mật gấu
Bao huyền nhiệm tự nhiên anh phải mở rèm
Trong một thế giới tình yêu như con chim
không còn vòm cây đậu
Nhưng anh, trời ơi, anh phải tìm ra em.

TRẦN MẠNH HẢO
(Trong nước)



NGUYỄN QUÂN

những khuynh hướng mỹ thuật việt nam đương đại



Mỹ thuật cổ Việt Nam có một truyền thống rất lâu đời và di sản rất đồ sộ. Tuy nhiên việc nghiên cứu và giới thiệu nó còn rất sơ sài và hầu như không có các triển lãm và ấn phẩm về nó ở nước ngoài, vì vậy người nước ngoài có thể ngỡ ngàng tự làm các cuộc phát hiện thú vị hoặc ngộ nhận nó như một biến thái nhạt nhẽo của nghệ thuật Trung Hoa. Dẫu sao khuynh hướng của giới chuyên môn là ngày càng nhận chân bản sắc riêng độc đáo của mỹ thuật Việt Nam, đặc biệt ở điêu khắc và kiến trúc, như một đóng góp quí báu vào di sản mỹ thuật thế giới. Một nét đặc biệt trong đó là tính đa văn hóa và sự tiếp nhận các ảnh hưởng từ bên ngoài thấm dần nhưng sâu đậm và được chuyển hóa tinh vi trong một cơ thể đời sống thẩm mỹ tưởng như đơn nhất, rất ít đột biến, tù đọng hay bảo thủ. Trên đất nước Việt Nam hiện có gần 60 dân tộc, trong đó người Việt chiếm 80%. Ở mảnh đất ngày nay là Việt Nam từng có nền văn hoá Đông Sơn đặc trưng Đông Nam Á, văn hóa các dân tộc Tây Nguyên không xa lạ với các nước phía Nam, văn hóa các dân tộc thiểu số phía Bắc chia sẻ nhiều điều với các dân tộc Nam Trung Quốc; có văn hoá Chàm với nền điêu khắc vĩ đại theo truyền thống Ấn Độ và văn hóa Khơ-me... Theo thời gian thì mỹ thuật Việt Nam có giai đoạn Đông Sơn khởi đầu, giai đoạn "Hán hóa" do từng bị nhập vào Trung Hoa và sau đó là thời kỳ phong kiến

độc lập theo khuôn mẫu Trung Hoa, có chịu ảnh hưởng mỹ thuật Chăm Pa và từ 100 năm nay là thời tiếp nhận ảnh hưởng Pháp - Phương Tây.

Cũng như tiền bối của họ, các nghệ sĩ Việt Nam ngày nay vẫn thường bị đặc trước câu hỏi: Có một nền Mỹ Thuật Việt Nam hiện đại không? Và nó là thế nào? Khó diễn thành lời nhưng nhìn, gặp thì có thể nhận ra ngay, và sẽ rất bất ngờ nếu chúng ta khi nói tới nền mỹ thuật này mà trong đầu còn mường tượng quá nhiều ảnh hưởng tranh sơn thủy và trang trí Trung Hoa hay chủ nghĩa cổ điển Pháp. Cuối thế kỷ 18 đã có những người Việt đầu tiên đi học mỹ thuật ở Pháp, và về nước với kiến thức Anatômi và viễn cận châu Âu. Năm 1925 ông V. Tardieu lập trường mỹ thuật Đông Dương, dạy điêu khắc, kiến trúc và hội họa. Trường này đã tìm cách khơi dạy những nghề truyền thống có thể đưa vào mỹ thuật mới như sơn mài và lụa. Và nó đã thành công đáng kể. Nguyễn Gia Trí và Nguyễn Phan Chánh là những họa sĩ hiện đại đầu tiên mà tên tuổi gắn với khái niệm tranh lụa và tranh sơn mài chỉ có ở Việt Nam, khác với bình phong sơn mài và tranh lụa truyền thống ở các nước Viễn Đông. Tuy chậm một nhịp khoảng 50 năm trong việc chuyển tải các trường phái Châu Âu vào Việt Nam song ở Việt Nam có thể thấy rõ hình bóng của các trường phái ấn tượng, hậu ấn tượng, École de Paris và các phái Cubisme, Surréalisme, Symbolisme, tuy không mạnh bằng và thường ở dạng thể nghiệm hơn là thành tựu. Lối vẽ hiện thực tả chân kiểu Châu Âu và bút pháp ấn tượng được tiếp thu sâu đậm hơn nhiều và kéo dài sang tới giai đoạn sau 1945 khi ở miền Bắc người ta chào đón nghệ thuật hiện thực XHCN của Trung Quốc (tranh khắc gỗ), Liên Xô và các nước Đông Âu (sơn dầu, điêu khắc hoành tráng, các kỹ thuật đồ họa khác) và ở miền Nam bắt đầu có ảnh hưởng chút ít của nghệ thuật Tây âu, Mỹ như trừu tượng, siêu thực.

Sau 1945 và sau 1954, khi đất nước được quản trị bởi hai chính phủ đối lập, một số các cựu học sinh trường mỹ thuật Đông Dương đã sang Pháp và sáng tác ở đó như Mai Trung Thứ, Lê Phổ, Lê Thị Lựu, Vũ Cao Đàm... cùng với một số khác du học ở Châu Âu như Lê Bá Đảng, Điềm Phùng Thị, Phạm Tăng... tạo ra một nhóm họa sĩ Việt Kiều đông đảo. Họ được bổ sung sau 1975 bởi một số khác nữa trong đó có cả các họa sĩ như Thái Tuấn, Nguyên Khai, Đinh Cường v.v... Nghệ thuật của họ được Việt kiều trân trọng và gần đây cũng được trưng bày và hoan nghênh tại quê nhà. Một số khác vào Nam và giảng dạy ở các trường Mỹ Thuật. các họa sĩ bày tỏ tâm sự người thành thị, lòng yêu quê hương, phong cảnh và hoa trái, các cô nữ sinh, thiếu phụ và cả những người nghèo. Chủ yếu vẫn theo bút pháp tả thực, ấn tượng hay biểu hiện. Từ những năm 70 lớp họa sĩ trẻ hơn ở Sài Gòn và Huế đã mạnh dạn tiếp thu những ảnh hưởng của các trường phái khác và tạo ra một sắc thái riêng cho hội họa ở đây, đan xen các yếu tố siêu thực, biểu hiện và trừu tượng: Đó là Nguyễn Trung, Trịnh Cung, Đỗ Quang Em, Đinh Cường, Mai Chửng, Nguyễn Phước, Bửu Chỉ... Họ chủ yếu về sơn dầu và đồ họa.

Ở miền Bắc phần đông các họa sĩ lớp đầu tiên đi theo kháng chiến, cùng

rất đông đảo các lớp sau được đào tạo ở Hà Nội và các nước XHCN đã hướng theo nghệ thuật hiện thực XHCN mang đậm tính tuyên truyền và có nội dung chính trị rõ nét. Đối tượng mô tả hiện thực của họ là những người lao động và các chiến sĩ. Rất nhiều ghi chép kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ rất cảm động và sâu sắc. Tuy nhiên người Việt Nam ưa tình cảm và cái mềm mại, dịu dàng, cái ân cần khắc khổ hơn cái gay cấn, căm giận, oán thù... nên hầu như họ không thể hiện được cái đẫm máu chiến tranh mà đi sâu vào đời sống của con người bình thường trong chiến tranh. Các họa sĩ có tài nhất như Nguyễn Sáng, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Tư Nghiêm, Dương Bích Liên, Trần Văn Cẩn, Hoàng Trầm, Nguyễn Tiến Chung, Sĩ Ngọc, Nguyễn Đỗ Cung, Trọng Kiệm... đã tạo ra hàng loạt tranh sơn mài, lụa xuất sắc vào những năm 1960. Đồ họa áp phích cũng phát triển đáng kể. Cũng dễ hiểu là trong điều kiện chiến tranh với những khó khăn sinh hoạt không tưởng tượng nổi và trong tư tưởng chống "chủ nghĩa hình thức"... các họa sĩ ở miền Bắc không đi vào các cách tân ngôn ngữ lớn, cũng như các vấn đề kỹ thuật. Tình cảm chân thực và ý chí vượt thắng cuộc sống khó khăn đã chắp cánh cho tác phẩm của họ và chỉ có cuộc sống chung, sự tồn tại của cả cộng đồng là đối tượng chủ yếu của tác phẩm.

Cũng vào giữa những năm 70, điêu khắc ở Hà Nội có bước chuyển quan trọng dứt bỏ sự lệ thuộc hoàn toàn vào quy chuẩn hàn lâm châu Âu, một số nghệ sĩ như Nguyễn Hải, Lê Công Thành, Phạm Mười quay về với điêu khắc cổ ở đình làng, tượng Tây Nguyên của người dân tộc và kết hợp với bút pháp của một Henry Moore hay Braucusi xa xôi. Tuy nhiên đến nay điêu khắc ở Việt Nam hầu như không có tiến triển đáng kể; không sôi nổi và sinh động như hội họa. Tượng đài và nghệ thuật công cộng theo đơn đặt hàng nhà nước thì còn ít và chất lượng kém cả về thẩm mỹ lẫn thi công. Tượng nhỏ thì có xu hướng mỹ nghệ và du lịch rõ rệt. Điều kiện vật chất khó khăn và thiếu một lớp người tiêu thụ làm cho các thí nghiệm nhỏ nhoi cũng tắt nghẹn ngay từ ý đồ hay phác thảo.

Đồ họa và các kỹ thuật gọn nhẹ rất thích hợp trong thời chiến. các ký họa thuốc nước, bút sắt, chì, mực nho, bột màu một thời là nét đặc sắc của Việt Nam. Nhất là khắc gỗ theo truyền thống dân gian rất được yêu mến. Không có nghệ thuật quảng cáo và design công nghiệp không có đất dụng võ, nhưng áp- phích chính trị khá phát triển trước những năm 70. Đồ họa sách và minh họa báo chí cũng từng là nguồn sống của họa sĩ nghèo. Các kỹ thuật và thủ pháp đồ họa hiện đại mới được các họa sĩ tiếp cận trong mười năm gần đây, tuy nhiên các thể nghiệm khá rụt rè. Sĩ Ngọc, Văn Cao, Bùi Xuân Phái, Thành Chương, Lương Xuân Đoàn, Hoàng Tường, Lê Huy Văn... hoạt động hiệu quả, song hầu như không có các nhà đồ họa và disign chuyên môn hóa hoàn toàn.

Hội họa không có di sản đồ sộ như điêu khắc và truyền thống phong phú

như đồ họa; bởi một văn hóa đô thị thực sự không phát triển ở Việt Nam phong kiến và các văn nhân Khổng học và các đạo sĩ, tu sĩ Đạo Lão, Phật học Việt Nam khác với các nước Viễn Đông khác không sáng tác tranh. Thế nhưng đáng ngạc nhiên là thành tựu mỹ thuật hơn nửa thế kỷ qua chủ yếu là hội họa và hiện nay nó là khu vực sống động nhất. Cũng chính ở hội họa với các tên tuổi quan trọng nhất của MTVN đương đại, người ta có thể nhận và công nhận có một nền Hội Họa Việt Nam đương đại với bản sắc riêng mà cốt lõi là ở chỗ nó thấm đậm ngôn ngữ tạo hình truyền thống các dân tộc của văn hóa làng xã, của mỹ thuật cổ ở làng, đời sống tâm lý, thẩm mỹ và tâm linh đặc trưng Việt Nam, vốn đã định hình trong truyền thống vẫn luôn luôn hiện ra trong mọi mặt của đời sống hôm nay. Đồng thời các họa sĩ thành công đều hướng vào khai thác nội tâm của chính mình. Sự hướng nội vốn là một nét thẩm mỹ quan trọng của người Việt Nam, từ đó mà tìm ra con đường hoà nhập thông thoáng cái tôi nhỏ với cái tôi lớn, với ngoại giới và thế giới. Dựa chắc vào truyền thống lâu dài và chính bản thân mình, họ không ngần ngại khi hoan hỉ chào đón và tiếp thu các ảnh hưởng của các bậc thầy phương Tây hiện đại, từ Cézane, Braque, từ Matisse đến Dali, Từ Klee tới Mondrian, từ Modigliani tới Pollock; dẫu rằng ở Việt Nam không có cơ hội thể nghiệm với Happening, Performations, Enviroment hay Pop of Art và phải không phải việc chuyển tải bề ngoài các trường phái Tây âu đã là nhất thiết và luôn tốt đẹp! Gần đây lại thêm những gợi ý trực tiếp từ hội họa Trung Quốc, Nhật Bản cổ và đương đại. Ảnh hưởng từ những nước láng giềng gần gũi trong truyền thống văn hóa này bị đứt quãng từ nửa đầu thế kỷ. Cũng là một điều lạ. Song khi trở về với truyền thống Việt Nam người ta cũng dễ dàng nhìn thấy ở đó những người hàng xóm vĩ đại của tổ tiên mình.

Với sự xây dựng hòa bình và chính sách mở cửa, giao lưu văn hóa bỗng nhộn nhịp hẳn lên, dòng người du lịch và kinh doanh tăng ồ ạt, hội họa Việt Nam rất nhộn nhịp với hàng trăm họa sĩ thường xuyên vẽ và bày tranh ở các thành phố lớn và bắt đầu ở các nước ngoài, có những triển lãm được tổ chức chu đáo và chọn lựa như Uncorked soul bởi Plum Blossoms tại Hồng Kông và Singapore. Không thể áp một sơ đồ các khuynh hướng và trường phái cho hiện trạng trăm hoa đua nở hiện nay, song có thể nêu ra vài nét chính. Từ Nguyễn Gia Trí, sau đó là Nguyễn Tư Nghiêm và Nguyễn Sáng, các họa sĩ Hà Nội chú tâm khai thác truyền thống Mỹ Thuật cổ Việt Nam. Và đi tới gần gũi với các trường phái modernisme bằng con đường về làng mình (!) sau lớp ở lứa tuổi tôi, có hàng loạt họa sĩ trẻ như Đặng Xuân Hòe, Nguyễn Xuân Tiệp, Hà Trí Hiến, Phạm Quang Vinh, Trần Lương, Phạm Minh Hải... mở rộng tầm nhìn cả về hai phía quá khứ hướng nội và bên ngoài đương đại, mà các yếu tố modernisme được nhận chìm vào một không gian tâm tưởng khá nhất quán và phóng túng. Các họa sĩ Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh - vốn gần với các trào lưu Âu Tây hơn và thể hiện nhiều yếu tố trừu tượng và siêu thực trên tranh sơn dầu, acrylic, bố cục mạnh bạo chú trọng nhiều tới hiệu

quả bề mặt của các yếu tố tạo hình. Ở Nguyễn Trung, Trịnh Cung, Hoàng Tường, Ca Lê Thắng, Đào Minh Trí, Trần Văn Thảo, Thanh Bình, Hà Nam... có thể thấy chất văn hóa đô thị Âu hóa khá rõ sau những cá tính riêng biệt. Từ Bùi Xuân Phái, Trần Lưu Hậu, Việt Hải, tới Trần Trọng Vũ, Đỗ Thị Ninh, Suối Hoa, Nguyễn Thân, Đình Dũng, Thanh Sơn... có thể thấy những cảm xúc đặc sắc pha trộn nhiều yếu tố dã thú, biểu hiện và cái đẹp phóng túng của trường phái Paris. Cái chất siêu thực và tượng trưng vốn có trong nghệ thuật tôn giáo truyền thống cũng được nhiều họa sĩ yêu thích và dựa vào các hình thức khác nhau như lối cực thực của Đỗ Quang Em hay các tranh trừu tượng của Dương Đình Sang, Đỗ Minh Tâm, Vũ Duy Tân... hay các tranh nhiều ý tưởng của Bửu Chỉ. Khá rộng rãi và dễ thích là chất thơ ngây dân gian pha với lối vẽ tả thực không quá triệt để và duy lý kiểu Châu Âu. Tất nhiên với sự lấn lướt của du lịch và sự giàu lên của một lớp người trong xã hội, hội họa ở các gallery thương mại tạo ra cho khách hàng nhiều sự chọn và không hiếm những đồ lưu niệm rẻ tiền. Song dẫu sao hội họa ở Việt Nam đang chuyển động, trở nên phong phú hơn trước đây 10 năm một cách đáng ngạc nhiên. Và ở hội họa, ta có thể thấy nhiều khuynh hướng tìm tòi đáng quí và những tên tuổi đang đóng góp những giá trị thẩm mỹ đích thực cho một nền hội họa của ngày hôm nay, của văn hóa Việt Nam không cô lập, giàu bản sắc, đang mong muốn và cần được đối thoại mạnh mẽ hơn, sâu sắc hơn với văn hóa, mỹ thuật trong khu vực và thế giới.

NGUYỄN QUÂN.
(Trong nước)



ĐỖ KH.

đổi mới hay là chết

Tặng (trả) Nguyễn Đăng Thường

Tiếp theo thời đại
Những anh hùng áo vải
Là thời lốn ngổn
Những anh hùng
Quần bò
Áo thun.

cảm tưởng việt nam năm 1992

Sinh ra sau thời thắng Mĩ
Đầu ngõ không còn anh hùng ngồi

"Trở về quê hương tôi đã thấy..."

Có gì đâu phức tạp cuộc đời
Mười lăm mười bảy tuổi
Cởi trần quần cộc trên vỉa hè Đồng Khởi
Ngủ trưa nằm cu ngổng chỉ lên trời.

dân tộc thi sĩ đang hành động

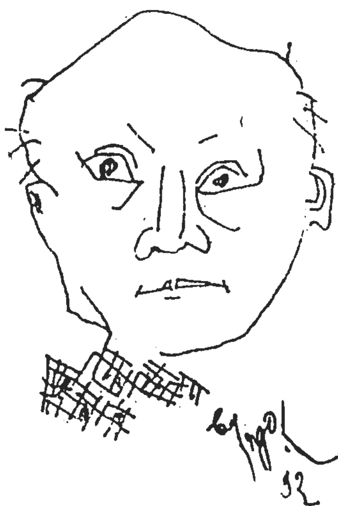
Đầu năm...
Nghiến răng
Chủ tịch cũng làm
Dăm ba bài thơ

Nghiến răng...
Đêm nằm
Dăn ba nhà thơ
Cũng làm chủ tịch.
ĐỖ KH.



BÙI QUANG NGỌC

tản mạn về nguyễn sáng người họa sĩ trắng tay


Nguyễn Sáng qua Bùi Quang Ngọc

Gần đây, tôi thử vẽ một số chân dung các người-văn-nghệ-Việt-Nam mà tôi ưa chuộng, trong đó có họa sĩ Nguyễn Sáng. Những người khác, tôi vẽ tạm được, nhưng riêng Nguyễn Sáng thử vẽ hàng chục phác thảo mà chưa thành. Vì rằng, sắc diện Nguyễn Sáng chuyển động khó lường. Biến thái tinh thần của khuôn mặt ông thay đổi đột ngột, nhạy cảm và rất tinh tế. Với đôi mắt xếch có quầng, mũi tẹt mà hếch, miệng mím như sợi chỉ khi mỏng khi dày, tất cả vùng căn bản đó của khuôn mặt Sáng, nóng lạnh cùng một lúc, buồn vui cùng một lúc, trên chiếc đầu vừa bác học vừa trẻ thơ của ông, đã thật sự làm tôi bối rối.

*

- Không vẽ được ông, thì viết về ông cũng tốt, chứ sao?
- Đúng vậy. Đối với tôi nghĩ, nói, viết và im lặng đều cho vẽ cả, vì như cậu biết đấy, mình là họa sĩ mà.

*

Tôi được biết họa sĩ Nguyễn Sáng tại Hà Nội, sau ngày giải phóng thủ đô 1955. Lúc đó, tôi là lứa học trò đầu tiên sau chiến tranh, còn Nguyễn Sáng đã là một họa sĩ nổi danh. Chỉ có ông và vài họa sĩ nữa được nhà nước đặc biệt ưu tiên "trợ cấp lương sáng tác dài hạn" mà thôi. Điều này đối với lũ học trò chúng tôi chỉ thấy trong mơ. Hơn nữa, ông lại là một người có đời sống riêng đầy cá tính hấp dẫn giới trẻ, hơi ngang tàng, "dọc ngang nào biết trên đầu có ai". Bởi vậy, tôi đã mạnh bạo lân la làm quen với ông, từ hồi đó.

Họa sĩ Nguyễn Sáng sinh năm 1923 tại Nam Bộ. Ông là sinh viên khóa cuối cùng của trường Mỹ Thuật Đông Dương. Ông chỉ học hết năm thứ ba rồi lên đường đi kháng chiến. Ông là người tham gia vẽ giấy bạc đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, đã vẽ rất nhiều bích chương tuyên truyền cho kháng chiến. Tác phẩm màu dầu "Chợ Bo Đẫm Máu" và "Giặc Đốt Làng Tôi" là những tranh mở đầu cho sự nghiệp hội họa của đời ông. Ông là người sinh ra để sống cho hội họa. Trực giác tạo hình mạnh mẽ và tinh giản bẩm sinh nơi ông là chất kết dính hữu cơ đã gắn chặt đời ông với nghệ thuật.

*

Bình thường, Nguyễn Sáng vẫn thương quí đám học trò vẽ trường Mỹ Thuật. Thường ngày nghỉ học, chúng tôi rủ nhau đến thăm ông. Ông sống độc thân, vẽ suốt ngày, rượu suốt ngày. Có thể nói, rượu là bạn đời của ông. Một lần, mò lên căn phòng nhỏ lầu ba đầu phố Nguyễn Thái Học Hà Nội, tôi ngập ngừng và thận trọng gõ nhẹ vào cánh cửa có dán tên ông. Ông chỉ hé cửa cho vào và đóng lại ngay. Ông ít muốn tiếp ai, vì vậy, nếu khách là người ông không muốn tiếp, không e dè, ông sập cửa lại ngay. Đó là cá tính Nguyễn Sáng.

Ông sống trong căn phòng nhỏ 10 thước vuông và một cái kho khoảng hai thước vuông để "chứa tác phẩm". Ở Hà Nội lúc bấy giờ, căn phòng này đã là "tiêu chuẩn ưu tiên cho văn nghệ sĩ". Trên tường ngay cửa vào, Nguyễn Sáng dán tờ giấy nhỏ viết mấy chữ: Vẽ như thở. Khách vào, ông ngừng tay vẽ, nhưng rất vui. Ông vào kho, bưng ra một cái khay đã rót sẵn hai chén rượu và mời khách "uống nước". Ông đang vẽ bức sơn mài lớn. Ông dùng thước kẻ những giọt mưa rất thẳng lên mặt tranh. Vừa vẽ ông vừa lầm bầm: mưa, mưa, mưa trong rừng. Vẽ như thở. Vẽ... như... thở...

Chợt ông quay sang khách và nói: Cậu ngồi chơi. Chờ chút. "Uống nước" đi.

Chờ chút của Nguyễn Sáng có nghĩa là khoảng vài tiếng đồng hồ. Chẳng sao, ngồi chờ. Chiêm ngưỡng ông vẽ và được "uống nước" trắng của ông, cũng khoái.

- Này, cậu biết không. Có lần mình đến thăm ông, ông đang vẽ. Mình mời thuốc lá, ông châm, vừa vẽ, vừa hút. Đến lúc tàn thuốc đã dài, ông vẫn vẽ. Ông lại cũng nhìn thấy cái gạt tàn thuốc ở phía trước. Thế rồi không hiểu sao, ông dùng ngón tay không dính màu, thận trọng vạch túi áo trên mà ông đang mặc, rồi... gạt tàn vào đó. Ông lại còn ném cả cái đuôi thuốc còn cháy dở vào túi nữa. Cho đến khi áo cháy, ông mới hiểu ra rằng-mình-đã-làm-gì. Đó là họa sĩ Nguyễn Sáng.

Trong thế giới thẩm mỹ và trong cách sống, Nguyễn Sáng đã đưa tôi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Ông không chịu bó tay, không ngừng tìm cái mới, cái riêng biệt của mình. Tự ông toát ra một vẻ đẹp trần trụi mà

chân thực, bình dị mà sang trọng, nghiêm khắc mà đôn hậu. Trong xử thế ông rất mực công bình và độ lượng, rất thẳng thắn nhưng cũng rất cực đoan.

Ông như vó ngựa bất kham không chịu nổi sân đua, đã muốn phá rào về với thảo- nguyên-vô-thứa-nguyên-sơ-của-chính-mình. Trên cái mâm bản ngã đã đầy ứ thức ăn của riêng ông, ông thèm món độc vị cực đoan cuối cùng. Tỉ như, khi uống rượu, ông rất khắc khe với vị nước chấm. Thuở bình sinh khi "nhậu" nước chấm không đúng vị, Sáng không xài. Ông vào bếp, tự pha lấy món mắm đó, vừa pha, vừa nói: "Kẹp trái ớt vào miệng chén, dùng muỗng nghiền nát là kiểu Nam Bộ. Rắc ớt bột và cắn ớt xanh rào rào là kiểu miền Trung. Còn xứ Bắc, người ta cắt ớt ra từng lát nhỏ cho nó lịch sự..." Nói xong, ông cười lớn, nụ-cười- lương-sơn-bạc. Cái món "cực đoan" của Sáng nay còn đâu?

*

Đầu năm 1959, tôi bị đuổi học phải rời Hà Nội xuôi về sống vùng biển. Hàng năm, tôi thường trở lại Hà Nội thăm nơi cũ và không quên đến thăm họa sĩ Nguyễn Sáng. Ông vẫn luôn sống độc thân, say dài và vẽ dài.

Nguyễn Sáng là người họa sĩ Việt Nam đã để lại dấu ấn đậm nét trong mỗi người vẽ thuộc thế hệ chúng tôi. Ông là tấm gương lao động nghệ thuật nghiêm túc, cần mẫn và táo bạo. Sự xả thân thường nhật cho nghệ thuật của Sáng đã trở thành vòng trầm luân bất biến tới mức linh thiêng.

Dạo đó, tôi còn rất trẻ và không thể nào quên bức chân dung Nguyễn Sáng vẽ nhà thơ Trần Dần *với vết dao "lam" hằn trên cổ*. Bức tranh vẽ nét mạnh mẽ, sáng sủa và khẳng định. Khẳng định một nhân cách, khẳng định một giá trị hội họa như đã có tự ngàn năm. Bức chân dung này tôi không nhớ rõ đã được đăng ở báo nào vì đã quá lâu. Nhưng, dầu in ở đâu, hành động hội họa của Nguyễn Sáng vẫn chứng tỏ sâu sắc phẩm chất nghệ sĩ chân chính nơi ông. Trên con đường mờ mịt xa tắp của nghệ thuật, đối với cặp mắt non trẻ của tôi, bức chân dung đó đã trở thành đóm đỏ của ánh hải đăng giữa biển mù.

*

- Cậu thấy không, Sáng trong túi không đủ tiền mua hai điếu thuốc lá. Vậy mà, khi có người muốn mời ông vẽ chân dung, Sáng đòi năm trăm đô. Người muốn vẽ trả giá ba trăm đô, Sáng phủi tay, bảo, ra đuổi về, không vẽ. Sáng nói, các ông tưởng tôi vẽ dễ lắm sao?

- Lại một nhà giàu có chuộng Nguyễn Sáng, xin ông cho vài nét chân dung, tự nguyện trả năm trăm đô. Sáng đồng ý. Bà đến ngồi mẫu, hết cả buổi, hết trưa, Sáng chỉ cầm bút, không vẽ. Thấy mẫu không hợp, không khoái cảm, Sáng bỏ bút ra về. Như vậy đấy, Sáng thú vị, Sáng có thể cho không, Sáng luôn giữ kỹ càng tư chất nghệ sĩ, thà nghèo, chết bỏ.

Trong suốt mấy thập niên, Sáng vẽ rất hăng. Sau "kết nạp Đảng Điện Biên Phủ", Sáng vẽ hàng loạt tác phẩm. Những tìm tòi hòng khai phóng không

gian hội họa tân tạo của Sáng ra đời. Với những chân dung tự họa, bà Vượng, bà Đôn Thư, chị Quế Anh... Sáng vẽ rất nhiều mèo, ngựa, hổ, trâu, thiếu nữ bên hồ, trẻ con, Gióng, Kiều, và cả tranh trừu tượng. Sáng đã tung đi, rải ra khắp các bạn bè và những nhà sưu tập "ký cóp" không biết bao nhiêu là tác phẩm của mình.

Trong tà áo dài của thiếu nữ Việt Nam, Sáng đã tả sự chuyển động bằng nét với một khoái cảm đến mê say. Những bức tranh này là sự lột vỏ của Sáng muốn nối dài thêm ra thế giới hiện đại và nghệ thuật cổ truyền, mà ông đã chiết lọc được gần như suốt nửa đời người cầm cọ.

Nhưng, cũng là chuyện thường tình, hồi đó, có một số người thiển cận và u tối đã muốn kẹp hai miếng da bên mắt ngựa thồ, để kìm chân tuấn mã. Nhiều cuộc kiểm điểm gò theo "đường lối sáng tác đã định sẵn" được mở ra và buộc những họa sĩ tân tạo phải vẽ theo cách đó. Trước sự kiện trái khoáy này, Nguyễn Sáng cáu sườn và cho thò ra hai bức: Chân dung màu dầu Văn Giáo và bức sơn mài "Lớp Học Đêm". Mẫu trong sơn mài là vợ chồng anh Dung, người mẫu và người nghiền sơn của trường mỹ thuật.

Nguyễn Sáng nói:

- Ai bảo sơn mài chỉ vẽ trang trí, không vẽ được như thực (không gian vòm cầu), thì mời xem bức "Lớp Học Đêm".

Nguyễn Sáng có thói quen, vẽ tranh là phải có khung, ngay cả khi đang vẽ.

Ông nói:

- Tranh không khung, người vẽ không định được chuẩn xác đường biên. Tranh không khung như người mặc quần đùi ra phố.

Ông nói:

- Cái khó của người vẽ là biết dừng tay đúng lúc, cũng như cuộc đời vậy.

Khi đã vẽ xong bức "Vườn Xuân" lần hai, ông mời một số bạn bè đến xem. ông vỗ vai tôi và hỏi:

- Còn chỗ nào "cải lương không?" và trả lời ngay:

- Nếu cái mông cô gái tròn nó sẽ "cải lương" ngay, cho nên mình vẽ vuông.

*

Nghe nói cậu đã xem một bức tranh rất độc đáo của cụ Sáng phải không?

- Phải. Đó là bức "Mẹ" của ông. Bức tranh này ông vẽ vừa trừu tượng vừa hiện thực. Xem tranh, tôi chẳng thấy rõ hình người, chỉ còn lại mấy nét dọc ngang tượng hình một người đàn bà Nam Bộ quấn khăn. Bức vẽ gây cho tôi một ấn tượng huyền bí thiêng liêng. Có lẽ, những ngày giang hồ tha hương, cảm thấy tận đáy của nỗi cô đơn, ông đã dừng lại giữa lòng mình để tưởng nhớ tới người đã sinh ra ông, mẹ Nguyễn Sáng. Thời khắc hiếm hoi thay. Bức tranh này có còn không? Nay ở đâu?

Hội họa Nguyễn Sáng là sự tiếp nối trọn vẹn được phóng ra từ tâm thức đương lượng tạo hình của hiện thực mà ông thâu lượm được vừa tinh vừa thô.

Ông biết chọn lọc hài hòa giữa hai dòng nghệ thuật Á Âu. Thành tựu của hội họa Pháp đầu thế kỷ XX đã thức tỉnh quan niệm tân tạo của Nguyễn Sáng. Ông sử dụng tuyệt xảo những đường cánh cung cụt và nét thẳng tạo thành góc vuông thật bất ngờ. Ông cũng là người nghe được tiếng nói của các mảng dẹt được liên kết kiểu tranh dân gian làng Hồ và đã làm linh ứng các mảng dẹt đó. Ông cũng là họa sĩ Việt Nam, nếu không nói là đầutiên, thực hiện thành công vế lệch của bố cục. Thường khi ông đệm vào khoảng trống lệch một cách cố tình đó bằng một vệt màu tía và ký tên. Ông là người biết vận hành các tuyến động, đảo ngược và hoán vị từng phần hoặc toàn bộ các tuyến đó để lập nên một trật tự mới trong hội họa. Sự chuyển động luôn có hướng rõ rệt và được xác quyết một cách mạnh mẽ, nếu không nói là cực đoan.

Đúng vậy, Nguyễn Sáng luôn luôn bị ám ảnh bởi một viễn cảnh cực đoan, tạo nên "sự bùng nổ định vị" (explosante-fixe, chữ của A. Breton), nhưng nhờ qui luật điều tiết thẩm mỹ đã giúp ông ngừng tay đúng lúc.

Trong tâm hồn Nguyễn Sáng luôn luôn tỏa một ánh hào quang vô hình, giữa những cơn say triền miên, bất tận.

Nguyễn Sáng là kẻ đã được thanh thoát hướng nội, với cái đầu đã "phát huệ", bởi trái tim chưa bị "bột trần".

Ông là người cô đơn, nhưng niềm cô đơn không có trong tác phẩm của ông. Suốt đời ông, ông không thèm vẽ các bộ mặt hề. Đối tượng của tranh ông là cái đẹp.

*

- Vậy mà mãi đến năm 1984, tại Việt Nam Nguyễn Sáng mới được tổ chức một cuộc triển lãm riêng lần đầu tiên. Cậu nghĩ sao?

- Trước đây dăm năm, trong hoạt động của giới Mỹ Thuật Việt Nam, người họa sĩ đã phải sống hơn phần tư thế kỷ trong cơ chế "bao cấp". Nếu cậu cố hiểu tận ruột cụm từ "bao cấp", thì mình khỏi phải trả lời. Dầu có triển lãm riêng hay không, Nguyễn Sáng vẫn cứ là Nguyễn Sáng, cậu khỏi lo.

- Hình như suốt đời Nguyễn Sáng chưa ra khỏi biên giới Việt?

- Đúng vậy, thời đó xuất ngoại là phần ưu tiên của người khác. Nguyễn Sáng chỉ dành cho mình phần được rong chơi trong hội họa, phần được chết chìm trong vương quốc thẩm mỹ của riêng ông, thì ở đâu cũng vậy.Thế chưa đủ sao?

*

Hai bức tranh "Quê Hương" và "Vũ Trụ" cuối cùng của Nguyễn Sáng do một người Nhật đặt. Bức "Quê Hương" tôi không được biết, nhưng bức "Vũ Trụ", ông Bồng Hàng Buồm mua về treo sau cánh cửa nhà ông. Tranh nền son, vẽ hai người rất lạ, như cụt đầu, đang bay trên dải ngân hà và chòm sao hình ghế. Bức tranh như là mạng dấu ấn sự tận cùng của thế giới, với xiềng xích quanh mình.

Về cuối đời, Nguyễn Sáng bị một nỗi ám ảnh thường trực: Đối thoại với ai, ông cũng tưởng như người đó sắp hại mình. Những gì xảy ra trong tâm hồn ông có trời biết! Nếu như thực sự có một ông trời.

*

Nguyễn Sáng quen nhiều quán rượu và ông thường đến uống rất đúng giờ, kêu một đĩa mồi nhỏ, một chén tống rượu lớn và lai rai.

Những ngày cuối đời, ông thường đến quán rượu đã thâm niên ở phố Sinh Từ, hay quán rượu mang tên Thủy Hử.

Cuối năm 1987, họa sĩ Trần Lưu Hậu bất ngờ gặp Nguyễn Sáng đang ngồi nơi quán rượu quen thuộc của mình. Ông không ngồi trong quán mà ngồi nơi vỉa hè để được ngắm dòng người qua lại, hai cánh tay ông ngày này qua ngày khác ánh nắng liếm sùi đen. Hồi này sức khỏe Nguyễn Sáng đã giảm xuống rõ rệt. Ông đòi Trần Lưu Hậu đưa đến thăm Bùi Xuân Phái. Không ngồi được xe đạp, phải đi xích lô thôi. Khổ thay, xích lô Hà Nội ván trần, không có nệm, người ông chỉ còn da bọc xương, phải ngồi xổm trên xe. Đến nơi, Bùi Xuân Phái thấy bạn sức khỏe suy sụp, họ nghẹn ngào nhìn nhau. Đã trưa, Nguyễn Sáng thấy đói và đòi ăn. Có lẽ, đây là lần gặp nhau cuối cùng của hai ông.

*

Trung tuần tháng tư vừa qua, tôi có việc ghé qua Thủ Đức. Ngồi ở nhà người bạn, tôi bỗng thấy nôn nao. Gì vậy, thôi tôi hiểu rồi, có một từ trường, đó là mộ Nguyễn Sáng ở gần đấy đã thu hút tôi. Tôi bèn cùng bạn giữa trưa nắng gắt, hoa huệ và nén hương trên tay, đến nghĩa trang thăn mộ Nguyễn Sáng.

Khi chúng tôi đang loay hoay giữa bạt ngàn nấm mộ, bỗng có ba chú bé từ đâu chạy ùa ra và hỏi lớn: Tìm mộ ai, tìm mộ ai?

- Mộ họa sĩ Nguyễn Sáng - Tôi trả lời.

Đám trẻ đồng thanh reo lên: Biết rồi, mộ họa sĩ Nguyễn Sáng, Ngôi-Mộ-Mồ-Côi.

Rồi các em dẫn chúng tôi đến trước hai nấm mộ đã được xây cẩn thận kề nhau: Nguyễn Sáng và vợ ông.

Chúng tôi thành kính dâng hoa, thắp hương và đổ rượu lên hai nấm mộ cô đơn.

Chợt một chú tiểu đồng thong thả cất tiếng: Mấy đêm trước có một ông râu đi xe đạp đến đây và... ngủ đêm trên mộ Nguyễn Sáng.

Ai vậy. Đến nay vẫn chưa biết. Nhưng dù ai, tôi cũng xin chắp tay cầu chúc cho người đã chết và kẻ đang sống đêm đêm được yên ngủ thanh thản dưới vòm cây.

BÙI QUANG NGỌC
(Trong nước)



KHÁNH TRƯỜNG

hù

thử làm một bài thơ ít lời (nhưng lắm ý):
tôi
buồn ngủ
như
buồn ... thiu
(xin lỗi ông liên-đêm-mặt-trời-tìm-thấy
mượn ông
tôi ví dụ)

thử làm một bài thơ lắm lời (vẫn không ít ý):
sáng nay tôi ngồi bên cửa sổ chờ em đi qua chẳng thấy em đâu lòng (chợt) nát tan muôn nghìn mảnh tựa ngày xưa còn bé (lên ba) mẹ bỏ tôi một mình trong căn nhà vắng (vườn rộng rào thưa khó đuổi gà ngặt nỗi mẹ mìn dễ dàng đột nhập) qua hàng xóm đánh bài tứ sắc cùng mấy mụ nạ dòng ăn không ngồi rồi dù đã bao lần cha nổi khùng vác gậy rượt mẹ chạy lòngvòng khắp xóm trên làng dưới mẹ vẫn chứng nào tật ấy làm cho hạnh phúc gia đình nhiều phen tan nát đến nỗi lớn lên tôi không ngần ngại cầm bút (bi) sổ toẹt hai chữ tình yêu trong cuốn tự điển của riêng mình mãi đến lúc răng mòn tóc rụng đầu gối lung lay tôi mới bắt đầu hiểu mọi điều xảy ra trên cõi đời ô trọc này đều chẳng có chi bền vững với thời gian ngoại trừ tình yêu tôi dành cho em kể từ buổi nhìn thấy dấu chân em in mòn trên cát một chiều ngoại ô có cỏ bông may vương gót giày lính chiến từ miền xa nghiêng cánh dù hoa trở về thành đô gió bụi.

(có thể cóp hai dòng
cho thêm phần thơ mộng:
tình yêu như trái phá
con tim mù lòa...*)*

thử làm một bài thơ bí hiểm:
tinh thể đỉnh nhọn gai tê lòng biển

mùa khai kinh mộng ác phai miền
chẻ giấc nẽo sáng bừng mây dã thú
nghía vầng phai hút ngất quê liên
(thơ bí hiểm nghĩa là thơ... khó hiểu
tôi còn không hiểu huống chi ai!)

thử làm một bài thơ triết lý:
lũ kiến thông thái leo lên đỉnh ngọn phân
nhảy điệu tango cùng bọn ruồi
trồng chuối ngược
đúng vào lúc
trên chiếc que cời lửa
nổ tung triệu mặt trời
mừng ngày sinh của quạ
(ghi chú quan trọng
và tất nhiên, triết lý:
không phải ngày sinh của rắn
quạ có chân còn rắn không chân).

thử làm một bài thơ siêu thực:
năm chấm phẩy (,,,,,)
sáu chấm than (!!!!!!)
mười hai chấm lửng (............)
và bốn chấm hết (./. ./. ./. ./.)

thử làm một bài thơ thiền:
giấy
(chưa viết)
thì trắng
(bài thơ trên
có thể đặt tên:
bát nhã ba la mật.
hay công án một-nghìn-không-trăm-lẻ-tám
đại loại)

thử làm một bài thơ
tân kỳ
hù dọa anh em

KHÁNH TRƯỜNG



LƯU CÔNG NHÂN

hội an
cái làm tôi mê say

Ngay từ Hà Nội các bạn trẻ trùng tu Hội An đã bảo tôi:

- Anh sẽ được ngồi ở những căn nhà cổ, những vườn cây, anh sẽ nhấp nháp chén trà, ly cà phê, nhả khói thuốc lá len lỏi vào những cột kèo châm trổ tinh vi...

Tôi nghe nói hấp dẫn lắm mà lòng vẫn không hào hứng gì cả.

Tôi chỉ muốn đi nhờ xe các bạn trở về Nam thôi...

- Thì cứ thử đi mà xem ông Nhân ơi.

- Vâng, cái đô thị cổ này dù còn giữ nguyên vẹn cũng đến giống như Móng Cái, Lạng Sơn hay cái xó Hà Cối hẻo lánh thôi chứ gì...

Đêm sau tôi đến Huế. Tôi đã gặp chàng kiến trúc sư Ba Lan Kazik vui tính, luôn miệng: "Faifo magnifique, très magnifique".

Rồi đến Đà Nẵng. Tuy chỉ còn 15 cây số, nhưng xe dừng ngủ Đà Nẵng.

Tôi đã sốt ruột về hai chữ Hội An.

Rồi cũng phải đến Hội An.

Đường ra biển. Gió biển và phi lao reo.

Bắt đầu vào đô thị cổ là chợ và giếng.

Tất cả một màu xanh rêu.

Quả là đẹp thật cái màu rêu Hội An!

Phải sống ở Hội An cả năm ròng, tôi mới thấy được cái sâu lắng của gam màu xanh rêu.

Không mấy ai lại bỏ thời gian hàng năm ra mà ngắm rêu: tường rêu, mái nhà rêu, gốc cây rêu, cống rãnh rêu... Rêu mọc hàng chục năm, hàng trăm năm, vài trăm năm, rêu nọ chồng lên rêu kia. Đây không còn là khái niệm của mảnh không gian nữa mà của thời gian đấy.

Và mấy ai đã thấy kỹ được hoa rêu. Mỗi mùa mưa đến, rêu lại nở hàng triệu bông hoa nhỏ xíu, chấm sáng, thêu hoa cái thảm rêu đã từng làm tôi ngây ngất. một thứ khảm xà cừ sơn mài lóng lánh!

Các buổi sáng sớm trải qua đêm mưa, cái màu xanh rêu trở thành óng chuốt. Một tấm áo choàng lông diêm dúa mà lại rất híp pi!...

Chỉ trong những ngày tháng mưa dài mới thấy hết được vẻ đẹp của Hội An. Những mái ngói ống âm dương cổ xưa ấy lại khoác bộ áo cây xương cá loang lổ, những cây nhọ nồi hoa tím trong mưa.

Mặt trời của những ngày nắng gắt đã làm chúng chết khô. Và nay trong mưa chúng bừng tỉnh dậy giấc mơ cổ tích. Tôi đã bao phen vẽ không nổi cái vẻ đẹp vô song, chỉ có thời gian của thế kỷ mới tạo được ra ấy.

Mỗi người có một thích thú riêng trong cái ăn uống:

Tôi đã lang thang khắp các nẻo đường đất nước. Hội An cũng có những nét chung của một số tỉnh biên giới phía Bắc nhưng vẫn có nét rất riêng Hội An. Cái ly tàu chiếng (sữa đậu nành) tôi ngồi uống đêm vỉa hè Móng Cái rét cóng hay bên bờ sông Tam Bạc nhửng đêm mưa không gợi cảm trong tôi chất men họa sĩ bằng những sáng sớm lững thững đi qua hai hàng phố cổ để đến tựa lưng vào cột gỗ chạm hình con cá của quán tàu chiếng Hội An, phố Tàu, nhấm nháp, vẽ dăm nét người con gái bán hàng nóng bỏng và thơm phức!

Ở Hội An ngồi đâu cũng vẽ được tranh, đứng đâu cũng tìm ra góc đẹp.

Đô thị cổ Hội An chỉ có ba dãy phố ngắn đầy hấp dẫn, tận cùng bằng một cái chùa Cầu chứa bút tích của thân sinh thi hào Nguyễn Du: Cụ Nguyễn Nghiễm.

Hãy leo lên một gác cao nhìn xuống những đầu hồi của hai dãy phố anh mới thấy được cái tài hoa của cha ông ta xưa về nghệ thuật đô thị.

Hội An là bố cục chặc chẽ của những góc vuông vừa cổ điển lại vừa hiện đại của Mondrian hay Juan Gris.

Toàn bộ đô thị cổ Hội An là những bức tranh đã vẽ sẵn!

Tôi có được xem một cuốn sách ảnh chụp Hội An. Ống kính máy ảnh quả bất lực với vẻ đẹp của Hội An. Một khoảng cách thị giác kỳ diệu: từ hai hàng phố ta ngắm nhìn nhau vẫn có cái cảm giác xa xôi riêng biệt, phiêu diêu, mà oái oăm thay lại chỉ một cái với tay là giáp mặt nhau được. Làm tôi nhớ đến câu thơ cổ: "Trong gang tất lại gấp mười quan san".

Đúng là cha ông ta làm nghệ thuật đô thị cổ Hội An không phải để cho máy chụp ảnh: các cụ ta sống trong phố với rượu, thơ và họa.

Tôi đến Hội An một ngày mưa như trút nước. Định ở lại một tuần rồi đi, thế mà chỉ vì mê vẻ đẹp Hội An, tôi đã sống trọn một năm! Tết cũng không về nhà.

Tôi tìm được căn nhà vô chủ giữa chợ. Ô tô thị ủy chở dùm tôi đồ lề vẽ. Hai anh ở Hội Văn Nghệ tỉnh tiễn tôi đến tận chợ rồi bỏ về.

Họ để lại tôi một mình giữa cái chợ vắng đêm mưa lạnh, có ý thưởng cho tôi một mình lạnh lẽo, cô đơn thui thủi. Thì cái đời họa sĩ đâu có giống đời văn công hay điện ảnh mà đàn đúm được.

Phải lặng lẽ sống và lặng lẽ vẽ.

Căn nhà tôi ở giữa chợ. Một cái chợ cổ truyền. Con cá Hội An, miếng thịt heo Hội An, cọng rau Hội An, tất cả mọi thứ Hội An đều ngon đậm hơn tất cả mọi địa danh Quảng Nam Đà Nẵng.

Cũng chỉ ở Hội An mới còn món cao lầu cổ truyền. Một món ăn có chất thô sơ của tranh Tahiti của Gauguin. Cao lầu Hội An là sự trở về cội nguồn của gam màu rêu xanh.

Cũng là một phát hiện ẩm thực.

Hội An có rất nhiều hẻm thơ mộng, những cái quẹo bất ngờ (ở sau mỗi hẻm, mỗi quẹo mình sẽ gặp ai hay sẽ gặp lại chính mình). Những bờ rào cây xén gọn, những cây nhỏ bám tường nở trắng hoa dại cheo leo lóng lánh với ánh sáng ban mai rớt vào hẻm nhỏ, hứng những giọt sương sớm. Ở Hội An đây, tôi muốn chuyển cái thông diệp màu xanh rêu, một vẻ đẹp riêng của Hội An tới mọi người dân khu phố cổ. Tôi đã không thành công. Bà con ta cứ mỗi Tết đến, hễ có tiền là cạo phăng rêu phong mà đem quét tất cả các tường rào một màu vôi trắng xóa như thị trấn bị dịch hạch vậy.

Bọn họa sĩ chúng tôi còn được coi là dở hơi khi đứng hàng giờ ngắm một cây cụt cành sắp chết, một tàn lá sâu ăn làm kén treo lơ lửng như tranh thủy mặc. Có phải những cái ngỡ như vô ích ấy là để trấn áp sự thực dụng trắng trợn ngày hôm nay chăng?

Tháng chạp ta đã đến. Tôi ăn Tết ở Hội An.

Chiều ba mươi Tết, tôi vẫn cắp cặp đứng vẽ đầu đường.

Một cụ già chạy ra bảo tôi:

- Ba mươi Tết rồi mà anh chưa về nhà ư anh Nhân?

- Thưa cụ, năm nay cháu ăn tết tha phương Hội An.

- Tết thì phải về nhà chứ, hay anh không có quê?

"... hay anh không có quê... để về ăn tết." Chỉ có ở Hội An này mới nhắc cho tôi cái chân lý ấy mà hàng bao nhiêu cái Tết, tôi tha hương chẳng hề nghĩ đến... mình chẳng có quê... Tấm lòng cổ xưa đẹp đẽ của người già Hội An làm tôi ứa nước mắt và phút chốc tôi thấy cái tội nghệ sĩ lang thang của mình đối với ông bà cha mẹ vợ con.

Trở về căn buồng lạnh lẽo cô đơn gần phút giao thừa.

Pháo Tết đã nổ.

Tôi thắp nén hương cho bố mẹ tôi và nghĩ đến một cái gì không có tên gọi

nữa.

Pháo càng nổ ran. Giao thừa đã điểm.

Tết Hội An đúng là TẾT.

LƯU CÔNG NHÂN
(Trong nước)



CHẾ LAN VIÊN

một bài thơ tình hội an

Tôi chẳng yêu ai ở Hội An cả, nhưng tôi yêu đô thị cổ ấy. Tuổi thơ tôi đã ở đấy (6, 7 tuổi). Nhân xem các tranh anh Lưu Công Nhân vẽ về cao lầu Hội An, tôi tặng riêng anh bài này. Cũng là tấm lòng tôi mến anh và tài năng anh.

CLV.

Hội An chẳng là quê
mà là lương, khổ thế
quên quê, ai có thể
lương ư, ôi dễ gì

Fefô, ta phe nào
ôi, Adi đà Phật
cái phe toàn nước mắt
chỉ phố toàn nỗi đau

Yêu ở đâu thì yêu
về Hội An xin nhớ
hôn một lần ở đó
một đời vang thủy triều

Xin chớ hôn gần bể
từng đêm sóng đuổi người
hồn ta hóa tượng Hời
nửa khôn rồi nửa dại

*Anh là Khỉ chùa cầu**
mắng xong anh, em hkóc
hương chùa hay hương tóc
mắng khỉ mà người đau

Thế rồi ta xa nhau
anh lên đài Vọng hải
tìm em mùa hoa dại
hoa đấy còn em đâu

Không cần gặp Thiên tào
đòi một đời hạnh phúc
Chỉ cần cùng nhau khóc
một giờ trong cao lầu

CHẾ LAN VIÊN
(Viết tại bệnh viện
Chợ Rẫy trước khi mổ phổi)
9.8.88

---

* Chùa Cầu Hội An có hai tượng con khỉ.



NGUYỄN ĐỖ

không đề ga

cứ mỗi chiều ta lại tìm nơi trú ẩn
tìm kỷ niệm như trèo đèo tìm quặng

nhiều lúc muốn ra ga xe lửa
tìm lão tẩm quất partisan
nhấp chén trà xứ Bắc
nhấm nháp còi tàu sờ sẫm chân trời

ngược cũng ừ, xuôi cũng được
có tàu có chen lấn là vui
cuộc đời đẹp vang vang tiếng guốc
toa đen bàn tay đen

ơi những chuyến phà Tân Đệ
trăng soi Bến Đò Quan
đèn vỏ đạn nhập nhờn ga Thanh Hóa
ta hun hút đường ray đêm đại hàn

NGUYỄN ĐỖ
(Sài Gòn 18.2.1993)



KHẾ IÊM

thơ, một giả dụ



Khế Iêm qua Duy Thanh

Nhà thơ Stéphan Mallarmé, khi trả lời một người bạn, ông nói: "Chúng ta không thể làm thơ với ý tưởng, và chỉ có thể làm thơ với chữ." (1). Chữ! Cái đơn âm gợi cho ta nỗi cô độc, ngạc nhiên và bí ẩn.

Một nhà thơ đến với thơ từ thời thanh xuân, có khi thơ lạc hắn, có khi hắn lạc thơ, nhưng thơ và người luôn luôn chia xẻ với nhau nỗi nhọc nhằn. Chữ cùng nhà thơ thấm nhiễm hạnh phúc và thương đau của cõi người. Chữ có mồ hôi và hơi thở. Chữ có thực một đời sống.

Từ lâu nay, chúng ta có thói quen đối xử với chữ như một phương tiện, dùng chữ theo một ý đồ và vì thế không bắt được cái thần của chữ. Chữ đứng cạnh nhau, thay đổi mệnh số và làm khác nghĩa nhau. Thậm chí một chữ đứng trước hay sau một chữ khác có thể biến từ trừu tượng thành cụ thể, thực đến nỗi ta có thể sờ thấy được.

Thơ là kết hợp tài tình giữa âm thanh và nhịp tiết của chữ, là sự hài hòa giữa đời sống thực và đời sống ngôn ngữ. Không có đời sống và chữ, không có thơ. Ý, lời, nhịp tiết xoắn lại làm thành ngôn ngữ thơ. Có khi ý làm mất lời, có khi lời làm mới ý.

Người làm thơ đối xử với thơ thế nào, thơ đối xử với hắn như vậy. Giả dối và chân thực là hai thái cực. Thơ chỉ chấp nhận một, và tuyệt đối.

Với người đọc, hiếm có người biết trân quí thơ. Đọc thơ phải nhìn bằng mắt và nghe bằng tai. Nhìn bằng mắt để bắt được khoảng không gian bay lượn của chữ. Nghe bằng tai để bắt được cái thời gian của nhịp tiết. Đọc thơ là một quá trình phải tập luyện. Một bài thơ có khi phải đọc cả trăm lần hơn (2). Và

một bài phê bình hay là chỉ ra được một cách đúng đắn giá trị đích thực của tác phẩm.

Tác phẩm có giá trị tự thân, không liên quan gì đến những lời bình phẩm mang tính cách như những nghi lễ bùa chú.

Thơ là một hành trình tiếp nối và phủ nhận. Ngôn ngữ hủy hoại chính nó để khai mở một ngôn ngữ mới. Điểm mấu chốt này chúng ta phải nắm được nếu muốn có kinh nghiệm thơ.

Không có bài thơ nào vượt thời gian cũng như không có ai sống mãi. Bất tử là một tư tưởng đáng ngờ, một phỉ báng. Bài thơ chấm dứt ngay khi nó khai sinh. Đó là khoảng khắc khởi đầu và kết thúc giữa hy vọng và tuyệt vọng. Nhà thơ là kẻ biết quên đi chính hắn.

Bởi nếu hắn còn nhớ hắn là một nhà thơ, hắn không làm thơ được nữa. Vô danh là một đặc tính khác của thơ.

Thơ, một ẩn nghĩa của sáng tạo, là làm mới ngôn ngữ và thể cách, ý và lời, âm thanh và nhịp tiết. Thiếu yếu tính đó, không thể gọi là thơ. Nhà thơ, hắn phải tạo ra ý, lời, nhịp tiết cho chính thơ hắn. Vay mượn hay lập lại là một thất bại, kết liễu sự khả tín nơi người đọc.

Thơ không trường phái. Siêu thực hay hiện thực chỉ là sự phát hiện mang tính cưỡng bách. Ngôn ngữ thơ đối nghịch với ngôn ngữ toán học (3). Sự lầm lẫn giữa hai là một đưa tới giả thiết, sự sùng bái quá đáng kỹ thuật phương Tây. Điều này Krishnamurti đã phản đối (4), và là nỗi bận tâm của những nhà cải cách giáo dục đương thời (5).

Vần điệu (ryhme) trong thơ đều chữ (closed form) và nhịp tiết (rhythm) trong thơ tự do (open form) là hai vấn đề khác nhau của kỹ thuật sáng tác.

Bài thơ hay mà không hiểu được là sự mâu thuẫn. Đó là cái giá phải trả của sự đơn độc mà nhà thơ phải chịu. Thơ đẩy ngôn ngữ đến cùng tận. Đòi hỏi thơ phải đơn giản, dễ hiểu không khác nào đòi thời gian phải ngừng lại. Sự phi lý đến ngây thơ đó, tưởng như một chân lý, hóa ra chỉ là sự phỉnh gạt. Thơ dứt khoát không có tính bình dân hay bất cứ tính nào khác. Ngoài tính thơ.

Thơ đồng thuận với thời gian và chiều dài của đời sống. Thơ không dừng lại, dù chỉ một tích tắc.

Thơ phá vỡ truyền thống và khuôn mẫu, để đi tìm chân tính.

Chúng ta có thể có những thời kỳ bắt đầu (với ca dao) nhưng không hề có thời kỳ kết thúc cho thơ. Nó ở vô tận.

Mỗi ngôn ngữ mang cái bản sắc riêng của từng dân tộc. Nhà thơ, kẻ đi tìm bản sắc cho chính hắn, cái nguồn cội mập mờ, thực lẫn mộng.

Thơ Việt Nam đang gảy cung đàn lạc điệu. Đằng sau là những dòng sông nhỏ, đằng trước là cuồng lưu và biển rộng. Bước tới không được, quay lại không xong. Hãy hỏi lại lòng mình, và với thơ, đâu là con đường chúng ta

đang đi?

Gần nửa thế kỷ qua, thơ Việt Nam vẫn rập theo cái khuôn mẫu Tiền Chiến, thoát thai từ một xã hội còn ở trong thời kỳ nông nghiệp. Thơ dễ hiểu, dễ nhớ, đơn sơ ở cấu trúc và dụng ngữ. Chúng ta chưa có những tài thơ lớn làm chuyển đổi quan điểm mỹ học và mở ra cho thơ một cách nhìn mới. Chúng ta có quá nhiều người làm thơ, và rất hiếm nhà thơ.

Nhà thơ, ông ở đâu?

Chúng ta ngủ quên đã quá lâu rồi, thay đổi đi.

KHẾ IÊM

Chú thích:

(1) "You can't make a poem with ideas - you make it with words!"

(2) "Not all poems are difficult, of course, and some can be understood and enjoyed on first seeing. But good poems yield more if read tuice, and the best poems - after ten, twenty, or a hundred readings - still go on yielding." (X.J. Kennedy, Literature, Boston . Toronto, 1979). Lược dịch: Không phải mọi bài thơ đều khó. Một số bài có thể nhìn qua một lần là có thể hiểu được. Bài thơ coi là được cần phải đọc đến hai lần. Nhưng bài thơ hay cần phải đọc mười lần, hai mươi lần, có khi cả trăm lần hơn.

(3) "To write so clearly that they might bring "all things as near the mathematical plainness" as possible. Such an effort would seem bound to fail, because words, unlike numbers, are ambiguous indicators," (Literature). Lược dịch: Cố gắng viết thật rõ ràng để đưa sự vật gần với toán học là một thất bại, bởi vì không giống những con số, chữ là lối biểu thị có nhiều nghĩa.

(4) Để được rõ xin coi lại những tác phẩm của J. Krishnamurti, và những tác phẩm viết về ông của Stuart Holroyd.

(5) Xin xem Allan Bloom, The Closing of the Americam Mind, Simon and Schuster, New York, 1987.

Alvin C. Eurich, Reforming American Education, New York and London, 1980.



NGU YÊN

phải chi yêu muôn thuở chẳng là tình

Phải chi em chẳng phải là người
Anh có một đời yêu như liêu trai
Sáng ấy yếm Sương
Trưa theo dấu Tuyết
Chiều mê Thu không chừa một chút lòng
Đêm với Hồng hoặc Lan hoặn Huệ

Phải chi anh chẳng phải là chồng
Hiến cả một lòng thương Nguyệt trêu Hoa
Mùa xuân yêu Mai
Mùa đông yêu Trúc
Ngất ngưởng đáng thay mấy chục năm dài

Phải chi em chẳng phải là vợ
Anh thích người tình muôn thuở như em
Mỗi khi yêu dấu em là khách lạ
Hương tóc đêm này Hồng, Huệ hay Lan?

Phải chi yêu muôn thuở chẳng là tình

cởi ra

Đừng nói chi nhiều. Vô ích
Hãy cởi ra
Em muốn. Tôi muốn. Đủ rồi
Có những hành vi không cần khách sáo
Có những tâm tình không phải che dấu
Có những nhu cầu không nên giải thích
Có lúc làm người không cần lý do

Hãy phơi ra nắng những thầm kín
Hãy treo trong gió những mắc cở
hãy đăng lên báo những mặc cảm

Cởi tuột xuống những đức hạnh điểm trang
Cởi vất đi những danh từ lý tưởng
Cởi xem lại những niềm tin thói quen
Cởi hết ra những che đậy
Chúng ta làm nhẹ bớt những phù du

Cởi ra. Tuột xuống
Đến với nhau
Này anh chị em, sao chờ mãi làmchi?

NGU YÊN



HUỲNH MẠNH TIÊN

đôi bờ liệt sĩ

Bưởi vườn trăng mở vành trắng mộng
Người lặng ngồi dở di ảnh đen
Đêm, hoa mượn gió về tinh thụ
Ngày, cha nương hình quật mộ tang thương

nhà thơ

Đất khô cằn nuôi câu vú sữa
Sữa nuôi người từ thuở nằm nôi
Mẹ nuôi tôi cả thời nhỏ dại
Tôi lớn rồi, mẹ vẫn nuôi tôi

HUỲNH MẠNH TIÊN



TRẦN HỒNG HÀ

kẻ đào tẩu



LTS: *Ký sự sau đây có thể xem là một tác phẩm văn chương độc đáo. Qua cái nhìn thông minh, hoạt kê nhưng không kém phần cay đắng, Trần Hồng Hà đã vẽ lại, bằng những nét phác rất chuẩn xác và sinh động, toàn bộ khung cảnh một "trại đào tẩu" trên đất Tiệp, cùng tâm tư, tình cảm và những lý do thầm kín của người Việt tị nạn tại quốc gia này.*

Hợp Lưu

1. MỘT SỰ NGẪU NHIÊN

Tốt nghiệp xong Đại Học, có bao nhiêu mơ ước—phần lớn sẽ mãi là mơ ước cho đến già—tôi bước vào đời. Ra khỏi phòng thi quốc gia như trút được gánh nặng trên vai. Năm năm học, năm chục kỳ thi, những khuôn mặt rất khó thương của mấy ông giáo sư già lần lượt được cái bộ óc nửa già nửa trẻ của tôi xếp vào chỗ gọi là ký ức để sau này còn có cái mang ra dọa trẻ con. Hôm nhận bằng, tôi vơ túm tụm nhét vào túi không biết bao nhiêu tờ A4, A5 quảng cáo việc làm. Chỗ này rất tiện đi lại, chỗ nọ lương cao, chỗ kia tập thể nhân viên dễ chịu... Tôi như thằng tướng tồi lạc vào bát trận đồ.

Cuối cùng tôi quyết định đi dạy ở một trường nghề. Chẳng phải vì hôm nhận bằng, một cậu Tiệp đã thốt lên những câu đầy tâm huyết: "Chúng tôi hứa sẽ truyền lại kiến thức tích lũy được dưới mái trường này cho các thế hệ mai sau." Cái chính vì tôi thấy cảnh bọn học trò ở tuổi 16, 17 lố nhố trong lớp học chỉ chờ thầy giáo sơ hở để trêu trông ngồ ngộ. Nhưng có lẽ hình ảnh một thằng Việt Nam nhỏ bé (ra đường chắc skinheads đuổi chạy không kịp) lên lớp cho hơn bốn chục cô đầm cậu Tây đã đưa tôi đến quyết định này.

Sau cú phone, ông Hiệu Trưởng gọi tôi đến xem mặt. Từ chỗ ông, tôi ra về với một xấp các loại hợp đồng. Tôi bảo cho tôi thời gian suy nghĩ thêm trước khi nhận lời, nhưng bụng bảo dạ tuần tới cũng nên đến lấy tài liệu còn kịp soạn giáo trình cho năm học.

Đang say sưa với những viễn cảnh do tự mình vẽ ra, nào là phải vay tiền ở đâu để mua bộ áo quần tử tế mà lên lớp, nên nghiêm khắc hay thân thiện với học trò, có nên cho điểm bốn, lúc học trò xửng cồ có nên bỏ chạy không... thì Barbara, cô bạn gái người Tiệp, gọi điện thoại cho tôi.

"Mày làm cho tờ báo lâu, chắc quan hệ với người Việt nhiều. Bộ Nội Vụ đang cần một phiên dịch tiếng Việt cho Trại Tỵ Nạn, mày cố tìm cho tao một đứa được không?" Xưa có lần tôi lỡ bảo vì cô ấy tôi có thể làm tất cả mọi chuyện trên đời. Đương nhiên không thể nói "Không" lần này.

Chắc các bạn đã có lần được dịp khổ sở với lời hứa của mình. Tôi chạy khắp từ Đông sang Tây. Bạn bè tôi, đứa thì mải lo làm ăn, đứa thì mải làm bằng Tiến Sĩ. Bắn không nên, ắt phải đền đạn. Tôi phải tự ra nộp mạng. Hôm sau tôi gọi điện trả lời ông Hiệu Trưởng. Chắc ông không nghĩ tôi sẽ từ chối nên rất buồn. "Tao đã lo xong nhà cho mày." Tôi thấy mình là thằng khốn nạn, định tự bạt tai một cái chợt nhớ ông Hiệu Trưởng đằng nào cũng không nhìn thấy nên thôi. Sau khi cảm ơn ông, tôi với vát thêm một câu chắc chắn rằng suốt một đời tôi sẽ mãi mãi tôn trọng nghề sư phạm.

Bộ Nội Vụ cho xe Tatra chở tôi lên Trại Tỵ Nạn. Trời tháng mười đã bắt đầu lạnh. Tôi lơ đãng nhìn hai hàng cây bên đường với cảm giác càng đi là chúng càng có vẻ vàng thêm. Thỉnh thoảng tôi nghe lõm bõm câu chuyện của hai bà luật sư đi cùng.

"Nó vừa tăng giá thịt xong. Mày tưởng tượng giờ tao không dám mua thăn nữa."

"Ừ, đi tàu điện giờ không có vé bị phạt gấp đôi hồi trước đấy."

Tài xế chốc chốc lại quay sang tôi, "Việt Nam mày ăn đũa phải không... Có lần tao xem ti vi thấy quay cảnh dân cày Việt Nam nghỉ lao ăn cơm ở ngoài đồng. Họ trải chiếu bày ra nào tôm, thịt... Mà sao họ dùng đũa khéo thế nhỉ..."

Tôi định nói, "Đấy là mày thấy cảnh dân cày ăn cơm trong phim thời sự chính phủ..." nhưng lại thôi. Cứ để cho gã bị lừa có khi hay hơn.

Xe càng đi, mọi người càng ít nói. Tôi lim dim mắt tựa cửa xe giả vờ ngủ. Được một lúc chiếc xe chợt cua sang phải, sang trái rất mạnh, làm tôi mở mắt ra. Nó đang chui vào rừng. Vòng vèo nửa tiếng, anh tài dừng lại trước một cánh cổng sắt cao chừng 4 mét, trên còn hai, ba hàng rào dây thép gai. Một anh chàng bận quần áo cảnh sát đen dắt chó ra mở cổng. Mọi người trình thẻ có dấu Bộ Nội Vụ Liên Bang. Cặp mắt tên bảo vệ lướt đến tôi, nửa ngạc nhiên, nửa tò mò. Tôi không có thẻ. Khi nghe nói tôi là phiên dịch mới lên nhậm chức, mặt hắn giãn ra một tý rồi quay vào ấn nút nhấc cái rào cản lên.

KẺ ĐÀO TẨU

Người Tiệp giành cho dân tỵ nạn một danh từ nghe không lọt tai mấy: *uprchlik — kẻ đào tẩu.* Cách đấy không lâu, một anh bạn tôi đã làm rùm beng ở đây vì danh từ này. Anh đâm đơn xin tỵ nạn chính trị, vào trại bị gọi là "kẻ đào tẩu", anh xửng cồ cãi rằng anh không "đào tẩu" từ đâu cả. Anh sang bên này đi học là sang tự nguyện, thậm chí trước khi đi còn tự tay viết ba bản cam đoan, hứa sang bên này chuyên tâm rèn luyện, học đạt điểm khá hoặc tốt để mai ngày còn về phục vụ tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Khi chúng tôi đi cũng vậy, mượn một bản mẫu về ngồi chép lấy chép để. Nhà trường ra lệnh cấm đánh máy vì hai lý do: thứ nhất đánh máy (kể cả không kẹp giấy than) thuê người khác làm được, như vậy có thể đánh giá thiếu phẩm chất. Thứ nhì, phải tự tay viết đi viết lại bảy, tám trang thì nó mới nhớ. Tôi nhớ đến tận bây giờ câu nói của một ông giáo, "Xưa các thế hệ cha anh còn lấy máu viết cam đoan, nay các anh bút máy Hồng Hà, mực Cửu Long mà còn than phiền à?" Trở lại chuyện, anh bạn tôi nhất định không chịu nhận nhãn hiệu kẻ đào tẩu. Nhân viên trại cuối cùng phải giở luật ra. Trên giấy trắng mực đen in thành dòng chữ đậm:

"LUẬT 498 ngày 16-11-1990 về những kẻ đào tẩu."

Luật là luật. Anh không thích làm kẻ đào tẩu ở Tiệp, chỉ còn cách xin anh "tẩu" sớm về Việt Nam. Anh bạn tôi chắc phải suy nghĩ lung lắm trước khi quyết định để cho họ ghi ba chữ quý hóa kia vào hộ chiếu. Khó nghe thật đấy, nhưng dù sao chúng cũng hợp pháp hóa sự có mặt của anh ta ở đất nước này.

HY VỌNG

Khu giành cho những "kẻ đào tẩu" nguyên là trại lính Nga. Sau khi rút hết khỏi Tiệp Khắc năm 1991, những ông khách không mời này để lại một gia sản chẳng mấy đẹp đẽ. Bao nhiêu bãi mìn gỡ không hết, bao nhiêu vùng đất bị ô nhiễm nặng bởi xăng dầu và chất hóa học, bao nhiêu bãi tập trọc trụi, cỏ cây sợ không dám mọc. Tệ nhất là những khu trại được xây dựng nơi rừng sâu núi thẳm, các "vị trí chiến lược"—sửa lại làm nhà ở cũng dở, làm trường học còn dở hơn. Chính phủ Tiệp vì vậy quyết định tu bổ lại một số nơi làm khu nghỉ mát cho các cụ phụ lão đã hết tuổi vui thú chốn đô thị ngột ngạt. Số còn lại không "nghỉ mát" được đành dùng làm "trại an dưỡng" cho những "kẻ đào tẩu." Nói đến trại lính, lại lính Nga, chắc ai cũng mường tượng được nó trông ra sao (Chỉ xin lưu ý một số người có trí tưởng tượng quá phong phú rằng ở đây không có lò tra tấn và không có ma). Mấy ngôi nhà xây "thần tốc" nằm lổn ngổn giữa khu đất rộng. Mấy cây thông xen dọc con đường vào để lộ tuổi thọ của trại; chúng đã cao gần bằng ngôi nhà ba tầng. Dân tỵ nạn hằng ngày vẫn qua đây đến nhà ăn. Đây là lúc duy nhất người ta thấy trại có vẻ còn sống. Tốp tốp người các màu da, các tiếng nói mặt mày tươi tỉnh hơn lúc bình thường, lũ lượt kéo nhau vào căn phòng rộng tầng 1 nhà chính. Tôi cảm tưởng

những kẻ khốn khổ này đặt khá nhiều hy vọng, nếu không nói là tất cả vào mấy bữa ăn. Hình như phía trước họ cái gì cũng mờ nhạt, cũng xa vời. Chỉ có những bữa ăn có vẻ hiện hữu mà thôi.

Nhà ăn được chia làm hai phần, cho nhân viên và cho dân tỵ nạn. Tôi được xếp vào hạng một, nhưng thường ngồi ăn phía ngoài cùng tỵ nạn. Hình như mình gần với họ hơn. Phòng ăn bé nên trại phải chia làm nhiều ca. Ca 1 từ 12:15 đến 12:45 giờ trưa, ca hai từ 12:45 đến 13:15 giờ trưa... Nhân viên được vào trước, lúc 12 giờ. Dân tỵ nạn đứng chờ ngoài cửa. Mỗi bữa một người được phân công đứng chặn cửa ra vào. Tôi cảm tưởng nếu người kia sơ ý buông tay giữ cửa, chắc phía ngoài sẽ ùa vào như dân mình cướp kho thóc Nhật năm 45 vậy.

Đôi khi đang ăn, bất giác nhìn ra cửa ngoài tôi bắt gặp ánh mắt của mấy đứa trẻ chờ cơm. Nếu ai về Việt Nam, qua vỉa hè thấy cái nhìn của những đứa bé hành khất, ánh mắt những đứa trẻ ở đây cũng gần giống như vậy. Chúng bị bỏ đói chăng? Mỗi ngày ba bữa, bánh mì không hạn chế, chắc không phải vậy. Chúng cũng không phải là người lớn để suy tư về tương lai, nhìn thấy cái mờ mịt của nó khiến những hy vọng mất đi điểm tựa mà quay về với cái tầm thường như miếng ăn. Tôi đoán chắc ở quê những đứa trẻ kia bị đói không phải một lần. Chúng sợ, nỗi sợ thật giản đơn: biết đâu cái người giữ cửa kia một lúc nào đó sẽ nói rằng thức ăn chẳng may bị thiếu, không còn phần chúng...

VIỆC NƯỚC VIỆC NHÀ

Chiếc xe dừng trước cửa nhà chính. Sau khi giới thiệu tôi qua loa với nhân viên trong trại, Giám đốc đẩy tôi cho bà quản gia với yêu cầu lo chỗ ăn ở. Bà dẫn tôi vào kho, vừa đi vừa thanh minh, hiện khu nhà giành cho nhân viên đang sửa nên bà phải nhét tạm tôi vào cùng dân tỵ nạn. Bà phát cho tôi một cái chăn chiên, bộ *ra* (draps) trải giường, khăn mặt, khăn lau tay, xà phòng, thuốc đánh răng, bàn chải; chắc theo thói quen vì xưa nay dân tỵ nạn đến bà vẫn làm vậy. Tôi phì cười trả lại gần hết, chỉ giữ lại bộ *ra* và cái chăn.

Khu nhà tỵ nạn ở được chia làm nhiều buồng. Mỗi buồng có hai phòng lớn, nhà bếp và chỗ vệ sinh. Nhà bếp được sửa thành phòng ở, và vì nó bé nên chỉ đủ kê một cái giường. Bà cho tôi vào đây. Việc đầu tiên tôi phải đi mượn xô để lau nhà vì trước tôi có anh đào tẩu nào đó ở khá bẩn. Tôi ra buồng tắm hứng xô và vặn vòi. Có tiếng ồ ồ vọng lên từ rất xa nhưng nước không chảy. Nhớ đến những ngày ở Việt Nam tôi định thò mồm vào hút, nhưng nghĩ không tiện lắm lại thôi (Ở nhà ngày trước nước thường rất hiếm, có chăng cũng chỉ lưng lưng ống; thằng cuối nguồn chửi thông qua thằng đầu nguồn được). Chuyện rửa ráy cũng đành tạm gác, vì sau đó tôi đọc trên bảng thông báo nước chỉ chảy từ 22 đến 24 giờ. Cũng nhờ nó tôi biết thêm rằng, tội phí phạm nước uống bị phạt rất nặng. Tuy nhiên đối với tôi không phiền hà gì lắm, bởi bình thường tôi chỉ tắm vào chủ nhật, khi người ta đi rửa tội ở nhà

thờ. Đôi khi vào những ngày lễ lớn, như Quốc tế Lao động chẳng hạn.

Treo quần áo vào tủ xong, tôi quyết định đi thiết lập quan hệ ngoại giao. Gõ phòng bên cạnh nghe tiếng léo nhéo tôi đẩy cửa vào. Một mùi rất lạ suýt đẩy bật tôi ra ngoài. Quyết tâm giao hảo kéo tôi vào. Căn phòng cỡ 15 mét vuông, kê bốn giường và hai cái tủ. Để còn chỗ đi lại, người ta phải chồng giường lên nhau. Nhìn qua, tôi đoán những người dân cư phòng này là dân Ấn Độ, sau mới biết họ từ Sri Lanka. Đó cũng là thông tin duy nhất tôi thu nhận được sau nửa tiếng đồng hồ chuyện trò. Họ tưởng tôi cũng là thằng đào tẩu nên mang một đống quần áo cũ ra cho. Tôi lịch sự từ chối. Về nhà nghĩ lại mới thấy hoảng: chẳng lẽ mình rách rưới đến mức dân tỵ nạn họ thương mang cho quần áo. Soi gương, thấy có hơi xộc xệch nhưng vẫn lành lặn, tôi thấy hơi yên tâm. Ở một thời gian, tôi mới biết mấy thứ đó họ xin được trong đống đồ đạc dân tỉnh quyên góp.

Ngủ ở nhà mới hai ngày, tôi thấy hình như thiếu thiếu cái gì đấy. Thực ra, nếu thiếu thì thiếu nhiều thứ lắm: đài, tivi, tủ lạnh, bếp, cốc chén, ấm đun cà phê... Nhẩm đi nhẩm lại hóa ra mình thiếu cái gối. Tôi xuống than phiền với bà quản gia. Bà chỉ đường cho tôi ra ga ra, đưa chìa khóa rồi bảo thích cái nào cứ tha hồ chọn. Mở cửa, bật đèn, tôi giật mình khi nhìn thấy mấy trăm cái gối nằm lẫn với những tấm lót giường thành đống ngồn ngộn. Tôi leo lên đỉnh (quên không tháo giày) và dừng lại thở. Vừa lôi cái gối từ trong đống ra, tôi chợt rợn người khi liên tưởng đến cảnh người ta lôi một xác chết từ ngôi mộ tập thể. Tôi nghĩ, biết đâu đầu của chú lính Nga gối cái gối này đã bay đâu mất theo mảnh đạn pháo. Quay trở vào, tôi bảo với bà, không tìm thấy cái nào đủ mềm, để mai tôi đi mua thôi. Bà nhìn tôi hồi lâu, bảo hình như tôi bị trúng gió, để bà đi tìm cho viên thuốc. Tôi nói nhà mới gửi sang cao sao vàng, bà khỏi lo. Đêm đấy tôi không ngủ được. Gần sáng, thiêm thiếp, tôi thấy có bóng đen đến rờ vào người. Tôi hất mạnh, bỗng cánh tay hất rụng ra rơi xuống đất. Vùng dậy, tôi bật đèn rồi để vậy cho đến sáng.

GẶP ĐỒNG HƯƠNG

Hôm đầu tiên vào nhà ăn, tôi thoáng thấy lác đác một vài đồng hương của tôi. Trông họ chẳng khác gì tôi, cũng mũi tẹt, tóc đen, da vàng, cũng nói một thứ tiếng rất khó lẫn mà bọn Tây thường bảo là tiếng ếch nhái kêu về đêm bởi nghe cứ ồm ọp, èm ẹp. Tôi thấy hơi lạ, con cháu nhà Rồng sao lại kêu giống ếch nhái được. Nhưng nghĩ, giải thích cho mấy ông Tây ngố rằng người Việt tao sinh ra từ cái bọc trăm quả trứng nghe chừng còn kỳ hơn. Tiếng Tây chúng mày nghe cứ xì xì như rắn hổ gặp lợn lòi thì đã sao. Mấy đồng hương trông thấy tôi không được tay bắt mặt mừng như tôi tưởng. Phần mình, tôi cũng giữ thái độ lạnh nhạt, cốt để còn "nghiên cứu" tình hình. Mấy người phiên dịch cũng chẳng mấy hân hạnh khi đón thêm tôi vào cái văn phòng vốn đã khá chật. Tối về tôi nghĩ, chắc mình đang "đi giữa hai làn đạn" đây.

Bà già kính cận Judová phòng tiếp nhận ngày đầu đã gọi tôi lên than

phiền về người Việt. "Mày biết không? Chúng nó không đi học tiếng Tiệp. Ngày nào cũng ngủ nướng đến mười một mười hai giờ. Chui ra trốn trại mang bia rượu vào uống, đập phá ầm ầm cả đêm. Chưa kể còn đánh cảnh sát."

Ra thế.

"Dân tôi ngày xưa đánh Pháp, quen vượt rào kẽm gai, đốt đồn địch, chắc thành di truyền mất rồi. Bà thông cảm."

Nói thì nói vậy, nhưng tôi thấy là lạ. Đã vào đến trại tỵ nạn, nhất là một nơi thanh tịch, khỉ không có mà ho, cò không có mà gáy, vẫn còn nổi máu hiếu chiến lên được. Tôi về nằm vắt tay lên trán nghĩ đến hai giờ sáng. Phải thuyết cho mấy ông này một bài mới được; vừa là để lập lại trật tự, vừa để ra oai một tí.

Đại khái thế này: "Chắc các bạn cũng thừa biết, tôi lên đây không phải vì không tìm được những chỗ làm khác tiện lợi hơn (Chắc họ sẽ hiểu tôi lên đây vì chính nghĩa đây). Tôi biết, chỉ có những người bị đẩy vào con đường cùng mới vào đây. Nếu có tiền, người ta có thể ở lại hợp pháp bằng cách mở công ty, hoặc nộp đơn xin vào một công ty đã tồn tại sẵn. Trước hết, tôi muốn mọi người nhớ rằng không ai bắt các bạn phải vào đây cả. Nhưng đã vào rồi, phải biết tôn trọng luật lệ một chút..." Tôi nói chừng nửa tiếng đồng hồ về luật tỵ nạn, về chuyện trục xuất sau khi thua kiện ở Tòa, về chính sách nhân đạo của chính phủ Tiệp Khắc, về con người Havel, về sự tận tình giúp đỡ và tấm lòng của những nhân viên trại mà tôi đã từng được tiếp xúc sau mấy ngày làm việc ở đây... và nhiều chuyện nhảm nhí tương tự giờ tôi không còn nhớ hết. Nói xong, tôi mới biết mình mang dao mổ trâu đi thịt chim sẻ. Trước họ không tiếp xúc với tôi vì sợ chứ không phải như tôi nghĩ. Họ biết tôi làm báo, nhưng tính đa nghi của người Việt bắt họ thận trọng — xem tay này có phải Bộ Nội Vụ cử xuống thăm dò xem họ bịa đơn ra làm sao không.

"Diễn văn ra mắt" của tôi không kéo họ gần lại, ngược lại càng làm họ sợ thêm. Ít nhất... nhưng họ cũng nghe tôi. Thôi thì cũng được. Tôi bảo họ, nếu muốn Giám đốc bỏ "cấm vận", thỉnh thoảng chớ có nện cảnh sát. Ngủ đến 12 giờ thì dễ chịu hơn, nhưng bảo đi học thì cố dậy sớm lúc chín rưỡi mà có mặt cho đầy đủ. Ai cũng ừ ừ gật gật. Đã hơi hài lòng, bỗng sực nhớ cha ông sau bao nhiêu vụ bị lừa trăn trối lại: Bút sa gà mới chết. Tôi mang giấy bảo họ ghi tên vào.

Được một tuần, tôi lên hội kiến với bà giáo dạy tiếng Tiệp. Bà cỡ xấp xỉ 50, người nhỏ nhắn (còn bé hơn cả tôi). Mặt bà trông giống công trình nghệ thuật của một họa sĩ tài ba, rất tiếc ông ta chết trước lúc hoàn thành tuyệt tác của mình. Bà chìa tay cho tôi bắt rồi mời ngồi. Nhớ lời dạy của ông..., tôi khen kiểu tóc của bà rất hợp với khuôn mặt. Nói xong câu đấy tôi thấy hài lòng với kết quả hai tuần dùi mài *Đắc Nhân Tâm* và thầm cảm ơn thằng bạn đã mua tặng tôi quyển này trước lúc tôi bước chân vào đời (Chắc ý nó muốn bảo trước đấy tôi cư xử với nó tệ quá).

Câu đầu tiên của bà chắc ai cũng đoán được, "Anh nói tiếng Tiệp khá quá. Nếu không nhìn thấy anh, chắc tôi không nghĩ anh là người ngoại quốc."

Tôi lắp bắp cảm ơn bà.

"Ai giới thiệu anh đến đây?"

"Thưa bà, tôi có ý muốn đến thăm bà. Hơn nữa cũng muốn bà đóng góp một phần, nếu có thể, vào việc lập lại quy củ giữa những người Việt ở đây."

"Tôi cũng có đôi điều muốn tâm sự với anh."

Nghe hai chữ tâm sự, tôi sợ quá. Bọn tôi trong Ban Biên Tập rất dị ứng với từ này. Một đống con trai với nhau—tâm sự. Hhhmmmm...

"Anh biết không, cua tiếng Tiệp ở trại chỉ có hai tuần, dạy abc thôi. Người Việt các anh phần lớn ở đây lâu, họ cũng biết đôi chút. Tôi nói chắc họ hiểu vì thấy gật đầu lia lịa. Chỉ phiền họ nói tôi không hiểu gì cả."

Tôi bảo bà chuyện đấy chẳng có chi lạ. Trước tôi có anh bạn còn biết "cười tiếng Tiệp nữa cơ" (Lúc không hiểu người kia nói gì, anh lại nhoẻn miệng cười thật tươi. Thường thì lúc nào anh ta cũng cười). Chuyển câu chuyện sang đề tài khác, tôi nói đang muốn tìm hiểu sưu tầm phong tục những vùng quê Tiệp Khắc, cảm phiền bà kể tôi nghe những tập quán quê bà. Bà say sưa. Tôi ngồi, mắt nhìn chăm chú, thỉnh thoảng gật gật đầu nhưng chỉ chực thời cơ ngắt lời bà. Cuối cùng sau gần nửa tiếng đồng hồ, tôi lồng vào được một câu: "Bà xem, người Việt đã có nhiều cố gắng, ít nhất họ đã bắt đầu đi học đều đặn như bà thấy. Vậy tôi mong bà nói giùm với Ban Giám Đốc bỏ lệnh cấm vận, thỉnh thoảng cho họ ra ngoài đôi chút." Bà gật đầu, chắc để đáp lễ mấy chục cái gật đầu của tôi suốt lúc bà kể chuyện. Tôi đứng dậy ra về sau khi hỏi mượn bà quyển giáo trình, nói để giới thiệu với người Việt, nhưng kỳ thực cốt để khen bà soạn mạch lạc dễ hiểu lúc trả.

Khi nghe tôi báo tin kể từ mai họ được trại cho ra ngoài, những đồng hương của tôi không nhảy cẫng lên vui sướng như tôi tưởng. Hóa ra bất chấp lệnh cấm vận của Giám Đốc, ngày ngày họ vẫn chui rào đi chơi. Giờ phải đi đường cái quan, vừa phiền phức khi phải trình thẻ, vừa khó chịu khi không xách được bia vào. Rốt cục tôi cũng thuyết phục được họ rằng, ra vào cổng nó đàng hoàng hơn, ngoài ra còn tránh bị đuổi khỏi trại nếu chẳng may chui rào bị bắt quả tang. Chắc có cái vế sau nên họ mới chịu, tôi nghĩ vậy.

Bù cho những cố gắng của tôi, đồng hương mời tôi tối đến ăn cơm rau. Trên cánh đồng gần lỗ hổng ở hàng rào, những hạt cải rơi rụng đã mọc thành cây. Một phần sẽ được cày úp làm phân, một phần đồng hương tôi hái về nấu ăn. Bữa chiều hôm đó có hai món: gà kho *à la* khu bốn và rau cải xào. Hơn chục con người xúm quanh cái xô nhôm ngày thường chị em vẫn làm nhiều việc khác, giờ lưng lưng rau xào. Một cậu thay băng nhạc rock vào chiếc máy cassette, bảo mọi người theo nhịp trống mà thò thìa vào xô cho đều đặn. Không am hiểu âm nhạc lắm, nhưng cứ nhìn tốc độ ăn tôi nghĩ chắc nhạc này ít nhất phải chơi ở gam Đô trưởng. Mười phút sau cái xô hoàn thành phận sự của mình và bị quẳng xuống sàn nhà một cách không thương tiếc, nhường

chỗ cho mấy cái cốc vại cùng loại với bọn trong nhà ăn. Một cậu vừa nhận được chè ướp sen từ Việt Nam. "Chè tam, rượu tứ", hơn chục người uống vào vẫn thấy ngon. Sự ngờ vực đối với cá nhân tôi cũng giảm đi được phần nào, tôi có hứa thỉnh thoảng sẽ đi mua bia cho họ (Tôi thuộc dạng nhân viên, không chịu sự kiểm tra của đội bảo vệ khi ra vào trại).

Sau tuần trà, tôi đứng lên cáo muộn ra về. Kỳ thực, lâu không ăn rau tươi, cái dạ dày tôi phải mất khá nhiều thời gian để ôn lại những ngày ở Việt Nam trước khi hiểu rằng ngày xưa nó vẫn thường xuyên bị tra tấn bởi những thứ đại loại như vậy.

MỖI NGƯỜI MỘT VẺ

Ở trại một tuần, nỗi buồn bắt đầu dần dần xâm chiếm tôi. Những con đường nhỏ trải đầy lá rụng, hàng thông reo vi vu theo điệu hát của bà chúa thiên nhiên lúc đầu có vẻ thật thơ mộng, nhưng ngày thứ hai, thứ ba nó vẫn vậy, chẳng hề đổi thay. Thêm vào đó là những khuôn mặt chẳng vui mà cũng chẳng buồn của những kẻ đào tẩu ngày ngày thơ thẩn trong sân ngoài vườn, không phải đi dạo để hưởng không khí mát lành mà lang thang giết bớt chuỗi thời gian vô tận của những ngày dài tỵ nạn. Tôi ra khỏi trại, định đi bộ xuống cái quán cách đấy 3km dưới chân dốc làm một cốc bia. Bầu không khí mờ mờ khói thuốc, mùi chua của bia cộng với tiếng pippo của cái automat làm tôi muốn trở ra. Bỗng có tiếng gọi, "Anh giai vào đây đã." Ở một góc, nơi ánh sáng từ cửa sổ sau khi vất vả lọt qua màn khói thuốc đến được nơi này đã đuối sức, bên cạnh cốc bia, tôi thấy một thanh niên Việt để tóc dài đến vai. Nhận ra cậu ta, tôi kéo ghế ngồi đối diện.

"Em tên Hoàng." Cậu ta vừa nói vừa ra hiệu cho chủ quán mang bia đến. "Em nghe tiếng anh giai đã nhiều, mãi hôm nọ mới được thấy mặt."

Tôi làm một cử chỉ thiếu tự nhiên. "Anh vào trại lâu chưa?"

"Báo cáo anh giai, em mới vào được hai tuần. Em ít tuổi, sinh 70, vậy cho tiện xưng hô."

Chết thật, tôi thầm nghĩ. Cậu này còn kém tôi hai tuổi mà trông đã như ông già. Nhất là cách nói chuyện.

"Trong này buồn bỏ mẹ, anh giai còn vào làm gì?"

Tôi đang định lặp lại một khúc bài "Diễn văn ra mắt" hôm nọ thì cậu ta tiếp, "Thế cũng may. Trước không có phiên dịch, bọn nó thuê đâu được một ông ở CKD, xưa làm Trưởng vùng hay đại khái gì đấy cho Sứ Quán. Bọn Tiệp cũng ngu, thuê một thằng cộng sản đỏ đít vào phiên dịch cho dân tỵ nạn cộng sản... Nó làm cho bà con mình lúc phỏng vấn ngượng không dám chửi bọn ở nhà. Nay anh giai vào đây, em rồi em chửi cho nó sướng cái mồm."

Tôi nhìn cậu ta không nói gì, và nhớ cảnh cái quán nước bên con đường xe chạy bụi mù mịt cạnh Trường Đại Học Ngoại Ngữ Thanh Xuân. Trong cái quán tranh tạm bợ ấy, một bà già ngồi ngáp ruồi. Bên cạnh vài cái chén sành, lâu ngày không kỳ cọ thành ra có hoa, cây đèn vặn nhỏ tiết kiệm dầu

run rẩy mỗi bận có xe tải chạy thốc qua. Cái lọ thủy tinh lèo tèo dăm ba cái kẹo lạc, vài thỏi bánh đậu. Một cậu thanh niên mới lớn, chắc sinh viên bỏ học, ngồi cà kê hút điếu Sông Cầu chửi đời.

Cậu ta chăm chú nhìn làn khói uốn lượn từ điếu thuốc đang hút dở, tợp một ngụm bia rồi tiếp: "Anh giai tính xưa nay em đâu đến nỗi này. Riêng năm 90 em làm được hơn một trăm ngàn, mua hai cái xe vừa đi vừa phá. Chỉ phải cái tội ham đánh bạc. Bán xe, còn ít tiền, em tính vào đây tiêu cho nó sướng..."

"Sao hôm nọ cậu nện thằng cảnh sát?"

"Đâu mà anh giai. Nó bắt được tụi em chui vào rào. Đi cả hội, em không muốn nó nhìn thấy bọn còn lại mới vung tay che mắt nó lại. Ai ngờ quá đà..."

"Ngày xưa ở nhà cậu làm gì?"

"Ông già em là Tổng Giám Đốc Bộ Xây Dựng, nhà ở Sài Gòn. Hồi em ở nhà đâu có thiếu tiền, anh giai. Ông già em xưa là lính miền Bắc, vào được chia cho khu nhà một tư sản bỏ chạy hồi bảy lăm. Em đương đi học đại học, ông già lại bắt thi bằng được vào ngành công an. Vất vả lắm anh giai. Chương trình đào tạo nặng, nhiều lúc em tưởng trường này đào tạo quân giết người chuyên nghiệp. Mỗi ngày hai tiếng học võ... Được gần một năm em bỏ... Ông già bực lắm. Ông bảo, mày không thích công an hả, được... Tuần sau ông dẫn em vào ghi tên Trường Thiếu Sinh Quân. Vào đây em thấy thoải mái hơn. Toàn con ông cháu cha. Bọn em lập hội, ít khi đi đâu vắng nhau. Nghe nói đến lính, có gì đó có vẻ phong trần phải không anh giai? Vui lắm. Dăm bữa nửa tháng lại vác súng đi bắn chó về làm. Tuần nào cũng có thằng về mang lên một vài chỉ quẳng vào tiêu chung. Cái sướng chẳng mấy khi được lâu. Một bữa em về nhà lên, đang đi dọc bờ sông thấy hai thằng công an đang đánh một đứa con gái—chắc đang vào nghề, có khi còn ít tuổi hơn em. Một thằng túm tóc, thằng kia sờ soạng khắp người. Con bé vừa khóc vừa kêu, *em xin các anh, các anh đừng bắt em về đồn*. Em nóng máu chạy đến quát, *chúng mày làm trò mèo gì thế, bỏ con người ta ra*. Hai thằng giật mình quay lại, chắc trước giờ chưa thằng nào dám quát chúng nó. Thấy em mặc áo lính, bọn nó khinh khỉnh, *oắt con tránh ra*. Em nhảy đấm vào mặt một thằng; thằng đang túm tóc bỏ con bé ra đạp em một cái. Em tránh được lùi mấy bước. Hai thằng nhảy bổ vào. Không biết bao lâu sau em tỉnh dậy thấy mình vẫn nằm ở bờ sông. Sờ người thấy máu nhầy nhầy. Lết về đến trường, hội bạn ngủ hết. Thằng ra mở cửa thấy em hô hoán ầm lên. Nghe em kể, bọn nó phát khùng vác tiểu liên ra vây đồn công an, lôi cả em theo nhận mặt hai thằng khốn nạn lúc chiều. Tiểu liên cứ thế, bọn nó nện lên mái ngói. Phải điều hai xe bọc thép cảnh sát dã chiến về dẹp. Sau vụ ấy Bộ ra lịnh giải thể nhà trường... Em bị giam, hai ngày sau ông già lôi ra..."

Cậu ta dốc nốt chỗ bia trong cốc, châm điếu thuốc mới. "Anh giai xem đây." Cậu ta chìa tay ra bên cạnh chiếc sẹo dài vết chàm ghi ngày tháng năm (giờ tôi không còn nhớ rõ). "Ngày này đấy anh giai ạ."

Tôi bỗng thấy mình hình như đang sống trong một cuốn tiểu thuyết của một tác giả mới tập viết. Nhân vật chính đang ngồi trước mặt tôi, nhầu nát như tờ giấy đánh máy mà ông nhà văn nọ sau bao nhiêu lần viết đi viết lại vẫn không thành, bị vò vứt vào sọt rác. Nhân vật chính đang ngồi trước mặt tôi, bế tắc như dòng suy nghĩ của ông nhà văn tội nghiệp kia.

Tôi đứng dậy định gọi bồi trả tiền hai cốc bia.

"Anh giai cứ để em. Mà anh giai uống nữa đi chứ."

"Tôi sợ cái dạ dày nó bãi công thì dở lắm."

"Ừ vậy anh giai cứ về trước. Em còn thiếu bốn gầu nữa mới đủ đô."

Bước ra ngoài tôi cảm thấy dễ chịu hẳn. Đang cố giãn mấy chục cái xương sườn ra để tạo khoảng trống cho không khí trong lành chui vào phổi, tôi nghe, "Này, gà già không?" Phía bờ ao, mấy cô gái làng đang nhìn tôi cười khúc khích.

Tôi tưởng bọn nó trêu, nên bảo, "Gà non như mấy cô cũng được."

Mấy cô đấu nhau la oai oái. Cái ao mùa thu vài con vịt bơi thong thả. Mấy cô con gái mới lớn soi bóng bên cầu và nhất là hai cốc bia làm cảm xúc tôi tự nhiên dào dạt. Đi lên dốc ba bước chập một mà tôi cứ thấy nhẹ như không. Về đến trại, tôi để nguyên quần áo giày dép lăn ra cái đi văng. Có lẽ ít khi tôi ngủ ngon như vậy.

Vikend (Cuối tuần) ấy tôi không về Praha. Trưa đi ăn cơm, mấy cậu rủ chiều đi câu cá. Hồi ở nhà tôi hay đi câu, không phải do sở thích mà chính để cải thiện thêm cho bữa ăn, vì đồng lương giáo viên của mẹ tôi thường ít thịt, nhiều rau, sang bên này lâu lâu cũng thấy nhớ. Chúng tôi đến một cái hồ khá rộng giữa cánh đồng lúa mì mới gặt xong. Hải được phân công đi bắt châu chấu (Một nhiệm vụ không đơn giản, đòi hỏi nhiều về bản năng). Tôi và một cậu tên Thành ngồi giữ cần câu, một cái que vừa được bẻ trong bụi. Thỉnh thoảng nháy phao, giật lên được một con bằng hai ngón tay.

"Cá ở đây vừa ít vừa bé. Trước em đi biên giới, qua rừng nhiều vùng dọc suối, cá chép nổi lưng lên trông cứ như trong ao cá bác Hồ..."

"..."

"Anh tính, vào trại hơn năm trời, buồn chân buồn tay, thỉnh thoảng phải bày trò mà chơi cho đỡ cuồng. Trước hồi chưa vào đây, em làm đâu phải ít tiền. Mỗi tuần vài lần cõng thuốc qua biên giới. Chỉ tính đơn giản: mỗi bao Select mua bên này 11 Cu, sang Đức bán 1 Mác, lời cỡ 7 Cu. Một thùng 100 túi. Mỗi chuyến cõng ít nhất cũng một thùng, em toàn hai thùng."

Những bắp thịt trên vai và hai cánh tay chứng tỏ cậu ta nói thật.

"Trò này chỉ làm được mùa đông. Xe bên này chở thuốc đến sát biên giới. Bọn em bốc hàng cửu vạn qua đến bên kia đã có xe chờ sẵn. Đi toàn xuyên rừng, tuyết ngập đến đầu gối. Sang được đến điểm hẹn coi như từ bắp chân trở xuống bấm không thấy đau. Mỗi thằng đi bốn, năm đôi tất mà cũng chẳng ăn thua gì."

"Thế nhỡ gặp cảnh sát biên phòng thì sao?"

"Cũng thỉnh thoảng. Lúc ấy chỉ còn bỏ của chạy lấy người chứ còn biết sao nữa. Có những lần của bỏ rồi mà người không kịp chạy. Anh tính, gặp bọn nó đúng lúc vừa ra khu rừng mới trồng. Nghe động, bọn em vứt hết thuốc chui vào trốn trong bụi. Chạy không được vì rừng lúp xúp, chạy chết ngay. Bọn biên phòng Đức xài toàn loại đèn ba bin, sáng như đèn pha ô tô. Có một ông vứt thuốc không kịp, đeo cả chui vào bụi, vướng víu thế nào mà chúng soi thấy liền. Hai thằng còn lại một lúc sau chó cũng lôi được ra. Nó chở ba thằng về giam ở đồn một ngày, không cho ăn uống gì. Nó còn lôi bọn em ra đứng cạnh mấy thùng thuốc rồi đứng vào chụp ảnh chung, y như kiểu mấy thằng cao bồi đi săn bò tót về chụp ảnh cùng con mồi để khoe vợ. Nó moi thuốc trong thùng mình ra hút ngon lành, trông vừa thèm lại vừa tức. Đến gần tối, một thằng mang vào cho mấy lát bánh mì với phó mát. Chưa kịp ăn xong, chúng tống lên xe chở qua trả cho bên Tiệp. Bọn biên phòng Tiệp nhìn nhau cười cười rồi đem thả vào đất nó, cách biên giới mấy chục cây, mặc xác bọn em muốn đi đâu thì đi."

"Thế còn thuốc?"

Cậu ta nhìn tôi cười, ra vẻ thông cảm với anh học trò dài lưng tốn vải.

"Nó thu hết. Tiền bao nhiêu nó cũng lột sạch. Bình quân, cứ đi bốn chuyến, bị bắt một thì coi như hòa vốn. Nhưng xác suất chỉ một trên mười."

Tôi gật đầu ra vẻ hiểu. "Thế sao cậu vào đây?"

"Lần ấy, bọn em liều đánh lớn. Chở một xe thùng, thuê hơn chục thằng cửu vạn. Cho một toán đi đường tắt đến điểm bốc dở trước, nếu có động thì đặt một khúc cây ngang đường làm dấu. Bọn nó hỏng xe giữa đường. Bọn em chở thuốc đến không thấy có dấu má gì, cứ thế bốc xuống. Đang bốc thì biên phòng ập đến. Bọn em bỏ chạy hết. Lính biên phòng Tiệp cũng dát, chỉ dắt chó đi ngoài bìa rừng chứ không thằng nào dám vào. Toán loạn bọn em mỗi đứa một phương. Có đứa sáng hôm sau về đến nhà. Có thằng mãi chiều hôm sau mới lần ra được. Bận ấy mất hết..."

"..."

"Bọn em đi nhiều, thông thổ nên thỉnh thoảng cũng mở dịch vụ dẫn người qua biên giới. Trò này làm được tứ mùa. Rách việc nhất là đưa bà già và trẻ con. Bà già thì đi không được. Trẻ con chẳng may nó khóc thì lộ sạch. Hễ thấy có động là phải nằm rạp xuống, im thin thít. Có lần hai đoàn đi cạnh nhau mà không biết. Đoàn này tưởng đoàn kia là biên phòng, không đoàn nào dám cựa, như kiểu hai thằng trộm ban đêm mò vào cùng nhà. Mỗi đường chỉ qua được dăm ba lần là lộ, phải tìm đường khác. Anh không biết chứ lúc đầu người ta đi Đức còn chuyện trò râm ran như đi chợ. Sau này nó lùng tợn mới khổ thế. Xù (*tiếng lóng Tiệp chỉ người Việt*) mình còn dẫn Tàu vượt biên sang Đức. Gái Tàu bị Xù hiếp giữa đường là chuyện thường; không dám kêu vì sợ bị lộ..."

Cái liều hoặc đưa người ta lên làm ông chủ, hoặc biến người ta thành thằng cùn, chẳng lý gì sự đời. Anh chàng ngồi cạnh tôi chắc chắn không thuộc

dạng thứ nhất. Tôi lượm một hòn đất quẳng xuống hồ.

Hôm ấy cá chê mồi. Thành bảo tôi: "Thôi, vào trong kia bắt con gà về làm thịt."

Chúng tôi vào nhà một ông già Tiệp. Đến cửa tôi nhận ra một cô hôm nọ ngồi cạnh bờ ao.

"Gà già phải không?" Cô hỏi. "Vậy chúng mày tự vào mà chộp. Bọn nó nhanh lắm, tao không đuổi được."

Trong mảnh vườn có cỡ hai chục con gà mái đẻ đang thơ thẩn. Thành tự nhiên ngã sấp xuống, lúc đứng dậy đã thấy ôm gọn một con. Lúc trả tiền, tôi cực ngạc nhiên vì chỉ hết 20 korum, trong khi gà thịt rồi ngoài cửa hàng phải đến 50 korum một cân. Cô gái còn tặng thêm hai quả ớt. Thành kể, cách đây nửa năm nhà ông này có hơn trăm con gà mái đẻ đến tuổi hưu. Từ ngày có bọn Xù vào trại, ông cả mừng vì thanh toán được món nợ này. Có lần ông còn gạ bán con dê già.

"Anh em đã định mua, nhưng nghĩ đến đoạn phải treo ngược hắn lên đánh cho toát hết mồ hôi ra trước khi thịt, e không hợp với phong tục bản xứ lắm." Thành cười.

Con gà trong túi kêu quang quác. Không hiểu nó sẽ nghĩ gì về người Việt nếu chẳng may hiểu được câu nói của Thành.

VẠN SỰ KHỞI ĐẦU NAN

Mỗi tuần có thêm một vài người nhập trại. Như ở khắp các trại tỵ nạn khác, thủ tục đầu tiên là nộp hộ chiếu. Phần lớn người Việt đều khai mất. Người đánh mất ở sân bay, người mất ở bến xe, ai cũng bỏ trong túi, lớ ngớ kẻ trộm xách mất. Nhiều khi nghe chuyện, tôi cứ tưởng Praha ít nhất phải có tới hai chục cái ga Hàng Cỏ, và trong ba người đứng chờ tàu phải có một tay trộm lành nghề.

Những cái hộ chiếu chẳng mất đi đâu cả. Chúng đang nằm trong thùng rác, ở một xó xỉnh nào đấy, dưới dạng một đống tro nếu chủ nhân nó là người cẩn thận, hoặc một đống giấy vụn trong trường hợp ngược lại. Tại sao số phận chúng lại hẩm hiu đến vậy? Chỉ vì chúng vô tình phải mang trên mình những vết tích không làm đẹp lòng chủ nhân. Đó có thể là một dấu giả mua ở Hotel Kosik, hoặc con dấu thật hẳn hoi cho kéo dài hộ chiếu hay về phép, một cái *vizum* đi Đức, hay tệ hơn chút là con dấu "nhân vật bất hảo" do biên phòng Đức đóng vào lúc luồn rừng vượt biên trái phép, vân vân và vân vân... Tất cả đều không có lợi cho chủ nhân có ý định nạp đơn xin được làm *kẻ đào tẩu*.

Tiếp đến thủ tục làm tờ khai. Lúc này tôi phải có mặt để thông ngôn. Họ tên, tên bố mẹ, còn sống hay chết, anh em... Thấy ông nào cũng khai năm sáu người, sau này thằng cảnh sát chỉ hỏi gọn một câu, "Có anh em ở nước ngoài không?" và sung sướng khi nghe câu trả lời "Không."

Làm xong tờ khai, mỗi người phải viết một lá đơn, gọi nôm na là đơn tỵ

nạn, nhưng nếu muốn viết chính xác thì phải là "Đơn xin được chấp nhận tư cách người đào tẩu". Người Việt mình mắc nhiều nhất là ở đoạn này. Tôi bị cấm không được tiếp xúc với người mới đến cho tới khi anh ta viết xong đơn. Quả là một công việc quá vất vả và khó khăn. Có người ngồi cả tiếng không nặn ra được chữ nào. Tôi nghĩ đây có lẽ là lần đầu tiên anh ta viết đơn không có mẫu. Xưa viết đơn gia nhập Đoàn, Đảng, thứ duy nhất phải tự nghĩ mà điền vào chắc chỉ có họ tên. Những lời tâm huyết, những đoạn chói ngời lý tưởng đều có sẵn. Những loại khác như đơn xin bỏ vợ cũng chỉ cần một vài lý do đơn giản là đủ. Ở đây phải lý giải cho được tại sao không dám về Việt Nam. Về nhà chết đói ư? Không có công ăn việc làm ư? Sự thật là vậy đấy, nhưng không viết vào đây được. Trộm cắp ư? Giết người ư? Ở đâu mà chả có. Con cái không có học, thầy chẳng ra thầy, trò chẳng ra trò ư? Đâu có đe dọa đến tính mạng hay danh dự. Những người đã ở đây, vì vậy bao giờ cũng bắt đầu bằng "Trong quá trình lao động và công tác ở Tiệp Khắc, tôi đã được chứng kiến tận mắt cuộc cách mạng Nhung của các tầng lớp công dân Tiệp Khắc và sự sụp đổ hàng loạt của các chế độ cộng sản ở Đông Âu. Tôi chợt nhận ra rằng chế độ cộng sản là hiểm họa của loài người. Đâu có cộng sản, đấy có bất công. Ở Việt Nam hiện nay vẫn còn cộng sản..."

Mấy người ở nhà mới sang có kiểu khác: "Trong suốt quá trình sống ở Việt Nam, tôi được tận mắt chứng kiến những bất công do chế độ cộng sản gây ra. Cán bộ tham nhũng, cửa quyền, cuộc sống ngột ngạt, thiếu nhân quyền..." Việt Nam thiếu tự do, không có dân chủ thật đấy, nhưng cứu ai, anh A, anh B? Họ đều bị đói khổ như nhau. Hay là nhận tất? Nước Tiệp đâu phải cái thùng rác. — Đấy là cách tôi hiểu thái độ và kiểu làm việc của quan chức Tiệp Khắc — Và đơn vẫn cứ bị bác đều đều...

Vậy những ai được may mắn rơi vào mấy phần trăm ít ỏi ấy? Trừ những người hoạt động chính trị thực sự ra, chỉ còn những kẻ khôn khéo hơn người, ở nhà mua giấy truy nã, đọc thật nhiều chuyện vụ án để có thể kể trôi chảy và tỉ mỉ "quá trình hoạt động cách mạng" của mình, và một số rất ít gặp may, tùy hứng của mấy ông trên Bộ Nội Vụ.

SỐ PHẬN

Nhiều khi tôi có cảm giác, lúc vào trại những đồng hương tôi không viết đơn mà xin tờ giấy điền một loại xổ số đặc biệt. Chỉ có giải nhất và giải nhì. Giải nhất là cuốn hộ chiếu Geneve, giải nhì là cái vizum trục xuất. Khác với những loại xổ số còn lại, ở đây người ta không quay bằng máy; người chờ xổ số sống trong lo âu nhiều hơn hy vọng. Họ là những người ở đây đã lâu, hết hạn hợp đồng, không đủ tiền nộp vào công ty để ở lại hợp pháp. Mùa đông sắp đến, có thể sẽ đói rét, nên vào trại. Phần khác đã bỏ tiền mua vé và giấy tờ từ Việt Nam sang, lạ đất lạ người, mất phương hướng hóa liều. Họ là những người lao động bình thường, biết đọc biết viết, chạy trốn cái những chính trị gia sa lông quen gọi là cuộc khủng khoảng toàn diện ở Việt Nam. Đấy là

Tuấn, một sinh viên trước học trường mỏ ở Tiệp, về thăm nhà sang chán quá phát điên, suốt ngày đi ra đi vào, lẩm bẩm chửi trời chửi đất. Đấy là anh Thà, người vừa hết hạn hợp đồng, ngồi nói chuyện với tôi cứ run bần bật mặc dù tôi đã gắng sức trấn tĩnh anh rằng tôi không muốn làm hại bất cứ ai trên đời này cả. Đấy là chị Hằng với hai đứa con thật kháu sang du lịch thăm chồng, hết hạn hộ chiếu vào trại, với cái giọng chợ búa của con phe tỉnh lẻ nhưng cũng thật tình cảm, thỉnh thoảng vẫn mang quần áo của tôi về là hộ vì thương tôi không có người nâng khăn sửa túi. Đó là Hải, một cậu người bé nhỏ, tóc tai bù xù trông như con chuột chù phải mưa.

Hải vào trại đã gần một năm. Hai lần đầu đơn bị bác cả hai. Quyết định bác kháng đơn được gửi kèm với vizum trục xuất có giá trị trong vòng hai tháng. Cậu lên chỗ tôi, vừa nói vừa khóc: "Chết thôi anh ạ. Về nhà kiểu này em không biết thế nào. Hồi ở nhà đi cày thuê, quấn suýt-von-tơ, phụ nề còn có tiền giúp đỡ bố mẹ. Sang bên này đã không giúp được gì, về còn thêm gánh nặng cho gia đình. Em có mấy lần đi biểu tình, về nhà chỉ cần mỗi tuần nó gọi lên hạch họe một lần là đủ chết. Mấy hôm nay em có ngủ đâu."

Tôi bảo, "Mai đi bơi với anh, để một vài tuần cho bớt căng thẳng rồi anh giúp cho viết đơn kiện ra Tòa. Trường hợp chú còn nhiều hy vọng, đừng lo."

Nửa tháng sau, tôi bảo cậu viết đơn. Sáng hôm sau cậu mang lên hai tờ giấy. Tôi đọc từ đầu đến cuối không thấy gì ngoài sự sợ hãi thật sự của người trong cơn hoảng loạn. Đưa cho cậu tờ giấy, cái bút, tôi bảo ngồi xuống tôi đọc cho viết. Gửi xong bản dịch đơn lên Tòa, cậu ta có phần an tâm hơn vì hạn trục xuất được kéo dài thêm hai tháng chờ Tòa gọi. Hai tháng ấy, đối với tôi chỉ là hai lần lĩnh lương với số tiền tổng cộng khoảng 10 000 korum, nhưng đối với cậu ta là sáu mươi ngày sống trong hy vọng, một niềm hy vọng mong manh mòn mỏi như khoản tiền tiêu vặt 8 korum mà người ta bố thí cho cậu mỗi ngày.

Vạn sự khởi đầu nan, kết thúc chẳng mấy sáng sủa hơn.

QUÊ HƯƠNG CỦA TÔI ĐÂU

Nếu ai đã từng sống tha phương ở đất châu Âu này mới thấy hết cái bùi ngùi của mỗi mùa Giáng sinh. No-en là dịp để mỗi người tìm về tổ ấm nho nhỏ của mình trong căn hộ ở khu nhà lắp ghép hoặc bên lò sưởi lúc nào cũng đỏ lửa ở một vùng quê xa xôi. Bố mẹ, vợ chồng con cái quây tụ quanh bữa ăn chiều, không nhất thiết phải thịnh soạn nhưng ấm cúng. Tôi đã trải qua sáu mùa đông ở đất nước này. Năm mới về với tôi trên ký túc xá sinh viên, ngày thường vẫn nhộn nhịp, lúc ấy vắng tanh vắng ngắt. Dăm bảy đứa bạn ngồi tụ lại với nhau, mở chai rượu ngồi nuốt để vui với cái vui của người ta. Tàu xe không chạy. Đường phố chìm đi, hình như cũng muốn nghỉ ngơi sau cả một năm trời mệt mỏi vì tiếng ồn ào náo nhiệt của thành phố lớn. Năm nào cũng vậy, tối 25 tôi thường lang thang một mình giữa cái vắng lặng ấy, nhìn lên những khuôn cửa sổ hồng hồng ánh đèn, nghe tiếng chuông nhà thờ, để yên

cho lòng mình tê đi...

Nô-en năm nay tôi ở lại trại. Trời rất lạnh. Tuyết rơi nhiều vì trại nằm giữa rừng trên đỉnh đồi. Để ít nhiều có không khí Nô-en, người ta mang chùm đèn xanh đỏ mắc lên cây thông ngoài cổng. Chiều 23, ngày làm việc cuối cùng, nhân viên trại tổ chức cho dân tỵ nạn buổi liên hoan mừng giáng sinh lấy tiếng, trước khi ai về nhà nấy. Bàn trong phòng ăn hôm ấy trải khăn, hình như bằng ga giường nên màu trắng không được tinh khiết lắm. Tất cả dồn vào đây, không đủ chỗ nên ngồi cả xuống đất. Bà già kính cận Judová ngày thường vẫn lớn tiếng nạt nộ hôm nay cầm cái máy ảnh chạy đi chạy lại. Trẻ con có mặt hết vì hôm nay chúng được hứa cho quà. Không có rượu, không có hoa quả, mấy cái bàn trải khăn thành ra vô dụng. Thay cho rượu, ban nhạc folklore nghiệp dư rót vào tai họ những bản nhạc buồn buồn. Không hiểu lời những bài hát, hình như mỗi người lắng nghe một thứ nhạc cụ, loại gợi họ nhớ lại những âm thanh quen thuộc ở quê hương mình. Tiếng sáo làm tôi nhớ nhà. Tự nhiên mắt đỏ cay cay. Phía cuối nhà ăn, mấy bà mẹ người Nam Tư chạy loạn cũng đưa khăn lên dụi mắt. Lũ trẻ chưa nếm trải mùi đời như người lớn để xúc động nên ngồi đần ra, mắt thỉnh thoảng lại liếc về phía đống quà. Ban nhạc, chẳng biết có phải muốn kết thúc sớm cuộc tra tấn tinh thần mấy đứa trẻ con hay muốn về sớm mà chỉ chơi có mấy bài.

Bà Kubicková đến chỗ đống quà, cầm từng gói lên đọc tên. Mấy đứa nhận được tìm một xó riêng rồi bóc ngay. Bọn còn lại ngước mắt hồi hộp. Tôi đứng cạnh có cảm giác nghe tim chúng đập thình thình, "Biết đâu mình không có tên trong cái đống đang vơi dần kia."

Tôi đi ra. Đến cửa một cô gái người Nam Tư bé đưa tôi một mẩu Sokola, chắc nó thấy tôi không có quà. Ừ, hóa ra mình cũng chẳng khác gì họ. Cũng không cửa không nhà, không cha không mẹ. *Koe Doma Miy, Quê Hương Của Tôi Đâu*, bài quốc ca Tiệp, oái oăm thay lại đúng cho tôi. Phép so sánh làm tôi phì cười. Nhà mình, quốc ca bắt đầu bằng, "Đoàn quân Việt Nam đi..."

NHỮNG CÂU CHUYỆN KHÔNG ĐÁNG CƯỜI

Công việc của tôi ở đây khá nhàn. Một tuần dịch vài lá đơn, thỉnh thoảng ngồi thông ngôn cho thằng cảnh sát làm phỏng vấn. Sau khi nộp đơn xong, người nhập trại được bố trí chỗ ở. Lúc này họ đã có thời gian đến hỏi tôi nên trả lời phỏng vấn thế nào. Tôi đã dịch đơn của từng người trước thành thử biết họ viết gì trong đó.

Có một anh ngoài ba mươi vào trại vì hết hạn hộ chiếu. Anh ta cặp một cô người Tiệp nhưng không lấy được vì cô này chẳng may đang vướng một ông chồng. Anh ta viết đơn thế này:

"Tôi quyết định xin tỵ nạn vì những lý do sau đây:

a) Cha mất sớm, mẹ già yếu. Anh chị em ai lo phận nấy nên tôi về nhà không có ai nuôi.

b) Gia đình tôi đã đồng ý cho tôi xin tỵ nạn ở đây.

c) Nếu điều kiện thuận lợi, tôi sẽ chuyển cả nhà sang đây.

Vậy kính mong các ngài chiếu cố giải quyết..."

Hôm sau lên gặp tôi, câu đầu anh hỏi: "Mày thấy thế được không?"

"Em thấy vậy cũng tạm tạm, nhưng đáng lẽ anh nên viết: *Tôi ở nhà có đặt mìn ở Lăng Bác nhưng pin Văn Điển làm tồi không nổ*, hoặc *Tôi có đột nhập vào sân bay quân sự, cướp được Mig 21 nhưng không biết lái nên bị tóm*."

"Vậy mày đưa tao viết lại đi."

Tôi bảo muộn rồi vì bọn cảnh sát đã cộp dấu vào đơn của anh.

"Vậy giờ làm sao?"

"Muốn được tỵ nạn anh phải có bằng chứng cụ thể. Em bày cho anh: ra trước cửa Đại Sứ Quán nằm tuyệt thực."

"Bên này kiếm sâm đâu ra?"

"Không cần," Tôi bảo, "Tuyệt thực được uống sữa mà."

"Không được, tao uống sữa là bị tháo tỏng ngay."

"Hay là thế này. Em sẽ tin cho báo chí biết ngày này, tháng này có anh tên này tự thiêu phản đối độc tài cộng sản ở quảng trường. Anh cứ mang xăng ra tưới cho đẫm, nhưng diêm nhớ nhúng nước trước. Trong lúc anh đang cố gắng bật thì em gọi cứu hỏa, thế là xong."

"Mày nói thế không ổn. Nhỡ trong bọn nhà báo có thằng thù cộng sản đến mức cho tao mượn bật lửa thì nguy."

"Vậy em chịu."

Nửa tháng sau, lúc phỏng vấn, tôi mừng thầm khi được dịch lại lịch sử gia đình anh. Ông nội xưa làm cho Pháp, bị Việt Minh vào nhà giết bêu đầu trước cổng làng. Bố bị đấu tố, uất ức thất cổ chết trong tù. Anh em đều thất học vì lý lịch gia đình, người đi buôn lậu biên giới Trung Quốc bị công an bắn chết, người vượt biển bị đắm thuyền... Tháng trước, tôi có cho anh mượn cuốn tiểu thuyết của Dương Thu Hương.

Cuộc phỏng vấn nào cũng có diễn trình tương tự: người chất vấn cố khai thác những kẻ hở; người bị chất vấn cố bịt những kẻ hở, hay nói văn hoa hơn là bảo vệ những lý do chính đáng của mình. Tôi là phiên dịch, nhưng hình như phải đóng vai đạo diễn sân khấu. Thằng cảnh sát ngồi sau bàn là khán giả khó tính. Người ngồi đối diện với tôi là diễn viên mới vào nghề. Nhiệm vụ của đạo diễn phải lèo lái sao cho diễn viên khỏi bị ăn cà chua và trứng thối. Nếu thằng cảnh sát hỏi: "Nếu giờ anh về Việt Nam thì sao?" thì tôi dịch ngay "Nếu giờ anh về Việt Nam có bị tù không?"; hoặc "Trong thời gian ở đây anh có quan hệ gì với sứ quán không?" thì tôi dịch "Trong thời gian ở đây, anh có quan hệ gì với sứ quán *cộng sản* không?"

Sau mỗi lần phỏng vấn, tôi rất hài lòng vì mình dịch vừa sát nghĩa lại vừa rõ ràng. Đôi khi, tuy nhiên, tôi cũng "bị từ". Đấy là trường hợp anh Thái, ngoài 40. Anh vào trại với hai tờ lệnh tha bổng, một sau khi cải tạo, một sau khi ngồi tù vì tội "tham gia tổ chức phản động." Cuộc phỏng vấn trôi chảy từ đầu đến gần cuối. Anh là quân nhân Việt Nam Cộng Hòa, đi cải tạo về vượt

biên cả thảy 9 lần không thành, tức chí cùng bạn bè lập hội kín, chẳng may bị lộ. Anh bị bắt và phạt tù hai năm. Ra tù bị ngược đãi, không tìm được công ăn việc làm, buôn bán vớ vẩn kiếm ăn. Nhờ có họ hàng bên Canada gửi tiền về cuối cùng sang được bên này.

"Vậy anh sang bên này bằng cách nào?" Tôi dịch lại câu nói của thằng cảnh sát.

"Tôi sang đây dưới tên giả. Qua đường dây mafia, tôi mua được hộ chiếu, vizum..."

"Vậy cái này mua được không?" Thằng cảnh sát vừa nói vừa chỉ vào mấy tờ lệnh tha...

Tôi cười. Nó cũng cười. Ai cũng biết câu trả lời sẽ hoàn toàn vô giá trị.

Những người đã ở Tiệp vài ba năm may mắn hơn số ở nhà mới sang, vì trong những năm đó sinh viên ở đây có ra mấy tờ báo chống cộng và có tổ chức vài ba cuộc biểu tình. Thằng cảnh sát đọc đơn gặp những đoạn "tham gia biểu tình", "thường xuyên theo dõi báo chí", nhiều đến mức nhớ nhập tâm tên tuổi mấy tờ báo tiếng Việt và ngày tháng những cuộc biểu tình. Có lần tôi đang dịch, "Trong quá trình sống và công tác ở Tiệp Khắc, tôi thường xuyên theo dõi báo chí..." thằng cảnh sát chợt ngắt lời, "*Đien Đan* hay *Đem Tin Bao Khi***, hay là cả hai?" Tôi chưa kịp trả lời thì hắn tiếp, "Mày hỏi xem nó có tham gia hai cuộc biểu tình ngày 16.5 và 15.6 để tao ghi luôn."

Thỉnh thoảng một vài người từ Việt Nam mới sang, ngồi kể nghèo kể khổ một hồi, cuối cùng lỡ lời nói mất cả thảy 9 ngàn đô la chạy vé và thủ tục. Có chị sau khi phỏng vấn xong, mặt hớt ha hớt hãi. Tôi hỏi sao. Chị bảo, "Lúc nãy chị nói nguyện vọng được cư trú ở đây đến lúc Việt Nam có tự do dân chủ. Lỡ vài năm nữa Việt Nam có thật, nó bắt chị về thì nguy." Tôi an ủi chị, Việt Nam có đến năm chục năm nữa cũng chưa thể có dân chủ được. Chị thở phào. Tối hôm đó chị mang cho tôi lạng chè Việt Nam.

MẤY LỜI, KHÔNG THỂ THAY PHẦN KẾT

Một vài tuần tôi lại về Praha một lần. Bạn bè gặp tôi thường trêu, "A, anh giáo mang mật gấu xuống thủ đô đổi muối đấy hả."

Hoặc, "Thế nào, dân bản dạo này ra sao?"

Tôi cười, "Dân bản viết nhiều đơn lên chính phủ lắm, nhưng cái miệng dân bản nó bé như cái lỗ tò vò, kêu chẳng có thấu a."

"Thế còn anh giáo làm gì?"

"Thì vẫn sáng ra bờ suối, tối vào hang thôi."

Năm thì mười họa có đứa vào thăm trại. Kim lúc về bảo tôi, "Tao vào thấy mấy đứa cứ thơ thơ thẩn thẩn, chốc chốc lại ngồi xuống ghế, chốc chốc lại đứng lên, mắt chẳng nhìn đi đâu cả. Sao nó giống trại điên thế mày?"

Rồi cậu tiếp, "Mày cũng cẩn thận. Vài ba tháng nữa anh em vào thấy mày cũng đi đi lại lại, tay bắt chuồn chuồn. Thỉnh thoảng lại ngửa mặt lên trời mà cười một mình thì khổ lắm"

Ấy là tôi, biết tiếng nên thỉnh thoảng còn "tâm sự" được với người Tiệp, có vài ba chữ trong bụng để còn dám nhìn về tương lai. Những con người ở đây mỗi năm trời đôi ba lần ra ngoài, ngày ngủ 14, 15 tiếng, mơ chẳng ra mơ, tỉnh chẳng ra tỉnh. Suy rộng ra, ở Đức, ở Hồng Kông có hàng trăm nghìn người như thế. Họ đang rong ruổi trên đường chạy trốn. Họ chạy trốn vì cái gì?

Thay cho câu trả lời, tôi đính kèm lá đơn của một đảng viên cộng sản. Đọc xong, ai muốn cười thì cười, ai muốn khóc thì khóc. "Nhiễu điều phủ lấy giá gương." Tôi là miếng giẻ rách, chẳng biết có phủ được gì không. Ai còn gì lành lặn, mang ra giúp họ một tý.

***

Đơn Xin Tỵ Nạn Chính Trị

Kính gửi Ngài Giám Đốc Bộ Nội Vụ Liên Bang Tiệp Khắc.

Đồng kính gửi các Ngài trong Ban Lãnh Đạo Liên Bang Tiệp Khắc.

Tôi tên là: N. H.

Ngày sinh: 1959

Ngày sang Tiệp: 1988

Nơi làm việc tại Bratislava. Kết thúc hợp đồng làm việc vào tháng 4 năm 1992.

Thưa Ngài Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ Liên Bang Tiệp Khắc,

Đồng kính gửi các Ngài,

Sau đây là những tường trình và lý do, nguyên nhân của bản thân tôi xin nguyện vọng ở lại Tiệp Khắc.

Thưa Ngài,

Trong thời gian cư trú tại đất nước Tiệp Khắc, được sự giúp đỡ của các cơ quan lãnh đạo, thì chính bản thân tôi là những người đã được tiếp nhận giữa hai luồng tư tưởng, thay đổi giữa hai chế độ, thành chế độ đa đảng. Chính vì sự lớn mạnh đó, nó đã xâm nhập vào chính bản thân tôi cũng như thâm nhập vào toàn thể loài người trên thế giới luồng tư tưởng lành mạnh và dân chủ.

Thưa Ngài Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ Tiệp Khắc,

Bản thân tôi từ khi trưởng thành, tôi đã có sự suy nghĩ và làm việc theo quyền tự chủ của con người. Tôi muốn có một sự bình đẳng trong cuộc sống và làm việc có một tổ chức, có làm có hưởng. Trước kia bản thân tôi là một quân nhân được phục vụ trong Quân đội Nhân dân Việt Nam, tôi đã tự mình rèn luyện và đem phần đời của mình để phục vụ và cống hiến cho tổ quốc. Cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ của Tổ quốc giao phó, tôi trở về địa phương. Sau một năm rưỡi, tôi nhận được quyết định đi hợp tác lao động tại Tiệp Khắc. Đó là tự hào của bản thân tôi. Vì sao tôi lại tự hào và vui xướng. Bởi vì là tôi đang sống ở một đất nước dưới chế độ cộng sản đầy dẫy những bất công vô lý. Đây là một chế độ độc tài, không có biến đổi và tiến hóa. Người

tài thì bị vùi dập, chủng chẹ toàn những kẻ bè phái, quan liêu, lợi dụng chức quyền địa vị để bóp méo sự thật. Không phải thế đã hết, mà chế độ cộng sản Việt Nam hiện hành còn dùng nhiều thủ đoạn để lừa bịp dân đen, dùng báo chí để mị dân. Vì sao tôi lại nói như vậy, là vì chính bản thân tôi đã tận mắt nhìn và tai nghe thấy những việc làm của cộng sản, đây đúng là một chế độ độc tài, độc trị. Người tài thì bị bịt miệng vu khống đưa và giam hãm, tù đầy, để che đậy những việc làm sấu sa của cộng sản độc quyền.

Thưa Ngài Giám Đốc Bộ Nội Vụ Liên Bang Tiệp Khắc. Đau khổ bao nhiêu thì càng căm phẫn bấy nhiêu, vui thú gì khi chúng tôi là những nạn nhân của chế độ độc tài cộng sản ấy, bản thân tôi là những người đứng trong hàng ngũ của Đảng, lại là người đã cầm súng để bảo vệ quê hương, tôi rất khổ tâm khi tôi đã vào Đảng mà tôi không phát huy được đường nối chính sách của Đảng cộng sản, vì chúng tôi hoàn toàn là những nạn nhân bị chế độ cộng sản độc trị lừa bịp, nói và tuyên truyền thì hay nhưng việc làm thì không được.

Thưa Ngài Giám Đốc, qua lá đơn này tôi muốn nói lên tất cả những gì tôi đã biết, tôi muốn nói nên sự thật của bản thân tôi, qua những năm tháng sống trong quân ngũ, chính tôi đã là người đảng viên bị đơn vị kỉ luật, Chi bộ đảng khiển trách và lưu đảng 6 tháng, vậy tất cả các sự tiến bộ của tôi đều bị các tổ chức kìềm hãm, đây là tôi nói sơ qua về tiểu sử đời tôi, đã vấp phải trong quân ngũ, đúng là một sự bất công mà tôi biết cũng chẳng làm gì được.

Thưa Ngài Giám Đốc, khi tôi bước chân sang đất nước các anh, thì tôi giật mình và ngỡ ngàng, khi nhìn thấy đất nước của các anh đang chuyển hóa từ chế độ cộng sản sang chế độ dân chủ, tự do và đa đảng, từ những nguyên nhân để lật đổ chế độ độc tài, tôi đã tìm hiểu được, đó là xuất phát từ những nhóm sinh viên đã dám nghĩ dám làm, đòi hỏi chế độ cộng sản bằng tự do dân chủ, trong khi đó tôi lại là một người đang bị chế độ cộng sản trù dập, Cán bộ chi bộ đảng thì nay dọa tôi, là khai trừ da khỏi Đảng, chỉ vì một tư tưởng không thực hiện theo nghị quyết của Chi bộ đề ra và không ủng hộ đảng, nhưng với nghị lực và tầm nhìn của tôi, tôi đã dám nghĩ dám làm đã tự mình hỏi thăm tới các nhóm báo sinh viên Việt Nam ở PLZEN và PRAHA để cùng họ cộng tác làm tư tưởng cho những người Việt Nam đang sống làm việc và học tập trên đất nước Tiệp Khắc. Tôi đã từng gửi tiền tới những tờ báo, để viết lên đòi quyền dân chủ và tự do ở Việt Nam, hơn nữa là chính bản thân tôi đã từng tham gia cùng một nhóm sinh viên đi biểu tình ở Praha, trước Tòa Đại Sứ Việt Nam để đòi hỏi chế độ tự do, dân chủ và chả lại tự do cho một số nhà tù chính trị, cũng như tự do, dân chủ cho toàn loài người trên thế giới. Tự tôi đã viết thư kiến nghị và ký bạch thư gửi về Hà Nội (qua tòa soạn báo) cùng các cơ quan có trách nhiệm để đòi thả (Dương Thu Hương, Nguyễn Trí Hùng và Nguyễn Mạnh Tường).

Trong thời gian lửa bỏng này, trên đất nước các anh liên tục có những cuộc biểu tình ở khắp nơi đòi hỏi chế độ đa đảng, trong những cuộc biểu tình

ấy tuy rằng tôi chỉ là một thành viên rất nhỏ bé của khối biểu tình, tuy không tên tuổi và không bí danh nhưng một phần nào nó đã góp phần sức lực nhỏ bé vào phong trào đòi tự do và dân chủ ở Việt Nam.

Thưa Ngài Giám Đốc, ở đây không có ngòi bút nào kể nổi những bất công của cộng sản và những việc làm sấu sa của nó, tôi muốn viết lên lá đơn này đây cũng chỉ là những tâm sự nhỏ và những suy nghĩ thiết thực của bản thân tôi, tôi rất yêu quê hương tôi, nhưng tôi không muốn sống giữa một đất nước mà chế độ cộng sản độc tài, thống trị và lừa bịp, là một con người có tư tưởng tự do và bình đẳng, lành mạnh, sự thật tôi không sợ gì khi tôi đã viết lên đây, vì đây tất cả nó đều là sự thật. Thưa các Ngài.

Bản thân tôi đã học tập từ đất nước các anh những tư tưởng lành mạnh, được hưởng thụ tự do, bình đẳng của luật pháp các anh, chúng tôi vô cùng kính phục, không chỉ riêng tôi mà toàn thể thế giới cũng phải thừa nhận rằng, đất nước Tiệp Khắc là công minh chính đại, tôi dất muốn hòa mình vào đất nước các anh, để tương lai sau này đem sự tiến bộ và tốt đẹp cho quê hương Việt Nam của chúng tôi, đồng thời kêu gọi mọi tầng lớp lật đổ chế độ cộng sản thối nát, để biến thành một chế độ đa đảng, dân chủ và tự do ở Việt Nam, cũng như bình đẳng cho mọi người.

Khi đã đứng lên chống lại chính sách của đảng, phản lại tổ quốc, tôi nghĩ rằng chúng tôi là những người hoàn toàn có tội với đất nước, là kẻ thù của chế độ cộng sản. Bản thân tôi là một công dân, nhưng khi kết thúc hợp đồng lao động mà lại không cho tôi về tổ quốc, hơn nữa ít nhiều tôi đã tham gia vào những hoạt động biểu tình để đòi hỏi lật đổ chế độ cộng sản Việt Nam, lập một chế độ mới đa đảng và dân chủ, tự do, có quyền bình đẳng cho mọi công dân. Thưa các Ngài trong Bộ Nội Vụ Liên Bang Tiệp Khắc, qua lá đơn này tôi nguyện vọng thiết tha mong rằng, các anh tạo mọi điều kiện giúp tôi để tôi được cư trú tỵ nạn chính trị trên đất nước nước các anh, một đất nước có nền độc lập dân chủ, tự do và bình đẳng cùng với quyền con người được tôn trọng.

Cuối cùng tôi xin chân thành cám ơn Ngài Giám Đốc cùng toàn thể các Ngài trong Ban Lãnh Đạo Bộ Nội Vụ Liên Bang Tiệp Khắc.

TRNAVA, ngày 7-10-92.

Người viết đơn ký tên,

N. H.

Cerveny Ujezd 20.1.1993
TRẦN HỒNG HÀ

---

* / ***Diễn Đàn* và *Điểm Tin Báo Chí* là hai tờ báo của sinh viên Việt Nam ở Tiệp Khắc



ĐỖ QUYÊN

nhật ký ba ngày đêm

(Tiếp theo HL10)

4h, 26.12.92

Tất cả những sự khốn nạn tới mức tuyệt vời nhất ở đời
được sinh ra từ các học thuyết, từ các người tự coi là cách mạng
Ông thầy bói mù cắp guốc tới chợ làng
không làm hại nhân gian bằng các ông giáo sư, các ngài lãnh tụ...
Xã hội ít đi chút chéo văn minh, hiện đại
chưa chắc loài người đã khổ đau hơn...

Màn hình ARD vừa chiếu mặt một đứa trẻ Somalia sắp chết*
Tôi (số phận cũng chả khá hơn!), mà không dám nhìn tiếp vì sợ phải nôn!
Ngày mai báo Bild sẽ in ảnh bà tân tổng thống Mỹ Clinton*
trong chiếc áo váy buổi đêm giá 37 ngàn đồng Mác
Một cái bụi từ vạt áo váy ấy văng ra
Thằng bé kia mà nhanh miệng đớp được sẽ sống tới già!

10h, 26.12.92

Vớ vẩn thế
năm khỉ này rồi thế nào cũng hết...
Kiểm điểm lại xem còn nợ những gì nào?
... Nợ đời thì cho qua...
(trả được có mà tới chết!)
... Ô hay! Còn tờ thiệp cưới nhà nào đây mình chưa hỏi âm?
Vẫn biết
bứng đi tị nạn rồi nào có thoát được nạn quà mừng...
Chặc! Thì đây cứ đùa dai
bạn mình hiền như đất
44 tuổi giời cho trai còn tân
Một bố, một con, một tuổi đầu mẹ mất
44 năm nhà chuyển dăm chục bận hai thân...

Tôi vái cô vợ của bạn tôi
Làm dâu chỗ ấy thật bõ đời
Nhà rất sạch vì trên giá rẻ lau lúc nào cũng treo sáu loại
và rất trong vì sách bám tường vôi.

Ngộ nhỡ mấy câu đây có theo Hợp Lưu lọt về nước qua lối Nội Bài
Hai bạn tôi tuổi trẻ xuề xòa...
Còn bác ơi, đừng giận...
Lũ văn sĩ chúng con chỉ thạo được một việc làm duy nhất:
Hễ hết chuyện mình là lôi chuyện người thân ra hầu hot người đời.

12h, 26.12.92

Thơ ơi, đừng buồn
Người trong trại cấm không nhẽ thơ lại đòi bay nhảy?
*Người Việt nào cũng biết làm thơ***
nên người Việt nào cũng biết khổ.

18h, 26.12.92

Sắp xong nhật ký ba đêm ba ngày
Toan dự trù đề tài cho bài thơ nghiêm chỉnh thứ 632
mà lại thấy tức cười...
Bắt thơ có đề tài
chẳng phải là bắt đàn ông mang thai?

Tiện nhắn mấy ông bạn phê bình văn học
còn trong nước hay đã ra hải ngoại
ghi lại cho điều này:
Có khi chỉ sau những tiếng nện của gót giày
Vô cớ
sẽ là thơ...

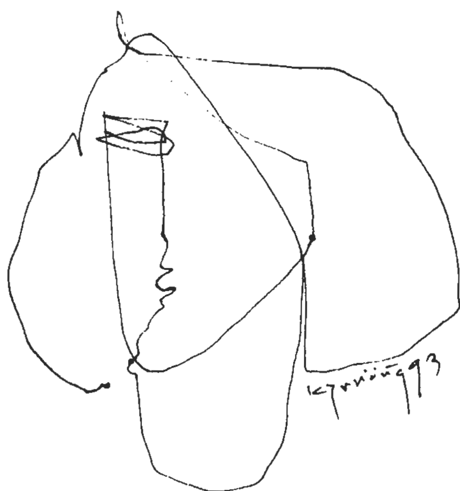
Nam Đức, mùa Giáng Sinh 92
ĐỖ QUYÊN

**Các đài truyền hình, báo quen thuộc ở Đức*
*** Ý thơ Nguyễn Bính*



BẢO NINH

gió dại



- Kìa. Nghe thấy không. Hình như là Diệu Nương đấy!

Nhiều tháng, và chừng nhiều năm trời rồi trôi qua, Diệu Nương, cô gái ấy, đã bị bắn chết từ những bao giờ, vậy mà vào mỗi buổi mai trước khi bắt sang một ngày mới, ở làng Diêm người ta vẫn mơ hồ ngái ngủ bảo với nhau thế.

- Kìa...

Như thế có thể nghe thấy quá khứ, như thế có thể thu được hồi thanh của thời gian vậy.

Ta rong chơi giữa đời biết đâu nguồn cội
Em xin làm bến đợi mà chân anh ghé qua...

Khi đó là giờ của rạng đông yên tĩnh với ngôi sao Mai miền thảo nguyên to lạ lùng, tỏa ánh biếc trên trần không quang mây đang tảng sáng. Vào giờ đó mặt trời chưa mọc nhưng trên đồng cỏ bóng tối và sương mù đang nhẹ tách khỏi nhau, đang tan. Trong mông lung, làng mờ hiện.

Một vệt đường 14, những cụm nhà mái tôn. Một ngôi nhà thờ.

Eo óc tiếng gà gáy da diết và cọt kẹt tiếng những con ròng rọc quay trên các miệng giếng trong làng. Làng Diêm thức giấc, buồn ngắt, trơ vơ, nổi lên

chìm lịm giữa bốn bề mênh mông thảo nguyên bao la quạnh vắng.

Vào giờ đó, phía bên kia đồng cỏ những cỗ 105 ly trong căn cứ pháo binh của quân đoàn Hai địch vẫn đang ngon giấc nồng, và chiếc thám thính cơ L19 địch dành riêng cho làng Diêm còn chưa chấm hiện lên ở chân trời. Dưới sông A Rang chảy ngoài rìa làng, chiếc xe tải qua ngầm trễ nhất vừa lội lọt sang được bờ bên kia, để lại những vòng sóng lan rộng tắt dần trên mặt nước mùa khô phẳng phiu.

Vào khoảng giờ này hồi trước, trong thinh không đang ngân vang tiếng chuông giục giã giáo dân đi lễ mi-sa buổi sớm, nhưng trúng phải đạn đại bác tháp chuông đã từ lâu rồi im hơi lặng tiếng. Khắp sân nhà thờ toác hoác những hố bom và hố pháo không ai buồn lấp. Um tùm lùm bụi và gai góc tràn lấn các lối đi. Hàng sáng trên thềm đá dưới hiên nhà thờ, một mình vị linh mục trong bộ chùng thâm âm thầm tựa cửa ngóng mặt trời lên và chờ đợi bóng dáng con chiên.

Suốt đêm, trên khúc đường 14 chạy ngang trước nhà thờ nườm nượp xe pháo và quân lính trẩy dọc qua làng. Bây giờ tất cả đã biến đi nhường chỗ cho buổi tinh mơ không một bóng người.

Sau sương, trên đường thôn nghe như có tiếng xe bò lăn bánh, lộc cộc lộc cộc ra đồng. Đây đó, im lìm rải rác những mái nhà tôn còn ẩm hơi khuya nhè nhẹ thở ra làn khói bếp.

"Ta rong chơi giữa đời... ơi a... biết đâu nguồn cội...", từ đâu đó dưới đáy sương nương theo ngọn gió sau chót của trời đêm đang lẳng lặng giã từ bờ sông và đồng cỏ, tiếng hát cất lên, bổng bay.

Trong cõi lòng ủ ê của linh mục thoáng rợn luồng cảm giác như dòng điện. Ông rùng mình, bàn tay chực đưa lên làm dấu thõng rơi. Nhắm mắt lại, ông cúi đầu xuống, khẽ thở dài.

Xa, sau rặng đồi thâm thấp nhấp nhô trên bờ Đông đồng cỏ vừng dương ướt át, mềm mại và tươi hồng đang thầm lặng nhô lên. Từ tù mù xám đục không gian bỗng trong vắt một vùng và cả nửa vòm trời đã ngả màu lơ. Ánh sáng lung linh chảy thành dòng. Khắp nơi, những giọt sương lớn rực lên như những hạt kim cương chói ngời dính trên ngọn cỏ. Cùng với ngày mới tiếng hát dường như lớn lên mãi và tràn rộng ra, vừa sâu trầm vừa vút cao, tự thoát đi trở thành những thanh âm vô chủ, ngân lên hoang dã, trở thành khúc du ca của thiên nhiên.

Trong làng, bọn trẻ con hát với theo Diệu Nương. Người lớn, ai nấy sửng sờ.

Bên sông, trong trận địa cao xạ bảo vệ ngầm, các pháo thủ đang làm công tác chuẩn bị chiến đấu trong ngày đều bất giác ngừng hết việc lại. Các trinh sát viên rời mắt khỏi bầu trời, dõi ống nhòm về phía làng.

... trăng ơi mày quá tệ mà em đi không về...

- Kìa. Trông kìa. Cô ta đấy!

Một người lính kêu lên, đưa tay trỏ.

Cảnh vật được ống nhòm làm cho xích gần lại. Sau những lùm cây che lấp con đường nhỏ viền quanh làng dường như thấp thoáng bóng người đàn bà đang hát. Trong màn ban mai ảo mộng và thực tại lẫn lộn, âm thanh và hình ảnh hòa nhập. Một thân hình thon thả, một dáng đi uyển chuyển. Suối tóc mượt xõa trên lưng. Song đó có thể chỉ là hư ảnh của bài ca, một ảo giác lồng trong tiếng hát. Một bóng ma. Một bóng ma tha thướt và quyến rũ, mềm mại và sống động nhưng có thể bỗng chốc tan biến trong huyền bí.

Đứng trên nóc hầm thông tin, đại đội trưởng và chính trị viên chuyền nhau chiếc ống nhòm.

Huyền thoại về Diệu Nương, nữ ca sĩ Sài Gòn bị chiến sự thình lình cầm giữ lại trong vùng giải phóng, lâu nay là câu chuyện hàng ngày ở pháo đội này. Trí tưởng tượng của từng người thêm thắt vào làm giàu thêm những chi tiết hoang đường.

- Rong chơi! - Chính trị viên buông ống nhòm, nhăn mặt - Không bắt cái đồ đĩ ấy câm miệng lại thì cả cái đại đội sẽ bị nó hớp hết hồn vía. Rồi sẽ khối đứa đâm đầu theo nó để rong chơi.

- Nhưng làm sao cấm hát được? - Đại đội trưởng nhún vai.

- Cấm! Vì đó là nhạc vàng phản chiến, là ngụy ca.

- Đấy là Trịnh Công Sơn.

- Cũng thế thôi. Mà làm sao cứ đúng giờ này là nó lên giọng nỉ non, hay nó làm ám hiệu? Hay nó toan rủ rê, ve vãn lính mình bỏ trận địa để xuống ngủ với nó rồi sinh bệnh, mất sức chiến đấu? Có phải nó toan thế không?

- Nhưng cô ta hát mới hay làm sao. Thật là một giọng hát tiên cô.

Ở bên kia sông, một toán bộ binh đang lội qua vàm cỏ gianh. Ánh kim loại lấp lánh. Người đi sau cùng dừng lại, ngoái nhìn về làng Diêm.

Mặt sông A Rang màu lam bốc hơi nghi ngút. Gió sang sông mang theo tiếng hát. Có thể người lính đón nhận tiếng hát với cái rùng mình nhè nhẹ. Giai điệu của bài ca như đụng khẽ vào tim anh. Trong trẻo và sáng rõ như được tắm gội trong khí mát ban mai, nhưng càng lan xa bài ca càng rung lên nỗi buồn, một nỗi buồn sâu thẳm, cao vời vợi và rộng lớn vô biên, dường như tiếng hát ấy là nỗi niềm của thảo nguyên. Thảo nguyên tự do, mênh mông vô tận, chạy hút về phương trời xa xăm, không biết đến những đường ranh, không biết đến các tuyến tiền duyên, không màng gì đến chiến tranh, trận mạc, bom pháo, giết chóc.

- Buồn thay, khúc du ca lạc loài. Nỗi sầu thương hồ hải...

*

Mặc dù người ta đồn thổi, người ta thêu dệt, cuộc đời của Diệu Nương vẫn hoàn toàn là bí ẩn. Thiên hạ chỉ chắc chắn rằng Diệu Nương lưu lạc đến vùng sông A Rang này vào mùa hè năm 1972, sau ngày quân Giải Phóng tổng tấn công và quân Sài Gòn tháo chạy, còn trước đó cô là ai, từ đâu cô phiêu

bạt tới, tên thật của cô thế nào thì chẳng mấy người biết, mà những người xưng là có biết thì lại mỗi người kể một phách. Ngay chính Diệu Nương hình như cũng không hay biết gì nữa về mình. Đời cô, cô dường như đã quên cả.

- Nghe nói khi dạt về đến đây cô ta thậm chí chẳng còn lấy một mảnh vải che thân.

Tôi cũng có nghe nói vậy. Song, vào "mùa hè đỏ lửa" thì có riêng gì Diệu Nương mới ra thân tàn ma dại, tôi nghĩ. Cũng như cỏ cây, số phận con người mà bị khói lửa chiến tranh ngốn thì chỉ loáng chốc thôi là thành tro than.

Năm 72, mùa hạ rùng rợn, chiến sự giết hàng đống người. Người chết, người ngã rạ dọc các ngã đường, nằm la liệt trên các nội cỏ và nổi lềnh phềnh trên mặt sông. Người còn sống sống ngắc ngoải, dở sống dở chết. Tứ phương tan tác. Người ta bảo rằng cả đến thiên nhiên cũng thể như bị hóa kiếp. Cảnh làng biến tướng.

Thực ra thì không làm gì còn làng nữa, chỉ còn tàn tích. Ngày trước làng ồn ào nhộn nhịp, nửa làng nửa phố, nhà cửa san sát, trù phú, thịnh đạt lắm. Cách thị xã có mười cây số đường chim bay, làng được quân Mỹ gìn giữ. Đàn ông trong làng đi lính hưởng lương, đàn bà buôn bán chạy chợ. Cả làng ngoan đạo. Bây giờ bao nhiêu sự giàu có đều rữa nát và mục thối ra dưới những đống hoang tàn chìm lấp trong cỏ tranh và cỏ đuôi chồn.

Ngày ngày làng rơi trong tầm đại bác từ thị xã rót về và ngày ngày hàng đàn phi cơ tràn tới, hoặc cắn đuôi nhau bổ nhào hoặc bay bằng trút bom xuống làng, xuống hai bờ sông, xuống đồng cỏ. Cây cầu sắt bắt qua sông A Rang bị đánh sập. Công binh vận đá về làm ngầm, bom pháo càng thêm ác liệt. Đất trời nghiêng ngửa.

Giữa năm 73, tiểu đoàn 17 pháo cao xạ được điều về giữ ngầm A Rang. Ba đại đội pháo 37 ly chốt trên hai bờ sông, tạo thế chân kiềng quần nhau với không quân địch. Đại đội tôi bám chân ngay kề làng Diêm.

Một cái làng cô hồn. Cỏ, gai góc, lùm bụi, những đống gạch vụn, ngói nát, rầm gãy ngổn ngang. Rải rác, xiêu vẹo những túp nhà nửa lều nửa hầm mọc ngoi lên trên nền đổ nát. Từ những đống hoang tàn bầy chó trong làng bới ra được đủ thứ nát bét của đời sống một thời đã sụp đổ: những mớ nhầu bấy rách bươm và sặc sỡ váy áo, mũ mão, đồ da, đồ nhựa, những mảnh vụn đồ gỗ, đồ thủy tinh, vật dụng gia đình - cùng những khúc xương người mà đàn chó xâu xé, giằng giật của nhau, tha đi, chuyền cho nhau như đánh khăng.

Dân cư của làng thưa vãn và suy tàn, đầy rẫy những nhân vật hoang dại. Đàn ông còn chẳng được bao nhiêu thế mà phần đa lại là phế binh địch đã hết thời ngó ngàng chăm sóc, què cụt, đui mù, bẹp dí. Hầu như chỉ thấy đàn bà trẻ con ló mặt ra khỏi nhà. Những mụ vợ lính lạc chồng, những ả góa rách rưới, rạc rài, không lai lịch và bầy trẻ ranh ốm đói gầy giơ xương, trần truồng, bụng ỏng.

Phần đông bọn họ không phải người làng Diêm. Mùa hè 72 từ nhiều thị trấn, làng mạc, khu gia đình họ nhập vào dòng thác người bại trận đổ xô theo

đường 14 dồn về thị xã. Đụng phải xe tăng giải phóng, biển người bị nén lại ở làng Diêm. Tại đây, vào lúc nửa đêm đã diễn ra một cuộc thảm sát.

Người ta kể lại rằng đêm ấy, nghe tiếng động cơ của một chiếc C130 lượn ì ạch trên bầu trời đồng cỏ, đám dân chạy loạn đã đốt lên cả ngàn bó đuốc. Một cây thánh giá khổng lồ được vẽ ra bằng lửa trên quảng trường trước nhà thờ. Trong đêm tối người ta hò hét, kêu gào, vẫy gọi bọn phi công, có nhẽ người ta hình dung chiếc máy bay ấy là con tàu Nô-ê cứu nạn do Chúa Trời điều tới. Không ai nghe thấy những nhoáng lửa đầu nòng chớp lên giần giật ở chân trời. Sau cả giờ đồng hồ chết chìm trong pháo bầy cấp tập, lại tiếp tục những lượt người tan xương nát thịt dưới trận mưa bom kéo rền rền cho tận sáng. Trong nhóm những người may mắn còn được sống có lẫn Diệu Nương.

Bọn họ trở thành người làng Diêm từ đấy. Từ đấy tất cả bắt đầu cuộc đổi đời bắt buộc. Bất kể xưa kia từng là nhân vật thế nào, gia thế ra sao, làm nghề gì, là ông hay là thằng, sang hay hèn, tất cả đều phải cam chịu sống đời gian khổ, ăn đói mặc rách, đổ mồ hôi trên nương sắn rẫy lúa tự cày cuốc nuôi thân. Tất cả đều phải sớm biết thu mình vào khuôn khổ kỷ cương của chính quyền mới. Những kẻ cứng đầu, những kẻ to mồm đều bị thẳng thừng trấn áp. Nhiều tên bị bắn, nhiều kẻ bị bắt.

Cả Diệu Nương cũng đã một lần bị du kích tống giam. Họ nhốt cô ba ngày trong xà lim hầm đất vì tội nhiều lần tự do hát những ca khúc vàng vọt. Được thả, cô vẫn chẳng chừa nết điên, vẫn buông thả không khuôn phép, tự do lãng đãng sống tách khỏi cộng đồng, và sáng sáng chiều chiều, trong say sưa mê sảng cô vẫn cứ hát, giọng ca huyền hoặc quỉ ám. Người ta còn đồn rằng đêm đêm cánh đàn ông vẫn mò mẫm tới túp lều nát của cô ở ven sông. Họ gõ cộc cộc vào cánh cửa gỗ dán hoặc cào sồn sột vào vách liếp. Họ thu trong tay họ người thì phong lương khô hoặc túi gạo sấy, người thì hộp thịt, bao thuốc lá hay miếng vải, hay là kim chỉ, gương lược, diêm muối, đủ thứ để đổi lấy một thứ. Tất nhiên là những lời dè bỉu ấy chẳng có bằng cứ nào, chỉ là phỏng chừng, song dù vậy tiếng tăm điên rồ và vô liêm sỉ của cô vẫn xầm xì lan truyền đi. Có thể chính vì thế mà nhiều người bảo rằng ngày trước Diệu Nương là gái bán bar trong căn cứ Mỹ, thậm tệ hơn người ta còn bảo cô vốn là một con thiên nga, đại khái là đồ đĩ rạc. Hư thực ra sao chẳng ai quả quyết, bởi vì còn những lời đồn đại hoàn toàn khác, những thuyết khác hẳn về nguồn gốc của Diệu Nương.

Ví dụ, nhiều người đã nghe nói rằng thuở trước Diệu Nương là ca sĩ của một ban nhạc Sài Gòn. Ban nhạc này nhận lời lên biểu diễn cho một đơn vị Biệt Động Quân đồn trú tại Tân Trấn. Suất diễn cuối cùng của họ rủi thay lại trùng với giờ N mở màn "mùa hè đỏ lửa". Xe tăng và bộ binh giải phóng tràn ngập Tân Trấn, tuyến phòng thủ bị vỡ, quân lính bị giết, ban nhạc tan tác. Diệu Nương theo dòng người chạy loạn về tới làng Diêm thì cùng đường. Áo xống lộng lẫy của nữ danh ca biến thành tã trong cuộc tháo chạy ngang đồng cỏ ngút lửa. Đêm đến, trong hỏa ngục rùng rợn của cuộc tàn sát, pháo

dội bom rơi, Diệu Nương bị vùi dưới núi xác chết chất trên sân nhà thờ. Hơn một ngày thở bằng hơi thở của các tự thi rồi mới được moi ra, toàn thân cô bê bết máu đặc như một thỏi son. Và bởi chấn thương tinh thần do nỗi kinh hoàng đêm ấy mà Diệu Nương trở nên điên dại - người ta bảo thế, lúc điên ngấm ngầm, lúc lấp lửng điên, lang thang, vật vờ, nửa mộng du, lúc bột phát quay cuồng mất trí.

Từ đấy, mặc dù được giải phóng nhưng đời cô mai một. Bàn tay cô quá mềm, da quá mỏng không cầm rựa phát cây được, không nhấc nổi cuốc để cuốc đất nên thân cô không được trui rèn, không tự cải tạo được bằng tăng gia sản xuất. Sắc đẹp của cô chỉ làm tăng thêm vẻ lạc loài. Giọng hát vàng của cô chẳng hữu ích cho ai trong thời buổi nghiệt ngã cam go, nay sống mai chết, nhọc nhằn và túng đói.

Tuy nhiên, ngày ngày, vào những ban mai và những hoàng hôn, bản năng xướng ca vẫn thúc bách Diệu Nương cất tiếng hát. Giọng ca tuyệt vời song thảng thốt như làn gió dại lướt xiên đồng cỏ trong ánh nhá nhem buồn thảm của mỗi ngày. Trong lời ca của Diệu Nương đau thắt mỗi nhớ quê nhà, nhớ cuộc đời nghệ sĩ, nhớ sàn diễn, nhớ khán giả, sắc đẹp và tuổi thanh xuân mà nay tất cả đã rời bỏ cô, đã xa lắc xa lơ ở bờ bên kia không thể vượt qua được của chiến tuyến.

... nhưng ôi, chúng ta, chính chúng ta đây một thời chúng ta cũng có một quê hương và một mối tình...

Ở làng Diêm bây giờ vẫn còn nhiều người nhẩm lại được giai điệu và lời ca của bài hát buồn vô hạn ấy mà một buổi xế chiều xa xưa nọ Diệu Nương đã lần đầu tiên hát lên. Chiều ấy, lúc xế tà, bộ đội dong tù binh qua làng. Hàng trăm tên áo rằn bị trói thành cặp. Lầm lũi đi lê bước. Những người lính áp giải, đầu súng gắn lê, gay gắt và lạnh lùng lùa đoàn tù, thúc họ đi mau lên để qua nhanh khỏi khu vực làng xóm.

Hai bên đường sau các ngưỡng cửa thấp lè tè lấp ló những khuôn mặt thấp thỏm, sợ sệt, bồn chồn. Dân làng mong tìm kiếm người thân trong đám tù nhưng chẳng ai dám mon men ra đứng ở vệ đường.

Chợt sau rặng cây phía cuối làng thấp thoáng một bóng người, ấy là Diệu Nương rẽ đám cành lá đi theo đoàn tù. Những người đàn ông lưng còng đang lê bước trên đường không để ý tới cô. Trong bóng chiều chạng vạng mặt mũi họ tối om như mặt đất.

Bỗng người ta nghe thấy những thanh âm là lạ như tiếng ai khe khẽ nức nở. Diệu Nương lấy giọng yếu ớt và vấp váp hát lên một khúc ca hầu như chưa ai từng nghe thấy trên đời, thoạt nhiên hầu như không tài nào hiểu nổi. Tiếng hát nhỏ, giai điệu u tối và không rõ lời.

Như thể nghẹn ngào, Diệu Nương dừng lại lấy hơi rồi lại hát tiếp. Ở giữa khối tù một người chợt cất cao giọng. Rồi một người khác nối theo. Rồi nhiều người. Giọng hát của Diệu Nương như lướt một cái hôn dài trên môi tất cả. Đoàn tù biến thành dàn đồng ca. Những giọng đàn ông chung nhau một bè

trầm át tiếng chân bước. Đội áp giải không bắt tù phải im tiếng. Những ngọn lê chúc cả xuống.

Dân làng ra cả hai bên đường. Họ lặng lẽ đứng chôn chân nhìn theo đám rước đang khuất bóng trong đám bụi mù bốc lên trên con đường tù đày hầu như vô định xuyên qua thảo nguyên bát ngát. Bài ca của Diệu Nương và của những con người xấu số đau khổ vang vọng trong thinh không lúc ấy đã tràn đầy bóng tối.

Trong cuộc huynh đệ tương tàn
Chúng ta chỉ là con sâu cái kiến
Nhưng ôi, chúng ta, chính chúng ta đây
Một thời chúng ta cũng có
Một quê hương và một mối tình

*

Giờ đây, Diệu Nương đã chết. Nhưng trên đồng cỏ giữa vô vàn gò đống, nấm đất nào là nấm đất của Diệu Nương, ai là người có thể chỉ ra được?

Và cả nấm mồ của người bị giết cùng cô nữa, thất lạc nơi đâu trong đất trong cỏ?

Cuộc sống triền miên trôi chảy. Cuộc sống không hề có trí nhớ. Những lớp lá rụng, những lượt thời gian. Đất cát. Cỏ cây. Mùa mưa. Mùa khô. Năm này tấp lên năm khác.

Ngôi nhà thờ của làng Diêm cuối cùng rồi cũng bị máy bay triệt hạ. Cỏ dại chôn vùi các bức tường đổ, nuốt dần các bực thềm. Sân nhà thờ trở thành bãi tầm ma. Sáng sáng tiếng quạ kêu trong thánh đường hoang tàn gợi người ta nhớ tới vị linh mục. Ông đã bỏ làng ra đi, không ai biết đi đâu...

Bên sông, trận địa pháo cao xạ giờ chỉ còn trơ vơ những công sự hình móng ngựa đã sụt lở. Đây đó, vài hố bom đìa vẫn còn hoác miệng, những hố bom bi, bom phát quang và hố đạn pháo thì thời gian đã san bằng. Và cái lối nhỏ ngày xưa dính pháo đội với làng nay chỉ lờ mờ một vệt trăng trắng uốn lượn lẫn khuất dọc bờ sông um tùm lau lách. Lính tráng đi xa rồi chắc vẫn chưa quên con đường mòn ấy. Trên đường ấy, hồi đó, ngày hai bận anh nuôi từ trong làng gùi cơm canh ra trận địa. Ban đêm, nhất là những đêm tối giời, cũng lối ấy lính các khẩu đội tụt tạt mò vào làng "dân vận". Thoáng bóng cán bộ đại đội hay là đội tuần tra của du kích, những kẻ xé rào đi ăn sương lẳng lặng né ngang xuống mép sông, thu mình trong bãi lau. Vẳng tiếng cuốc kêu phía đầu làng. Hơi ẩm màn đêm ướt lạnh vai áo. Cầm lòng không đậu.

Hồi ấy, lệnh trên hầu như cấm tiệt bộ đội không được tiếp xúc với đám cư dân còn chưa được giác ngộ còn nửa ngụy của vùng mới giải phóng, không có nhiệm vụ tuyệt đối không được láng cháng vào làng. Kiêng kỵ như vậy thật kỳ cục, nhưng quân lệnh như sơn, lơ mơ bị bắt quả tang đang vi phạm thì tha hồ mà kiểm thảo lên kiểm thảo xuống, rồi kỷ luật Đảng kỷ luật Đoàn đủ vành

đủ vẻ tai vạ rước vào thân. Song, mặc dù vậy, lính gần dân lửa gần rơm...

Dẫu không phải tình cá nước, nhưng thời gian trôi qua quan hệ vụng trộm giữa các khẩu đội với những túp lều nát trong làng đã thầm lặng in lên mặt cỏ một lối mòn. Ban ngày, trừ tổ anh nuôi, không ai lai vãng trên lối đi ấy, nhưng đêm xuống, đó là đường ân tình. Có lẽ tới bây giờ trong mỗi túp lều còn có thể gom lại khối kỷ vật và ở trong lòng mỗi người thì chắc hẳn còn tơ vương nhiều kỷ niệm về các chàng pháo thủ ngày ấy. Người ta bảo rằng trong quan hệ quân dân khuất tất hồi đó đã lén lút sinh ra không ít niềm quyến luyến, gồm cả những mối tình, cho dù, hầu hết chỉ thoáng qua, vội vã, chợt nhen, chợt tắt, tù mù, chẳng dẫn tới gì, chẳng đi đến đâu, nhưng vẫn là tình.

Hồi ấy niềm mơ ước hạng nhất của lính ngoài trận địa là được vào làm phụ bếp cho anh nuôi trưởng Cù. Cả đại đội chỉ mỗi mình Cù chốt hẳn trong làng, còn hai phụ bếp thì phải luân phiên, mỗi tháng thay một lần.

Chẳng hiểu là tới bây giờ hai cái lán nứa nền âm, một nhà kho một nhà bếp, được cất lên ngay cạnh khuôn viên nhà thờ có còn dấu tích gì không. Hồi đó, Cù nhắm vuông đất bên nhà chung bởi anh hy vọng đây là tọa độ tương đối ít phải ăn bom. Bất tiện là phải chung giếng với linh mục nhưng Cù thích cái giếng ấy, nước của nó trong và ngọt nhất làng. Còn cha cố thì tiếng vậy chứ cũng là người. Mặc dù trẻ tuổi nhưng ông ta rất nghiêm túc, và lễ độ khoan hòa, ứng xử biết điều hơn bất cứ ai trong đám dân chúng làng Diêm. Cù không ưa gì họ. Rặt một phường vô dụng. Sống giữa đồng cỏ, đất đai vô thiên song vì là thứ dân tứ chiếng, một hạng nông dân miễn cưỡng, họ không thiết làm lụng để có ăn mà chỉ toàn một lối xoay sở đắp đổi qua ngày, Cù nghĩ. Có lẽ bọn họ đều ngấm ngầm mong ngóng một thời cơ, sau cái vẻ bề ngoài nhẫn nhịn và cam chịu mà Cù thấy là đê tiện.

Và nhất là bọn đàn bà. Cù không hiểu nổi cớ làm sao mà đồng đội anh nhiều tay chịu để cho chúng hớp hồn dễ vậy. Cả đại đội, năm chục thằng, bao nhiêu năm tút hút trong rừng sâu chẳng thành vấn đề gì, nhưng vừa kéo nhau ra nơi trời đất quang quẻ, có sông, có làng, có thấp thoáng bóng đàn bà là có chuyện. Mà nào phải là người phụ nữ hiền thục, trung hậu đảm đang nơi quê xa ngoài Bắc hay các chị giàu truyền thống cách mạng trong vùng hậu cứ. Cả làng, Cù nghĩ, rặc một lũ vi trùng giống cái.

"Vi trùng giống cái truyền bệnh tiêm la, giang mai", chí ít thì đấy cũng là cái cách anh thường nói để răn đe các tay phụ bếp.

Không phải bất cứ gã nào ngoài trận địa Cù cũng nhận vào tổ anh nuôi. Những tay nom tốt mã, những tay bẻm mép, láu lỉnh, lắm tài vặt, dễ léng phéng sinh chuyện gái trai rắc rối là Cù gạt ngay. Có tay bề ngoài củ mỉ cù mì nhưng làm anh nuôi mới quá một ngày đã bị Cù tống khứ về với mâm pháo vì hóa ra là một thằng tẩm ngẩm tầm ngầm.

- Đã là thằng anh nuôi ngày ngày thường xuyên với gạo nước rau mắm của đơn vị - Cù bảo - thì hai bàn tay phải tinh khiết, cấm đụng chạm tới mọi sự dơ dáy uế tạp, nhất là cấm kỵ không có được vọc vào đàn bà.

Dân làng cũng hãi Cù. Chẳng ai dám mon men tới gần giếng gần bếp của anh. Dẫu có bắt quen được với tay phụ bếp nào, muốn xin xỏ đổi chác cái gì cũng phải đợi lúc Cù gùi cơm ra trận địa mới hòng.

Ngày hai lần, tinh mơ và chiều tà, để một người coi nhà, còn Cù cùng một anh nuôi viên nữa mang bữa ăn ra cho các khẩu đội. Con Ních, một con chó săn nòi Lào nhỏ vóc và nhanh nhẹn, thính mũi cực kỳ chạy mở đường. Họ đi trên đường 14 một đoạn ngắn rồi rẽ xuống, lối đi lượn vòng vèo trong làng qua các túp lều nghèo nàn tường đất mái tôn. Họ đi, người hơi đổ về phía trước, hai bàn tay vòng ra sau chắp lại đỡ lấy đáy gùi. Hai cái gùi to như hai cái thùng phuy, bọc bao tải, tỏa hơi nóng và mùi cơm chín tới, mùi thức ăn lính.

Bầy chó trong làng thoáng bóng con Ních, chạy dạc cả. Đói meo, chúng núp sau các đống đổ nát hai bên đường, nhìn ra nhưng không dám sủa. Chỉ có mấy thằng bé rách rưới bị mùi nóng sốt quyến rũ bám theo cái gùi.

- Bác anh nuôi ơi, bác anh nuôi - Chúng kêu lên khàn khàn như đàn quạ.

- Bọn ngụy con, cút xéo! - Cù quát.

Nhưng nếu có ông lỏi nào gan lì bám theo tới cuối làng thì Cù dừng bước, vẫy nó lại. Anh móc trong cái bị cói đeo bên hông ra một củ sắn nướng hoặc bắp ngô luộc, có hôm cả một con cá khô. Anh bảo:

- Đó. Có vậy. Cơm canh bộ đội có chó gì. Sắn cõng gạo. Tàu bay chấm muối riêng. Ơn cách mạng đời chúng mày được giải phóng nhưng phải biết chịu kham khổ. Phải biết cuốc cày mà nuôi lấy nhau, về bảo mẹ chúng mày thế. Đừng có ưỡn ườn ra trên giường mà chờ sung. Cách mạng còn lâu dài. Đến hết đời chúng tao. Hết cả đời chúng mày.

Nghe nói đến bây giờ người ta vẫn thấy con Ních đi và về trên con đường ấy. Nó lần ra bờ sông, ngửi hít những cái vỏ đạn 37 ly đã rỉ xanh rồi leo lrên một cái hầm pháo phòng không ngập cỏ gianh, đờ đẫn ngó làn nước trôi.

- Bác anh nuôi ơi, bác anh nuôi.

Một trong những thằng bé hồi ấy giờ đã lớn, quen miệng cất tiếng gọi khi trông thấy con chó già cô độc đi trên đường thui thủi. Dường như thằng bé còn nom thấy đằng sau con chó hình bóng hai người lính anh nuôi cõng trên lưng hai chiếc gùi.

Con chó bị riết chặt vào con đường mòn. Và bao giờ nó cũng qua làng vào hai thời điểm thấp nhất của mặt trời: khi ban mai, khi hoàng hôn. Không gì có thể làm xao lãng cuộc mộng du ấy. Không ai dám đụng tới con vật đó.

- Chính con chó này đã giết chết Diệu Nương.

Những người mang máng biết chuyện bảo thế. Nhưng những người không hay biết gì về tấn thảm kịch cũng sờ sợ con chó, mơ hồ cảm thấy cuộc dạo chơi buồn thảm nhịp nhàng, lặp đi lặp lại của nó một vẻ mù quáng và điên dại đặc biệt con người.

*

Lần ấy, đến hẹn, khẩu đội 3 và khẩu đội 4 cử mỗi A một người vào làm

anh nuôi thay cho Bình khẩu đội 1 và Tuấn khẩu đội 2 đã hết phiên. Nhưng trái lệ thường, Cù chỉ thay Bình còn giữ Tuấn lại. "Thằng ấy thạo việc rồi, với lại nó rất chịu thương chịu khó có thể kế cận cho tôi làm anh nuôi mãi cũng được". Cù giải thích thế.

Tuấn vốn gốc gác bộ binh. Bị thương nặng, đáng lý được ra Bắc rồi nhưng nghe động viên thế nào đó đã tình nguyện ở lại chiến trường. Người ta không điều Tuấn về lại đơn vị cũ mà bổ sung cho tiểu đoàn cao xạ. Anh về đại đội tôi mới nửa năm, giữ chân pháo thủ số 3 ở khẩu đội 2.

Vóc người anh cao, ốm yếu, võ vàng, cổ lộ hầu, một vết sẹo dữ dội đạn bắn thẳng cày chéo từ mang tai xuống sát mép. Miệng anh vì thế méo đi, cho anh cái biệt danh là Tuấn "mếu". Mặc dù là dân Hà Bắc nhưng Tuấn lầm lì, nói ít lạ lùng và nói miễn cưỡng. Giữa một đám pháo thủ luôn ăn to nói lớn, thích tán dóc đấu láo, chuyện trò nở như ngô rang. Tuấn âm thầm nín thinh, chẳng góp lời, chẳng bật cười, chẳng bao giờ tức khí nổi xung. Tuyệt đối thờ ơ lãnh đạm. Một nhà quí tộc hay một gã chán đời?

Tuấn dửng dưng với những cú bổ nhào trực tiếp lao cắm xuống trận địa của máy cường địch. Bom nổ xa, nổ gần, rốc két nã trúng bờ công sự, Tuấn kệ. Song, cái thứ tính khí lạnh nhạt, bàng quang với tất thảy ấy lại có vẻ hết sức thích hợp để làm pháo thủ số 3. Giữa cuộc hỗn chiến, số 3 chân chính là người không hề để mắt tới máy bay, tới bom, tới đường đạn bắn lên trúng hay trượt, mà hoàn toàn ung dung tự tại, anh ta chỉ một nhiệm vụ điềm nhiên bình thản quay tay quay điều chỉnh cự ly bắn đón cho pháo thủ theo nhịp đếm của trắc thủ đo xa.

- Đánh nhau kiểu cao xạ sao mà tẻ - có lần Tuấn ra lời bình phẩm như thế với tôi - Đánh nhau mà như thể đánh máy chữ ấy. Chẳng có tí kịch tính nào, khác xa bộ binh.

- Tại cậu đứng mãi số 3 nên thấy thế đấy, - Tôi bảo - nếu thích thì đề nghị khẩu đội trưởng cho hoán vị, tớ đứng số 3, cậu ngồi ghế số 2 này mà dận cò.

- À không. Là nói thế. Chứ bảo mình thế nào thì mình thế nấy. Chả xin chả ước gì. Thế tuốt!

- Chán đánh nhau sao cậu không ra Bắc, lại ở lại?

Tuấn nhún vai.

- Hay thất tình? Chắc hay tin vợ ở nhà ngủ với dân quân chứ gì hả?

Tuấn "à" một tiếng rồi lại ngậm tăm. Miệng méo xệch.

Thực ra Tuấn vợ con chưa, ai mà biết. Cả chính trị viên cũng không nắm được gì về Tuấn ngoài mấy dòng trong lý lịch quân nhân. Tuấn chẳng tâm tình, chẳng thiết thổ lộ. Chẳng bao giờ thấy anh viết thư hay được thư. Họp hành, anh ngồi im. Cùng lắm là ậm ừ.

Nhưng ngoài cái nết kín bưng nổi bật ấy, Tuấn có nét nổi bật nữa là chơi đàn. Anh chơi ghi ta rất được, có lẽ là được nhất đại đội. Khác với lối chơi đàn của lính, Tuấn không vừa đàn vừa dậm chân rung đùi, không lúc lắc vai, đung đưa người, không vừa đàn vừa huýt sáo hay ư ử trong họng, anh đàn

một cách thẩn thờ chẳng cuốn hút ai, chẳng phải để cho ai nghe, cũng chẳng phải cho mình.

- Cậu chơi bài gì vậy, nhạc nghe lạ thế, Tuấn?

Tuấn lại chỉ "à" khẽ một tiếng.

Lúc vào làm anh nuôi, Tuấn xách đàn theo. Một cây ghi ta cũ kỹ, thùng đàn xây xát sắp nứt, dây không chuẩn nhưng mà tiếng rất tốt. Nghe nói Tuấn đã mang theo cây đàn vào bộ đội và mọi người đều lấy làm lạ không hiểu bằng cách nào mà anh vẫn giữ được nó qua bao nhiêu là chặng của đời lính.

Vào làng buổi sáng, chiều Tuấn đã cùng Cù đưa cơm ra trận địa. Gùi canh môn thục tổ bố bốc khói trên lưng.

- Vất vả không Tuấn?

- Cũng vất.

- Bọn đàn bà làng Diêm thế nào, giàu kịch tính không?

- À.

Tuấn hờ hững. Bảo ở pháo thì ở, bảo vào anh nuôi thì vào, anh chẳng sốt sắng cũng chẳng thoái thác. Im lìn nguội lạnh, chẳng nói chẳng rằng, song anh làm việc hết mình, không hề nề hà ngại khó, chẳng bao giờ kêu ca.

Thời gian đầu Cù không thích Tuấn, anh bực. Anh bực với cái nét âm thầm ngậm tăm ấy, nhưng rồi cũng đâm quen. Trầm tính không phải là một cái phốt, với lại làm anh nuôi thì cả ngày đầu tắt mặt tối, túi bụi, tất bật, luôn chân luôn tay còn đâu thời gian hở ra nữa mà chuyện vãn.

Chỉ có một khoản ngắn ngủi về khuya, khi một ngày cơm nước cho đơn vị đã chu toàn, ba chàng anh nuôi mới được tấm táp, nghỉ ngơi, tranh thủ trao đổi với nhau đôi lời trước khi mệt nhọc rủ người xuống võng. Cù lôi rượu ra. Mỗi thằng nhấp mỗi chén và nghe Cù cắt cử phần việc phải làm ngày mai. Hôm nào được chút thảnh thơi, Cù và Bình đánh bài, còn Tuấn thì gỡ cây đàn treo trên vách xuống, chầm chầm so dây rồi nhè nhẹ phác một giai điệu.

Bấy giờ, khoảng đầu tháng năm ta, đêm thường mưa. Ngoài sông A Rang nước lên, con lũ chuyển mùa ầm vang đồng cỏ. Trên mây sấm lăn rền rền.

Bình khẽ huýt sáo nhịp theo khúc nhạc. Cù buông bài, quay sang lặng lẽ nghe Tuấn đàn. Âm điệu quá đỗi quen thuộc mỗi sáng mỗi chiều *"Ta rong chơi giữa đời biết đâu nguồn cội..."*

Ngoài trời miên man mưa, không khí trong lán ẩm ướt. Quầng sáng đèn dầu vàng ủng. Đời lính buồn rầu hiu hắt. Như tiếng thở dài.

*

Bếp anh nuôi và căn nhà của linh mục nom sang nhau qua một vườn rau. Hai bên dùng chung cái giếng xây và cùng đi một lối để vào làng.

Nhà của linh mục cùng nền âm, lại thêm bốn ụ đất bao quanh nên tựa tựa một cái hang. Trong tu phòng chẳng có đồ đạc gì. Một cái chõng tre với nệm rơm và gối gỗ, một cái bàn, một cái kệ để sách và ảnh thánh. Ở bên ngoài cửa

ra vào treo một cái giá, hàng sáng con chiên trong làng đưa cơm nước tới để lên cái giá đó cho linh mục. Mỗi ngày ông ra khỏi tu phòng đôi ba lần và hầu như chưa hề đi đâu vượt ngoài khuôn viên nhà thờ. Ông sống thu mình kín đáo trong vòng chí thánh như một ẩn sĩ.

Bỗng dưng ông rời bỏ nhà thờ, rời bỏ làng Diêm, lặn mất tăm. Và không hiểu có phải là do ngẫu nhiên không mà ngày ông bỏ đi trùng với ngày Diệu Nương bị giết. Lập tức sinh ra những lời đồn thổi. Tất nhiên chẳng có bằng cứ gì cả. Có điều là từ đấy trong hầu hết các câu chuyện và các giả thiết về đời Diệu Nương người ta đều thấy thấp thoáng bóng cái áo chùng thâm của ông.

Bản thân linh mục cũng là một số phận xui xẻo. Tai họa đến với ông cũng bất ngờ, na ná như tai họa của Diệu Nương. Nhằm đúng hôm ông lĩnh lệnh bề trên về làng Diêm để cai quản ngôi nhà thờ của làng thì Việt Cộng đùng đùng đánh lớn. Chiếc xe đò đưa ông từ thị xã về chưa kịp vào bến đỗ đã nghe súng nổ rang dọc bờ sông A Rang. Pháo 130 ly cấp tập nã và chiến xa T54 xuất hiện thình lình trên con đường 14 tàn nhẫn cắt lối chạy lui. Hành khách đổ xuống xe xô nhau chạy và đám đông con chiên đang tề tựu để mừng đón cha cũng lập tức nhốn nháo tan tác.

Người ta bảo rằng đúng vào cái đêm khủng khiếp, đêm bọn Mỹ dội bom xuống biển người di tản, tình cờ Diệu Nương và linh mục nằm kề bên nhau. Chính ông đã moi cô ra khỏi núi xác chết. Và mặc dù khi ấy cô chỉ còn là một cái xác lõa lồ, một cái xác bê bết máu me, ông đã làm cô hồi tỉnh, đã cứu sống cô. Ông cưu mang cô từ đấy.

Diệu Nương đã được sống nhiều tháng trong nhà thờ, kề cận bên linh mục, y như thể cô là một ma-sơ hay là một người bố, một người bố đàn bà. Sống như thế tất nhiên là trái lẽ song giữa hỗn mang đại loạn của thời cuộc lúc bấy giờ thì chẳng điều răng nào lại còn hiệu lực, chẳng điều luật nào mà không bị nới lỏng.

Về sau, khi đã bỏ ra sống ở túp lều ngoài rìa làng, Diệu Nương vẫn thường lên về nhà thờ gặp cha. Để xưng tội, chắc thế nếu cô là giáo dân, và để tiếp tế cho cha những tặng phẩm mà hàng đêm người này người khác vẫn lén lút đưa dấm dúi biếu xén cô. Ấy là những thức họ san sẻ ra từ khẩu phần lính mỗi ngày của họ, hoặc là những đồ nhu yếu họ quơ được khi thu chiến lợi phẩm. Diệu Nương nhận quà cáp và ngủ với tất cả, khi thì ở trong lều, khi thì ở ngoài bờ sông trên bãi cỏ dưới trăng mờ.

Cô là điếm, song từ bao giờ cô đâm ra như thế, cô không nhớ mà mọi người cũng vậy, không nhớ không biết. Không lẽ từ ngày được giải phóng, được đổi đời, cô trở thành đồi bại?

Rất có thể bản tính Diệu Nương đã hư hỏng sẵn rồi. Chẳng vậy mà thiên hạ đồn cô vốn gốc gác "thiên nga"? Ngủ với cô rồi, giữa hai chầu rượu nhiều kẻ kháo nhau về cô, bảo cô là cái ổ của những bệnh tật xấu xa.

Riêng tôi, mà có lẽ chẳng riêng tôi, không coi cái nết lăng chạ của Diệu

Nương là hư đốn hay đồi bại gì sất. Đến với Diệu Nương tôi đã được hưởng những phút giây chưa từng được hưởng bao giờ ở quê nhà ngoài kia.

Nhiều năm qua rồi mà tôi vẫn không muốn quên và thực ra thì cũng không thể nào quên nổi. Bần thần, ký ức tôi mơ màng mường tượng ra trước mắt hình bóng của Diệu Nương, khi Diệu Nương một mình đi trên đường vắng, dáng đi mềm mại uyển chuyển đung đưa toàn thân, hay là khi cô thẫn thờ ngồi lặng bên sông, hay là khi...

Những khi ấy, trái tim rộn ràng kinh hãi, tôi từ ngoài đêm tối rẽ manh chiếu Diệu Nương dùng thay mành cửa, bước vào trong lều tối đen.

- Lại đây, anh lính của em. Đừng sợ. Chỉ có mình em trong này thôi.

Tôi bước tới một bước và bất ngờ chạm vào một cái gì tuyệt vời, một cái gì nóng hổi, mềm mại, dập dờn, một cái gì không thể diễn tả. Và ngay lập tức tôi bị du vào một địa ngục ngọt ngào.

- Bạn tình của em, anh tên là gì? Có phải lần đầu anh đến với em không?

Tấm thân óng ả của Diệu Nương mà đời sống cơ cực vùng giải phóng chưa kịp hủy hoại thấm đượm một vẻ gì thật quá đỗi đàn bà, đàn bà hơn tất cả những người đàn bá khác hòa lại, không chỉ những cái vuốt ve của cô, không chỉ những lúc cô xuất thần thác loạn, tận lực nồng nàn âu yếm, cô rên rỉ, cô dở trò, cô im lặng hổn hển mà cả khi cô nguội đi, mệt ngoài bải hoải, ở cô vẫn dạt dào ma lực của tội lỗi đàn bà.

- Anh đã đi à, đã đi rồi sao? - Cô níu tay tôi - Còn lâu trời mới sáng. Hãy nán lại một lát đã anh. Em còn muốn ngỏ với anh điều này. Chỉ một điều này thôi...

Nhưng không mấy ai chịu nán lại. Càng không ai muốn nghe cái điều duy nhất mà Diệu Nương mong được thổ lộ với người bạn tình thoáng chốc. Không muốn nghe bởi không ai có thể làm gì cho điều mong ước ấy của cô. Nó quá tội lỗi, quá đáng sợ, lại hão huyền. Có lẽ Diệu Nương tưởng đâu rằng trên đời này vẫn còn sẵn lắm những kẻ điên rồ dám vì tình mà liều mạng và vì tình mà cả gan làm phản.

Nhưng dĩ nhiên, để lần sau lại có thể đến với Diệu Nương, nói chung chẳng ai dại gì làm cô mất hy vọng, người ta cứ hứa, hứa đại. Lời hứa gió bay.

Bởi vì ai cũng vậy cả nên chẳng ai ngờ rằng ấy thế mà vẫn có kẻ giữ chữ tín với Diệu Nương. Y hứa sẽ giúp cô và y đã y lời.

*

Về sau, khi sự đã rồi, mới nghe nhiều người nói rằng thực ra trước đây khi còn ở bộ binh Tuấn đã có nhiều dịp ghé làng Diêm và vì thế anh đã quen Diệu Nương từ hồi ấy. Hồi ấy cánh cao xạ của chúng tôi chưa về lập trận địa ở trên bờ sông A Ràng và Diệu Nương hồi ấy vẫn đang dung thân dưới mái nhà của vị linh mục.

Người ta kể rằng làng Diêm dạo đó đói dài. Một chút ít lương thực được

bộ đội cứu trợ cho hồi mới giải phóng đã cạn. Chính quyền kêu gọi nỗ lực tăng gia tự túc. Cả nhà thờ cũng phải liệu lấy kế sinh nhai.

Bởi vì một vị linh mục thì không đời nào lại cày cuốc, Diệu Nương phải lo làm lụng cho cả hai. Cô theo những người đàn bà khác đi phát nương trồng sắn. Nhưng không quen nhọc nhằn lam lũ, cầm rựa chặt được một nhát là lại một lát cô cám cảnh ngồi ôm mặt sụt sùi. Gần trọn ngày rồi mà đám nương của cô vẫn y nguyên cây cối lùm bụi.

Bấy giờ có một tốp mấy người lính dừng chốt mắc võng nghỉ ở ven sông và họ đã chứng kiến cảnh ngộ của Diệu Nương. Thoạt đầu họ cười nhạo, tếu táo với nhau, chế diễu và thương hại thay cho cái giống đàn bà gốc ngụy chẳng khác chi người giấy, quen thói lười nhác, chỉ biết ăn chơi hưởng lạc, bây giờ đây đổi đời mới được biết thế nào là mồ hôi nước mắt một kiếp người. Nhưng dần dần tình cảnh khổ sở của Diệu Nương nhói vào lòng những người lính nỗi thương tâm. Họ rời võng, đi tới bên cô, họ an ủi và đề nghị được ra tay giúp đỡ cô.

Và vậy là từ đầu tới cuối đêm, mấy chàng bộ đội xoay trần đốn cây cho nhà chung. Họ phát quang cả một vạt rừng. Họ còn dốc ba lô, ruột tượng kỉ niệm Diệu Nương một gùi đầy lương thực. Lúc từ giã, một người trong tốp lính xưng tên là Tuấn. Anh hứa dăm hôm nữa sẽ trở lại giúp Diệu Nương đốt rẫy. Và anh đã giữ lời.

Rẫy của Diệu Nương được đốt gọn và sạch nhất làng, cháy đều, không sót một thân cây nào cháy dở dang. Chia tay, Tuấn lại hẹn ngày về cùng Diệu Nương vùi hom sắn.

Cơn mưa đầu mùa, sắn lên xanh non và chẳng bao ngày mà lá sắn đã phủ kín rẫy. Quanh rẫy, Tuấn gieo thêm hạt bầu hạt mướp và trên vạt đất phía sau nhà thờ Tuấn giúp Diệu Nương mở một vườn rau.

Và cứ vậy, không hiểu xoay sở bằng cách nào, cách năm ngày, cách mười ngày, từ chốt vùng ranh ven thị xã, Tuấn băng đồng cỏ về thăm làng Diêm.

Cũng vào thời gian này Diệu Nương rời nhà thờ ra xóm ở túp lều mà Tuấn đã dựng cho cô ở rìa làng. Hình như nhờ có Tuấn, Diệu Nương đã mất đi cái vẻ não nùng của những ngày mới được giải phóng. Người ta thấy ánh mắt cô long lanh và đôi khi người ta thấy cô mỉm cười.

Có những lần, từ chốt Tuấn lẻn về với Diệu Nương mang theo cả cây ghi ta. Anh đàn khẽ cho Diệu Nương thầm thì hát. Hồi ấy cô chỉ hát nho nhỏ thế thôi, nồng nàn, giữa hai người với nhau.

Chắc là giữa hai người đã có sự thề bồi. Chắc là Diệu Nương đã thổ lộ điều nguyện ước da diết nhất của cô. Cô ước được thoát khỏi kiếp sống cày cuốc cực khổ ở chốn gian lao xa lạ này, cô ước được người đáng tin đưa cô vượt qua chiến tuyến trở về với quãng đời êm thấm quen thuộc của mình trước ngày được giải phóng.

Với Tuấn, vượt hơn mười cây số với những bãi mìn, những điểm chốt chặn không phải là điều không thể. Thêm nữa, ấy là những ngày mở đầu thời hiệp

định, những ngày bỗng dưng đất trời yên lặng. Mùa khô mà vắng bặt tiếng máy bay và tuyệt nhiên không một phát đại bác.

Say đắm ái tình và bốc đồng hy vọng thái bình, Tuấn đã hứa hẹn. Hứa thật lòng, có lẽ. Chỉ có điều là bỗng nhiên anh biến mất. Năm ngày, rồi hàng tháng trời trôi qua, biệt âm vô tín, Tuấn không trở lại làng Diêm.

Từ đó, lặng lẽ Diệu Nương trở nên ngẩn ngơ và âm thầm cô trở thành sa đọa. Cô không hề nói với ai về Tuấn. Hình ảnh của anh và lời hứa của anh có lẽ đã tàn trong tâm trí cô. Duy có khát vọng tự do thì vẫn sống, vẫn lay lắt. Niềm ao ước mà cô từng thố lộ với Tuấn biến thành tiếng hát cất lên dài dài mỗi sáng mỗi chiều. Và đêm đêm Diệu Nương vẫn tìm kiếm những hứa hẹn viễn vông, mỗi ngày một viễn vông hơn theo đà chiến sự càng ngày càng tàn bạo. Bom đạn tơi bời tàn phá làng Diêm, phủ phàng quét sạch mọi manh nha của hòa bình.

Cho tới một đêm nọ, một đêm mưa, trên đường mòn vào nhà thờ với cha cố, khi đi tắt qua vườn rau gần lán của những người lính anh nuôi, Diệu Nương chợt nghe thấy văng vẳng tiếng đàn. Lẳng lặng cô đi gần tới, ghé nhìn qua các bụi cây. Đèn dầu lập lờ mờ tối, Diệu Nương không trông thấy người đang đàn, nhưng điệu đàn quen thuộc của những đêm xưa giúp cô nhận ra người ấy.

Thất thần, vô tri giác, Diệu Nương từ từ bước tới cửa lán. Bất ngờ, con Ních từ góc lán chợt chồm lên, cất tiếng sủa.

- Ai? Cù vùng khỏi võng, chộp lấy súng, hét.

Diệu Nương lùi lại một bước, và khi tiếng đàn trong lán vụt ngắt, cô quay người chạy.

Cù lao ra cửa. Mưa đổ ào ào trước mặt anh.

- Thám báo! Cù quát - Mày đứng lại!

Dưới một nhoáng chớp bóng Diệu Nương hiện thoáng lên, rũ rượi, xiêu đảo.

- A! Con đĩ! Đứng lại, tao thì giết!

Cù gầm lên, phóng mình ra mưa và trượt chân, anh ngã sấp. Nhổm phắt dậy, điên tiết, Cù nâng súng quạt cả một tràng theo tiếng chân đang chạy chấp chới phía trước.

Tuấn xô tới, giựt súng.

- Thằng ngu xuẩn! Đồ nông nô!

Tuấn gào, khản đặc, và mê muội đấm vào mặt anh nuôi trưởng. Anh quăng khẩu tiểu liên xuống vũng bùn cạnh Cù, rồi băng mình vào mưa đêm đen đặc, đuổi theo Diệu Nương. Khắp làng ran tiếng kẻng báo động. Du kích từ nhiều ngã ập tới.

Bình vực Cù vào lán.

- Bọn du kích tới, mày bảo là không có chuyện gì cả - Cù lấy ống tay áo lau khuôn mặt ròng ròng nước mưa và máu, nhổ cái răng cửa bị gãy ra, khó nhọc bảo Bình - Nói là tao mê hoảng, bắn bừa... Rồi thì đi xem xem hai đứa

nó ra sao rồi...

Anh thở dài:

- Mà tại sao, nó lại vùng chạy cơ chứ, hả?

Rất lâu sau này, kể lại chuyện đêm ấy, Bình ngậm ngùi bảo tôi:

- Giá kể Diệu Nương nó không dính đạn, hai đứa chúng nó dắt nhau đi trốn ngay trong đêm ấy thì không chừng là đã thoát được rồi cũng nên.

Giờ đây ngẫm lại, tôi thấy trong toàn bộ tấm thảm kịch xảy ra hồi đó chỉ có Cù là nhân vật duy nhất không tài nào ai hiểu nổi.

Chính anh đã cố tình xả súng vào Diệu Nương, lại cũng chính anh suốt một thời gian dài đã tận tình giúp vào việc chăm sóc cô. Ông linh mục chỉ chấp nhận hé cửa tu phòng cho một mình Cù vào thăm Diệu Nương mỗi ngày. Bông băng, thuốc men, đồ ăn ông chỉ nhận nếu là do Cù mang sang. Tuấn hoàn toàn bị ông ta cấm cửa.

Cù và Bình không hé răng hở chuyện. Ngoài đại đội không ai biết kẻ bị Cù bắn chính là Diệu Nương. Cũng không người nào biết có cuộc xô xát giữa Cù và Tuấn. Càng chẳng ai ngờ mối quan hệ nung nấu và mơ hồ giữa Diệu Nương và Tuấn.

Đến kỳ thay anh nuôi, Cù xin đại đội cho giữ Tuấn lại.

*

Bỗng nhiên, Diệu Nương biến mất. Không còn nghe thấy tiếng hát của cô nữa. Túp lều ở rìa làng bỏ trơ vơ, trống huyếch, xiêu mọp, ngập cỏ. Người ta đồn rằng cô đã bỏ trốn. Hoặc đã chết. Chết đuối hay là chết tan xác vì trúng phải một trái bom, trái pháo giáng trực tiếp xuống đầu.

Mùa mưa ấy dài dai dẳng, buồn bã, ê ẩm. Dần dần tôi mới thầm hiểu tôi buồn vì nuối tiếc Diệu Nương, vì nhớ nhung tiếng hát của cô, một ả đàn bà chẳng đáng gì. Mà không riêng tôi cảm thấy thế, cả đại đội đều rầu rĩ. Chúng tôi không còn lý do gì để bám lại trên mảnh đất này nữa.

Đột nhiên vào ngày nắng hửng đầu mùa khô, chúng tôi được biết Diệu Nương vẫn còn sống. Suốt mùa mưa cô ẩn trong nhà thờ để chữa trị vết thương. Nay cô đã gần khỏi... chỉ có điều nay cô mới thực sự bỏ trốn.

Người báo cho chúng tôi tin đó chính là ông linh mục. Ông lần ra trận địa vào lúc tảng sáng, cái áo chùng ướt đẫm sương.

- Người của các ông đã quyến rũ cô gái. Cái tên mặt sẹo, dáng vẻ lầm lì ấy. Hắn đã phản bội các ông, lại kéo cô ta phản Chúa.

Ông còn cho biết ông đã mật báo với Cù ngay khi Tuấn và Diệu Nương bỏ trốn, nghĩa là ngay từ tối qua. Vậy mà Cù không hề báo cáo cho đại đội.

Anh ta đứng đấy, đầu trần, răng nghiến lại nghe chính trị viên xỉ vả:

- Nên để cho họ đi - Cù nói, sa sầm - Còn nếu cần bắt lại thì cũng được. Cô ta bị thương không thể đi nhanh. Với lại có con Ních đấy.

Tôi có vinh dự tham gia nhóm tác chiến cùng với Cù và hai trinh sát.

Chúng tôi khẩn trương xuất kích. Con Ních thoăn thoắt chạy dẫn đường, kéo căng sợi dây da trong tay Cù.

Chúng tôi lặng lẽ tiến theo. Hàng dọc, súng lăm lăm. Lệnh trên là kiên quyết không để chúng trốn thoát mang theo bí mật về cuộc hành quân sắp tới của đơn vị.

Chỉ lạ là không hiểu tại sao dấu vết con Ních dò theo không nhằm về thị xã mà cứ men theo bờ sông A Rang, ngược sang mé Tây đồng cỏ. Phía đó chỉ có rừng rậm.

Ý chí đuối dần. Chúng tôi lết đi chậm chạp. Bụi bốc lên dưới chân. Nhiều giờ trôi qua. Con Ních, vẫn cần mẫn lần theo dấu vết vô hình lượn ngoằn ngoèo.

Chính vào lúc chúng tôi đã nãn chí, bắt đầu bàn chuyện quay về thì hình tích hai kẻ chạy trốn thực sự hiện ra.

Dưới tán một cây kơ-nia mọc trơ vơ giữa tảng cỏ tranh cao lút đầu, Tuấn và Diệu Nương đã nghỉ chân. Đàn kiến đang tha đi những vụn cơm. Một mẩu thuốc rê vấn bằng giấy báo. Nhưng đặc biệt rõ ràng, hằn sâu trên cỏ đã tạc nên thân hình người đang nằm. Một bức họa khắc nổi dáng vóc đàn bà, không thể nhầm lẫn...

Chúng tôi đuổi kịp họ trước lúc mặt trời lặn. Đã chớm tới cánh rừng thưa bên bờ Tây đồng cỏ.

Mệt nhoài, chúng tôi dừng lại trước một dòng suối. Con Ních bị dòng nước xóa dấu vết. Chúng tôi ngồi xuống nghỉ. Im lặng đè nặng lên buổi hoàng hôn màu hồng thẫm.

Thốt nhiên, giữa sự im lặng và tiếng rì rầm của dòng suối, lướt nhanh qua không gian một âm thanh bất ngờ giống như một gợn sóng mỏng.

- Tiếng đàn - Củ khẽ thốt kêu.

Chúng tôi sững sờ, lắng nghe, hồ nghi. Đã tưởng chỉ là một cảm giác sai lạc, không ngờ, sau một lát nín thở chờ đợi, chúng tôi nghe thấy thầm thì tiếng hát.

Chúng tôi vượt nhanh qua suối, nhẹ chân tiến tới nơi vẳng lên giọng ca. Đấy là một dải rừng thông. Những cây thông cao vút, mọc cách thưa. Một tà khói mỏng bốc lên trong chiều. Chúng tôi khom rạp xuống, áp sát lại.

Một tiếng cành khô gãy dưới chân. Tiếng hát tắt lặng.

Tôi đứng thẳng lên sau một thân cây và căng mắt quan sát. Một cái bếp nhỏ với chiếc ăng-gô treo bên trên. Cây đàn ghi ta vứt bên bếp. Một chiếc võng dù căng giữa hai cây thông. Tôi biết rằng hai con mồi đang núp sau một bụi cây không xa bếp lửa.

Im lặng kéo dài, kéo dài mãi. Một cách máy móc tôi gạt chốt khẩu AK vào nấc liên thanh.

- Các bạn... các anh em... - Giọng Tuấn - Chúng tôi không làm hại gì cả... Hãy để chúng tôi đi...

- Câm mồm! Bào, trinh sát viên hét - Đứng dậy. Giơ cao hai tay. Đi ra!

Một phút. Nhiều phút. vẫn lặng ngắt. Cù buông thỏng sợi dây da. Tôi thấy con Ních chạy xéo qua và giây lát sau tôi nghe tiếng nó sủa ở bụi ấy. Tiếng sủa rối rít, mừng rỡ.

Nhưng cùng lúc đó, bụi cây lay động.

Ta rong chơi... - Tiếng hát.

- Con điên - Cạnh tôi, ai đó gầm lên - Đồ đĩ!

Và tức thì súng nổ. Cả bốn khẩu AK cùng khạc đạn. Chớp đạn nhằng nhằng, xé rách lượt bóng tối đầu tiên đang phủ xuống.

Bốn khẩu tiểu liên cùng bắn hết băng, cùng câm bặt. Bốn chúng tôi cùng lao vọt lên, cùng chết sững lại.

Sau bụi cây bị đạn băm, hai con người ấy quấn lấy nhau. Những vết đạn như càng vặn xiết hai cơ thể vào nhau. Vào giây phút cuối cùng, người đàn ông cố dùng thân mình đỡ đạn cho người đàn bà. Nhưng đạn khoan qua người họ. Ánh lửa từ bếp lấp loáng trên hai mảng lưng trần.

Chúng tôi đứng chết trân. Màn đêm vây dần lại. Cả bốn chúng tôi bị trói vào nhau trong sự cam chịu một cái gì vô hình vô tận đang đổ xuống. Mùi thuốc đạn là dấu vết duy nhất của ý chí điên khùng, đã tan đi.

- A a a... - Cù bật rống lên.

Ngồi xuống bên Tuấn và Diệu Nương, tôi gỡ họ ra khỏi nhau.

*

Hai hôm sau chúng tôi nhận lệnh hành quân, cơ động về phương Nam. Vĩnh viễn giã từ làng Diêm. Tôi đã bình tĩnh trở lại. Cả Cù cũng vậy. Cuộc chiến đấu đang chờ đợi sẽ là lối thoát cho tâm hồn chúng tôi. Chúng tôi sẽ chiến đấu và sẽ quên.

Mùa khô nung vàng đồng cỏ. Và những ngọn gió dại gào hú làm bốc lên những cột lốc đỏ lòm bụi. Những ngọn gió điên rồ như có móng vuốt, cào xé mặt đất.

Chúng tôi chỉ không ngờ rằng chúng tôi đang tiến vào mùa khô cuối cùng của cuộc chiến. Chúng tôi đã bắn chết những người báo trước hòa bình, vậy mà hòa bình vẫn đến.

Trên đồng cỏ, suốt mùa khô, gió thổi. Những trận gió lành và những cơn gió dại.

BẢO NINH

(Trong nước)



NGUYỄN ĐỨC HIẾU

quán tưởng

thử nằm đối diện nhìn tường
thấy sông uốn khúc thấy đường quanh co
thấy ta ngớ ngẩn ngẩn ngơ
cheo leo dốc núi bên bờ vực sâu

Thử mình tịnh khẩu, bao lâu
lắng tâm quán tưởng: kiếp sau mơ hồ
hồn ta tịch mịch hư vô
lạc trong cảnh giới lặng lờ sắc thanh

thử ngồi soi ngắm bóng mình
trong gương kẻ lạ hiển linh cợt đùa
tóc tai dựng ngược như vua
hỏi ta: hoàng hậu mới vừa hồi cung

thử cười nói có thưa không
bởi tâm vọng động vô cùng điêu ngoa
nhủ lòng học chữ vị tha
khó hơn những cái gọi là nhân sinh

NGUYỄN ĐỨC HIẾU



BẠT XỨ

sinh nhật

Lạnh đầy hồn em vườn trăng tan chảy
Hoang giấc mộng em đêm nay không người ghé thăm
Thác đổ sau nhà, ôi thác đổ sau nhà
Đằng sau u trầm ấy xiết bao tĩnh mịch
Chuỗi pha-lê cười vất lại
Bàn chân em những ngón trần chạy vào ngày mai những bóng ma
Đen cuộc đời không thể khác
Vọng tưởng sa mạc bừng châu thân
Em chạy hoài trên xa lộ những mắt đèn nhẫn nhục loài gia súc
Vây khốn em
Lũ dây leo tương lai réo đòi máu nóng
Bầy nấm độc đầy sắc màu
Lải nhải lời bùa chú
Em
Phía bên rìa cơn ác mộng em có buông tay vào trời
khoảng không gian nhẹ vô cùng ấy
Không đâu, em chẳng cần ai đón lấy
Em đối diện em trái tim nhịp đập an nhiên
Anh gởi em
Chỉ duy hơi thở sương mai
Và nụ cười lặng lẽ

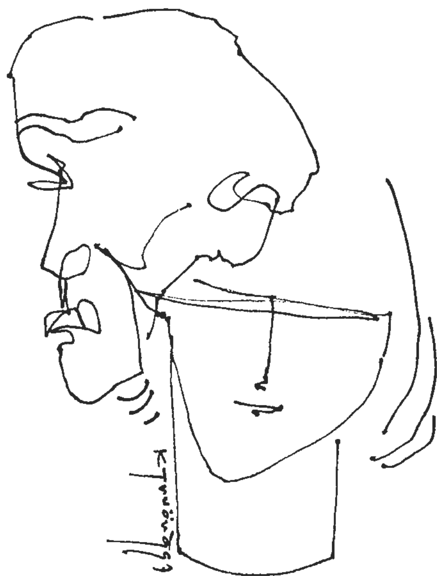
đoản khúc sóng

Này em yêu
Trên triền sóng bất toàn hôm nay
Những vỡ oà nước mắt khóe cười
Đã không hề có thật
Vồ chụp lấy ta
Mặt trời hoa lựu đỏ
Nỗi hân hoan đã thiên thu
Từ mất vào chân sóng hoang mang
Và anh tin cả vào sự dối gian
Mà chính em không thể hiểu
Vì rằng
Sự cứu chuộc
Đã không hề cần thiết
BẠT XỨ



THẾ UYÊN

nhà văn già và cô bé gù



Cô bé gù có một cái tên rất đẹp do bà mẹ, môt giáo sư Văn lựa chọn kỹ càng đặt cho. Nhưng cả nhà và sau này họ hàng lẫn bà con xóm giềng chỉ gọi cô ngắn gọn là Bé. Cái tên hai chữ đẹp tuyệt vời ấy chỉ dùng trong học đường, một thế giới khác khá biệt lập với môi trường chính cô bé sống bên trong. Một con người tật nguyền thường thu gọn lại trong cuộc sống gia đình, trong một ngôi nhà, một khu vườn nào đó. Ở trong không gian ấy, cô mãi mãi chỉ là Bé thôi.

Mẹ cô khi còn con gái là hoa khôi của một trường trung học ở Đà Nẵng, có làn da trắng và thân hình nẩy nở chứ không mảnh mai như mấy nàng tôn nữ xứ Huế. Bà đã truyền phần lớn nhan sắc mình cho cô con gái duy nhất không may bị gù này. Vậy thì Bé vào năm mười bốn tuổi đã có khuôn mặt đẹp, nhưng đôi mắt sâu hơn vì di truyền từ phía bố, đôi môi hơi ngắn nhưng mập căng. Nếu ngực Bé phát triển nhanh và lớn như bà mẹ, mười ba tuổi mẹ đã phải mặc nịt vú cho Bé lúc đi học, thì một chân lại ngắn hơn chân kia, làm ngay từ lúc vào lớp một, Bé đã phải dùng nạng.

Cô bé có hai người anh đã vượt biển thành công sang Úc nhiều năm đã

tốt nghiệp kỹ sư điện toán. Hai anh thừa hưởng khả năng toán từ ông bố vốn là một giáo sư dạy toán nổi danh của nhiều trường trung học Sài Gòn. Nhưng hai đứa con này làm lương cao gởi được nhiều tiền về cho gia đình hơi trễ, do đó bố mẹ cô đã phải bán căn nhà rộng có vườn ngoài thành phố để thanh toán số vàng đã hứa phải chi khi hai con trai vượt biển thành công. Hai ông bà mua căn nhà gỗ lợp tôn nằm nhô trên con rạch gần cạn đầy bùn cuối một cư xá gần vùng ngoại biên. Nhưng dù trong hoàn cảnh nào, cô bé vẫn được chăm sóc chu đáo, nuôi dưỡng đầy dư. Dù tật nguyền hay không cô vẫn là đứa con gái duy nhất trong một gia đình năm con.

Không ai biết cô bé ý thức mình là một người nữ tật nguyền vào lúc nào tuổi nào, nhưng không mấy ai thấy cô than thở, khóc lóc vì truyện đó. Có lẽ tại cả gia đình họ hàng cưng chiều, có lẽ một phần do cô sinh trong một gia đình theo Đạo. Từ lâu lắm rồi cô được giảng rằng Chúa, vì lý do nào đó không thể hiểu được, đã đưa cô vào cuộc đời này với tật nguyền bẩm sinh như vậy. Ông Cha đỡ đầu cho cô, bây giờ tóc đã bạc lắm rồi, luôn luôn nhấn mạnh cô vẫn có hạnh phúc, nếu cô biết bằng lòng với phần hạnh phúc Chúa đã định sẵn cho cô.

Vậy thì cô bé là một cô gái tật nguyền yêu đời yêu người. Cô ngày ngày chống nạng đi học và học rất khá, xếp hạng thứ ba trở xuống là ít khi xảy tới. Học giỏi, quần áo đẹp, cô tham dự vào mọi sinh hoạt ở trường, chơi cùng bạn những trò chơi không đòi hỏi sử dụng đôi chân. Hơn nữa bố mẹ cô vốn là nhà giáo kỳ cựu có danh trong thành phố, biết cách giải quyết vấn đề. Đầu niên học nào cũng vậy, không bố thì mẹ cô đến gặp thầy cô ở tiểu học, gặp giáo viên chủ nhiệm ở trung học, để gởi gấm cô gái tật nguyền. Đôi khi họ còn lựa một buổi không có cô đi học để nói với cả lớp là hãy thương cô, che chở giúp đỡ cho đứa con gái không may mắn. Hơn nữa trong cặp cô bao giờ bà mẹ cũng để sẵn hàng ngày một khoản tiền không những đủ cô ăn quà mà còn dư để bao các bạn bè thân. Bởi thế cô bé đã lớn lên khá bình thường. Chỉ có điều càng lớn, đôi mắt sâu trong xanh dưới hàng mi rậm đen mượt càng có một vẻ buồn bã mà người ngoài chỉ bắt gặp khi cô tưởng không có ai quan sát mình.

Chỉ có cô bé và bà mẹ mới biết nỗi buồn trong đôi mắt ấy bắt nguồn từ đâu và vào lúc nào. Gia đình cô dọn vô ở căn nhà gỗ trên con rạch này vào năm cô bắt đầu dậy thì. Trước kia cô có một phòng riêng tiện nghi trên lầu ngay cạnh phòng bố mẹ, trong biệt thự ngoài thành phố. Bây giờ sang nhà mới chật hẹp hơn nhiều, cô vẫn có một phòng nhỏ vách gỗ thùng thô sơ, sát cạnh phòng bố mẹ. Nhưng vẫn đẹp vì bố cô và hai đứa em trai đã bỏ cả ngày chủ nhật ra sơn lại tất cả màu xanh ngọc bích. Riêng cái cửa sổ thô sơ chống lên hạ xuống thì được sơn màu hồng nhạt theo lời cô yêu cầu.

Chính tại căn phòng xinh xắn này cô thấy kinh lần đầu vào một buổi sáng trước khi đi học. Bà mẹ, một cô giáo đầy kinh nghiệm, không để cô hoảng sợ hay kinh ngạc lâu. Bà vừa chuẩn bị những điều cần thiết về y phục cho cô bé vẫn còn có thể đi học, vừa cắt nghĩa bằng những lời lẽ cụ thể rõ ràng để cô bé

hiểu thế nào là thân phận người nữ mới xuất hiện. Nhưng kể từ đó cô bé bắt đầu có những đêm khó ngủ, nhất là từ khi hai đầu vú bắt đầu nhô lên, nhiều lúc nhức nhối. Cô than thở với mẹ và được cho biết rồi điều đó sẽ qua đi. Nhưng bây giờ cô không còn ngủ kiểu con nít nữa, cô trằn trọc và nhiều đêm bỗng thức tỉnh. Chính vào những khoảnh khắc như thế cô đã đi vào thế giới dục tình của người lớn. Vách gỗ ngăn hai phòng quá mỏng và nhiều khe, cô bé đã nghe thấy tiếng bố thở hổn hển và sau cùng là tiếng mẹ rên rỉ và có lúc kêu lên như bị đau đớn vô cùng.

Đêm đầu tiên nghe thấy như thế, cô bé lo ngại cho mẹ. Sáng sớm cô đã thức dậy, vào ngồi chiếc bàn ăn trong bếp. Khi bà mẹ đi ra trong chiếc áo ngủ hở ngực hở tay và một phần đùi, cô đã đảo mắt thật nhanh xem trên người mẹ có vết thương nào không. Cô chưng hửng khi thấy thân thể mẹ vẫn nhẵn nhụi, và hơn nữa, còn hồng hào hơn. Cô đưa mắt ngắm nghía hơi kỹ làm bà mẹ, khi bưng tô bún riêu nóng hổi lại đặt trên bàn, đã phải hỏi:

- Bé làm gì mà nhìn mẹ kỹ vậy?

- Bố làm gì mẹ đêm qua mà mẹ kêu vậy? Bố làm mẹ đau hả?

Bà mẹ cười, vừa ăn bún vừa cắt nghĩa. Mẹ bảo mẹ kêu không phải vì bố làm mẹ đau mà vì bố làm cho mẹ sướng. Bà cũng cắt nghĩa thêm cho Bé hiểu là từ xưa đến nay mọi sự vẫn là như thế, từ thời có ông Adam lẫn bà Eve kia. Nếu những năm trước Bé không nghe thấy tiếng kêu rên là tại hồi đó ở nhà biệt thự tường gạch. Vậy thôi.

Cô bé rất tin ở mẹ về những truyện đó, cũng như tin ở bố khi bố kèm toán lý hóa hay nói về thế giới đàn ông, thế giới bên ngoài. Một thứ thế giới rất là hỗn độn, dữ dằn. Nhưng những tiếng kêu thất thanh của mẹ vẫn làm cho bé băn khoăn. Cô muốn coi thực sự những gì xảy ra và điều đó không khó. Với một chiếc đinh, cô đã tẩn mẩn khoét được một lỗ nhỏ nhìn sang phòng bên. Khuya hôm đó, khi thấy tiếng gường lay động dữ dội và tiếng mẹ bắt đầu kêu, cô đã xoay người áp mặt vào lỗ hổng. Lỗ ở vị trị hơi cao nên cô chỉ nhìn thấy mẹ đang ngồi lắc lư trên người bố nằm ngửa. Tóc mẹ xổ tung và đôi vú của mẹ căng lên, thẳng băng. Mẹ bỗng kêu thất thanh và hai bàn tay của bố phóng lên úp chụp trên hai vú mẹ. Sau một khoảng khắc tê cứng, mẹ bỗng úp sấp lên bố và sau đó Bé nghe tiếng cười nhè chế riễu của bố cùng giọng thì thào như ngượng ngùng của mẹ.

Ngày hôm sau là ngày thứ tư, ngày tắm có gội đầu của Bé vì sáng hôm đó mẹ không có giờ dạy. Kể từ khi dọn vào ngôi nhà gỗ này Bé đã dư sức tắm một mình. Chỉ khi nào tắm có gội đầu mới cần tới mẹ phụ giúp. Mẹ để Bé ngồi trên chiếc ghế thấp để múc nước từ thùng phuy. Bà thường chỉ mặc một quần lót bởi vì gội đầu cho bé xong, bà cũng ướt nhẹp. Những lúc tắm chung như thế là những khoảng khắc thân mật nhất giữa hai mẹ con, giữa hai sinh vật nữ. Bởi thế khi lớp mao bắt đầu che phủ nhè nhẹ phần dưới, Bé đã không ngạc nhiên vì đã quen với phần đó của mẹ dầy đặc hơn. Bé thường hỏi mẹ những câu hỏi khó khăn khi cúi đầu cho mẹ vò tóc. Và đã có lần mẹ nói rằng

những lúc ấy người đàn bà thường sướng nhiều và dữ dội hơn đàn ông. Mẹ bảo Chúa đã an bài như vậy để bù lại những lúc mang nặng đẻ đau.

Mẹ nở một nụ cười rất vui khi xoa xà bông lên đôi vú cho Bé. Mẹ khen Bé có bộ ngực còn đẹp hơn của mẹ lúc còn trẻ. Mẹ bảo hồi đó vú mẹ to hơn nhưng trĩu nặng xuống, chứ không được như của Bé. Nếu Bé có mặc nịt vú khi đi học, thì chẳng qua là y phục đòi hỏi phải vậy. Mẹ cũng dặn dò Bé khi quàng tay kéo cô gái đứng lên lau người rằng Bé đừng có bao giờ lo ngại khi thấy mẹ kêu nữa, rằng mẹ mê bố vì bố biết làm cho mẹ kêu lên như thế. Dĩ nhiên có một vấn đề cả hai mẹ con cùng chẳng bao giờ nhắc tới, là Bé tật nguyền như vậy, có bao giờ hy vọng Bé được biết đến tình yêu như thế không.

Vậy khi cô bé gặp ông nhà văn già, cô không phải là một trinh nữ ngây thơ không biết gì về truyện nam nữ trên cõi đời này. Ông nhà văn già vốn không phải có sẵn trong khung cảnh quen thuộc của cô, mà ông một ngày nào đó bỗng tự dưng xuất hiện. Trên con đường đi học hàng ngày của Bé có một quãng Bé rất thích. Một phía toàn là vách tường có hai cây dương cổ thụ, một phía là nhà làm thêm không nhà nào giống nhà nào. Tại nơi đó có căn nhà tôn một tầng đối diện cây dương lớn Bé vẫn hay ngừng nghỉ chân những hôm trời nắng, căn nhà có một cây bông giấy lớn có cành bò sát trên đất của lòng đường. Vào mùa hoa bông giấy nở, Bé hay ngừng lâu vì cây này cho hoa hai màu khác nhau.

Ông già bỗng dưng xuất hiện đều đặn, lúi húi lên luống chạy dài suốt bờ tường bên kia. Ông trồng rau trồng cà. Tất cả đều tươi tốt vì ông không sợ dơ, đi xin phân heo các nhà về bón và tưới nước cống. Bé chú ý một cách sơ sài thôi vì cảnh một ông già trồng rau thì có gì là lạ. Tới một hôm đi học về, Bé thấy luống rau đã biến mất, chỉ còn hai cây cải già đang nở hoa màu vàng và tím đẹp tuyệt vời. Bé ngừng dưới gốc cây dương hơi lâu, vì hai cây cải nở hoa rủ rê bướm trắng bướm vàng bay lượn trong nắng. Chính ông già mở lời với Bé trước.

- Bác chẳng trồng rau nữa đâu. Chắc bác trồng hoa suốt khúc này.

Ông nói giản dị như Bé là người quen thuộc đã lâu lắm rồi. Thái độ đó Bé cho là tự nhiên vì ngày nào Bé chẳng qua đây hai lần. Chưa kể chiều chủ nhật theo cả nhà đi lễ nhà thờ nữa. Bởi thế Bé đã hỏi lại cũng tự nhiên.

- Bác bán hết luống rau được tiền không?

- Bác bán hồi nào đâu. Sáng sớm nay chẳng biết kẻ nào mang thúng đến đây chĩa sạch rau của bác mang ra chợ bán.

Ông già nói bằng một giọng điềm tĩnh, không một chút nào tức giận. Ông làm như cái thế giới đầy hỗn loạn trộm cắp và áp bức này vốn là như thế, không khác được, như cây dương Bé đang đứng dưới gốc, như hai cây cải đang nở hoa và bầu trời đang chói chang nắng, đầy gió.

Mà ông trồng hoa thực. Ông làm lại luống thật cẩn thận, cời đất thật kỹ, không để lại một viên sỏi một cọng rác nào. Bé theo dõi công việc của ông hàng ngày và vẫn trao đổi những câu nói với ông. Không nhiều về phần Bé

vì tính Bé vẫn vậy, vẫn dè dặt với thế giới mà Bé cho là thế giới của bố, đầy biến động dữ dằn. Ông già kể cho bé nghe là ông mới đi cải tạo về. Ở trên trại, bất cứ trại nào, ông vẫn trồng hoa mỗi khi có thể được. Ông vẫn chiều chiều pha cà phê bằng cái phin và ly sứ dầy cộp của Nhật có hoa văn đỏ do vợ gởi lên. Ông bày tỏ một sự thán phục rõ rệt khi biết Bé đã học lớp tám và đứng đầu lớp dài dài.

Không bai giờ Bé dừng lại quá lâu vì sợ nhà cho người đi đón, nhưng hầu như ngày nào Bé cũng ngừng lại ít phút nơi quãng đường này. Khi không thấy ông già thì Bé ngó những mầm cây non, xem chúng đã lớn tới đâu. Một lần, khi Bé tựa nạng cạnh luống hoa, ông già đã ngửng lên nhìn rồi khen.

- Áo cháu mặc hôm nay đẹp lắm. Ở Úc gởi về hả?

Bé đã kể ông nghe Bé có hai người anh sắp ra trường kỹ sư ở Úc, cũng như ông già đã kể ông cũng có bảo lãnh đi Hoa Kỳ. Chiếc áo Bé đang mặc may bằng một thứ lụa xốp mỏng màu xanh da trời, để lộ rõ chiếc nịt vú màu đen mà trong thư hai anh cứ gọi là bra. Mẹ vẫn nhấn mạnh là Bé có bộ ngực còn đẹp hơn của mẹ lúc còn là hoa khôi, và mẹ bảo làm con gái không có gì là xấu hổ khi tìm cách phô ra ưu điểm của mình. Nhưng Bé chỉ thực sự sung sướng, và sung sướng nhiều ngày sau đó, khi Bé rụt rè hỏi ông.

- Bác thấy... cháu thế nào?

- Cháu biết là cháu xinh mà, đâu cần phải có ý kiến bác. Mắt cháu đẹp lắm.

Ông già nói xong mỉm cười, cúi xuống dùng tay xới đất vun vào mấy cây hoa đã cao chừng mười phân. Ông nói, không nhìn Bé.

- Cháu biết không, chính lòng yêu hoa và mọi vẻ đẹp của thiên nhiên đã giúp bác tồn tại qua những năm cải tạo. Và cả bây giờ nữa cháu. Vẻ đẹp có thật ở bất cứ chỗ nào nếu chúng ta chú ý tìm. Cháu nhìn kia kìa, bông hoa tím đang thò ra khỏi hàng rào kẽm gai...

- Cháu thấy rồi. Coi hay thật đấy.

Bé ngừng nói tập tễnh với đôi nạng đi về nhà vì đường lúc đó đã đông học sinh cấp ba mới tan học. Ngày hôm sau khi hai mẹ con tắm chung để mẹ gội đầu hàng tuần, Bé kể lại chuyện quen ông già trồng hoa ven đường. Và Bé ngạc nhiên khi thấy mẹ thở dài nhẹ nhàng nói mẹ biết ông đó từ lâu. Từ khi mẹ rất trẻ.

Vì cô bé cứ hỏi hoài nên tối hôm đó mẹ vào ngồi lên giường và kể truyện-ngày- xưa-khi-còn-trẻ của mẹ. Mẹ bảo hồi còn học lớp 11 đã mê đọc văn ông già, đọc lén lút với bạn bè thôi vì người lớn hồi đó bảo ông viết bạo quá, con gái mới lớn không nên đọc. Mẹ bảo nhờ đọc văn ông mà biết rằng tình yêu nam nữ trên đời không phải chỉ là những hoa bướm mộng mơ và chỉ ngừng ở cái hôn trên môi. Năm lớp 12, một buổi trống giờ đi lang thang với hai người bạn vùng Chợ Cồn, mẹ đã gặp ông ta. Một chiếc xe jeep ngưng lại và hai người thường phục xuống xe. Cả hai đều cao lớn, đều ngậm ống điếu. Một cô bạn nhận ra họ là hai nhà văn nổi tiếng đương thời, không những vì văn

chương mà vì nếp sống mạnh mẽ của họ. Cả hai đều là sĩ quan tác chiến, nay đơn vị này mai đơn vị khác, viết mạnh cũng như sống mạnh. một người sững lại nhìn mẹ trong áo dài trắng đồng phục nữ sinh mỏng, lướt mắt trên phần ngực căng dưới nịt vú đen, dừng lại đọc bảng tên thêu trên vải áo. Mẹ cùng hai bạn vội vã đi nhưng vẫn còn nghe thấy người đó nói: “Chưa bao giờ tôi thấy tên con gái trùng hợp với người như hôm nay. Tên con bé là Tiểu Tuyết và quả thực da nó trắng tối đa.”

Người nói câu trên chính là ông già trồng hoa bây giờ. Mẹ kể mẹ chỉ gặp ông nhà văn này nhiều năm về sau. Lúc đó mẹ đã tốt nghiệp sư phạm, đã lấy bố và đang mang bầu đứa con trai đầu. Mẹ được cử đi làm giám thị coi thi tú tài I. Vì đến hơi trễ, mẹ lách vào ngồi bàn thứ hai trước khi nhận ra thư ký hội đồng đang đọc tên kiểm diện các giám thị kia chính là ông nhà văn gặp ngày nào ở chợ Cồn Đà Nẵng. Ông ta đã đi lính bốn năm, được giải ngũ trở về dạy họ như xưa.

Bà mẹ đứng dậy tháo chiếc gậy chống, hạ cửa sổ xuống ngăm đàn muỗi đã bắt đầu bay vào mỗi lúc một nhiều, trước khi kể tiếp rằng buổi sáng hôm đó ông nhà văn ấy đã nhìn xuống bụng đã to của mẹ trước khi trao nhiệm vụ chỉ cần ngồi tại chỗ trong suốt kỳ thi. Có một lúc nào đó ông ta nhìn vào mắt mẹ, nhưng mẹ không thể biết là ông ta có nhớ được thiếu phụ bụng bầu này chính là cô Tiểu Tuyết ông đã say sưa thưởng ngoạn nhan sắc nhiều năm về trước, trên vùng chợ có nhiều cát và đầy người ồn ào ấy không.

Cô bé ngái ngủ hỏi khi bà mẹ tấn màn cho cô.

- Như vậy mẹ đâu có quen ông ấy phải không?

- Đúng vậy. Nhưng mẹ biết ông ta. Văn chương làm cho nhà văn gần gũi với người đọc ghê lắm đó.

Trước khi đi vào giấc ngủ, cô bé nhớ đã yêu cầu mẹ kiếm sách của ông già cho cô đọc. Mẹ ưng thuận nhưng cũng phải hai tuần sau mới mượn được tập truyện ngắn đầu tiên - chính quyền mới để tên ông nhà văn này ngay từ những tháng đầu cầm quyền ở miền Nam vào danh sách hai mươi nhà văn bị cấm theo tên, nghĩa là cứ thấy bút hiệu đó là cấm, tịch thu và tiêu hủy liền. Bé đã ngồi rồi nằm đọc suốt một buổi tối cho xong tập truyện, định sẽ mang kiến thức ấy ra bàn cho ông già ngạc nhiên. Nhưng sáng hôm sau, khi dừng lại cạnh luống hoa bây giờ đã có những cây ra nụ đầu tiên, cô lại chỉ hỏi:

- Sao bây giờ bác không hút pipe nữa?

Ông già ngửng lên, ngắm chiếc áo màu tường vi buông vạt ra ngoài chiếc quần jean của cô bé, khen màu sắc hòa hợp, rồi mới trả lời, giọng thản nhiên như cho rằng Bé có biết nhiều về ông như vậy là chuyện bình thường.

- Chiếc pipe bác thích nhất đã bị gẫy trong lần đi lấy tre bị té trong rừng. Bây giờ thì bác không đủ tiền mua thuốc Half & Half bác thích. Vả lại thuốc lào cũng được lắm cháu... Bao giờ được sang Hoa Kỳ, bác sẽ hút pipe lại.

Ông già hỏi thăm về kết quả thi học kỳ và tỏ ra thán phục khi Bé lại chiếm danh hiệu học sinh giỏi lần nữa. Nhưng thật ra thì Bé không quan tâm về vấn

đề này. Điều bé muốn hỏi là về một truyện ngắn đã đọc kia. Chàng trai trong truyện đã không đi xa hơn với nàng chỉ vì bỗng dưng nhận thấy tay mình bám đầy cát. Bé muốn biết nếu không vì tình cờ tay dính cát, thì câu truyện sẽ dẫn tới đâu. Bé chỉ đặt ra được câu hỏi ấy hai ngày sau đi học về, Bé sững người nhìn cây hoa cosmos đầu tiên nở hoa. Chỉ có một bông thôi, vươn lên cao và những cánh vàng êm mượt không thể tả được đang lắc lư dưới gió. Bé thèm bông hoa hết sức nhưng phân vân không dám hái, sợ ông già giận. Bông hoa nở đầu tiên của ông mà... Nhưng ông già đã từ trong nhà bước ra từ lúc nào, cất tiếng ngay phía trên đầu của Bé.

- Cháu cứ hái đi. Tặng cháu đó.

Khi Bé đã sung sướng cười với bông hoa trên tay, Bé mới hỏi về vấn đề thắc mắc từ mấy hôm nay. Ông già cười.

- Nếu tay chàng không dính cát, thì chàng đưa tay vào trong áo của nàng. Và sau đó thì chưa biết mọi sự sẽ đi tới đâu.

- Bác là nhà văn mà bác không biết sao?

Không biết thật chứ. Khi đã tạo dựng ra nhân vật cho rõ nét, đầy đủ cá tính thì nhà văn đâu có ép nhân vật cư xử theo ý mình được nữa. Cứ ép, là hư hết truyện, giống như mấy ông nhà văn Xã Hội Chủ Nghĩa ngoài Bắc thôi.

Bông hoa vàng ấy hai hôm sau mới tàn vì Bé cắm vào ly nước để ngay trên bàn học, trước cửa sổ mở ra một vườn chuối bên kia con rạch bùn lầy. Bây giờ Bé hiểu tại sao ông già thích loại hoa này: khi rụng, cánh hoa vẫn còn giữ nguyên màu sắc và hình dáng. Nhưng đó là lần duy nhất Bé cắm một bông, bởi vì suốt trong mùa hoa năm ấy, Bé được ông già cho phép mỗi lần đi học về, được phép lấy bao nhiêu hoa thì lấy. Đây là một đặc ân hiếm có trong cuộc chiến-tranh-về-hoa xảy ra giữa ông già và bầy bé gái trong cư xá. Con gái khu này trong tuổi thích hái hoa thật là đông đảo nên ông già giao hẹn là mỗi cô đi qua chỉ được phép hái đúng một bông thôi.

Chiến tranh bùng nổ liền vì chẳng cô nào có thể chỉ ngắt một bông khi luống hoa mãn khai tưng bừng lắc lư khêu gợi như thế kia, dưới nắng và gió. Bởi thế cô nào mà ngắt tới bông thứ ba là thấy ông già lớn tiếng từ trong nhà: Đừng có hái bông của bác nghe! Thế là các cô túa chạy ào ào. Lớp cành lá bông giấy quá dày nên các cô không thể biết lúc nào có lúc nào không có ông già trong hàng hiên. Bởi thế các vụ chĩa hoa và chạy cứ diễn ra hàng ngày, trước sự chứng kiến đầy thích thú dịu dàng của người lớn chung quanh.

Ông già bảo cô bé.

- Cháu biết không, thời xưa ở bên Tàu có một nhà văn nói thế này: Trồng hoa là để mời bướm, trồng trúc để mời gió... Bác thấy còn là để mời các cô bé gái nữa. Nhưng cô nào bác cũng để cho hái một bó như cháu thì chỉ hai ngày là bác cháu ta chẳng còn hoa mà ngắm, chứ đừng nói tới bướm tới gió và mây nữa.

Những cây hoa móng nước trổ hoa trễ hơn, nhưng thật mập mạp khỏe mạnh. Mẹ cô bé cũng như những người khác trong cư xá đều bảo rằng chưa

bao giờ thấy ở đâu có hoa móng nước to cao như vậy. Lại đủ các màu nữa. Dù Bé được đặc quyền thao túng vườn hao của ông già, Bé vẫn không lấy hoa móng nước vì đó chẳng phải là thứ có thể cắm vào bình. Một buổi trưa Bé than với ông già như vậy thì ông cười, hẹn mai đi học về, sẽ có cách.

Và đúng như đã hứa, ngày hôm sau ông già trao cho Bé một tô nhựa đầy những hoa móng nước ông già đã cắt tỉa từ những cây đẹp nhất. Ông bảo Bé về nhà kiếm một cái đĩa lớn, thả hoa cho nổi lên trên, sẽ thấy đẹp lắm. Mẹ kiếm cho Bé một cái đĩa lớn thường chỉ sử dụng đựng mứt trong ngày tết và chính vào những lúc thả hoa cho trôi nổi bập bềnh như thế, Bé đã chứng kiến một tình yêu diễn ra. Bên kia con rạch xưa kia là một vườn chuối gần như bỏ hoang. Trong hai năm gần đây được quân đội miền Bắc chia lô cấp phát lại cho các sĩ quan của mình để họ làm nhà đón thân nhân vào. Bé không quan tâm lắm đến sự thay đổi bên kia rạch vì cửa sổ bé mở ra chỉ nhìn vào một góc hoang vu nhất đầy cây chuối dày đặc, thỉnh thoảng mới có một chàng trai đến đó lấy hoa chuối về nấu canh hay nuôi heo.

Nhưng chiều nay thì chàng trai tầm thường ấy dẫn tới góc đó một cô gái. Họ hôn nhau thì Bé cũng ngó thôi vì hôn môi nhau thì Bé quen rồi. Từ trong xi nê đến ngoài đời Bé thấy thiếu gì. Bé chỉ bỏ trang nhật ký viết dở mà nhìn chăm chú khi thấy chàng trai bỗng dưng úp tay lên ngực cô gái. Cô gái đưa tay mình lên giữ chặt lấy tay chàng khoảng khắc. Khoảng cách khá xa nên tất nhiên Bé không nghe thấy họ nói gì, nhưng cô gái buông tay ra và người con trai đưa bàn tay qua khe áo vải vuốt ve ngực cô gái. Đến đây thì Bé hiểu trong truyện ngắn của ông nhà văn già, nếu bàn tay nhân vật nam không dính cát thì truyện sẽ xảy ra kế tiếp. Thường thường đến đó hai kẻ lại hôn nhau tiếp, thật say sưa dưới các tàu lá chuối.

Với thời gian, Bé để ý mỗi lần gặp gỡ nhau ở đó, bàn tay người con trai lại lục lạo xuống thấp hơn. và Bé chỉ thực sự xúc động buổi chiều nhìn thấy bàn tay ấy đưa hẳn vào phần dưới của cô gái. Bé không rõ bàn tay làm gì nơi ấy bởi vì bụi cỏ nước ven bên kia rạch đã che khuất. Đêm đó Bé thực khó ngủ và khi vừa thiếp đi không lâu đã thức tỉnh vì tiếng rên của mẹ bên kia vách gỗ. Buổi học sáng hôm sau trôi qua thật chậm chạp vì Bé chỉ mong đến giờ tan học để gặp ông già, kể cho ông nghe. Không, Bé không bao giờ kể hết mọi truyện của mình, nhưng chỉ cần nói rụt rè và ngắn gọn thôi là ông già hiểu ngay truyện gì. Và khi Bé đang ngập ngừng kiếm lời nói cần thiết, thì ông già đã đứng dậy vươn vai và hỏi:

- Cháu đêm qua ngủ không được phải không?
- Sao bác biết?
- Dưới mắt cháu có quầng. Nhìn biết liền.
- Như vậy trông xấu lắm hả bác?
- Không đâu. Nhiều phụ nữ khi trang điểm còn vẽ quầng giả cho hấp dẫn.
- Sao vậy bác?
- Vì đàn bà tối đến là ngủ khì liền thì đàn ông chê chứ sao.

Bé không hỏi nữa vì Bé nhận thấy tối nào bố cũng uống cà phê mà mẹ uống ké là đêm đó về khuya thế nào cũng nghe tiếng mẹ kêu thất thanh bên kia vách.

Khi Bé lên lớp chín và ông già đã trồng đến mùa hoa thứ hai thì truyện trục trặc xảy ra. Hôm đó trời hơi lạnh và nhiều gió, gió thổi ào ào trên cao. Bé thật vui. Vì không gian vì thời tiết và cũng vì trong thùng quà chót gởi về, anh lớn có bảo rằng bên xứ Úc, y khoa đã tiến kinh khủng, người ta đã làm được nhiều việc thần kỳ trong địa hạt chỉnh hình. Bé lựa một áo thung dài tay màu vàng và một quần jean mỏng màu nâu nhạt. Ông già bao giờ cũng biết thưởng thức những chi tiết ấy. Nhưng bé khựng lại khi thấy cô gái trong vườn chuối bên kia rạch, học trên bé hai lớp, đang đứng nói chuyện với ông già. Khi Bé tập tễnh chống nạng tới gần, cô gái cười thật tươi chào ông già rồi quay đi. Điều trục trặc là ông già ngưng xới đất, ngẩn ngơ nhìn ngắm bộ mông tròn căng trong chiếc quần jean đen đang lắc lư nhịp nhàng xa dần.

Bé bỗng dưng thấy mặt nóng bừng lên và cảm thấy một thứ nghẹn ngào. Bé biết chắc chắn là chẳng bao giờ ông già nhìn theo Bé như thế. Bé hỏi thẳng:

- Bác thích cô ấy lắm hả bác?

Ông già cười, tiếp tục thưởng thức phía sau cô gái đang đi xa dần:

- Cô ấy có thân hình đẹp lắm.

- Cô ấy là con cán bộ mà bác...

Ông già lại cười rồi dịu gọng khi nhìn thấy dáng điệu bất an nơi cô bé:

- Người đẹp thì không hề có màu da, lập trường chính trị hay giai cấp nào hết. Đẹp là đẹp, vậy thôi.

- Cháu không hiểu.

- Dễ hiểu thôi. Để bác nói cho cháu nghe là từ xưa đến nay con người vẫn tạc tượng đàn bà khỏa thân, chính là vì vẻ đẹp thôi.

Bé biết ông già nói đúng. Trong tủ sách của bố ở nhà có hai tập tranh các họa sĩ nổi danh của Pháp vẽ phụ nữ khỏa thân, nhưng vấn đề không phải là truyện ấy... Rồi mặc dù ông già vẫn thưởng thức bộ quần áo mới của Bé, bày trò tin tưởng ở khoa chỉnh hình xứ Úc xa xôi, Bé vẫn không thấy vui. Bởi thế, mặc mây xám xì đang kéo tới, Bé không đi thẳng con đường quen thuộc về nhà, mà quẹo sang trái đi tới ven con rạch. Ở đó Bé nhìn thấy nghĩa trang gần như bỏ hoang. Bởi thế cơn mưa lớn đã chụp được Bé một cách tàn bạo.

Mẹ mở cánh cổng lao ra mưa dìu Bé vào, vội vã cởi quần áo ướt, lau khô người cho Bé. Mẹ dắt Bé ngồi tựa lưng vào vách, lấy khăn khô chà xát vai rồi hai vú cho Bé trước khi mặc cho Bé chiếc áo ngủ màu xanh viền đăng ten trắng do hai người anh gởi về. Rồi mẹ sấy và chải khô tóc trước khi lấy hai băng đỏ cột tóc Bé sang hai bên vai. Trong lúc mẹ bận bịu như thế, Bé kể không mạch lạc những gì đã xảy ra với ông già nơi luống hoa chạy dài theo lòng đường.

- Mẹ biết không, cái cô bác ấy ngắm say sưa là cái cô con cán bộ có bố bên

kia lạch ấy.

- Mẹ biết. Thỉnh thoảng mẹ có thấy con bé đó. Nó xinh đấy chứ. Gái Bắc mà được như thế là hiếm...

Tự dưng người mẹ ngưng nói, chăm chú nhìn qua khung cửa nhỏ. Bé nghiêng người nhìn theo. Bé vửa kịp nhận ra bên kia rạch vẫn là đôi trẻ ấy thì cô gái bỗng quỳ xuống, hai tay ôm vòng lấy chàng trai. Khoảng cách và lớp cỏ nước mọc cao không cho phép Bé nhìn rõ chi tiết, nhưng đủ để bé biết cô gái đang làm một việc mà trẻ nít khi chửi nhau thường hay văng ra. Mẹ không để Bé nhìn lâu, từ từ rút thanh chống ra, hạ cánh cửa xuống.

Chiều hôm đó Bé bỏ cơm và đến đêm thì lên cơn sốt. Đến khuya bố phải lấy xe gắn máy đi đón ông bác sĩ gia đình tới. Sau khi đã chẩn bệnh, chính thuốc, bác sĩ ra về, dặn mẹ chườm đá tiếp cho Bé trong nửa giờ nữa. Mẹ leo lên ngồi hẳn trong giường cho khỏi muỗi. Bé thì thào:

- Ngày mai con sẽ báo cho bác biết là cái cô ấy xấu lắm dơ lắm. Dám...

Bà mẹ dịu dàng đưa chiếc khăn bọc đá lướt nhẹ hai bên thái dương cho Bé, nhỏ nhẹ:

- Mẹ nghĩ là con chẳng nên nói gì thì hơn. Bởi vì có nói cũng vô ích.

- Sao vậy mẹ?

- Bởi vì khi đàn ông đàn bà yêu nhau, người ta có thể làm cho nhau tất cả mọi thứ. Không có gì là xấu là dơ khi yêu nhau đâu con.

- Thế mẹ có làm thế với bố không?

Bà mẹ cười khe khẽ rồi mới trả lời:

- Đôi khi thôi con. Khi nào bố tán mẹ gãy lưỡi ra đã...

Bé sững sờ trong khoảnh khắc nhưng rồi chấp nhận. Có bao giờ mẹ nói dối Bé về những truyện như thế đâu. Nhưng Bé không có thì giờ để ngạc nhiên lâu vì mẹ bỗng dưng hạ giọng xuống nói với Bé với một giọng khác thường. Không phải lối của một bà mẹ nói với con mà ngang hàng hơn, như một người nữ trưởng thành với một người nữ trẻ:

- Con nên nghe mẹ đây. Con tưởng ông nhà văn ấy già lắm rồi sao?

- Già chứ. Tóc ông tiêu muối hết trơn rồi.

- Hồi mẹ bằng tuổi con, mẹ thấy ông ngoại cũng già ghê lắm. Bởi thế mẹ đã tức điên lên khi thấy ông ngoại ôm hôn cô vũ nữ hoa khôi của Văn Cảnh...

- Thiệt vậy hả mẹ?

- Ông ngoại đã cắt nghĩa cho mẹ và từ đó mẹ hiểu rằng trên năm mươi tóc bạc đàn ông không hề già. Và họ chẳng bao giờ quá già để hết say mê những cô gái đẹp trên đời. Con hiểu chứ? Con hiểu tại sao mẹ bảo con chẳng nên kể những gì con thấy chiều nay cho bác ấy biết làm chi. Chẳng thay đổi được gì hết đâu con.

Bé thiếp đi rồi mê sảng vào gần sáng. Vị bác sĩ lại được đón tới lần nữa. Bé bị sưng cuống phổi thôi, không cần phải đưa đi bệnh viện. Nhưng Bé khó bình phục một cách lạ thường. Mỗi khi cô bé tỉnh táo ngồi lên nuốt những thìa sữa và cháo, bà mẹ lo ngại khi thấy đôi mắt buồn bã của cô gái tật

nguyền. Cô bé không muốn chống trả với bệnh, cô cứ chìm ngập trong một chán nản thầm kín. Bởi thế đến ngày thứ ba bà đã ngồi ra bàn trước cửa sổ nhìn xuống con rạch lầy lội mà viết thư cho nhà văn già. Bà kể đã đọc đã gặp đã biết ông ta như thế nào nhiều năm trong quá khứ trước khi nói chính mình là mẹ của cô bé gù mỗi ngày đi học về vẫn ngừng trước luống hoa. Bà xin ông ngày mai hãy đến thăm cô bé vào buổi chiều vì cô bé đau nặng và... Người mẹ ngừng lại một khoảng khắc khá lâu, vẩn vơ nhìn dãy cỏ nước và hàng chuối phía bên kia con rạch, trước khi cúi xuống viết những dòng chót xin ông già hãy làm tất cả những gì có thể làm được cho một cô gái tật nguyền.

Ông nhà văn già không ngạc nhiên nhiều khi nhận được bức thư ấy. Là nhà văn thành danh đã từ quá lâu, ông từng nhận được những bức thư của những người nữ xa lạ, yêu cầu ông làm những điều kỳ dị hơn nhiều. Ông mỉm cười bỏ lá thư vào ngăn kéo khi nhớ lại nhiều năm về trước ông nhận được một bức thư của một người xa lạ từ trên cao nguyên. Thiếu phụ ấy năn nỉ ông viết vài chữ xác nhận ông không phải là "người tình đầu tiên" của nàng. Lý do trong một lúc ghen tuông với chồng là một sĩ quan trên vùng đất đỏ, nàng đã phịa ông là người tình nhân đầu. Bây giờ hai người đã hòa thuận, ông chồng lại khổ sở, dằn vặt vì câu truyện phịa của vợ...

Ngày hôm sau là chủ nhật, đến giờ hẹn, ông già tắm rửa, chải tóc cẩn thận trước khi mặc bộ quần áo của những tháng năm chưa phải đi cải tạo. So với thứ khó khăn ông đã phải trải qua khi viết bức thư "giải oan" tức cười để cứu nguy hạnh phúc một gia đình xa lạ trên cao nguyên ấy, thì chuyến đi thăm cô gái tật nguyền đang đau ốm này đâu có đáng gì. Ông chỉ hơi ngạc nhiên một chút khi tháo then cổng gỗ bước vào sân, ông thấy nhà không có ai. Tiếng cô bé vui vẻ cất lên chào. Ông theo tiếng nói tiến vào.

Trước khi cùng cả nhà đi lễ nhà thờ, bà mẹ đã chuẩn bị thật kỹ càng mọi sự. Cửa sổ nhỏ được chống thẳng lên, ánh sáng buổi chiều tràn vào như một ô vuông đóng khung lấy bình hoa nhỏ đặt trên bàn. Cô bé được đặt ngồi trên giường tựa lưng vào tường, da mặt hồng hào, da thịt phần vai và ngực để hở cũng thế. Bà mẹ đã trang điểm cho Bé một cách nhẹ nhàng, như mọi khi bà vẫn làm khi hai mẹ con đi dự tiệc cưới của bà con bạn bè. Ông già ngồi xuống chiếc ghế trước bàn học, ngay cạnh giường. Ông châm một điếu thuốc, thở khói ra ngoài cửa sổ rồi mới hỏi, với giọng vui đùa quen thuộc:

- Này cháu, làm gì mà cứ nhìn bác như người lạ vậy?

- Tại bác lạ quá đi. Không giống bác mọi khi.

Ông già mỉm cười thông cảm. Từ biết bao tháng ngày cô bé này chỉ nhìn thấy ông trong y phục làm vườn tồi tàn. Một chiếc áo thung quân đội cũ đã úa vàng và lưng thủng lỗ chỗ. Một chiếc quần đùi may ở nhà hay một chiếc quần lính trận do chính ông vá đắp tùm lum ở các trại cải tạo trên rừng.

- Bác cũng thấy cháu lạ lắm.

- Sao bác?

- Tưởng cháu ốm liệt giường lết bết kia chứ. Ai dè cháu xinh đẹp hồng hào

như vậy.

Cô bé sung sướng cười. Như thường lệ, ông già lại thưởng thức chiếc áo ngủ mới, khen màu đẹp tuy hơi hở nhiều da thịt và quá mỏng để ông có thể nhìn thấy khá rõ đường nét của cặp vú tròn và lớn - dĩ nhiên nhận xét sau cùng này ông giữ cho riêng ông. Ông tự lấy bình trà nóng đã pha sẵn rót ra chiếc ly duy nhất. Ông không ngạc nhiên khi cô bé đòi uống chung một chút. Rồi câu chuyện diễn ra như thường lệ về mọi đề tài linh tinh. Đang tả cho cô bé nghe thủ đô nước Úc mà ông đã có lần tới buồn hiu như thế nào vào ngày chủ nhật, ông bỗng nhìn thấy đôi trẻ xuất hiện góc vườn chuối bên kia con rạch. Ông nhìn họ hôn nhau say đắm một lúc mới nhận ra cô bé gù cũng đã nghiêng người nhìn ra ngoài như ông. Đến một lúc nào đó người con trai đẩy người con gái vào thân cây chuối rồi quỳ xuống gục đầu vào phần dưới.

Bây giờ thì ông già hiểu tại sao cô bé tật nguyền này có những hiểu biết chính xác về tình yêu nam nữ đôi khi làm ông phải ngạc nhiên. Đến một lúc nào đó ông chợt nhận ra sự im lặng bất thường trong phòng. Ông quay lại, nhận thấy cô bé đã đứng tựa lưng vào vách và nước mắt chảy đầm đìa từng giọt xuống phần ngực hở, lăn sâu xuống phía dưới. Ông hiểu tại sao cô bé khóc, hay là ông cho rằng ông hiểu rằng Bé biết Bé chẳng bao giờ có được cuộc đời của một người nữ bình thường, rằng Bé mãi mãi là kẻ lạ, là kẻ bị loại trừ trong cõi đời này.

Ông nhà văn già rất thương phụ nữ và trẻ em. Ông chỉ dữ dằn với đàn ông mà thôi. Ngay bây giờ cũng vậy, mỗi khi đạp xe đi ngoài đường thấy trẻ con đánh nhau, ông vẫn ngừng xe can thiệp và săn sóc đứa nhỏ bị đánh đau. Có lần đang ngồi trong quán, thấy ông bố bên vườn hàng xóm đánh túi bụi đứa con gái bé bằng thanh tre lớn, ông đã nhảy sang can thiệp, giằng thanh tre vứt đi. Bởi thế lúc này ông thật lòng tìm cách an ủi cô bé tật nguyền. Ông đã sống quá nhiều, kinh nghiệm quá trải rộng để hiểu rằng khi một người nữ đang buồn khổ, không thể dùng một lý luận nào cả. Phản ứng tự nhiên của ông, do kinh nghiệm tích lũy, là đưa hai tay ôm lấy khuôn mặt đẫm nước mắt. Ông vuốt hai ngón tay cái lên hàng mi ướt của cô gái để cô phải từ từ nhắm mắt lại cho ông dễ dàng lau nước mắt cho cô trên má, ông không hề định hôn cô bé này, nhưng rồi mọi sự cứ diễn ra rất tự nhiên.

Ông đã hôn lên môi cô bé. Mới đầu nhẹ nhàng để an ủi nhưng mỗi lúc đôi môi ấy nóng lên, mấp máy đầu quyến luyến. Thế rồi mọi sự lôi cuốn ông đi. Ông từ tốn dạy cho bé cách hôn, từ hôn hé miệng cho đến kiểu hôn ẩm ướt trộn lẫn vào nhau. Ông đã định chỉ ngưng ở khuôn mặt, ở đôi môi với chiếc lưỡi hồng nhỏ ấy thôi. Bấy nhiêu đủ để an ủi một trinh nữ đang buồn. Nhưng tới một lúc nào đó, cô gái tự dưng cầm bàn tay đang đặt trên vai cô, đưa xuống một bên vú. Khi đầu vú nhọn căng cạ vào lòng bàn tay ông, ông bị lôi cuốn đi xa hơn. Ông mở vạt áo ngủ ra, ngắm nghía say sưa bộ ngực đẹp tuyệt vời căng phồng trước khi cúi xuống đưa môi phiêu du trên phần da thịt thơm ngọt. Rồi đến một lúc nào đó, bỗng dưng vú cô bé bỗng cong lên trong miệng ông

trong một rung động cực điểm.

Ông già dịu dàng đặt trả cô bé êm tựa vào vách, chặn gối cho thật tiện nghi. Đây chẳng phải là lần đầu ông đã làm một người nữ đạt tới khoái lạc cực điểm chỉ bằng đôi môi và bàn tay ông trên đôi vú mà thôi. Ông rót nước trà đầy một ly cho cô bé uống rồi tiếp tục nói thêm về những đề tài bình thường. Ông thật bằng lòng khi thấy ngoài đường đã lác đác những người đi lễ về. Ông đã đi vào buổi thăm viếng người đau này xa hơn mức dự trù như vậy là quá nhiều. Ông châm một điếu thuốc nữa, hút hết trước khi giã từ. Khi gặp bà mẹ trở về ngoài con lộ lớn, ông cười nhẹ nhàng báo hiệu là mọi sự đều tốt đẹp, bình thường.

Khi cô bé gù khỏi bệnh và lại chống nạng đi học, mọi sự đúng là bình thường. Cô gái vẫn ngừng lại bên luống hoa, vẫn nói chuyện lung tung với ông. Thân mật hơn, và chẳng ai nhắc xa gần gì đến truyện đã xảy ra ấy. Ông chẳng bao giờ ngỏ ý muốn trở lại căn phòng vách gỗ nhìn xuống con rạch sình lấy với vườn chuối phía bên kia. Cô bé vẫn chiều chiều loay hoay viết nhật ký, vẫn thỉnh thoảng nhìn ngắn cặp tình nhân âu yếm nhau đến tận cùng phía bên kia. Nhưng cô bình tĩnh hơn, bằng lòng hơn với mọi sự chung quanh.

Cho đến một hôm đi học về trên con đường quen thuộc, cô ngạc nhiên thấy một đám đông đang ồn ào xúm xít chặt nát cây bông giấy cổ thụ trước hiên nhà ông già. Cô tập tễnh len vào và được mọi người cắt nghĩa rất nhanh rằng gia đình này đã lên xe sáng nay ra phi trường đi Mỹ. Nhà phải trao lại cho nhà nước. Bởi thế bà con đến chặt cây bông giấy làm củi đun ít bữa trước khi có cán bộ ngoài Bắc đến ở. Một thanh niên kéo một cành bông giấy sang luống hoa bên kia đường, vừa nói với cô bé: "Thời buổi này ai còn ngắm hoa. Chặt hết đi là phải. Cũng được mấy bó củi đun đỡ..."

Cô bé tập tễnh rời đám đông tiến sang đứng nép bờ tường nhà bên cạnh. Cô lắng nghe những tiếng dao chặt, cô nhìn những cây hoa ông già tưng tiu biết bao bị đạp nát dần, nát dần. Khi đám đông giải tán, cây bông giấy biến mất như chưa từng bao giờ có mặt. Lòng đường đầy những cành nhỏ và lá rụng tơi tả. Lần này cơn mưa lũ lại chụp lên cô gái, dữ dội hơn lần trước. Và lần này cô không tập tễnh tìm đường về nhà như lần trước. Cô đứng đó, tê dại cho đến khi gia đình túa đi tìm ra cô, và chính ông bố phải bồng về khi cô không còn sức đứng vững.

Lần này cô bị sưng phổi nặng. Và dĩ nhiên là không còn gì trên thế gian này có thể cứu được cô nữa.

Nhiều năm tháng nữa trôi đi trên ngôi mộ cô bé cỏ đã xanh um từ lâu trong đất thánh không xa nhà, gia đình cô mới đến lượt được đi Úc đoàn tụ gia đình. Phải đợi đến đêm cuối cùng ở Việt Nam, khi cho cô gái hàng xóm chiếc nệm của cô bé vẫn nằm, bà mẹ mới khám phá ra cuốn nhật ký của cô dấu bên dưới. Bà vội vã cất đi, đợi đêm khuya khách đến tiễn đưa đã về hết, mới mang ra đọc. Bà đã khóc rất nhiều, nhưng khóc nhiều nhất vì đoạn cô ghi lại những gì đã xảy ra buổi chiều chủ nhật có ông nhà văn già đến thăm.

Người bố, dù đang còn ngây ngất men rượu tiễn hành, cũng đọc và buồn. Sau cùng người mẹ nói:

- Dù sao con bé tội nghiệp cũng đã biết đến tình yêu rồi mới chết. Chúa đã thương nó hơn chúng ta tưởng.

Ông chồng đồng ý. Trong đêm khuya về sáng, một đêm không ngủ nổi ấy, họ đã đồng ý cùng nhau mang cuốn nhật ký ra đốt nơi cửa sổ căn phòng của cô gái. Bà mẹ lại khóc một lần nữa. Bà chỉ chui nước mắt, vứt tro xuống con rạch khi đã đến giờ đánh thức cả nhà dậy ăn sáng chuẩn bị ra phi trường.

Hai năm đầu ở xứ Úc cả gia đình bận bịu biết bao trong việc mưu sinh tự lập cũng như học hành. Thậm chí đến năm thứ hai cư ngụ nơi vùng đất mới, họ mới nhớ chuyện xưa cũ kịp thời để làm giỗ cho cô bé tật nguyền. Bà mẹ đã năn nỉ hai đứa con lớn phải kiếm ra bằng được hoa cosmos và hoa móng nước mang về tưởng niệm cô em đã chết. Nhưng họ chỉ kiếm được hoa cosmos nhiều màu khác nhau, không hề có màu vàng tươi như thứ đã mọc lên từ luống hoa chạy dài theo lòng đường của ông nhà văn già ngày nào tại quê cũ.

Khi cắm bó hoa ấy vào bình, bà mẹ bỗng dưng nói với chồng:

- Có lẽ mình nên báo cho ông nhà văn ấy là Bé đã chết. Và Bé đã yêu ông ấy.

Ông chồng đồng ý. Ông nhà văn đã viết văn nhiều và lại nổi tiếng một lần nữa. Báo chí tiếng Việt xứ Úc thỉnh thoảng vẫn trích đăng lại một vài bài. Gửi một bức thư cho ông ta qua một tờ báo không phải là điều khó. Nhưng rồi hai vợ chồng cứ lần lữa rồi quên đi.

Điều đó cũng không sao. Tại phần đất phía Bắc của nước Mỹ rộng lớn bao la, ông nhà văn già ấy vẫn tiếp tục trồng hoa vào mùa xuân để cho nó nở vào mùa hè. Ông vẫn trồng như ở Việt Nam, bao quanh khu vườn rất rộng nơi ông đang ở. Mấy năm đầu ông chỉ trồng được hoa cosmos ôn đới với các màu trắng, tím, hồng... Không có thứ màu vàng tươi của nhiệt đới Việt Nam. Mãi đến năm nay ông mới nhờ người quen từ trại tị nạn Bataan bên xứ Phi mang được ít hạt giống loại màu vàng mà ở quê nhà dân vẫn thường gọi là hoa sao nháy, và những đôi trẻ yêu nhau ở vùng Đà lạt vẫn gọi là hoa cánh bướm.

Vào ngày giỗ của cô bé cử hành dưới nam bán cầu ấy, khi bố mẹ cô bàn tính tới truyện viết thư cho ông, thì ông đang lúi húi săn sóc bụi hoa màu vàng đang nở những bông đầu tiên. Không cần phải có bức thư nào cả, ông cũng đã biết từ lâu cô bé gù đã yêu ông. Khi vin bông hoa mới nở to nhất xuống cà lên môi mình, ông dường như nhìn thấy rõ ràng từng nét khuôn mặt có hàng mi mướt dài của cô gái. Ông cũng dường như cảm thấy đôi môi nóng của cô mấp máy trong miệng ông, và khi ngậm hai cánh hoa vào miệng, ông còn hồi tưởng được mơ hồ đâu đây cơn bùng nổ khoái cảm đầy rực rỡ của cô gái trong buổi chiều chủ nhật đã thật xa ấy.

Ông đã già rồi. Bởi thế ông ý thức hơn bao giờ hết rằng lần cuối cùng trên

trần gian này ông được một người nữ yêu thương. Sau cô bé, sẽ không còn ai khác nữa. Chỉ có một chi tiết ông không biết, đó là cô bé tật nguyền ấy đã chết cùng với luống hoa bị dẫm nát trong cơn mưa nhiệt đới tầm tã từ đã lâu lắm rồi. Nhưng điều đó sau cùng cũng chỉ là một chi tiết mà thôi. Biết hay không nào có gì quan trọng, vì ông vẫn tiếp tục trồng hoa như thế, suốt những năm tháng còn lại của ông trên cõi đời này.

THẾ UYÊN
Tháng Một, 1993.



VI KHUÊ

hoang vu

qua đèo nay, nhớ trần xưa
hoang vu đồi hạ, đôi bờ cỏ may

từ bên ấy sang bên này
con sông vẽ một nét mày bắc ngang

em về bên ấy sao đang
tôi thương cổ thụ hai hàng lệ xưa

cồn hoang dã, bến lau thưa
trơ thân cỏ dại nằm chờ nước sông

cửa trời đã khép đôi khung
suy tư bước nhỏ ngại ngùng chân em

dòng ơi, sông nước êm đềm
trả hoang vu, lại cho mình hoang vu

VI KHUÊ



LÊ THỊ THẤM VÂN

hạnh ngộ

Nhấp ngụm rượu
Vị ngọt thanh xuân đời anh
Em nhắm mắt, đưa lưỡi thoa trọn một vòng môi
Chút rượu nồng dư. Ngọt.
Thương sao cái mỉm cười. Khoé mắt tình đong đưa
Âm ba sóng vỗ, réo rắt: "em muốn, em muốn, em muốn"
Chữ nhảymúa...
Hai ta đồng điệu.

Em kéo dài sợi dây buộc tóc. Thác tóc đen òa buông.
Ngân nga.
Đêm sâu mái tóc em dài. Buông xuôi;
*xuôi theo giòng đời, mà đời đâu biết đợi...**

Ghì xiết. Hơi thở nối liền hơi thở
Vục mặt. Ngực. Nồng ấm. Ngào ngạt hương hoa nở về đêm.
Ngửa cổ. Ôi trăng thu
Trăng đêm, ngất ngất trời cao
Trăng kề cận. Tối đen. Hơi thở nối liền hơi thở
Trăng tủa lan. Trăng phả hai ta
Trăng chòng chành. Trăng chao đổ
"Ôi tình yêu!" em gọi, níu kéo thanh xuân
vẫn chưa là cuối mùa, nơi anh.

LÊ THỊ THẤM VÂN

---

* *Nhạc Vũ Thành An*



HOÀNG XUÂN GIANG

tôi vẫn đi bên dòng sương mù

Saint-Laurent dòng sương mù
Chảy qua hồn tôi
Chiều đông buốt giá
Trên chiếc cầu bắt ngang sông
Ai đứng gọi tên một người con gái
Những ngọn đèn vàng
Góc phố nhỏ
Quán rượu không người
Điệu Blue buồn vọng từ quá khứ
Những lâu đài rêu xanh hồn kiều nữ
Giọt nước nhỏ xuống từ mái nhà ai
Tôi nghe trong tôi vỡ òa thương nhớ
Vu vơ.

Saint-Laurent dòng sương mù
Ai thở khói đêm nay
Những chiếc tàu không buồn rời bến
Ai đạp vỡ dưới chân đi
Long lanh thủy tinh
Có người đàn bà ngang qua cuối phố
Mời gọi đêm vui
Có tiếng cười từ cửa sổ nhà ai
Con chim sẻ nhỏ kêu tiếng lạc loài

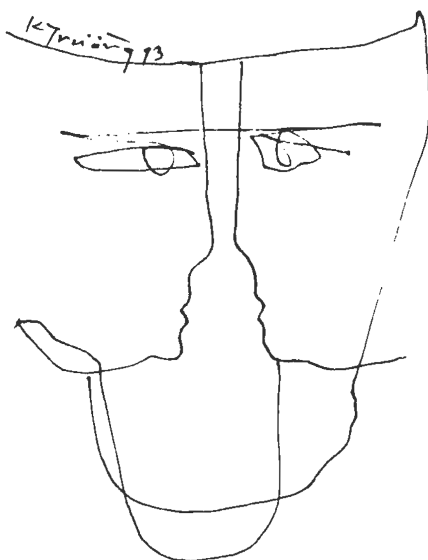
Saint-Laurent
Tôi vẫn đi bên dòng sương mù
Tìm một điều chi
Không rõ

HOÀNG XUÂN GIANG
(Quebec, Dec. 1992)



CUNG TÍCH BIỀN

không đề



LTS: *Truyện ngắn sau đây nằm trong tuyển tập "Thằng Bất Quỷ" (gồm 11 truyện viết trước và sau 75), nhà xuất bản Tân Thư sẽ xuất bản ngày gần đây. Vì phải gởi gấp bản thảo cho kịp chuyến trở về Mỹ của một người quen, tác giả chưa kịp đặt tên. Sau đó qua thư riêng, tác giả nhờ HL chọn hộ một nhan đề, coi như mối duyên văn nghệ. Toà soạn muốn chia sẻ mối duyên này cùng bạn đọc, nên tạm thời vẫn để trống. Sau khi đọc xong, độc giả chọn giúp tác giả một nhan truyện thích hợp với nội dung. Kể từ bây giờ đến hết ngày 15 tháng 7, 1993 (căn cứ theo dấu bưu điện), tòa soạn sẽ lựa một nhan đề "đạt" nhất để tác phẩm không còn "không tên" nữa. Vị nào được chọn sẽ nhận của nhà xuất bản Tân Thư một ấn bản đặc biệt có chữ ký của tác giả khi sách in xong..*

Hợp Lưu

*

Thuở ấy, chuyện ăn nằm giữa vợ chồng ngoài sinh thú âm dương, còn có tính nhân linh là lưu lại một con người, thay mình sống đời. Khoa học chưa

can dự vào công việc trên chiếc giường rằng lúc này chưa nên có con; hoặc đã hai con, là vừa. Để hạn chế việc sinh ra những nhân ảnh giống Adam, Eve, ngày nay, có phương pháp Ogino, thuốc ngừa thai, đặt cái vòng, dùng bao ni lông. Nhưng thuở ấy, vâng, thuở con người hồn nhiên hòa mình cùng tự nhiên, đa phần vợ chồng nếu lành mạnh sẽ rất đông con; chưa kể ngũ giao sinh lục tử.

Khi Hương Vân sinh đứa con thứ sáu, ông chồng đinh ninh vợ mình sẽ "Thôi đẻ", bèn đặt tên thằng bé là Thôi. Stop. Về mặt tư tưởng là vậy; thực tế, bất kể rằng xuân hạ thu đông, đêm trăng thanh gió mát, hay nửa khuya dông bão, sấm chớp lóe lên sau vườn tối, hễ cứ ăn nằm với chồng là Hương Vân có bầu.

Bé Thôi được hơn một tuổi thì có em. Hương Vân đặt tên cho đứa trai thứ bảy là Thêm; bởi cơ trời thêm thất chứ người không muốn. Hai năm sau, thằng bé trai thứ tám chào đời. Lọt lòng mẹ, nó nhỏ xíu, như được đẻ vội, đỏ hoe như giống chuột con, khóc cầm chừng, chiếu lệ. Mót máy hết sạch tinh huyết, người mẹ mới sinh được nó, nên có tên con là Mót; như chị gái quê bòn mót chạc khoai, bông lúa lép trên ruộng đồng. "Đông con quá rồi. Bà đẻ nữa tôi không nuôi nổi. Bỏ xứ mà đi thôi". Chồng bảo vợ làm vậy. Nhưng ác nỗi, ông hãy vừa năm mươi; đêm, thật khó ngủ nếu không ôm vợ bên mình. Dường như trời đất cựa quậy trong người mẹ, bụng bà lớn dần. Lại sinh con. Cất cớ sinh đôi: thằng Dư và thằng Thừa. Sau, để khỏi nhầm lẫn trong hàng ngũ một bầy trẻ, hai cậu trai được thêm thứ tự: Chín, Mười. Chín Dư Mười Thừa.

Trong làng thuở ấy cũng có một cặp trai sinh đôi: Gio và Giai. Giai Gio giống nhau như khuôn đúc, nhiều người nhầm lẫn. Nhưng không có khuôn đúc nào - kể cả máy đúc hai viên gạch - lại cực kỳ giống nhau như Dư và Thừa. Giống tới rợn người. Giọt nước chia đôi. Như có bàn tay thần linh phụ họa cho Sự-Giống.

Con nằm trong nôi, áo tả giống nhau, người mẹ có khi chẳng nhận ra đâu là Dư, đâu là Thừa, nên thường cho đứa bú rồi bú tiếp. Chúng khóc cười, đái ỉa cùng lúc. Đứa này đau, đứa kia chẳng lành mạnh. Cách ly hai đứa hai nơi để thử nghiệm, chúng đều chọn đồ chơi có màu sắc, kích thước, hình dạng giống nhau; ăn thức ăn bỏ dở, uống ly sữa để thừa, đều bằng nhau. Chúng như hai con người máy, cùng kích thước, với bộ nhớ, những linh kiện, được điều khiển vi mạch, trong tích tắc có phản ứng như nhau.

Theo thói quen, cũng là biểu lộ hạnh phúc, các bà mẹ thường cho cặp song sinh ăn bận giầy vớ, áo mão giống nhau. Người hàng xóm nhầm lẫn hoài. Để phân biệt, Dư được mẹ đeo nơi cườm tay một chiếc vòng đồng đỏ. Nhưng tạo điều kiện để hai đứa giống nhau là tạo sự đau khổ, ray rức cho chúng. Dư, Thừa lén đổi nhau đeo vòng. Cho nên nhìn Thừa lúc đeo vòng, ông nội cứ bảo: "Này Dư đưa cho ông cái tăm xỉa răng xem nào".

Một hôm, Thừa ra chợ Gò chơi, gây sự với bọn trẻ. Hôm sau bọn trẻ chợ

Gò tìm tới đánh Thừa. Lúc đó Dư ra can thiệp, bọn nhỏ bỏ chạy; tưởng ma; cho rằng Dư chính là Thừa hiện hồn.

Mường Lai, chị đàn bà bạo miệng vì lãng mạn nhất vùng đã nhận xét về Dư Thừa: "Hai cậu này về sau phải lấy chung một vợ. Cô vợ phải tinh ý lắm mới nhận ra anh nào lúc ăn nằm. Của quí của hai đứa chắc ni tất cũng y hệt nhau".

Bà mẹ mắng Mường Lai: "Ăn nói chi mà bậy bạ. Xúi giục con người ta vô luân hay sao?"

Chuyện tưởng đùa, mà về sau, hai anh em Thừa Dư cùng yêu một cô gái. Cô Thoan con nhà, xinh đẹp duyên dáng, lại yêu cả hai chàng trai. Cuộc tình ấy không thành vì cả hai gia đình cùng ngăn cản. Nỗi buồn nghi ngút trong lòng Thừa Dư. Cô Thoan than van "Yêu một chàng cũng như hai, lấy cả hai cũng chỉ một. Yêu hình chẳng lẽ bỏ bóng?"

Bình minh của bọn trẻ bỗng nhiên có sương mù che phủ. Họ không còn thênh thang đi tới chỗ hạnh phúc. Quê nhà không còn thái bình. Cái hoa dại trên đồi chẳng được bình yên. Con suối trong veo giữa rừng núi tinh khôi bấy nay đã loan chút máu vết thương người. Xã hội chợt bừng sáng chợt âm u; vừa bao la vừa hao mòn. Có người đổ mồ hôi giữa đêm lạnh, lại chợt giật mình chỉ vì cơn gió thoảng ban trưa.

Dưới lòng trời xanh đen, nơi này hay chốn nọ, hoàn cảnh nào, con người đều có chung kẻ thù: chiến tranh. Trôi nổi theo điêu tàn mênh mông đó là những bóng đen, không thiếu tàn nhẫn: đói kém, lạc hậu, dốt nát, chia rẽ. Cả một giống nòi phải vươn mình bao năm mới tới chỗ để đứng-đợi-bình-minh. Mọi người đã một thời tự lìa bỏ mình, từ giã căn nhà thân yêu bờ tre khóm trúc, đi về đầu nguồn của phiêu tán, phân lập, hóa thân. Chính lúc này Dư Thừa chia tay nhau, sau mối tình buồn. Anh em một nhà, ra nông nỗi...

Thừa cưới vợ, sinh con, đưa vào lập nghiệp miệt núi rừng Bình Thuận. Thiên nhiên nơi đây hãy còn hoang sơ với trùng trùng tường lau trắng bên sông, núi đồi trầm tích hồn người dáng thú.

Mất nhiều năm, Thừa từ lính về khai hoang đốt rẫy làm vườn; vợ sinh được ba con, thì "Thôi đẻ". Thôi thật. Chớ không phải là rặt thôi lý thuyết như cha mẹ anh xưa. Thừa có nương rẫy, khu vườn cây trái, đàn bò, heo gà, nhà cửa tạm là khang trang. Một chiều Thừa ngồi trên chuyến xe từ rừng về, qua con suối, xảy tai nạn, anh bị gãy một chân. Chân trái. Phải cưa bỏ một đoạn từ dưới đầu gối trở xuống. Thừa không dùng chân giả mà dùng nạng gỗ. Lần đầu tiên anh thương mến thân thể mình, hiểu rằng đã chia lại cho đất, đã chôn vùi dưới ấy một khúc xương chưa tàn, của mẹ cho anh. Thừa chợt nhớ tới Dư. Nhớ tha thiết, như nhà thơ nhớ mây trong nghìn trùng.

Thời gian này tôi biệt tin Dư nhưng vẫn hay gặp Thừa. Sau tai nạn, tuy còn trẻ, Thừa đã có cái cách của người già: ngán ngẩm cái sống, lại sợ cái chết; đầu hàng thời gian; suy gẫm điều trước kia không cần thiết suy gẫm; thiếu hưng phấn trong hành động, nhưng siêng năng lục tìm con sâu cái nấm

trong thế giới được gọi là dĩ vãng. Thừa nhớ nhung thời trai trẻ. Tâm cảm thiên về ký ức: một thoáng nắng làm anh nhớ mồ mã cha ông; con chim khách kêu trưa, anh mong đợi bạn về. Bạn đây không phải là Dư, mà là chính anh: một bạn-Thừa- thân-yêu nay đã thất lạc. Anh lang thang trong hiện thực.

Một vệt mây đen trên đỉnh núi, rất vân cẩu lại rất phù du, trong mây đã lấm hoàng hôn; ngần ấy, cũng làm Thừa bùng cháy dĩ vãng, trôi dạt về chỗ bồng bềnh: nhớ mùa Xuân tắm truồng ở bãi sông, anh với Dư chìa con cu ra đọ xem đứa nào dài ngắn, so lỗ rốn đứa nào sâu hơn, tạt nước lên mình con trâu trưa da lông khét mùi nắng; rồi chợt nhớ cô Thoan có đêm thanh vắng tắm truồng; nhớ những chiều, ra bìa làng nhìn xa xa thị trấn lố nhố những tường vôi dưới nắng hồng. Chao ơi, cả một nhân gian nơi đây rất thực, mà phải lùi mấy mươi năm để tìm về một nhân gian xưa; để được sờ tới, ngửi được mùi, được nằm vùi trong trong cái hương thời gian tươi vui sực nức. Hôm nay đôi khi giữa ngả ba đường, Thừa như một hành tinh âm u, mơ nhớ thuở đi về, tiếc thương chiếc bóng thanh xuân của mình; một chiếc bóng rõ nét, tinh anh trong Cõi Đời, giữa Cõi Người.

Lòng bỗng dưng nhớ một chiếc bóng là Ta đã suy kiệt tương lai. Tôi nào khác chi Dư Thừa. Bởi tôi cũng là thế hệ Thừa Dư.

Vừa đây, tôi bỗng nhận được một lá thư của Thừa. Thư có đoạn:

"Chú Ngọc, nhà thờ họ ta gần nửa thế kỷ nay không được sửa chữa, đã sụp đổ tan tành, hay gần như tành tang. Chú phải cố gắng về. Bà con bất kể là ai, môn phái chi, trôi giạt nơi đâu, cũng phải về cùng nhau góp công của trùng tu. Chim có tổ nước có nguồn. Chú là trí thức, cả họ mong chờ ở chú. Không phải chờ bọt nước miếng mà chờ tấm lòng nơi chú. Chú đã không-chạy-đi, vậy hãy-quay-về, không thể sống-ở-giữa-bóng-mây. Chúng ta phải đoàn kết mà sống, làm trong veo tinh khiết chỗ lạch nguồn. Nơi đây, hạnh phúc chúng ta cùng chia, khổ đau cùng chịu, chắc chú hiểu. Tin chú hay, trong việc này có anh Dư cùng tham dự."

Thật lạ lùng, Dư Thừa không ai nhắc tới cô Thoan, đỉnh cao tình yêu lý tưởng thuở nọ, mà quay về lập nhà thờ. Vậy là cố thủ trong nền móng? Chỗ an toàn tâm linh? Hay sau hành trình phân lập đơn lẻ, con người nhận ra được chỗ chung cùng. "Anh có thể vô thần nhưng không thể không có cha mẹ ông bà, tánh linh của dòng giống, hồn thiêng Đất Nước". Mà cái tánh cái hồn ấy như trầm thơm ngọc quý, đôi khi hữu ảnh vô hình, bao la đến nỗi ta không có tấm lòng thì chẳng thể nhận ra. Nghĩ chi thì nghĩ, nhận được thư, tôi về, nhân thể nhìn lại đồi sim cái suối.

Từ xa xa, dãy đồi quê nhà đã hiện ra như những chiếc nón lá úp trong chiều xanh. Trời ngọc bích. Tôi xuống xe, tạt vào một quán nước đầu làng. Phía kia, cạnh chiếc nạng gỗ một người đàn ông cụt chân, mặt vuông vức, trán cao, bên trái cằm một nốt ruồi đen. Đích thị là Thừa rồi. Tôi vui mừng mờ mắt, reo lên:

- A... anh Thừa, chao ơi...!

- Tôi là Dư chớ không phải Thừa. Lại lộn rồi...

Tôi ngạc nhiên nói:

- Ủa! Anh Thừa mới lãnh đủ chớ anh Dư?

Người đàn ông tên Dư nhìn tôi với đôi mắt đượm buồn. Ánh mắt như ánh trăng về sáng, vẫn là trăng, nhưng trắng nỏn, mờ phai. Mảnh trăng ấy nói:

- Ngọc ơi, ngồi đây uống một cốc nước cái đã. Mấy mươi năm anh em mới lại trùng phùng. Dư ngày hôm nay đã khác Thừa lắm rồi. Hãy nhìn đây: Hai anh em chúng tôi đều khập khiễng, tôi gãy cái chân mặt, Thừa tan tành một chân trái.

Dư kéo cái ống-quần-nửa-vời lên cho tôi xem chỗ chân bị cưa. Như tất cả các dấu vết tàn tật: những đường may làm da thịt nhíu lại, nỗi chết đọng trong sự sống biến màu da tím ngắt, một con rít trên thân người. Ai cũng rùng mình, rất sợ nhìn vào chỗ ấy, trừ chính anh.

Tôi đã thấy một vết thương ni tất, màu sắc, những chân rít như thế, nơi Thừa. Dẫu sao, Dư Thừa vẫn có cái đau chung khi lâm nạn, vẫn cõi mê man khi bị đánh thuốc cưa đoạn một phần người. Họ mang vết thương trong thân thể nên thường bị đau nhức lúc trái gió trở trời. Ngoài nỗi nhức nhối rõ mặt, Thừa Dư còn giống nhau ở cái đau thầm lặng, sâu lắng và mông lung. Đó là khi Trường Sơn đã vào hoàng hôn, cái ráng hồng rặt màu máu đã tàn phai, núi sông hiểu rằng mình đầu thai Thần Đêm; là khi sớm mai biển động, bão tới; hoặc sớm mai kia bình yên - sẽ trồi lên một mặt trời tinh khôi, sạch sẽ Máu sạch sẽ Lửa, thuần khiết giọt sương, thuần khiết nắng... "Tôi xin trả mộng cho Người".

Hôm nay nếu mẹ xưa còn sống, mẹ khỏi bận lòng đeo vào tay Dư chiếc vòng Đồng Đỏ để nhân gian phân biệt với Thừa. Xóm trẻ chợ Gò không nhầm tưởng một trong hai anh em hiện hồn, hai giọt máu cùng bào thai làm ma cho nhau. Đã trôi qua cơn mộng dài khe khắc, hình thức này mạo hóa nội dung kia. Đã rất mực chiều tà trong thân phận Thừa Dư, khi nhìn lại, rõ mặt.

Núi Ông Tào hiện ra trước mặt. Gió, mây, miền hoang vu trên ấy. Xa kia, con sông Đồng Dâu màu nước cuối đông xanh biếc. Quê hương đây rồi. Chúng tôi thả bộ lai rai vào xóm: mảnh vườn của mẹ xưa, mỗi tháng giêng luống cải trổ những hoa vàng, bướm bay trong chiều; con đường làng trắng màu sữa; tiếng trống hội làng, tiếng xưa thì thùng đâu đó, em bé chui vội qua bờ rào rách chiếc áo mới. Dẫm mỗi bước lên dĩ vãng. Dư lặng im, Thừa càng lặng im. Trong ngất ngây, không ai than phiền mình đã bị gãy cẳng, hoặc vui vẻ được gãy cẳng vì lý-tưởng-có-sẵn-mì-ăn-liền. Họ ngửi đất trời, nhấm nháp vết thương, tương lai rửa hộ niềm đau, quê hương vỗ về những đứa con phiêu lãng trở về.

Lúc qua chỗ bờ giếng, một cô gái chừng vài mươi tuổi nhìn chúng tôi, nhìn những đầu gối, lại soi khuôn mặt xinh tươi xuống lòng giếng. Trời nắng cao. Cô gái sinh sau khi chúng tôi bỏ làng khá lâu, trẻ nào biết ai ra ai, cô nói:

- Hai bác giống nhau như giọt nước, chỉ khác...

Ông giáo làng - thầy dạy vỡ lòng chúng tôi thuở bé - giảng giải cho cô gái:

- Hai ông này là cậu ruột của cháu đó. Đừng nhìn mặt. Cứ nhìn hai ống chân. Khuyết bên tả là ôngThừa. Hụt phía hữu là ông Dư...

Cô cháu cười, xin lỗi, lại bỗng nói xa xôi:

- Vết thương, tàn tật, thì có thật, còn đây. Trong sách vở sao lại nhiều anh hùng toàn vẹn.

Tới một khu vườn nhỏ, cỏ mọc tận hàng hiên, cây sầu đông đầu ngõ trơ lá, đứng cạnh cái chuồng bò, vắng bò, Dư hỏi tôi:

- Chú Ngọc nhớ chỗ này không?

- Biệt ly non nửa thế kỷ mần răng mà nhớ.

- Chỗ này xưa là cái chái hè. Mẹ tôi đập bầu sinh hai đứa tôi. Đúng ra, tôi được bất ngờ chào đời chỗ này. Sau, cha tôi bế mẹ vô nhà đẻ tiếp chú Thừa.

- Khi sinh nở, chắc bác gái không đổ máu nhiều như anh em chúng ta sau này.

- Cũng đã qua một lịch sử rợn người.

Nghe tin chúng tôi về làng, bà con xúm xít tới đông vầy, tháp tùng đó đây như một phái đoàn. Đặc biệt phái đoàn này đa phần rách vá. Có người đang chăn bò ngoài rẫy, nghe tin, mừng, vội chạy về, roi cầm nơi tay. Có đứa cháu đang đun bếp, lọ nghẹ đen lòm, chạy tới, để: "Xem dung nhan các bác đã từng làm quan hai bên". Cô Năm tay bưng rổ khoai lang, nụ cười như mếu, nước mắt vòng quanh. Chợt thấy trong rổ khoai lang của cô có một trái lựu đạn sét rỉ, bám đầy đất, tôi kinh ngạc hỏi:

- Trời đất! Cô trộn chung cái giống này với khoai lang à?

- Khối chi ngoài đồi nương. Lâu lâu bới được một trái. Thứ chết tiệt này đâu còn sức nổ nữa mà sợ.

Tôi nạt:

- Coi chừng banh thây bất cứ lúc nào.

Năm nói ráo hoảnh:

- Tui zửa sạch sẻ tui bán cho bọn đào dãi vàng.

Thầy giáo làng bình luận:

- Ngày chiến tranh, nhìn củ khoai nằm xa xa cứ ngỡ quả lựu đạn. Sợ chết khiếp. Bây chừ mấy con mụ này coi trái lựu đạn như củ khoai lang.

- Trong Sài Gòn người ta ngồi ung dung cưa đôi trái bom để bán sắt phế liệu mới ngon chớ.

- À... ngày khởi nghĩa chống Pháp bốn lăm, tao phải mất cả ngày cưa, đục, đẽo, khoét một khối gỗ, chạm khứa nó thành trái lựu đạn, sơn đen mà deo. Kể lạ, cũng oai. Có trái lựu đạn gỗ bên mình, tự tin hơn.

Hết chuyện lựu đạn tôi hỏi thăm đời sống gia đình, cô Năm than vãn:

- Bết lắm chú ôi. Sưu cao thuế nặng.

- Con cái học hành khá không?

- Thời buổi oái ăm. Trẻ nhậu nhẹt, già trai gái đào dĩ. Trẻ để râu ria cho ra già. Già nhuộm tóc đen đầu. Đứng núi này trông núi nọ.

Trong lúc hàn huyên, cô Năm chợt nhìn Dư Thừa từ đầu tới chân rồi nhận xét. Như có thần linh phù hộ cô rao truyền:

- Nghe người ta đồn tới bây chừ hai anh còn giống hệt nhau như ngày còn nhỏ, mà đâu phải vậy. Không biết trong cái đầu cái não các anh ra làm sao, chớ bên ngoài hai anh đã khác nhau từng ánh mắt, nụ cười, cách cư xử, cả tiếng thở dài. Anh Thừa kính cẩn lạy ông bà mà anh Dư thì đứng từ xa xá xá vài cái. Tiếc chi vài cây nhang đối với tổ tiên. Một anh cái gì cũng ra điều quan trọng, bí mật, mặt gằm xuống đất. Một anh ăn nói rổn rảng, cứ nhơn nhơn ta đây. Sao các anh không nói thẳng vào chỗ con người, không nhìn thẳng vào nhau mà nói.

Thầy giáo làng giận, mắng:

- Thiếm Năm này thậm hỗn.

Thừa can ngăn:

- Cô Năm cũng có cái đúng. Lâu nay mình cũng có phầm câm điếc. Học hành nghe ra ghê gớm làm vậy chớ thật ra mình chưa được người nông dân dạy dỗ điều chi.

Hết thăm người sống lại viếng kẻ chết. Chúng tôi lên đồi, nơi có nghĩa địa từ đời ông cao tằng trở xuống. Xưa, mồ mã rải rác trong đồi sim, mỗi lần con cháu đi chạp mả thường thất lạc trong rừng. Nay, rừng sim bị tiêu diệt, mã mồ tràn lan. Trùng điệp bia nấm. Thỉnh thoảng mới vài hàng thông reo. Người chết sướng thật, an hưởng một hư vô trong ngần.

Dư chống nạng lửng thửng đi lên đồi. Tôi ở chân đồi, lẩn quất với màu hoa bông trang, mùi hoa dại, vồng khoai lá cỏ. Tôi thích thú nằm thẳng cẳng trên nền cỏ, cùng bia mộ đá nhìn trời xanh. Tôi hít, tôi thở. Tôi co ro trong tràn lan nỗi nhớ. Cả một đồi quê mộc mạc tỏa hương. Tôi nghĩ về Khổng Tử khi mắt nhìn bãi cứt trâu khô. Ngâm câu thơ Nguyễn Du khi đầu kê trên lớp đá ong khô. Nghe trong tơ tóc có lời vàng thau. Đây là thuở thanh bình, cái chết đạn bom đã dừng gót, nhưng trong cái sống âm ỉ, hãy còn một cuộc tranh chấp cân não xem ra dằn dai: cuộc chiến nội tạng thừa-dư.

Chiều tà. Dư lửng thửng từ lưng chừng đồi xuống gần chỗ tôi nằm. Từ vị thế dưới chân đồi nhìn ngược lên, tôi thấy Dư đứng xiên xiên, tì vai lên chiếc nạng xiên xiên, nương nhau, tạo thành một chữ V lộn ngược chụp trùm lên tất cả. Đáy là đỉnh. Đỉnh chữ V cao vút giữa thanh thiên, chứa trong lòng nó là sườn đồi, nương rẫy, chim chóc, hoa rừng, mộ chí, thập giá; cao hơn là một mảng trời xanh hình nón, vài giải mây trắng bay, lại như có gió phiêu bồng. Đúng ra, Dư cùng sự tàn tật tương hợp đang bao trùm lên một quê nhà; một bức tranh hiện thực, cho dù sau này thời gian gội rửa, cho dù tương lai bừng sáng, thì cái-được-gọi-là-hôm-nay vẫn là một dĩ vãng hằn in. Tôi nhắm mắt, hiện thực ấy cứ mãi đen ra trong mắt não một vết chàm.

Nhìn cách tạo hình của Dư nơi sườn đồi, Thừa tự mỉa: "Trong mỗi chúng tôi đã có một Việt Nam hoặc một vinh quang lộn ngược". Tôi nói "Cái chính là những gì trong ruột chữ V". Thừa khẳng định: "Không phải. Phải đảo lại

chữ V, cho thuận chiều".

Tôi quay đi, úp mặt trên lớp đá ong khô.

Tuy nhiên buổi sau lại có một cuộc sum họp vui vầy, Họ nhà tôi có máu đờn ca sáo thổi, nên mấy ngày khánh thành nhà thờ Họ, ngoài các nghi lễ cổ truyền, tế tụng, còn có một đêm liên hoan văn nghệ. Buổi trình diễn có một màn khá độc đáo, mang chủ đề: "Anh em một nhà, chúng ta cùng tiến bước", do Dư và Thừa thủ diễn.

Dư và Thừa, không dùng nạng, dìu nhau lên sân khấu. Hai anh ghép lại thành một, tạo ra một hình nhân đủ cả hai chân nhưng bên trên có hai thân hình, hai cái đầu; đó là chưa kể những chi tiết lặt vặt như bốn con mắt, hai cái miệng, hai quả tim, hai não, bốn cái hòn. Người nào chủ trương mỗi con người chỉ nên có mỗi cái đầu thì rất khó chịu về hình tượng lắp ghép này.

Thân hình kép đó bước đi trên sân khấu rất dịu dàng, rất nhịp nhàng. Kinh ngạc hơn cho đám khán giả khi Dư đánh đàn guitare, Thừa thổi khẩu cầm hòa điệu bài The Longest Day. Ngày dài nhất của Normandie đã qua, nhưng trong âm nhạc, cái nhịp điệu trần gian, ngày dài nhất vẫn còn. Dư Thừa rất cần thiết tựa nhau mà đi, lại hình như không tựa vào nhau. Một sự tựa nhau rặt hình thức, còn nội dung tự ai nấy lo. Một nương nhau biểu trưng, ấn tượng về một hòa nhập trong một loài người cần thiết hòa nhập. Dường như có một mẹ già, vô ảnh, giúp họ bước đi; cái vi mạch thiếu thời đẩy họ tới chỗ hòa điệu.

Màn trình diễn "Anh em một nhà, cùng nhau tiến bước" được bà con hoan hô hết mình, có người khóc; và được trao giải. Tôi được vinh dự lên trao huy chương. Tôi hỏi ban tổ chức: "Ai huy chương vàng ai bạc?" Có tiếng hô lớn: "Huy chương vàng cho cả hai". Lại có tiếng nói tiếu lâm: "Thưởng là thưởng cái chỗ còn một chân mà biết dùng nó đấy".

Đêm đó, ba anh em tôi ngủ chung một giường, tâm sự thâu đêm, từ chuyện nhỏ nhặt như răng trong mồm chúng ta đã rụng lai rai tới vấn đề lớn lao của lịch sử, nhân loại; từ cái nóng bỏng tầng ô-dôn thủng bể từng giờ, tới sinh hoạt thường hằng là "làm cái đệ tứ khoái ngoài ruộng đồng trăng thanh gió mát" thường là thú vị hơn ngồi trong nhà tiêu chốn phố phường.

Gần sáng, trời trở lạnh. Thừa quơ mền đắp cho Dư và đắp quàng qua cho tôi. Chân chạm vào nhau mới sực tỉnh: hóa ra trong bao năm dài chúng tôi ba người chỉ có, và chỉ sống trên bốn cái chân. Lịch sử từ lâu nhường bước cho một đám sinh vật bốn chân thủng thỉnh đi qua.

CUNG TÍCH BIỀN
(Sài Gòn 1992)



DIỄM CHÂU

có thể nào

Qui ne remplit son monde de fantômes, reste seul.
ANTONIO PORCHIA

Trên một trang báo
tôi đọc thấy điều nghiêm trọng này:
"... thế hệ mới, cái thế hệ không bị bóng ma tối ám
của quá khứ đè nặng..."
tôi tự nhủ
phải thận trọng
rất thận trọng
văn chương bây giờ nhiều chữ nghĩa
người viết câu trên hẳn là một người trẻ...
tuy ở bên kia sườn đồi đã từ lâu
tôi vẫn còn yêu mến tuổi trẻ
và vẫn tự hào là một người trẻ
mãi mãi
nhưng tuổi trẻ của tôi sao đầy bóng ma
đôi khi còn sống
và ở đâu đó giữa chúng ta
ngay trong dòng máu tôi cũng có những cái thật gần và rất xa
tôi rùng mình khi nghĩ nếu thiếu những bóng ma ấy
có lẽ tôi cũng chỉ là một hòn sỏi
và tôi mỉm cười khi nhớ tới cái bóng đè
của đôi lúc cơ thể bất an
không, không thể có một bóng ma nào có... trọng lượng hết
và ấy là số phận hẩm hiu của bóng
kể cả những chiếc bóng còn sống
thế giới này đầy những bóng ma
và hiếm có những bóng ma nào sáng rỡ (!)
tôi cũng là một bóng ma
và không chỉ với những kẻ ở xa tôi về thể xác...
đêm qua đọc lại bài thơ của một người bạn trẻ
tôi mơ thấy một con cá biển Đông
miệng còn dính sợi tóc
của người thiếu nữ tôi thương
bóng ma của nàng tràn ngập tôi
và tôi bước theo nàng với trái tim dàn dụa một biển muối
tôi tự hỏi

có thực thế không
hỡi những người bạn trẻ mà tôi hằng yêu mến
của "thế hệ mới"
và muôn vàn thế hệ đang tới
có thể nào các bạn đã quên chúng tôi?

DIỄM CHÂU
4.93



JOHANNES BOBROWSKI
THỦY TRÚC *dịch*

tháng chín

Và giờ đây là một bóng tối,
rộng lớn,
buông trên thời khắc
hắt hiu. Em không muốn bỏ đi.
Nhợt nhạt những bông hồng, rồi
bông thúy cúc
leo lên hàng rào,
xanh và đường viền
hoàng hôn.

Và chúng ta sẽ yêu nhau,
sáng sáng
chúng ta sẽ cất bước, chúng ta
sẽ hát những bài ca trắng của tuyết,
lớn tiếng
và ngực
đầy mùa hè,
những nụ hôn trên gáy, tiếng dế
trong tóc.

JOHANNES BOBROWSKI

JOHANNES BOBROWSKI (1917-1965) sinh ở Đông Phổ, chết ở Berlin. Cuộc đời ngắn ngủi của ông tuy nhiên đã đưa ông lưu lạc qua nhiều xứ: Ba Lan, Pháp, Liên Xô và Đông Đức. ông làm thơ, làm thợ mỏ than (như lao công tù binh), viết truyện ngắntruyện dài. Trong văn chương Đức hiện đại, ông là một nhà thơ lớn, giải thưởng "Nhóm 47" ở Berlin. Rất gần Paul Celan và René Char.



PHẠM THỊ NGỌC

một truyện yêu cầu



Trong thời gian vừa làm việc vừa chơi với một tờ báo trẻ, thỉnh thoảng chúng tôi được các nhân vật trong giới quan trọng mời ăn, nói chuyện trí thức. Một phần vì họ muốn biết "giới trẻ" nghĩ gì, nói gì, nhưng phần lớn vì họ muốn đưa ra những gì họ muốn giới trẻ nói. Chín lần trên mười, những bữa ăn đều mang không khí căng thẳng, lúc nào cũng như bên này phải khôn ngoan hơn bên kia, một không khí boring, gượng ép. Tôi nhớ tôi ăn nhiều hơn nói, mà thật ra ăn cũng chẳng bao nhiêu, tối về nhà lại mắc công lục tủ lạnh trướvc khi thẳng một giấc đến sáng. Mơ mơ màng màng giữa khi giấc ngủ còn no, tôi có tiếc tiếc một buổi tối vô duyên, vô ích, mà những nhân vật quan trọng kia chắc về nhà cũng tiếc y như vậy. Thế nhưng, những bữa tiệc "kết giao" ấy vẫn tiếp diễn, dĩ nhiên, dù có tôi hay không có tôi, vì dù thế nào, đó là những bước đầu đi đến một cuộc đại đoàn kết, vĩ đại chưa từng có, như mọi người mong muốn. Đây là cái nhìn của một vài bạn trẻ trong sáng tôi được hân hạnh quen, và nhân danh tinh thần trong sáng ấy tôi sẽ giữ ý kiến của mình cho riêng mình.

Trong các buổi ăn uống tôi được gọi đến, tôi nhớ dai nhất, vì một lý do cá nhân chắc cũng dễ hiểu, một bữa phở tại gia thân mật của một nhóm chuyên gia tiên khởi, vào một buổi chiều sau giờ tan sở. Những vị chuyên gia khoa

học trung lưu, trung niên, và dĩ nhiên là trí thức, sau giờ tan sở vẫn còn chịu khó áo trắng cồn cà vạt ngồi quây quần quanh bàn phở nghi ngút khói bàn về chuyện lớn - mai sau, ta sẽ làm gì với mấy mươi ngàn quân lính, cán bộ cộng sản; ta sẽ làm gì trước nhất - thật chẳng còn gì lý thú hơn. (Tôi có bằng cử nhân, nhưng chưa bao giờ nghĩ mình là chuyên gia, chưa bao giờ nghĩ mình là gì khác hơn một kẻ kiếm sống như mọi kẻ kiếm sống. Lâu lâu, nếu muốn nói điều gì cho có vẻ chuyên môn, viết gì cho có vẻ khoa học, tôi ăn cắp bài từ báo Mỹ. Thật là giản dị). Vòng tròn của họ là thứ vòng tròn chọn lọc, và vì thế được ngồi cùng bàn với họ là một niềm vinh dự không nhỏ. Đề tài câu chuyện rất bao quát, từ lãnh vực nhân chủng, đến chính trị, đến văn chương, những vấn đề suy tư mà hằng ngày vì việc làm họ không nghĩ. Vị chuyên gia lớn tuổi nhất trong họ, có lẽ là người cầm đầu, quay sang tôi nói bằng giọng thều thào nhẹ như gió của một nhà trí thức - truyện của cô... hay lắm, văn phong rất vững, nhưng... nhưng vẫn chưa... Tôi đỡ lấy sự ngập ngừng của ông - chưa được cốt truyện rõ rệt? Ông nhanh nhẩu gật đầu, ừ, ừ, phải rồi đấy. Trở về với bát phở, ông vẫn tiếp - đấy là vì cô lớn lên ở nước ngoài, chứ nếu lớn lên trong nước, chắc gì cô đã thua Dương Thu Hương.

Một sự so sánh tôi đem về để suy luận: ừ thì đó là nhận xét của riêng ông. Nhưng họ gọi tôi đến không phải để phê bình văn chương. Nhóm chuyên gia tiên khởi ấy, chất xám của một cuộc tái kiến thiết đất nước trong tương lai (ta sẽ làm gì với mấy mươi ngàn quân binh cộng sản, tha hay bắt), muốn tôi đóng góp một tay viết chủ lực cho tờ báo kỹ thuật kiêm chính trị kiêm văn học họ sẽ ra đời. Tôi cười, cám ơn cái offer đưa tôi lên đài danh vọng. Họ không nghĩ rằng tôi hiểu họ.

Vài năm sau khi hoàn toàn nghỉ việc báo bổ, nghỉ vì đủ mọi lý do từ mệt mỏi cho đến chán ghét giả dối, tôi nhớ lại lần gặp gỡ trên, bỗng dưng đâm ra bực mình phân nửa. Bực mình vì khi trẻ tôi không mạnh dạng đốp chát, ai nói động đến mình không biết đường đáp trả. Hài lòng vì đã không để mình bị lôi cuốn theo những trò bày của người khác. Đến nay, nhóm chuyên gia ấy đã chính thức thành hình, hội viên có thể lên đến số ba nút ở khắp nước Mỹ. Báo đã ra đời, họ vẫn gởi đều cho tôi. Số nào cũng vậy, vài bài khoa học dịch từ tài liệu của người Mỹ, vài bài sách động tinh thần chống cộng, vài bài dạy làm người (thế nào là một kẻ sĩ), vài bài sinh hoạt nội bộ. Hình ảnh rải rác nhiều trang. Dưới một phần hình ảnh, một dòng chữ giới thiệu như sau - mặc dù trời mưa bão bùng, hội viên hội chuyên gia cũng không quản ngại, đến dự buổi ra mắt đoàn thể bạn. Tôi gọi cho đứa bạn thân để kể. Nó cười trong điện thoại. Tôi tưởng tượng người nó rung rinh như thế nào khi cười.

Cách đây không lâu, vị chuyên gia trung niên trước kia lại gọi, và là những hứa hẹn trước. Ông hỏi tôi nghỉ báo rồi làm gì. Tôi trả lời, rất thành thật, tôi chẳng làm gì hết. Ông ta bảo, thế thì tội nghiệp, đáng thương và tội nghiệp.

Lại một lời phê bình quá bất ngờ làm tôi sửng sốt, nghĩ, quái, ông có "ân oán" gì chưa "thanh toán" với tôi không. Thôi, sao cũng được, ừ thì đáng

thương và tội nghiệp. Tôi không phải trả lời với ông.

Ông chuyên gia hiểu gì, hiểu bao nhiêu về những đáng thương và tội nghiệp. Mà cái đáng thương và tội nghiệp của tôi, dù được hiểu dưới bất cứ sự soi sáng nào, cũng chẳng có gì là kinh khủng.

Câu chuyện theo sau, ra đời vì lời yêu cầu của ông chuyên gia, là một chuyện vui xoàng và giản dị. Giản dị rẻ tiền, giản dị giản dị. Ai cần biết làm gì những chuyện nhỏ mọn, ai cần biết làm gì đời sống sinh lý của một con chấy. Chỉ là một chuyện vui thôi, vô bổ và vô hại. Bạn đọc đọc và quẳng sang một bên, phê bình rằng truyện như thế chỉ phí giấy, xin biết rằng đó cũng là thái độ của tác giả.

Duy Tường ngừng viết nửa chừng, buông bút trên đống giấy tờ ngổn ngang, cởi cặp kính mắt gọng vàng. Chàng đặt đôi bàn tay xuống trên đống thiệp hồng đang viết dở, duỗi thẳng những đốt ngón tay mỏi cứng. Theo thói quen, Tường lại bất giác ngồi ngắm những ngón tay, ngắn nhưng trắng, đặc biệt là lúc này trông mịn màng một màu vàng ngà đặt trên nền hồng của thiệp cưới bên dưới. Chàng ngắm đôi bàn tay sạch, trong lòng lâng lâng một cảm giác sung sướng nhẹ nhàng đang khi nghĩ đến ngày trọng đại sắp đến trong tương lai. Bàn tay Tường sắp được đeo nhẫn cưới. Chưa bao giờ Tường cảm thấy đầy đủ hơn lúc này, và dĩ nhiên là thế. Đối với Tường, chiếc nhẫn cưới là biểu tượng của sự thành công tối hậu, làm nên trọn vẹn những gì trong tay nắm của người đàn ông. Mai Thị Mai. Tường lướt nhẹ ngón tay qua tên nàng in chữ màu đỏ trên nền thiệp hồng. Mai Thị Mai. Nàng là câu trả lời sau cùng, cuối cùng cũng đến làm cho ý nghĩa đời Tường nên trọn vẹn. Tường nhớ, nhớ rất rõ, cảm giác của sáu tháng trước đây khi chàng nắm tay Mai lần đầu, hồi hộp như tim Tường đang sắp sửa lọt khỏi lồng ngực. Chàng tìm tay Mai, nắm lấy bàn tay nhỏ, vừa nắm vừa sợ Mai sẽ hốt hoảng rút tay về. Nhưng nàng đã không rút tay về, lại còn siết lấy tay chàng. Từ giây phút đó, Tường biết rồi đây mọi sự sẽ êm thắm, chàng sẽ lấy được vợ. Tường mừng rỡ muốn hét to như vừa mới chộp bắt được cá sống.

Tường nhìn ngắm mãi không chán thiệp cưới hồng in chữ nổi màu đỏ. Chiếc thiệp gấp đôi, mở ra bên trong có tên chàng bên lá trái, tên nàng bên lá phải. Phêrô Hoàng Duy Tường, thứ nam, sẽ kết hôn cùng Maria Mai Thị Mai, thứ nữ. Ngay cả khi đang ngồi viết mấy ngàn tấm thiệp mời, sự kiện là chàng sắp sửa kết hôn với Mai vẫn như là một chuyện quá mới, khó tin nhưng sắp có thật, lâu lâu vẫn làm chàng đờ cả người. Tường nhớ ngày còn bé, khách tới nhà có một vị thầy tướng số nói với cha Tường rằng: thằng bé này có tướng làm lớn. Từ đó, những lá số tử vi của nhiều thầy khác nhau lâu lâu lại được đặt cho Tường, vì tò mò nhiều hơn vì bất cứ lý do nào khác. Những lá số đồng ý với nhau ở ba điểm chính yếu - Tường sẽ đỗ cao, có tương lai làm thủ tướng,

và sẽ có vợ. Đến nay thì coi như tử vi đã ứng nghiệm được hai phần ba, dù tiến trình của sự ứng nghiệm đó trôi qua không được nhanh nhẩu cho lắm. Tường đỗ đến cao học cao kỹ nghệ, và sẽ có vợ.

Không nhanh nhẩu nhưng cũng chẳng có gì là sóng gió, chỉ là một thời gian dài đợi chờ. Chờ trong những năn Tường học chương trình cử nhân; chờ trong những năm hành nghề chuyên gia sau đó; chờ tiếp tục rồi Tường sẽ quyết định, cho khỏi phí thời giờ trong khi chờ đợi, trở lại trường theo đuổi chương trình cao học; rồi lại tiếp tục chờ trong những năm hậu cao học cho một mối tình đàng hoàng. Sự chờ đợi năm tiếp năm là hậu quả tất nhiên của sự chọn lựa: sự chọn lựa của các chị (các chị không chọn Tường), và sự chọn lựa của chính Tường (có nhiều chị mà sau nhiều ngày suy nghĩ cẩn thận Tường kết luận rằng không có tướng làm phu nhân thủ tướng). Tường bật một tiếng cười khô, và ngạc nhiên từ trước đến nay chưa hề khám phá ra lối cười ấy, hài lòng, khô khan. Tất cả là nhờ Mai. Nhờ Mai, Tường được lăn bánh chiếc xe đua màu đỏ đĩ thỏa mua từ ngày đỗ cao học vẫn đậu trong ga-ra, ít nhất là để lái nàng đến nhà thờ. Và ngay cả trong nhà thờ, nhờ từ ngày có Mai, Tường không còn ngồi một mình ở hàng ghế trên cùng. Dẫn Mai vào nhà thờ, Tường có cảm giác như người ta đang xầm xì bàn tán về sự kiện chàng tìm được bạn gái, một người con gái ngoan đạo cũng hay ngồi ghế trên, như Tường. Chúa đã chúc phúc cho họ.

Gần hai ngàn thực khách được dự trù cho đám cưới, phân nửa là số người trong họ đạo. Gia đình hai bên là những người quen rộng. Thân phụ Mai là một cựu trung tá, khi qua Mỹ vẫn giàu, mức giàu có truyền mấy đời chắc cũng vừa. Ông hay đóng góp nhiều cho các nhà thờ, vì sự giàu có Chúa đã cho phải trả lại một phần nào cho Chúa, để Chúa lại cho thêm. Bố mai đóng góp, và ông làm để cả nhà thờ phải biết ông có trả lại cho Chúa, biết cho rõ ràng. Thân phụ Tường cũng chẳng phải là thường, cựu dân biểu tranh đấu cho từ từng miếng cơm mang áo cho dân, đến những mảnh đất mái tôn lợp nhà cho dân ở, dù qua Mỹ này ông thôi không hoạt động vì xem ra toàn là hạng ngày xưa chỉ đáng cho ông sai vặt. Đám cưới hai ngàn người, lớn chưa từng có. Đây là chuyện dĩ nhiên. Chàng là rể có bằng cao học đàng hoàng, cao học kỹ thuật cho rõ ràng. Ha! Cao học kỹ thuật, cái bảo đảm nửa hạnh phúc kia của Tường đến bây giờ, quá nửa đời xuân, chàng mới dám tin là đúng.

Trong số vài ngàn thực khách ấy, bạn bè được mời gom vào được độ ba bàn. Ít, nhưng chúng tà chất xám, chất muối, chất màu của bất cứ một tập hợp nào. Những khuôn mặt chưa già nhưng đã mất vẻ sạch của tuổi trẻ, nhờn nhợt, nhưng đầy tự tin do hậu thuẫn của địa vị, nhìn về phía trước bằng ánh nhìn cứng cỏi và chắc chắn. Chúng nó giống nhau từ kính gọng vàng, cà vạt lụa trên nền áo trắng, vét xám, đến giày da nâu đế cứng gót đập lộp cộp sự hiện diện rất có thớ của mình trên nền gạch. Có thớ nhất là ông bác sĩ họ Nguyễn, bạn từ những ngày Tường còn đi học. Ông bác sĩ Nguyễn có mái tóc

khô sớm bạc, bằng chứng của một thời nào vì lý do nào đó thiếu ăn. Nhưng cái đầu đó chất chứa toàn tư tưởng vĩ đại, được nuôi bằng một ý chí mãnh liệt hiển hiện qua đôi môi thâm mím chặt và đôi mắt thắp sáng. Tư tưởng vĩ đại và ý chí mãnh liệt, dĩ nhiên, nếu không thì nó chẳng là ông bác sĩ, dù đó không rõ ràng chứng minh cho dụng tâm tồi hay tốt. Ánh mắt sáng lóe của bác sĩ Nguyễn nhiều lúc làm Tường sợ. Ngày trước, khi còn đi học, đôi mắt đó đã long lên như thế, đôi môi thâm đã mím vào như thế khi với một ý chí mãnh liệt bác sĩ vơ đại bát cơm sành đập hết sức bình sinh vào đầu gã ở cùng phòng trong một cuộc ẩu đả tay đôi. Nguyên do là sự chênh lệch về thể tướng mà cái đầu chứa đựng lý tưởng vĩ đại của bác sĩ cũng không thể nén tức giận khi bị khiêu khích. Sức mạnh từ bàn tay khô gầy, gân guốc của bác sĩ in trong trí nhớ Tường vĩnh viễn. Có lẽ, nếu không bị khiêu khích, thằng bác sĩ là một kẻ tốt hoàn toàn. Chính nó đã dạy Tường cách sống cho khỏi phí, cho có ý nghĩa, sống bước ra ngoài giới hạn ích kỷ của mình, tranh đấu cho nhân quyền, cho cô nhi tị nạn, cho phụ nữ bị hiếp dâm. Tường nghe lời, hoạt động cho qua giai đoạn đời vô vị, vô ý nghĩa của chàng. Và rồi, Mai đã xuất hiện vào giai đoạn hoạt động đó, xuất hiện bất thình lình vào một ngày, như trên trời rơi bộp xuống một phần thưởng. Tường chẳng cầu xin mỗi ngày cho một ngày như vậy đó sao. Nhưng ngày Mai xuất hiện thì bác sĩ không còn ở trụ sở sinh hoạt để chung vui với Tường. Nó đã tìm được ý nghĩa khác cho đời nó, dù cũng có thể chỉ là một ý nghĩa giai đoạn - vợ của thằng sinh viên tóc mềm đẹp trai nó đã đập bát cơm sành vào đầu năm nào. Tường cố hiểu, và cố bào chữa cho bạn - ừ, thì tình yêu mà, ai lường được, ai hiểu được, và nếu đã là tình yêu thì phải đặt tình yêu lên trên hết.

Vâng, thì thằng bác sĩ tất nhiên phải là một khuôn mặt trong một tập hợp tinh anh của Tường. Tường tưởng tượng ra những bàn tiệc đầy những khuôn mặt tinh anh, những dũng tướng bàn tròn chưa tìm ra vua. Ông luật sư chuyên môn luật bảo hiểm bồi thường tai nạn xe cộ có hình in trên trang quảng cáo bìa sau của các tờ tuần báo, cuối tuần thường trở về tìm lại nghệ sĩ tính của mình bằng cách xách đàn đi hát đám cưới nếu được yêu cầu. Thiên hạ vừa ăn vừa khen luật sư có một giọng hát thật ấm. Một nhà phát minh khoa học gia đã từng yết kiến tổng thống Hoa Kỳ. Một nhà giám đốc đài truyền hình lầm lì ít nói, đi đến đâu người sợ đến đấy. Một nhà lãnh tụ trẻ tuổi, cuối tuần mặc vest đi chiêu mộ giới trẻ và huy động giới già hào sĩ làm cách mạng. Một anh thầy giáo trung học, nhưng đáng được gọi là thầy thiên hạ, vì ai nói với thầy một câu khôn ngoan thầy sẽ cho lại một câu khôn ngoan hơn, mười trên mười lần như thế. Thật ra tất cả những nhân vật trên đều là thầy thiên hạ. Trừ thằng kỹ sư thấp bé, mỗi lần cười đôi mắt hắn lặn mất sau những thớ thịt mặt. Thằng kỹ sư không biết nói tiếng mẹ đẻ nên muốn chơi với các anh lớn để tìm về cội nguồn. Đó là sáng thứ bảy. Tối thứ bảy, sau khi sáng đã sinh hoạt tìm hiểu đạo lý cội nguồn, thằng kỹ sư hay dẫn các anh tìm về chân tính. Nó bày ra nhiều trò vui. Nhờ nó, Tường được sờ chân gái nhảy

khỏa thân tại các topless bars. Có lần, tại một bữa ăn uống bên hồ bơi ở sân sau nhà thằng kỹ sư, đang đà vui Tường nhào tới ôm đại một đứa con gái Việt Nam Mỹ-hóa nhảy tỏm xuống hồ. Ôm gái nhảy topless thì còn sợ bị đánh, chứ ôm con nhỏ Việt Nam Mỹ-hóa mặc bikini mời mọc kia thì có gì mà sợ. Bạn bè cả mà. Đứa con gái lúc đó đang say, chẳng hề biết được chuyện xảy ra cho mình trước khi quá muộn. Dù không tránh được Tường, nó cũng cười rú. Thật tình thì Tường cũng không phân biệt được đó là tiếng cười hay tiếng rú.

Mỗi lần nghĩ đến đây Tường không ngăn được cái rùng mình. Chuyện xảy ra trước khi chàng gặp Mai, nên khi chàng kể cho Mai nghe nàng đã cười độ lượng. Một nụ cười không nở quá khuôn môi dè dặt, một dè dặt khuôn mẫu áp đặt bởi tuổi tác. Nàng không cười ngoạc mồm như đứa con gái Việt Nam Mỹ-hóa, và cũng không ngồi dạng chân. Nàng đúng ý Tường hoàn toàn. Mai cười độ lượng, đôi môi chỉ hé mở, như lần chàng đặt lên đó nụ hôn đầu tiên, những động tác chinh phục đầu tiên. Đến khi Tường run rẩy luồn tay vào áo nàng thì đôi môi ấy mới bật lời, "đừng". Mai cản tay Tường, bàn tay vội vã như đây sẽ là lần đầu tiên và cuối cùng, không nhanh thì sẽ không bao giờ biết thế nào là một trái vú. Trong hơi thở dồn, Tường đã cúi nhìn khuôn mặt nàng. Đường đêm tối lờ mờ nhưng Tường vẫn có thể nhìn thấy rõ vết tích những năm tháng đợi chờ trên mắt, trên môi. Đợi chờ hoàng tử? Tường bật tiếng cười khô. Mai hỏi chàng cười gì. Chàng bảo chàng cười vì hạnh phúc.

Năm tháng sau, Tường dẫn Mai đi thăm căn nhà họ sẽ mua. Lần đi thăm nhà, Mai không ngăn cản gì Tường nữa. Trong căn nhà trống, Tường đặt Mai xuống trên thềm nhà lót thảm. Nhưng khi luồn tay vào áo Mai, và khi tìm về vùng ngực nàng lần đầu, Tường chỉ có thể nghĩ đến vùng ngực đứa con gái Việt Nam Mỹ- hóa. Đứa con gái Tường không biết tên trở về trong chàng như một tiềm thức vùng lên trên sự dồn nén. Trái vú nó đầy, đầy vừa lòng bàn tay của Tường, đầy và rắn chắc như một quả ăn trái dòn khi ghé răng vào đó. Tường ấn mạnh, và có tiếng đứa con gái, hay lúc này là tiếng Mai kêu đau. Tường còn nghe rõ tiếng nói của thằng kỹ sư ghé vào tai chàng - làm đại đi, mất mát gì. Ừ, mất mát gì, vài giây đồng hồ là xong. Tường nhào tới. Đứa con gái say mặc bikini rú thét cùng với tiếng nước bắn tung tóe. Tường khóa chặt đứa con gái đang dẫy dụa trong vòng tay, lướt bàn tay lên vùng ngực đứa con gái trước khi để nó đẩy chàng ra. Trong cơn say, ánh mắt nó nhìn Tường vẫn còn có thể bàng hoàng. Đứng trên bờ hồ quanh đó, ông bác sĩ cười, ông luật sư cười, ông khoa học gia cười, ông kỹ sư cười. Cười chàng nghịch ngợm! Thì Tường cũng cười. mất mát gì. Vui mà. Không vui sao mọi người cười.

Tường lại rùng mình, cố gắng tập trung tư tưởng vào việc viết thiệp. Có những kẻ không được mời. Sự hiện diện của đứa con gái Việt Nam Mỹ-hóa không là một vinh dự lớn lao cho gia đình chúng tôi. Lâu lắm rồi, từ hôm ở hồ bơi, Tường không gặp lại đứa con gái, dù nếu có gặp, Tường không chắc chàng dám nhìn vào mắt nó.

Tường hứa với bạn bè, sau khi thời kỳ trăng mật đã qua, mặn nồng tân

uyên ương đã đủ, chàng sẽ trở lại sinh hoạt của họ, hướng dẫn và giáo dục thế hệ. Mai sẽ là một tay trợ giúp đắc lực. Rồi nàng sẽ là người đàn bà lộng lẫy đi bên chàng trong những buổi dạ vũ gây quỹ; sẽ là người nội trợ đảm đang tài giỏi, tác giả của những món ăn ngon và lạ thiên hạ suýt soa khen ngợi tại những buổi tiệc tùng tại các tư gia nhà lầu, sẽ là mục tiêu của những câu đề tặng trong những tác phẩm khoa học sẽ ra đời của Tường - "Cho tổ quốc, cho phụ mẫu, và cho vợ tôi; nhờ nàng công trình nghiên cứu này được hoàn tất." Nàng sẽ là người đàn bà đứng sau lưng người đàn ông vĩ đại. Ừ, vĩ đại chứ sao, số thủ tướng kia mà.

Hình ảnh tương lai chưa bao giờ rõ rệt hơn bây giờ. Tường ắt phải làm thủ tướng. Điều đó không còn gì để hoài nghi. Chàng đã lấy được vợ. Làm thủ tướng không thể nào khó khăn hơn lấy vợ.

PHẠM THỊ NGỌC



PHỐ THỊ NGỌC NI

một thước ao quê

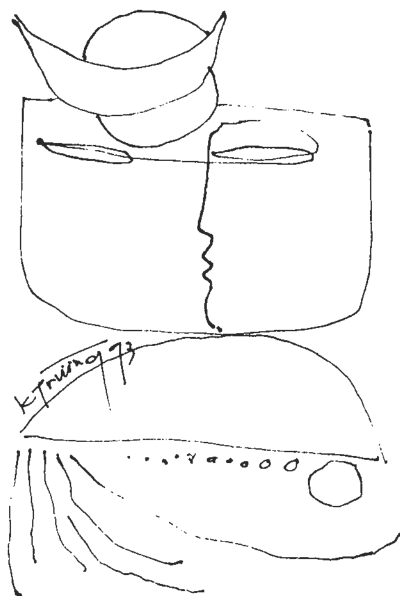
có thoáng mênh mông
là trời và nước
có tới bao la
của vạt nắng hồng
có em biết yêu
quê mình một thước
bông lúa vàng rung
từng gánh hương đồng
có thật trẻ trung
lá xuồng tuổi nhỏ
cắm cây sào tre
vào bóng trưa hè
con sóng giản ra
vòng tròn lãng mạn
trôi em lênh đênh
một góc quê nhà.

PHỐ THỊ NGỌC NI



NGUYỄN THỊ THU HUỆ

phù thủy



Thứ nhất.

Nó lấy một tấm gỗ của bố và đặt lên trên hai cái ghế. Một cao. Một thấp. Tấm gỗ gác ở trên giống như chiếc cầu trượt. Tay phải nó cầm cây chổi bông lau quét nhà, tay trái cầm chiếc khăn voan của mẹ. Nó đứng ở chân cầu thang nhún nhảy trèo lên cái ghế cao và thả người trượt xuống. Nhưng tấm gỗ đã nghiêng chao đi, ụp ngang. Nó ngã lộn nhào, đầu va vào cái phích nước, chân đạp phải cái rổ bát. Tiếng phích vỡ nghe ục một cái và những cái bát bắn, vỡ loảng choảng. Nước sôi tràn ra nhà, thấm vào cuộn thảm có hình nụ cười một người đàn bà, màu đậm dần lên. Nó ngây ra nhìn. Đầu nhói buốt vì đập vào chân cầu thang. Nó thẩn thờ nhìn tất cả, chẳng hiểu ra thế nào nữa. Nó không có ý định phá phách mọi thứ, nhất là những đồ đạc trong phòng này hình như đã thuộc về mẹ nó. Từ lâu rồi, nó thấy mẹ thu thu xếp xếp ở đấy.

Nó ở trong tư thế nửa nằm nửa ngồi như vậy đến lúc mẹ về. Khuôn mặt mẹ phờ phạc, tóc rối tung trên đầu như mới đi đánh nhau. Hai mắt bà còn hoen nước và đôi môi khô nứt ra. Nó biết là vừa xong, bà phải nói rất nhiều.

- Con khốn, mày làm cái gì thế kia hả? - Bà nhìn thấy hiện trạng, trợn ngược mắt và rít lên.

Nó bừng tỉnh khỏi thế giới của mình, trân trối nhìn mẹ.

- Mày làm cái trò gì mà bàn ghế ngã đổ hết thế này. Vỡ cả phích nước nữa rồi. Giời ơi là giời! - Mẹ rên rỉ và tạt ngang mặt nó một cái tát.

- Con định thử bay một cái. Nhưng vừa trèo lên đầu này chưa kịp tụt xuống đầu kia thì ghế đổ luôn.

- Bao giờ tao thoát khỏi mày. Con gái mười một mười hai tuổi rồi mà ngu thế không biết.

- Con xin lỗi mẹ! - Nó nhìn mẹ như nhìn người ở thế giới xa lạ nào đến - Bố đâu rồi mẹ?

- Lại đi chầu mẹ trẻ rồi. Con yêu tinh đó nó cướp thằng bố mày rồi. Càng thoát! - Bỗng mặt mẹ nó sáng bừng - Tao sẽ tráo.

Nó chưa kịp hiểu mẹ nói gì thì thấy bà nhấc cái phích vỡ lên, chạy sang phòng bố. Loạch xoạch một lúc, mẹ tung tẩy xách chiếc phích ấy về, chỉ có điều mẹ đã đổi ruột của chiếc phích bên bố.

- Mẹ làm gì đấy? - Nó hỏi.

- Im mồm và đừng có bép xép. Tao đổi cho lão ta rồi.

- Mẹ đổi luôn cả cái bát vỡ đi.

- Không thèm. Bát của nó xấu hơn. Nó biết.

- Ở trường, con thấy chồng cô giáo đón cô giáo, toàn xưng anh em chứ không lúc thì mày tao lúc thì thằng con. Bây giờ lại là nó. Mẹ giỏi thật đấy... Con định làm phù thủy mẹ ạ. Thế mà không được.

- Làm gì? - Mẹ trợn mắt - Làm gì hả con quái nhân kia?

- Làm phù thủy.

Nó tỉnh giấc vì bỗng nhiên thấy mình bị rơi xuống một cái ao bèo. Những bông hoa tím ngắt lan ra chung quanh và cọ xát vào mặt nó. Tê dại và ngất ngây. Rồi tất cả đám hoa dính vào nhau, từ từ, dần dần chui vào mũi nó. Nó bỗng nghẹt thở. Hai tay nó chới với. Chìm dần. Chìm dần. Nó sặc sụa và hét lên. Hai chân nó đập xuống giường thình thình. Nó ngồi bật dậy. Thảng thốt nhận ra đó là một giấc mơ.

Người nó sũng mồ hôi. Hóa ra nó trùm chăn kín đầu nên bị ngạt. Nó nhìn sang bên mẹ. Trống không. Mẹ đi đâu? Sao đang giờ ngủ, mẹ lại có thể đi chơi được nhỉ? Hồi tối, mẹ ngủ trước cả mình cơ mà?

Nó bật đèn to ở góc bàn. Cả cái gối của mẹ cũng không thấy đâu. Nó chồm người nhìn xuống đất. Cũng không. Mẹ đi đâu nhỉ, giữa đêm hôm khuya khoắt. Đồng hồ chỉ ba giờ sáng. Nó bần thần ngơ ngẩn giương đôi mắt cay xè nhìn ra xa. Ngoài trời, đêm đen thẫm như miếng thạch. Những cánh hoa rung rung hắt bóng. Nó bắt đầu sợ. Nó rất sợ ma quỷ. Nằm ngủ nó thường che kín hai chân vì sợ ma rút chân. Mất điện, nó thu lu ở góc nhà và không dời khỏi cái giường. Nó vùng phắt dậy. Phải sang bố, ngủ ở đấy. Nó không thể ở một mình thế này được. Nó nhón chân xuống đất, lấy hết sức bình sinh chạy vù sang phòng bố. Và đứng sững.

Trên giường của bố. Mẹ đang nằm. Đầu mẹ gối lên một cánh tay bố. Mặt mẹ dụi vào nách bố. Tóc mẹ xõa ra gối. Bố nằm ngửa, hai mắt nhắm nghiền. Trên người bố mẹ không có một mảnh vải che.

Nó ngẩn ra nhìn một thoáng và quay phắt đi. Lần đầu tiên, nó nhìn thấy cơ thể người đàn ông. Ngày trước, nó chỉ thấy họ thỉnh thoảng trên những tờ báo, những bức ảnh. Nhưng ít ra cũng có mặc một cái quần. Còn đây thì không.

Nó từ từ trở lại giường của mình, chui tọt vào trong chăn. Trùm kín đầu. Nó căng mắt nhìn vào ánh sáng lờ mờ của chăn.

Sao lại thế nhỉ? Bố mẹ đang lo thủ tục bỏ nhau. Khi nào chia xong tài sản, họ sẽ xây bịt bức tường này lại và mỗi người đi một đường. Nó sẽ về ở với bà ngoại vì bố mẹ hay đi vắng. Bố mẹ thường mạt xát nhau là chính và hiếm hoi lắm mới có một câu nhẹ nhàng. Mẹ chỉ lễ phép với bố khi nào mẹ cần bố. Ví dụ như đóng tiền điện hay hỏng xe máy. Khi ấy mẹ gọi bố là ông, xưng tôi. Thu xong tiền hay chữa xong xe, mẹ có thể vênh mặt lên với bố ngay. Chiều nay, họ lại ra tòa để tiếp tục giải quyết nốt việc chia tài sản. Mẹ bắt bố đi khỏi nhà và không mang theo thứ gì. Bố không nghe vì hầu như của cải bố sắm. Họ chửi nhau thâu đêm suốt sáng. Vậy mà tại sao, đêm đến, mẹ lại có thể mò sang phòng bố và ngủ ngon lành thế?

Nó ngồi dậy, liếc mắt về phía cửa sổ. Vẫn những tán lá đung đưa. Nó chui ra khỏi màn, rón rén mò sang. Trong ánh đèn, khuôn mặt mẹ nó bình thản kỳ lạ. Đôi môi ngày ngày khô nứt, vì nói nhiều giờ hơi hé mở, mềm mại một màu hồng phơn phớt. Trông mẹ thật dịu dàng. Một khuôn mặt nó chỉ hay nhìn thấy ở những bức ảnh ngày xưa. Khi nó còn bé, mẹ, bố cùng bà và nó chụp. Mẹ cũng có vẻ mặt nhẹ nhàng như thế. Khi nó lớn lên, cái vẻ mặt ấy biến đi. Thay vào đó là những nếp nhăn, ánh mắt căm hờn và những câu nói tục tĩu. Nhiều khi, nó thấy ở mồm mẹ và bố nói ra những câu đối thoại nghe như một cái chợ bán cá thu nhỏ.

Thế mà bây giờ. Cũng vẫn là mẹ, và vẫn là bố, nhưng họ như hai người khác. Êm đềm, e ấp bên nhau. Thật hạnh phúc.

Nó ra bàn, uống nước. Nước lạnh trôi dần qua cổ họng làm nó tỉnh táo và tin rằng mình không ngủ mơ. Nó cấu vào tay, biết rằng vẫn hoàn toàn tỉnh táo. Lại đứng lên. Chân đưa nó đến cửa phòng bố. Nó ngoái về sau, nơi cái cửa sổ có những tán lá đung đưa, rồi lại nhìn vào giường hai người, như muốn ghi lại hình ảnh đó cho sâu đậm. Lần này thì mẹ nằm ngửa, còn bố thì nằm nghiêng, gác một chân lên bụng mẹ. cả hai ngủ ngon lành.

Nó lẩm bẩm:

- Phù thủy. Họ chính là phù thủy.

Thứ hai.

Nó tỉnh dậy lúc tám giờ sáng, ngồi bần thần, không hiểu mình lại ngủ được

từ lúc nào? Cuối cùng thì cái đêm ma quái đó cũng qua. Nắng hắt qua cửa sổ, vào gần giường nó. Mẹ đã đi làm. Bố cũng vậy. Nó vùng phắt dậy, chạy sang phòng bố. Chiếc giường trống không. Những cái chăn xếp ngay ngắn với chỉ có một chiếc gối của bố. Nó ngẩn ra, đăm đăm nhìn vào giường. Hình ảnh đêm qua lại hiện lên. Không thể hiểu nổi. Nó quay về giường mình và nhìn thấy bên chiếc gối của nó, là gối của mẹ. Ngay ngắn, đúng vị trí như thể nó ở đấy bao nhiêu năm nay. Người lớn. Hình như họ cứ cho quyền mình làm tất cả mọi thứ mà không cần giải thích. Nhưng trẻ con mà làm bất cứ một việc gì ngoài những thứ họ quy định thì đều phải trả lời về nó một cach rành mạch. Không thì ăn đòn ngay.

Làm sao để mẹ có thể giải thích cho nó rằng mẹ không ngủ ở giường của hai mẹ con mà lại mò sang đó ngủ một cách ngon lành? Mẹ thường bảo bố: "Tao ghê tởm mày. Mày là thằng đàn ông bẩn thỉu nhất trên đời mà tap gặp. Số tao ăn mày nên vớ phải thằng cha căng chú kiết như mày..." Còn bố thì lẩm bẩm: "Con đĩ già đĩ rạc. Sao mày lại có thể vô liêm sỉ đến thế nhỉ. Không có tao, mày chả đi làm bớp sớm. Tao thương con bé nên ở cố với mày. Tao lấy đâu chẳng được gái mười tám". Mẹ hét lên: "Phải rồi. Mày sẽ lấy cái con mặt như sườn mậu dịch thời bao cấp ấy. Đít thì nhọn như đít kim, ngồi đâu chọc thủng ghế".

Cứ thế đốp chát qua lại. Nặng thì vỡ bộ ấm chén, cái lọ hoa. Nhẹ thì tát nhau vài cái. Không ai chịu thua ai. Mẹ tung một câu, bố ném giả một câu.

Bây giờ thì nó hiểu ngày và đêm là hai thế giới. Mà con người thì phải thích nghi vớ hoàn cảnh, mẹ nó thường nói với nó như vậy, mỗi khi nó và bà khóc với nhau trước cảnh đổ vỡ. Mẹ bảo: "Mày sinh nhầm phải nhà vô phúc. Bố mày không phải giống người. Ki bo keo kiệt và khốn nạn. Nhưng chúng ta phải biết thích nghi và khắc phục hoàn cảnh. Tao sẽ làm lại cuộc đời, lấy một thằng chồng đích đáng chứ không thế này".

Khắc phục hoàn cảnh. Nó đã từng khắc phục sự đau đớn mỗi khi gặp phải tai nạn. Khắc phục trời mưa bão đi học. Khắc phục những khó khăn trong cuộc sống thiếu thốn tình cảm bố mẹ. Khắc phục hết bằng một vẻ mặt bình thản, cam chịu và không suy nghĩ gì. Ở trường, nó bị bạn bè gọi là Patigơ, là đumđum vì nó thường lạc ra khỏi chúng. Nó không thích những trò ngớ ngẩn chúng thích. Nó sống lập dị. Cô giáo bảo thế. Nó học cũng không giỏi vì thường không tập trung. Nói chung, nó giống một bông hoa dại giữa vườn hoa đủ loại hoa. Cứ mọc và cứ nở hoa. Một loài hoa ven dậu, không được chăm sóc.

Nhưng lần này, cái hoàn cảnh nó gặp phải xem ra khó khắc phục. Bỗng nhiên, nó thấy cuộc sống thật bí ẩn. Con người sống như những bóng ma mà không hiểu ngày hay đêm họ hiện nguyên hình? Mẹ là ai? Là người đàn bà xoe xóe chửi chồng mắng con buổi sáng, buổi chiều, hay người phụ nữ e ấp, dịu dàng như con mèo, à không, con thỏ trong lòng bố? Bố là ai? Là người đàn ông cục cằn, hơi một tí thì hê mâm bát và xé sổ hộ tịch, rất lịch sự và nhẹ

nhàng khi ở ngoài nhà và rất lôi thôi, cục tính khi ở trong nhà, hay người đàn ông điềm đạm, trang nghiêm ngủ bên mẹ như một pho tượng? Sao họ lại bắt nó khắc phục cái hoàn cảnh mà nó không thể hiểu, cũng không thể giải thích nổi?

Một ngày trôi qua. Bố và mẹ vẫn gầm gừ nhau. Mẹ đi làm về trước bố. Vừa quăng cái xe đạp ra, mẹ chạy tọt vào phòng bố ngay, rồi hầm hầm quay ra: "Lại đi với con phò ấy rồi. Hôm nay ăn diện, còn xịt cả nước hoa nữa".

Nó nhìn mẹ. Lại đôi môi khô nứt và nhệch nhạc, lại đôi mắt long sòng sọc. Nó nghĩ: Kể ra, mắt mẹ cũng đẹp, nhưng hình như nhấm lại thì hợp hơn.

- Tại sao mẹ cứ tức bố như thế? - Suýt nữa thì nó bảo là trong khi đêm thì mẹ lại ở bên bố.

- Không thể chịu nổi. Lão ta lại đi với con đó. Trong khi lại không chịu bỏ tao cho nhanh để tao thoát thân.

- Bố cũng muốn bỏ mẹ đấy thôi. Tại tòa đấy - Nó góp lời.

- Nó không muốn. Hôm qua, ra tòa, tao và nó chửi nhau một trận. Tòa đuổi về không tiếp.

- Vì sao ạ? - Nó vẫn chăm chú so sánh hai hình ảnh đã ăn sâu vào lòng.

- Vì lão ấy không chịu đi tay không. Trong khi đó, tao thiệt thòi. Tao mất cả đời con gái vì lão. Tao tàn tạ và xấu xí đi. Tất cả, tại nó hết.

Nó im lìm và nghĩ: Hay là hôm qua mình ngủ mê? Mẹ vẫn căm thù bố thế cơ mà. Mẹ nói như thể bố là một đống phân, mà mẹ thì không muốn dây vào.

Không thể hiểu nổi. Người lớn. Đấy là cả một thế giới. Thế giới của phù thủy.

Và đêm đến.

Nó chờ bóng tối phủ xuống như chờ ngày tết. Khi còn nhỏ, nó luôn mong chờ ngày Chúa giáng sinh và ngày Mùng Một Tết. Lúc ấy, khi mở mắt ra trước một ngày mới, mẹ bảo: Con ơi. Đêm qua, khi con ngủ rồi, ông già Noel có tới thăm, mang quà cho con đây. Nó cuống quít chạy lại gậm giường, run rẩy thò tay lấy đôi giầy mới tinh và một bọc quà để đằng sau. Mùng Một Tết cũng vậy. Dư âm của sự sung sướng đó theo nó suốt những ngày sau.

Bây giờ, nó cũng chờ đêm đến. Để nhìn thấy mẹ và bố. Để nhìn hai con người khác hai con người của ánh sáng ban ngày.

Mẹ nó đi đâu về, mặt mũi mờ mịt bụi. Tóc xơ lại chứ không mềm mại óng ả. Mẹ chui vào buồng tắm xối nước ào ào. Mùi xà phòng thơm bay loang trong phòng.

Bố về muộn hơn. Vừa tắt chiếc xe máy, bố vừa huýt sáo một bản tình ca da diết buồn.

- Ê. Bé con. Bố cho cái bánh này! - Và bố ném cho nó một chiếc bánh cốm nát, phòi cả nhân ra ngoài.

Nó lặng lẽ nhai và uống nước chè. Nó muốn tỉnh táo vì bây giờ, nó không có quyền ngủ vào đêm nữa. Nó muốn lúc nào cũng thức và tỉnh táo để ngắm

nhìn bố mẹ nó, trong những cái mặt nạ.

Nước chè đắng ngắt.

Khuya khoắt dần. Nó chui vào màn sau mẹ. Mẹ lẩm bẩm:

- Ngủ đi. Mai còn dậy đi học.

Và mẹ ngủ luôn, như thể một ngày trôi qua đã vắt kiệt sức lực của mẹ.

Nó nằm im. Trùm chăn kín đầu. Hai mắt nó thao láo trong chăn. Mồm nó ngậm một nắm chè khô. Vừa đắng, vừa ngọt trong cổ.

Mẹ vẫn say sưa ngủ như thể ngoài ra không có việc gì phải suy nghĩ cả.

Phòng bên, bố cũng vừa tắt đèn. Một lúc sau, nó nghe tiếng ngáy pho pho vọng sang.

Thế nào nhỉ? Hay là mọi chuyện hôm qua chỉ là giấc mơ? Một giấc mơ như thật đã ám ảnh nó. Nó lục sục trong chăn, hai mắt cay xè nhưng đầu tỉnh táo hơn bao giờ hết. Mẹ vẫn thở đều đều. Có lúc, lại còn gác nữa.

Mắt nó díu lại. Không ngủ được. Thậm chí không được nghĩ đến việc ngủ - từ bây giờ trở đi. Phải xem và phải hiểu tất cả mọi sự. Họ là cả một thế giới mà bây giờ, nó thấy cần phải khám phá.

Mẹ trở mình, quàng tay qua và ghếch một chân lên người nó. Tim nó đập loạn xạ trong lồng ngực. Nó chờ. Nó tin rằng mẹ lừa nó ngủ rồi sẽ nhẹ nhàng ôm cái gối sang phòng bố, nằm ở đó đến sáng. Trước khi nó dậy, mẹ về và lại ở bên nó. Nhưng mẹ và bố cứ thế để làm gì nhỉ? Bố mẹ là vợ chồng, nó là con. Sao nó không thấy những vợ chồng khác sống vất vả, lạ lùng như bố mẹ nó. Họ sống với nhau, họ yêu thương nhau, và ngủ chung với nhau trên một cái giường. Có sao đâu. Còn cãi nhau thì nhà nào chả có. Vậy sao bố mẹ làm mọi chuyện để thù hằn nhau xong lại vất vả, lén lút để ở cùng nhau? Ai bắt bố mẹ phải thế nhỉ? Nó có cảm giác như họ là những người đi đào hố, cứ xúc vài xẻng đất lên thì chân lại hất vài xẻng đất xuống. Vất vả, chật vật với những công việc rất bình thường.

Nó nhắm mắt lại và thấy người chùng xuống cảm giác dễ chịu. Không được ngủ. Dứt khoát không. Nó nghe thấy tiếng gà gáy sáng. Có người đã đi làm hoặc đi buôn.

Cuộc sống. Sao khó hiểu thế. Mai kia mình lớn, mình lấy chồng, có phải sống thế này không?

Ôi cuộc sống. Đúng là một trò phù thủy.

Thứ ba.

Buổi sáng.

Nó tỉnh dậy lúc mười giờ sáng. Nó tự dằn vặt mình vì đã ngủ quên. Thật là thảm hại khi chỉ có mỗi việc thức cũng không xong. Thế là toi một đêm. Bố và mẹ đều đi làm cả. Đầu nó nặng trĩu, buốt nhói. Hai mắt như dính lại với nhau. Nó nhìn lên trần nhà. Những con nhện chăng cheo chéo các góc

nhà hoen ố vì thời gian. Người nó mỏi nhừ. Bài giảng của cô giáo và những gì nó học bây giờ ở xa tít tắp. Nó chẳng biết. Nó thấy cái sự học là không quan trọng nữa rồi. Cuộc sống đầy những sự khó hiểu và bí ẩn mà nó không được học, được giải thích. Nó cứ phải học những thứ đâu ấy, chẳng giúp cho nó hiểu gì về những cái đang xảy ra quanh mình.

Nó từ từ ngồi dậy, bê chậu quần áo ra máy nước giặt. Nước lạnh trong máy làm nó dễ chịu. Nó cắm cúi xát xà phòng thơm vào chiếc khăn mặt và vò. Có cảm giác ai nhìn mình. Nó ngẩm lên. Một người đàn ông đứng trước mặt nó, nhìn nó chăm chú. Nó cúi xuống giặt tiếp, biết rằng ông ta chưa quay đi.

- Tại sao bác cứ nhìn cháu? - Nó hỏi.

- Cháu bao nhiêu tuổi? - Ông ta hỏi, ngồi xuống bên cạnh.

- Mười hai tưởi ạ! - Nó trả lời.

- Lớn quá. Ngực cháu rất đẹp.

- Gì cơ ạ? - Nó không hiểu ông ta nói gì.

- Ngực cháu ấy. Nó trắng ngần, phổng phao như của cô thiếu nữ. Chú chưa thấy ai có bộ ngực như cháu.

Nó lõm bõm hiểu và giật mình cúi nhìn xuống. Cổ áo khoét rộng làm lộ toàn bộ ngực của nó. Thêm nỗi, khi ngồi, hai đầu gối chèn vào làm ngực nó càng đội lên. Nó đứng phắt dậy, ngượng ngùng nhìn người đàn ông. Bỗng nhiên trong đầu nó hiện lên hình ảnh bố, tối hôm kia, ở bên mẹ. Nó nóng bừng người, định bỏ chậu quần áo đấy, chạy về. - Đừng ngượng. Cháu đẹp lắm. Một vẻ đẹp tự nhiên như cây cỏ hoa lá. Tạo hóa tuyệt vời. Hãy ở đây và ban hạnh phúc cho người khác.

- Cháu không hiểu - Nó dừng lại.

- Chú sẽ dạy cháu hiểu. Cuộc sống tuyệt lắm, nếu muốn, nhà chú cách cháu cái ngõ, sang đó chú sẽ dạy cháu thành người lớn. Đồng ý không? - Người đàn ông tiến lại gần, đặt bàn tay lên vai nó. Một hơi ấm lạ lùng truyền từ ông ta sang nó, lạ lẫm.

- Làm người lớn khó lắm.

- Tại sao? Có gì mà khó hả cô bé? - Ông ta nheo mắt.

- Tại vì... tại vì...., người lớn là...

- Là gì? - ông ta tiến sát hơn vào người nó. Dáng cao lớn của ông như phủ trùm nó.

- Là phù thủy.

Buổi tối.

Ở nhà một mình, nó ngẩn ngơ vì nhiều thứ phải nghĩ quá. Nó bị hai điểm văn và ba điểm rưỡi toán vì làm sai đề. Rồi những lời nói của người đàn ông ngoài máy nước hồi sáng ám ảnh nó. Giọng ông ta rất trẻ, nhưng hình thức thì già. Ông ấy có vẻ thích nó. Lúc giặt xong chậu quần áo, ông ta còn xách hộ nó một xô nước về tận nhà.

Bố mẹ vẫn đi vắng. Nó bật chiếc các-xét ở đầu giường. Một bản nhạc vang lên. Họ hát về những cơn mưa, về một người bị người yêu bỏ. Rồi loạch xoạch, là giọng của bố. Bố đang chửi mẹ và mẹ chửi lại, nghe có khác ngoài nhưng nó nhận ra ngay vì những lời nói. À, mẹ thu vào băng để làm chứng cứ trước tòa, họ sẽ cho bỏ nhanh. Nó với tay tắt. Im lặng. Tiếng gió lùa xao xác sau nhà. Tiếng lá rụng và mùi man mát. Sắp mưa rồi. Nó chạy ra ban công rút quần áo. Có tiếng tắc lưỡi. Nó nhìn xuống. Một người đàn ông đan ngẩn nhìn nó. Nó nhìn ông ta, và ông ta cười toét. A, cái ông ở máy nước hồi sáng.

- Bé con, xuống đây chơi với chú.

- Cháu phải trông nhà.

- Đừng sợ. Chú không phải là phù thủy đâu.

Nó cười và thấy ông ta cười hiền lành:

- Bố mẹ cháu sắp về rồi, cháu không xuống được.

- Bố mẹ ư? Mặc kệ họ. Họ có cuộc sống của họ, cháu có cuộc sống của cháu. Họ có nghĩ đến cháu không?

Vừa lúc ấy thì bố phóng xe về, nó sợ hãi chạy biến vào. Bố nó hầm hầm dắt xe vào nhà, thay quần áo trong những câu chửi lầu bầu. Rồi mẹ cũng về, tươi hơn hớn. Mẹ còn ư ử hát nữa.

Nó căng thẳng chờ đợi.

Mười giờ đêm. Nó chui vào chăn. Bố vẫn quăng ném gì bên phòng. Còn mẹ thì tiếp tục hát và đánh kem lên mặt. Mùi thơm mát dịu dàng tỏa ra trong phòng.

- Không gặp mẹ trẻ à? - Mẹ hỏi vóng sang.

Im lặng.

- Hết tiền nó đi với thằng khác rồi. Sướng nhỉ?

Mẹ lại tiếp tục véo von sang bên bố.

- Câm mồm đi. Thà thế còn hơn mày. Rõ dơ. Vứt con cái ở nhà tớn lên đi với giai. Gái phải hơi trai như thài lài phải cứt chó. Lại còn hát nữa - Bố nói sang.

- Thế đấy. Bà không đi thì ở nhà nhìn chúng mày đú à?

- Mày xưng bà với ai đấy. Bà tao đang ngồi trên bàn thờ kia kìa. Mày trèo lên đấy đi...

Nó sợ hãi chui kín vào chăn. Cứ cái đà này bố mẹ sẽ đánh nhau mất. Mà như thế thì sẽ không cùng ngủ với nhau một giường được. Sẽ không xảy ra chuyện kỳ lạ nữa. Có thể là hôm nọ mình nhầm. Mình nhầm. Nó nghĩ, và nằm nép vào trong góc giường. Mẹ nó vẫn chửi bố và chui vào giường.

Nó ngủ thiếp đi.

Nó sợ

Sợ những trò phù thủy.

Mặt trời đỏ lựng đằng Tây. Đỏ như một cục tiết sống. Tròn xoe. Bên này, trăng mùng mười nhạt thếch nhô lên trong quầng sáng xanh. Ma quái.

Trong chùa, tối âm u, đơn độc một tiếng mõ gõ lốc cốc. Tiếng mõ đanh,

gọn. Không gian u tịch.

Nó ngồi ở giữa cảnh chiều tàn, chứng kiến cái rực rỡ cuối cùng của mặt trời sắp lặn, ngắm trăng lên, trong tiếng mõ chiều. Ông hàng xóm tốt bụng xách hộ một xô nước ngồi cạnh. Ông trẻ trung, duyên dáng trong bộ quần áo thể thao. Ông ta vái lia lịa và khấm liền mồm. Nói nhiều đến nỗi nó thấy môi ông ta như một cái mắt xích của một cỗ máy. Ông liên liến nói như thể có một người vô hình trước mặt.

Nó im lìm nghe tiếng mõ chiều. Rồi nó thấy ngứa ngáy ở chân và ở tay. Ở cả mũi nữa. Rồi ngứa tất cả mọi nơi. Nó gãi cành cạch, gãi đến đâu máu chảy ra tới đó. Nó nhìn xuống. Trong cái ánh sáng đỏ quạch của một buổi chiều tàn, nó thấy người toàn lông như con khỉ già. Tay. Chân. Tất tật. Mà quần áo cũng đi đâu hết. Nó kinh hãi nhìn sang. Người đàn ông tốt bụng cũng không mặc quần áo. Người ông ta cũng đầy lông lá. Nhưng ông ta không ngứa, chỉ nói thôi và vái liên tục.

Nó quay nhìn vào bệ thờ. Phật Bà uy nghi ngồi bên hai thị nữ. Hương khói nghi ngút. Nó thấy hình như bà mỉm cười.

Nó tiếp tục gãi và cào cấu cuồng điên. Nó vồ lấy người đàn ông: Tại sao, chú ơi tại sao lại thành thế này?

- Cháu hãy chắp tay vái Phật Bà đi. Mẫu sẽ thương đến chúng ta.

- Cháu không hiểu. Cháu ngứa lắm! - Nó đau đớn nhìn máu của nó loang trên người, bết lại ở những túm lông.

- Làm người làm gì? Khi mà có những cái mình muốn mình làm không được.

- Chú muốn gì? - Nó tiếp tục cào cấu.

- Muốn có cháu.

- Có để làm gì? Chú cũng có con đấy thôi.

- Muốn cháu là của chú. Nhưng để cháu thành của chú thì không được. Chú còn chức vụ, còn quyền lực. Gia đình chú xưa nay bao đời nổi tiếng nho gia, văn hóa. Chú là tấm gương về đạo đức. Chú không làm gì khác được với con người. Bây giờ, chú đã thành thú, chú có thể làm tất cả.

- Cháu không muốn! - Nó sợ hãi gào lên và tiếp tục bứt từng nắm lông đỏ lòm máu trên người.

- Cháu sẽ muốn, Khi nào cháu lớn, cháu sẽ muốn như chú. Con người mà. Nghe chú đi, hãy thành tâm mà xin Mẫu. Mẫu thương.

Nó ngẩng nhìn tượng Phật. Hình như bà cười. Nụ cười bí hiểm.

Máu trên người nó bắn văng ra. Tóe tung xuống đất. Những giọt máu đó chạy lon ton và tụ lại thành một cục tròn xoe, bay vút lên trời.

Mặt trời đỏ. Mặt trăng lạnh ngắt.

Người đàn ông tốt bụng thôi khấn, đang bò bằng bốn chân quanh nó.

- Đi cháu. Chúng ta về thế giới của chúng ta. Tự do.

- Không. Không! - Nó gào thét và lăm lộn chống trả. Người toe toét máu.

Và nó tỉnh dậy, trong đống chăn. Người ướt sũng.

Tim nó khua như đánh trống trong ngực.
Hóa ra, lại là giấc mơ. Một giấc mơ khủng khiếp.
Nó nhìn sang bên cạnh. Mọi hiện thực ùa về.
Mẹ nó lại không có ở bên cạnh.
Nó ngồi bật dậy, mắt trố ra, lẩm bẩm:
- Phù thủy. Lại làm phù thủy rồi.

Nó thu lu ngồi ở góc giường, chăn chùm kín cổ. Người nó nóng ran, đỏ rực những vết xướt. Trong mơ, nó thấy mình là con khỉ gãi tóe máu. Và nó đã gãi thật.

Nó nhìn ra cửa sổ. Đêm đen và âm u. Phòng bố tắt đèn. Mẹ đi đâu nhỉ? Chẳng lẽ lại mò sang bên ấy. Nếu nó không nhầm thì trước lúc nó ngủ, bố mẹ đã cãi nhau một trận kịch liệt. Hay mẹ giận bố, bỏ nhà đi rồi? Nó tụt xuống giường, thò chân tìm đôi dép. Bỗng nó sựng lại. Phía bên phòng bố có tiếng thì thầm. Rồi tiếng rinh rích cười. Tiếng cười như thể ai đó cù và họ phải nén lại. Trong đêm, dù nhỏ nhưng nó nghe rất rõ.

Tim nó đập thình thịch như tiếng giã gạo trong ngực. Nó sợ. Nó tưởng tượng ra cảnh nó bị bắt quả tang nghe trộm. Nó có cái sợ của người nhìn thấy người ăn trộm và người ta nhìn thấy nó trông thấy người ta. Cái sự sợ của trẻ con hay những người tử tế.

Nó lại chui vào chăn, đầu bỗng buốt đau. Nó thò đầu ra khỏi chăn và nghe ngóng.

Thỉnh thoảng tiếng thì thào lại vọng sang. Rồi tiếng thở hổn hển. Tiếng cái dát giường kêu kèn kẹt. Tiếng mọt nghiến gỗ. Cả tiếng chân chuột bới đống giấy vụn góc bếp. Nó nghe thấy hết, trong một tâm trạng cực kỳ hoảng loạn.

Có phải là mẹ không, hay một người khác? Tại sao lại là mẹ khi hai người vừa cãi nhau một trận xong, lại có thể thân thiết đến thế ư? Mà tại sao mình lại mơ thấy cái ông tốt bụng ấy? Và tượng Phật nữa? Nó im lặng, thở dè dặt và miên man nghĩ.

Nó bỗng giật mình. Tiếng mẹ. Đúng tiếng của mẹ, vọng sang:

- Cẩn thận đấy, bây giờ Sida như điên. Nhỡ con ấy nó đổ bệnh cho thì sao?

- Vớ vẩn. Làm gì có sida. Chẳng qua buồn thì ghé qua nó giải khuây thôi chứ có gì đâu! - Tiếng bố.

Tất cả bỗng òa sáng. Nó chui vội vào chăn, trùm kín. Người nó dán xuống giường, ngừng thở.

- Nóng phát chết. Người đâu mà tham. Về đây. - Tiếng mẹ. Tiếng nước rót vào cốc thủy tinh.

- Đã sáng đâu. Bao giờ đến ngày tòa hẹn?

- Bảy ngày nữa. Nhưng em không chịu đâu. Nuôi nó bây giờ tốn kém lắm. Nó lớn, nhiều nhu cầu. Bao giờ có thằng nào rước đi mới coi là xong nợ.

- Thế thì anh nuôi nó. Mỗi tháng em chi nguyên lương ra! - Tiếng bố.

- Thế em sống bằng khí giời à? - Mẹ nói.

- Thời buổi này, có ai sống bằng lương đâu. Anh có lấy lương của em chi cho nó thì anh cũng lõm hai băng nữa. Em còn ngon hơn.

Nó bỗng thấy run, dù mồ hôi nó túa ra chăn ủ nóng. Bố mẹ đang bàn về nó. Họ đều không muốn ở với nó. Thật khủng khiếp. Đấy là điều chưa bao giờ nó nghĩ đến.

- Mặc quần áo vào - Tiếng bố.

- Nóng bỏ mẹ. Về ngủ đây. Mệt nhão người.

Bóng tối trùm xuống. Nó rúm vào một góc. Và mẹ nó, là một khối trắng ngà chui vào màn, thơm mát. Mẹ nằm xuống bên nó, ngang nhiên gác một chân lên người nó, ngủ ngay.

Trên người mẹ không một mảnh vải. Nó muốn vỡ tim ra vì tất cả mọi chuyện. Những câu chuyện của ban đêm.

Cuộc đời. Thật kinh khủng mà nó không thể hiểu được.

Đúng là một trò phù thủy.

Thứ tư.

Một đêm trắng.

Hai đêm trắng.

Và những đêm cuồng điên vì những giấc mơ quái đản.

Rồi lại những đêm trắng. Tiếng côn trùng. Tiếng thở. Tiếng thì thào và lá rụng trước hiên nhà. Tất cả. Làm nó thành kẻ mộng du. Tự nhiên, nó rất thích thành người lớn. Làm người lớn, có thể làm phù thủy bất cứ ngày hay đêm, có thể làm vỡ mọi thứ nếu thích hay ngủ vào giờ làm việc nhưng lại thích thức vào những lúc phải ngủ. Nói chung, làm người lớn thoáng hơn làm trẻ con. Họ tha hồ làm phù thủy mà không ai hỏi đến.

Buổi chiều. Ngoài trời nắng hanh hao, xơ xác. Lâu rồi không có trận mưa to nào.

Nó buồn và trống trải. Giữa nó và bố mẹ bắt đầu có một khoảng cách và nó thấy xa lạ với bố mẹ vô cùng. Mấy ngày liền nó rình ông hàng xóm xem ông ta có thành con khỉ trong giấc mơ của nó không? Ông ta phải ở trong bệnh viện trực người vợ cắt khối u ở dạ con. Mặt ông ta rầu rĩ mỗi khi đi qua ngõ. Người ông ta bỗng sụp xuống bởi nỗi đau thương vô hạn. Ông là tấm gương một người chồng mẫu mực của tất cả các bà, các mẹ trong khu phố.

Sắp Tết rồi. Nó hì hục lôi trong ngăn tủ ra bộ đèn nhấp nháy ngày xưa, và ra sân, chặt một cành phi lao. Nó sẽ làm một cây thông noel, dù ngày ấy qua rồi. Nó lau rửa những cái bóng đèn, mắc lên những cành phi lao be bé. Rồi nó đặt lên nóc tủ, lôi những con búp bê xếp la liệt chung quanh. Đấy là một thế giới. Xanh đỏ tím vàng và những vật vô tri. Nó thấy dễ chịu với cái cõi riêng của mình. Nó lấy những tờ giấy màu vẫn làm thủ công ngày trước cắt những cành hoa, đính lên cành phi lao. Những quyển sách, quyển vở xếp ở

dưới, những con búp bẹ ngồi trên.

Chiều muộn dần. Nó mê mải với công việc của mình. Tất cả đã nối xong, chỉ chờ có điện. Phải khóa chặt cửa. Bố mẹ có về cũng không vào ngay được. Không cho bố mẹ biết bởi họ toàn gọi nó là con dở người. Người lớn không thể hiểu được nó, họ không đồng ý cho nó làm theo ý muốn của mình.

Nó say sưa bày biện, sắp xếp. Có một tiếng nổ nhẹ. Cây thông Noel hơi rung lên. Nó chạy lại đỡ lấy và tất cả bừng sáng. Nó không còn biết gì nữa. Một cảm giác tê tê chạy dọc người. Nó như thoát xác. Nó cười.

Phù thủy. Nó biết. Nó đã thành phù thủy.

Cuối cùng. Khi bố mẹ nó về, lúc ấy là đêm.

Họ, mỗi người về từ một ngả, nhanh chậm hơn nhau vài phút. Thế nào đi chăng nữa thì ai cũng phải có một mái nhà. Con gà cả ngày lang thang bới móc nhưng cứ tối là về chuồng. Họ phóng qua ngôi nhà một đoạn, rồi quay lại. Họ không hề nhận ra ngôi nhà của mình bởi nó khác quá.

Nó không còn là một ngôi nhà hai gian nữa mà là một đống đổ nát. Những mảnh gạch đen rải đầy sân, bốn bức tường xám xịt. Tất cả, sập xuống như một trận bom.

Người chồng thấy vợ mình đang gào khóc thảm thiết. Điệu bộ giống một người điên. Quần áo tươm toe và tóc tai bù rối. Bên cạnh, một cái chân giường, vài mảnh ván, những cái chân tủ. Những đồ đạc khác, của ông và của bà, la liệt, sứt mẻ, đen sì. Người chồng quẳng chiếc xe máy đổ kềnh ra đất, chạy đến túm lấy người vợ, lắc mạnh:

- Thế này là thế nào?

Người vợ ngẩn lên. Đấy là khuôn mặt của một người đàn bà tám mươi tuổi. Đôi môi đỏ thẫm máu khô. Không nói gì, chỉ lắc đầu. Rồi giơ tay chỉ về bên phải. Người chồng bỏ người vợ, ra chỗ đó. Có một cái chăn cháy xém, lem nhem. Anh ta lật ngược. Và rú lên. Con gái. Nó trông giống như cây củi cháy. Đen sì đến tàn khốc. Không nhìn thấy mặt. Tóc nó cũng cháy hết. Tất cả. Đó là một hình thù quái dị. Người đàn ông hàng xóm xách xô nước và cắp chiếc chậu quần áo đi qua. Đến bên ngôi nhà, dừng lại, chép miệng ra chiều thông cảm rồi đi thẳng. Người chồng gục xuống. Từ họng anh ta, những tiếng kêu khan như tiếng một loài thú rừng gì đó.

Gió hiu hắt đưa mùi khét của đám cháy.

Trăng giữa tháng, sáng xanh lạnh lẽo. Hai người cứ ngồi bên đứa con gái. Không biết đến bao giờ.

Đấy là trò phù thủy cuối cùng của nó.

8.1.93

NGUYỄN THỊ THU HUỆ

(Trong nước)



HOÀNG XUÂN SƠN

đầu lệ

Em qua
em qua
em qua
đò ngang trắc trở
em qua được rồi
em qua tới bợt em ngồi
tới bờ em đứng
khóc
mùi mẫn
em

huế, mấy điều tản mạn

Chiều qua phố khép đôi tà
đa đoan tình mị nữ
chiều đuối trên giải sông lấp lánh vàng
những huyết lệ còn sót lại hoàng hôn từ Lê An
những bước chân sầm sập qua ngã âm hồn
đèn lu mờ. tỏ
trăng lưỡi liềm trói gô những hình tượng sao
dáng thú mặt người và gươm thiêng hiệp sĩ
giờ này hoàng cung co rút
những gốc sứ già thoát tinh chuyện trò cùng gạch đá
Phú Văn vọng nhiễu kinh thành
xa tít xa
trên ngọn cờ người lính bám đu thổi kèn thúc quân
cột đổ xiêu lầu bạc

Ngự sơn chợt cười rũ xuống
những con đò bơi ngược lên Tuần
khóc chuyến tản thương về cửa Thuận

Đêm ở vạn tiếng hò rao lanh lãnh
những-trái-trứng-trấu-áp-hơi-người
bát bún cay nồng đưa qua sông chuyến lạc hành ngắn ngủi
sóng chảy lập lờ
trời mênh mang rong tảo

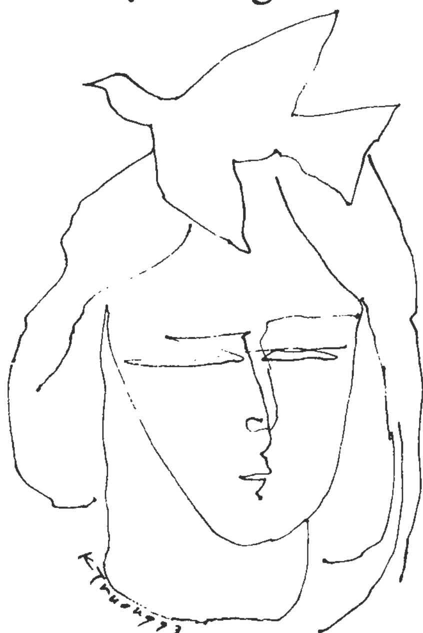
Đêm.
mặt trăng rớt xuống bàn tay xanh lam rờn rợn am miếu
đêm vườn nhà đầy ắp nguyệt
hồn cổ thụ trang nghiêm
o mười bảy đêm hè da bạch ngọc
lá cười khúc khích
cầm lòng
không đậu cầm lòng
mai trở mù sương trên dốc đá
giải sô thê thiết buộc tim người
những áo giày và cỗ quan thất tung
núi đồi rưng rưng mai
chào vĩnh quyết

HOÀNG XUÂN SƠN
(Trích Huế Buồn Chi*)*



PHẠM CHI LAN

chim địa đàng



Một hôm, ông ta đem về một cành hoa hình dáng kỳ lạ trong chiếc bình sứ mầu đen. Đó là đầu một con chim có mào xanh, chim ngửa cổ nhìn trời một cách thê thiết thành khẩn. Vẻ lạc loài trong một nơi chốn xa lạ, nó chìm lặng và ẩn nhẫn chờ đợi, hoặc đang nói gì với khoảng trống trên cao nơi nó đang hướng mặt bày tỏ. Đây không phải vườn thượng uyển nơi nó đã được sinh ra. Một loài chim từ thế giới khác thoát thân thành giống hoa kỳ dị lạc trong khu vườn thời tiết bất thường, nơi có những điều vô lý như số phận mỏng manh của nó.

Tôi nhớ tôi khóc duy nhất có hai lần, không kể tiếng khóc lúc lọt lòng mẹ. Đó là tiếng vỡ của buồng phổi, tiếng chào mừng sự sống. Tôi cất tiếng cám ơn mẹ (biết bà có nhận lời cám ơn của tôi?), cám ơn những kẻ đã có công đưa tôi vào đời, dù đó có phải là một trường hợp ngẫu nhiên, cùng với đám thuốc men của nhà thương thí nơi có những kẻ lăng xăng mở cánh cửa một đời sống đón nhận nó vào với lòng ngại ngùng.

Mẹ tôi không biết cha tôi là ai nên tôi cũng không cần thiết biết ông ta là ai. Một người đàn ông nào đó có khả năng truyền giống đến cùng lúc với những người đàn ông khác chẳng hạn. Hạt giống gieo vãi vào hoang địa trổ sinh hoa trái, một công trình kỳ diệu của đấng hóa công. Đất mẹ cũng không

để lại cho tôi chút di sản hoa mầu trong mùa kết trái. Tôi không giống một người nào bên dòng họ mẹ, ngay cả bà là người đã đưa tôi vào đời. Tôi là hiện thân của tăm tối và bất trắc đi qua cuộc đời bà? Tôi không giống mẹ, từ thể chất cho đến tính chất. Nếu không từ cửa lòng mẹ chui ra, có gì chứng minh tôi là con của bà. Mẹ vẫn bảo tôi là một cái vỏ trứng rỗng không nhân. Thật là ngu đần không biết hưởng cái êm dịu sung sướng do giác quan đem lại. Đó là điều rộng rãi trời ban, còn lại những hạnh phúc khác người ta phải nỗ lực đi tìm. Cám ơn trời ban tôi không giống một ai bên mẹ, những con người khắc khổ nhỏ bé. Tôi cũng không biết thưởng thức một đời sống dễ dãi không ràng buộc không trách nhiệm, tự do như chim trên trời hay bông cúc dại ngoài đồng mặc kệ mưa nắng. Tôi cũng không biết chăm sóc thân xác, nguồn tài nguyên thiên nhiên mà một đứa con gái bất tài nào cũng có thể dùng khi không còn biết làm gì khác. Tôi nhìn tôi, một cái bóng ngồn ngộn sức sống với cử chỉ vụng dại tầm thường như mọi con người khác. Một hình nhân với những bộ phận có cảm giác và một khối xám đặc sệt điều khiển một hệ thống chi thể vô hồn. Một cái máy biết cử động và truyền thông phát đi những tín hiệu nhu cầu của nó để hoàn thành chính nó. Một cái gì thật gượng gạo miễn cưỡng trong thân xác này. Dường như sự cấu tạo còn quên xót điều gì trong tôi. Một vẻ mặt có sinh khí hay cặp mắt bớt u tối hơn?Một cái đầu chứa đựng những hình ảnh bình thường, hay ấp ủ những chuyện vĩ đại trổi vượt mà người khác không thể làm? Đầu óc tôi không có chỗ cho những chuyện quá to tát. Tâm hồn tôi không có ước mơ.

Tuy nhiên, tôi cảm thấy còn thiếu những điều khác. Tôi đã từng tưởng tượng, một đứa con gái nũng nịu xà vào lòng mẹ nó kể những chuyện ngớ ngẩn vụn vặt trong ngày, chuyện một gia đình êm ấm với đôi mắt hiền lành của cha và tình thương yêu của mẹ. Đám em tôi ngoan ngoãn và sạch sẽ. Những chuyện bình thường của một xã hội thu nhỏ, nơi có tấm lòng rộng lượng và những tâm hồn mới khai mở còn phẳng lặng ủ nhiều hình ảnh trong sáng. Không có những mưu kế tính toán hơn thiệt của một cuộc lường đảo, không có những câu chửi rủa, không lời thóa mạ đời sống hay nguyền rủa số phận, không có cả tiếng rên rỉ nặng nhọc. Mẹ tôi bực mình mỗi lần nói chuyện phải ngước mắt nhìn lên mặt tôi, sao dáng dấp ngạo nghễ mà lại cúi gằm đầu hở con. Phải có khát vọng cao mới chiếm được những gì mà người ta không có. Người ta đây gồm có cả mẹ và những con người lầm lũi ra vô cánh cửa buồng tối tăm kia. Đời sống trong cái khung rỗng với giấc mơ cũng không cao hơn một nóc nhà và những tiện nghi vật chất vụn vặt chung quanh nó. Tôi cao lớn hơn mẹ, chiều cao tăng trưởng cùng lúc với đời sống thu nhỏ trong một cái hộp tối tăm. Mẹ bảo tôi hợp thổ khí nơi này, tôi lớn hơn trung bình những đứa con gái cùng xứ sở. Xứ sở tôi, một xóm nhỏ ô hợp cũng không kém cái khu chung cư nhiều thổ dân này, có điều họ cùng ngôn ngữ và biết nhân danh một chủ nghĩa lý thuyết nào đó để làm hại lẫn nhau. Tôi đã gặp những kẻ cùng xứ với cặp mắt lấm lét nhìn đời sống mới đầy ngờ vực đố kỵ,

đồng thời khao khát một danh phận vẻ vang nơi đất của ngàn cơ hội này. Ước vọng của họ là những gì có thể trông thấy hay sờ mó được, những điều làm mọi giác quan của họ sung sướng. Nơi ấy bây giờ xa cách quá, mà tôi thì không có nhiều kỷ niệm đẹp hay một ấn tượng mạnh nào để ký ức tôi có thể tìm về trú ẩn nương náu. Cũng chẳng có gì để níu giữ nhớ thương, có chăng chỉ còn một nấm mộ hoang tàn của ngoại và hình ảnh duy nhất để tôi nhớ về là chiếc miệng cười móm mém của bà khi còn sống. Còn lại tất cả chỉ là máu lửa và sự dửng dưng.

Tôi gặp nó trên hè phố lúc mới bỏ nhà ra đi. Cũng không hẳn là bỏ trốn, vì tôi không trở về một nơi không có gì níu giữ. Căn chung cư chật chội đồ đạc lổn ngổn, căn phòng ít cửa thiếu ánh sáng nơi mẹ tôi dẫn không biết bao nhiêu loại người về dừng chân, lâu khoảng vài ba tháng, hoặc vài ngày, có khi chỉ vài giờ. Một hôm tôi quyết định không trở về nữa. Sự có mặt hay vắng mặt của tôi chẳng cần thiết hay ảnh hưởng tới ai ở đó. Tôi bắt đầu sống cuộc sống của tôi, mẹ tôi vẫn sống cuộc sống của bà.

Không biết liên hệ giữa tôi và nó gọi là gì, là tình bạn hay cao hơn bạn, hay một thứ liên hệ của kẻ khác phái có trách nhiệm hay ràng buộc nào đó cho nhau. Nó không có niềm tin vào đời sống, vì cuộc sống không chấp nhận nó hay ngược lại. Nó là một hình thái chưa được hoàn thành. Nhưng với tôi không có gì quan trọng. Quan trọng là những gì nó đã lo lắng chia sẻ với tôi. Tôi cũng không đòi hỏi gì ở nó, một đứa con trai cũng bơ vơ rách rưới lang thang không nhà như tôi. Gia tài nó là một chiếc xe gắn máy nổ lớn tiếng và một thân hình cường tráng đầy sinh lực của tuổi mới lớn. Nó sống bên ngoài xã hội, tôi sống bên ngoài gia đình, điểm tương đồng này cũng đủ đưa chúng tôi đến gần nhau. Ngoài ra còn có một nhóm con nít nữa cũng thân tín không kém gì gia đình, một băng du côn dưới tuổi vị thành niên tự động tìm đến với nhau. Bọn nó là những đứa tự ý bỏ rơi gia đình, hay gia đình tự ý bỏ chúng. Chúng đã từng làm đủ chuyện mà người ta lên án, những pha gay cấn ghê rợn như trên màn ảnh mà kẻ đạo đức vẫn bảo đó là điều đồi bại vô phẩm cách. Hoặc cả những chuyện mà người ta không muốn nói trước mặt kẻ khác nhưng vẫn luôn nghĩ tới trong đầu. Nó dạy tôi bài học khoái lạc, và nhiều chuyện khác, chuyện phiêu lưu mạo hiểm trong đầu những đứa thích chống phá nổi loạn. Chúng tôi sống những ngày lang bạt khắp nơi, nó chở tôi trên chiếc motorcycle của nó với vận tốc nhanh hơn cả cuộc đời. Chúng tôi là những bợn nhơ mà đời sống thải luôn phải lẩn mình trong những xó tối. Nhưng chúng tôi cũng có lòng tự hào của một con thú hiên ngang sống với bản năng man rợ không kềm chế của tự nhiên, cũng không nằm trong những khuôn khổ hạn hẹp mà đời sống gọi là điều luân lý. Người ta bảo đó là tiến trình văn minh của một xã hội có tri thức. Chúng tôi vừa chán ghét vừa ước ao đời sống của những bộ máy đi lại chung quanh đời sống, những bộ máy được sản xuất đồng loạt với một chương trình rập khuôn nhàm chán. Họ là

những kẻ sống trong giới luật trật tự, họ làm ra một trật tự để bảo vệ chính họ. Khuôn phép này đặc biệt ưu đãi đổ hồng ân trên những kẻ làm ra chúng. Chúng tôi những hạt bụi của đời sống dơ bẩn, không ai buồn lau chùi rửa sạch mặc cho chúng bám vào đời sống. Nhưng hạt bụi cũng có đam mê sự sống của nó, dù là đời sống của một hạt bụi.

Nó thường gục đầu vào lòng tôi như đứa trẻ dụi vào lòng mẹ. Nó bảo nó nhìn thấy một cái hố đen ngòm có nhiều hình thể đang dẫy dụa. Ở đó có tàn sát và chết chóc. Tôi vuốt mái tóc rối bù dơ bẩn của nó, triết lý: thà sống như con vật còn hơn không có sự sống. Nó nhìn tôi thê thảm, mình như những con vật. Điều con vật khác con người là nó không bao giờ tự hủy hoại chính nó, nó tranh đấu bảo vệ sự sống nó với tất cả tiềm năng. Nhưng những con người này thì lại không có cả bản năng khát sống. Một đứa đã thử nghiệm với đời sống, một tiếng nổ dòn, lằn đạn phá bung một khối óc. Nó tự bắn vào đầu như người ta dùng ngón tay búng ra một tiếng kêu trong không khí, thế là biết hết tất cả những gì khó hiểu, không một lời phân trần giải thích. Lũ cỏ dại mọc bên lề đường, một ngọn cỏ vừa ngã, thế thôi.

Tôi sợ ánh sáng. Thứ ánh sáng mặt trời đánh thức tôi dậy mỗi ngày với nỗi trống rỗng ghê rợn. Đó là phút hãi hùng nhất của thời giờ khi tôi thức dậy nhận ra lại thêm một ngày nữa trong cuộc đời mười bảy năm của tôi. Mười bảy năm với tất cả ê chề chua xót bùng vỡ trong cơn chán chường tột cùng. Tôi sợ phút giao điểm giữa vô thức và thực tại, giữa ảo giác và hình ảnh thật. Đó là khi ánh sáng đóng lại vùng bóng tối vừa bỏ lại tối hôm qua, tôi đã sống thế nào ngày hôm qua, tôi không thể nhớ. Và rồi những con thiêu thân lại lao vào ngọn lửa, vào một vòng xoáy vô định rỗng tuếch. Bản năng sinh tồn vẫn còn trong người, tôi lao vào cơn lốc của những cuộc chơi quên thời gian và những chuyện mà người ta lên án, chuyện một đứa con gái không bao giờ nên làm và cũng chẳng bao giờ nên kể ra.

Tôi quyết định bỏ rơi nó hôm nó bị bắt lúc đang làm một chuyện phi pháp. Không biết nó nghĩ thế nào về tôi, người mà nó đặt nhiều tin tưởng. Nhưng tôi không thể đến gặp nó mặc dù tôi cũng muốn nói với nó một điều hứa hẹn vu vơ. Tôi không can đảm nhìn thấy nó. Tôi lặng lẽ bỏ đi, nó sẽ quên tôi và như thế thì sẽ tốt hơn cho nó. Sau đó, tôi sống những ngày lang bạt trôi dạt qua nhiều nơi giao tiếp với nhiều loại người, thường là những người có máu giang hồ bạt mạng trong người, như tôi. Tôi gặp vô số những đứa con trai khác nhưng không ai tôi để ý hơn nó. Chúng chỉ là những cái đầu trống rỗng ngây ngô không sử dụng đến suy nghĩ, hành động ngông cuồng ngu si và không biết cách xử đẹp nhân danh sĩ diện của một loài bụi. Tôi không có kiên nhẫn với bọn này. Thỉnh thoảng nhớ tới nó, tôi chất vấn lương tâm sao tôi có thể tệ bạc đến vậy. Nhưng nghĩ đến nó chỉ làm tôi thấy mình cô độc hơn, một khối nặng chĩu chua xót trong lòng. Tôi không thương yêu nó, có thể đó là sự thương hại như thương hại chính mình. Tôi mang chứng bệnh tàn nhẫn trong

người, di sản của một giống loài. Một lần tôi bệnh nặng nhất khi nghe tin nó bị bắn chết. Cảm giác choáng váng, nôn nao như có gì xoáy vào ruột đắng ngắt chỉ muốn mửa thốc ra ngoài một cái gì trong người, chất xám đục ngầu trên óc chẳng hạn. Đó là tâm bệnh của người ốm lâu ngày đến giờ bộc phát, một thứ vi khuẩn độc hại nào đã ăn sâu vào đến óc đến giờ phát tác ra mọi hệ thống cơ thể. Chưa bao giờ tôi bệnh như lần ấy. Một sinh vật vừa bị tống khứ ra khỏi đời sống, mặt trời vẫn sáng và trái đất vẫn xoay những vòng xoay như thường lệ.

Ông ta hơn gấp ba tuổi tôi, người đàn ông luống tuổi có nét mặt cứng rắn, chiếc cằm cương nghị và chòm râu khiến tôi liên tưởng đến một nhân vật thời sử. Ông ta có dáng dấp khỏe mạnh đầy sinh lực. Tôi khen ông tráng kiện so với tuổi ông, ông bảo tại nhờ thiên nhiên nuôi dưỡng. Tôi bảo tại nhờ đời sống ông bình dị đơn giản nên thời gian không làm gì tác hại đến ông. Ông cười, đôi mắt sáng ngời như một tia nắng ấm. Tôi nghĩ ông ta phải là người sung túc lắm, với một trang trại thế này, với bầy ngựa và cánh đồng rộng mênh mông thế này. Nhưng ông ta không bao giờ nói đến sở hữu của mình, ngay cả những điều riêng tư. Ông chỉ hay nói đến những huyền thoại tận đâu ở ngoài đời sống này, những ngụ ngôn mà tôi không hiểu lắm về một thời gian không gian khác, ý nghĩa cao vợi và mênh mang như những điều trong vũ trụ, nhưng thật lôi cuốn truyền cảm qua giọng kể từ tốn ấm áp của ông.

Tôi chọn ở lại với ông ta, vì không còn một nơi nào khác cho tôi sự bình yên hơn nơi này. Một góc chuồng ngựa cũng yên lành hơn bất cứ nơi nào tôi đã đi qua. Người ta khao rao những điều có thể làm đỏ mặt một đứa con gái thường, những điều không tốt về tôi và một người đàn ông đáng tuổi ông nội. Nhưng chúng không làm tôi bận tâm, tốt hay không chỉ có ông ta và tôi biết rõ (và một kẻ nữa biết rõ, đấng vô hình mà ông ta vẫn hằng giờ nói chuyện trong thinh lặng). Ông ta tìm thấy tôi nơi vệ đường, trên con đường xuyên bang vào một buổi chiều. Tôi ngất đi trước khi ý thức mình đang ở giữa một cánh đồng vắng vẻ. Tại sao tôi nằm bên lề đường, tôi cũng không còn nhớ. Tất cả đã lùi vào bóng tối, và tôi quyết định nhốt chúng lại trong một chiếc hộp quá khứ khóa chặt, tiêu hủy luôn cả chìa khóa theo đúng lời chỉ bảo của ông ta. Ông ta còn dạy tôi nhiều điều khác, chẳng hạn như cỡi ngựa và thuần phục một con giống sa mạc sắc tía tuyệt đẹp, con ngựa mà ông quí nhất. Con này cứng cổ bướng bỉnh không cho ai ngồi trên lưng nó bao giờ, trừ ông ta là chủ của nó. Nó là một con ngựa nòi giống Ả-Rập vóc dáng dũng mãnh như một con ngựa thần. Tôi bị nó mê hoặc ngay khi nhìn thấy nó đứng đơn độc dưới một bóng cây giữa đồng. Hình ảnh đó làm cho tôi ngây ngất. Tôi muốn vuốt ve chiếc bờm hoang dại của nó. Tôi muốn ôm đầu nó áp vào lòng mình như ôm lấy một cái gì thật gần gũi thân thiết. Mắt nó buồn rượi long lanh sáng với ánh nhìn mênh mông bí ẩn, như đang nhìn vào một cái gì đó không có thật trước mặt. Đôi mắt giống hệt mắt ông ta lúc đăm chiêu điều gì. Nó

không ưa tôi, thấy tôi lại gần nó vội quay mình đi, cất tiếng hí to rồi phóng mình vào cánh đồng mất hút. Ông ta bảo nó không ưa người lạ, không ai có thể đến gần nó được trừ ông ta. Tôi bắt đầu mơ tưởng con Arabian, như tôi đã từng mơ tưởng những điều huy hoàng của đời sống. Ông ta tập cho tôi cỡi những con khác đã thuần phục, những con này ngoan và hiền như lừa. Tôi say mê cỡi ngựa lang thang trên những cánh đồng, thiên nhiên thật dịu ngọt đằm thắm, mầu xanh làm lòng tôi mát rượi dễ chịu. Thấp thoáng trong đồng bằng những mái nhà thở khói mỏng thoảng nhẹ vào bầu trời mùa xuân. Tôi huýt sáo bản "Wounds Of The Bird", bài hát của P. Mauriat mà ông ta dậy tôi. Tôi yêu đời sống hồn nhiên ở nơi này.

Hôm đó có gì khác thường trong tôi xảy ra. Cảm xúc như một dòng lũ đổ về, tôi mở chiếc hộp quá khứ kể cho ông ta nghe đoạn đời tối tăm phóng túng của mình. Ông ta im lặng lắng nghe, không một câu hỏi gián đoạn hay một phản ứng nào trên nét mặt. Chưa ai kiên nhẫn nghe tôi kể chuyện khốn nạn đời mình và chịu đựng những lời cay đắng than trách, như ông đã nghe với tâm hồn mở rộng. Tôi nói về lần xúc động trong đời khi nhìn thấy máu từ chính thân thể tôi. Máu dậy thì, một vết bẩn hoen ố với chấn động tâm lý và mặc cảm của một kẻ phạm tội nào đó bị trời trừng phạt. Tôi lặng lẽ chôn dấu tích của sự biến đổi cơ thể, đau khổ như người ta vừa mất mát một điều gì. Và cùng với những ấn tượng chết chóc của chiến tranh, đầu óc tôi nhuốm bệnh. Ai có thể hiểu nỗi buồn của đứa con gái ý thức việc mang thân phận của mình như tôi lúc đó. Ai có thể chia sẻ nỗi sợ sệt hoang mang, mẹ tôi cũng không thể hiểu tôi. Nhưng ông ta hiểu, ông cầm tay tôi ủ vào đôi tay rắn chắc ấm áp của mình, xiết nhẹ.

Ông thường ôm tôi vào lòng vỗ về như dỗ một đứa trẻ. Ở trong lòng ông ta, tôi không cảm thấy mặc cảm tội lỗi hay điều gì đó bất ổn trong lòng. Tôi chỉ cảm thấy một sự bình yên tuyệt diệu, như đứa con trở về với tình thương người cha của nó. Một lần buột miệng hỏi tại sao ông lại ở một mình, thân nhân đâu, sao ông đóng khung đời sống trong một trang trại hẻo lánh. Ông ta im lặng, nhìn vào khoảng trống trong giây lát rồi bảo rằng ngày xưa ông cũng đã có một thời hạnh phúc, một hạnh phúc mỏng manh đã vuột khỏi tầm tay. Một đứa con gái khoảng bằng tuổi tôi bây giờ. Ông cũng đã trở về từ một cuộc chiến, đã mất mát nhiều, mất cả phần tâm hồn và thân xác. Tôi ngỡ ngàng. Thân thể đó không thấy gì khiếm khuyết. Nhưng tôi chợt hiểu, tật nguyền là thiếu mất một cái gì khiến cho đời sống không được bình thường hay quân bình theo lẽ tự nhiên của bản năng. Đời sống này dường như ai cũng khuyết tật về một cái gì.

Không còn gì vui hơn ngày tôi chinh phục được con Arabian. Nếu không có sự chỉ dẫn dịu dàng khéo léo của ông, chắc gì tôi được ngồi được trên lưng nó phóng như bay trên đồng. Không thể diễn tả sung sướng khi tôi chiếm

được lòng tin của nó. Nó mạnh và nhanh như một phi tên bắn vào khoảng trống. Tôi ôm chặt lưng nó, ép sát người vào bờm tóc mặc nó đưa tôi đến đâu cũng được. Tôi như bay bổng trên không. Nó là một con ngựa trong thần thoại. Tôi hãnh diện vui sướng quá. Ông ta đứng nhìn theo với vẻ thán phục và nụ cười sáng ngời thật đẹp.

Ngồi dưới gốc cây nơi con Arabian vẫn đứng dưới bóng mỗi ngày, tôi nói tôi không biết mình đang ở đâu trong đời sống. Ông bảo có những điều người ta không cần phải biết, như từ đâu đến và sẽ đi đến đâu. Chỉ nên biết hiện tại mình đang ở đây trong giờ phút này, đó là điều thật nhất cần chú ý tới nhất. Tôi hỏi ông tại sao con người có thể trở nên xấu xa, mặc dù người ta không ưa sự xấu. Ông bảo mỗi người là một thánh nhân chưa được khai triển. Lúc ông đăm chiêu nhìn mông lung vào cánh đồng, tôi thấy một tia nắng sáng ngời rọi trên mái tóc nhuốm bạc của ông, y như một vòng hào quang lóng lánh. Tôi nói ông hãy kể tôi nghe chuyện thánh kinh về một người đau khổ đã chinh phục được thế gian. Ông bắt đầu kể. Có một cánh đồng cỏ xanh rì nơi có một giòng suối tươi mát tuôn chảy, trên đồng cỏ ấy người đau khổ bệnh hoạn đến yên nghỉ và tắm mát bên giòng suối, họ khỏe mạnh và được tăng sức cho tâm hồn, rồi trái tim họ cũng biến thành những giòng suối tình thương luôn tuôn chảy vào những cánh đồng khô cằn cạn nước... Tôi chợt nhìn thấy hình ảnh tôi đi trên sa mạc hoang vắng, cánh đồng tôi đã hạn hán mất mùa bao năm, và một giòng suối tình thương từ một trái tim đang đổ tràn vào, tràn vào. Tôi ứa nước mắt xúc động bởi một cái gì rất êm ả xâm chiếm lòng. Chưa bao giờ tôi có cảm giác êm dịu thế. Đó là lần khóc thứ hai với những giọt nước mắt hạnh phúc nhất trong đời.

Cơn đau mới đầu chỉ thỉnh thoảng nhói lên, dần nó lộ liễu bung phá dưới những bắp thịt tế bào trong người. Tôi không nói với ông ta, tôi chỉ kiếu mệt về phòng nằm nghỉ. Có thể chỉ là cái đau bất thường của chu kỳ đàn bà, hy vọng rồi nó sẽ qua. Nhưng cơn đau vẫn tiếp tục và tôi biết mình bệnh nặng không thể dấu ông ta với những lý do bịa đặt được nữa. Ông đưa tôi đi khám bác sĩ. Người ta thử máu làm mọi thứ giảo nghiệm lẫn chiếu quang tuyến nhưng không hề cho tôi biết kết quả. Tôi xuống cân mau chóng và người dễ mệt mỏi, tay chân bủn rủn thường ngã vật ra bất tỉnh. Ông ta bắt tôi nằm trên giường nghỉ ngơi, nhưng tôi thèm ra đồng phóng mình trên lưng ngựa. Ông không cho phép tôi ra ngoài nữa. Ông ta chăm sóc tôi như một y tá đầy kinh nghiệm, như một người cha bao dung tôi không bao giờ có, như một người mẹ dịu dàng biết rõ tâm lý của đứa con gái dại khờ, ông bảo rằng tôi sẽ khỏi. Rồi ông còn nói về một tương lai mà ông đã xếp đặt cho tôi, một đời sống mới mà chắc chắn một đứa con gái nào cũng mơ ước. Nhưng tôi hiểu điều gì đang xảy đến, dù ông có nói thế nào đi nữa, có cố gắng đem cho tôi một hy vọng hay an ủi. Những lúc nằm im trong yên tịnh lắng đọng, tôi không thể tưởng tượng có ngày tôi lại nằm im thế này. Tại sao tôi lại ra thế này, và những gì

đã qua trong cuộc đời vung phá của tôi. Tôi là kẻ chống đối nổi loạn, tôi không thể ngồi yên lấy một lúc, điều gì đã thay đổi con người tôi? Một phép lạ kỳ diệu hay một sự hàng phục? Tôi không còn có thể chống phá nữa, sự bình thản này khiến tôi có thể nhìn sâu vào lòng mình, nơi tôi vừa khám phá ra được nhiều điều.

Mùa đông đến, những thân cây trơ trọi rụng đầy lá úa ngoài sân, tóc tôi cũng rụng dần từng đợt quá mỏng không đủ cột một bím tóc như ngày nào rong chơi ngoài đồng. Tôi nói với ông ta, tôi sẽ không trở lại nhà thương nữa. Những lần chạy chemotherapy làm tóc tôi rã ra từng cụm lả tả trong những ngón tay run rẩy hốt hoảng, tôi sợ những luồng điện châm vào người như ngọn roi quất tới tấp vào từng tế bào cảm giác còn lại của tôi. Ông lặng lẽ không nói gì, cầm tay tôi xoa nhẹ. Tôi mân mê chiếc mũ cói ông tặng hôm làm bạn được với con Arabian, chiếc mũ rộng lỏng lẻo trên đầu lơ thơ vài lọn tóc mỏng. Tôi bảo ông hãy cất hết những chiếc gương.

Buổi chiều có mầu nắng héo vàng quái lạ xiên vào căn phòng ẩm hơi lạnh, thoi thóp những hình ảnh mờ ảo lung lay. Ông ta đặt bình hoa có nhánh hoa duy nhất lẻ loi trên chiếc bàn đầu giường. Hình dáng một đầu chim với chiếc mào kỳ dị. Chưa bao giờ tôi thấy loại hoa lạ lùng này. Một đài hoa xanh thẫm có những vệt đỏ như những vết máu bầm nơi mép, bật trồi ra những cánh tím phơn phớt cam, như chiếc triều thiên của một loài chim phượng, giống chim đã mất tích lạ hiếm trong huyền thoại. Ông ta bảo đấy là chim vườn địa đàng, một thứ kỳ hoa mọc trên đất của những giống hoa vườn tầm thường. Nhánh “bird of paradise” cô đơn trong căn phòng đượm vẻ u ám của bệnh hoạn, một vẻ đẹp lạc lõng khác thường chợt làm tôi muốn chảy nước mắt. Vẻ đẹp quá cách biệt xa vời, không thể cảm nhận với một mỹ quan tầm thường. Con mắt thịt làm sao có thể hiểu được thế nào là cái đẹp ở một cõi khác.

Dường như ngoài trời đã mưa nhẹ, những hạt mưa lất phất lấm tấm đọng trong vòm lá ủ đầy bóng tối hắt cơn lạnh vào phòng. Hình ảnh buổi chiều mưa rơi nhỏ nhẹ và cánh hoa địa đàng hình dáng lạ thường như một luồng điện sáng lòa đầu óc tôi đầy bóng tối, như ngọn roi quất vào trái tim khô rạn của tôi, tôi chợt bàng hoàng tỉnh táo. Một cánh chim trắng chợt bay vụt qua khung cửa, bỏ lại khung cửa bơ vơ với bầu trời trống vắng hụt hẫng. Tiếng đàn vĩ cầm từ một phòng bên cạnh chợt réo lên rên rỉ cùng với tiếng mưa rơi tấm tắc như một bản giao hưởng luân vũ của linh hồn. Và chợt mọi hình ảnh phai nhạt trong trí nhớ hoặc đằm thắm say mê bỗng ào ạt hiện về trước mặt. Từ những khao khát được sống cho đến những hành động phung phá vụng dại đam mê chợt trở về đầy đủ. Đó là dĩ vãng nát nhầu của tôi, đó là tôi bất toàn trong một đời sống không vẹn toàn. Tôi chợt cảm thấy có một cái gì thật gần gũi phảng phất quanh đây, tiếng đập thổn thức của tim rạo rực một hình ảnh và cảm xúc thật êm dịu. Tôi bỗng thấy cái vô lượng bao dung trong đời sống, trong cả những điều xảy ra cho mình. Tôi lại ngất đi với hình ảnh cánh

paradise cất cánh bay lên, bay lên cao vào vòm trời có nhiều ánh sao nhẩy múa điệu luân vũ của ánh sáng, và một mùi hương ngào ngạt...

*

Cuối đông, cánh đồng khô trắng dưới những cơn mưa, vòm trời sa thấp nặng nề như một khối chì. Tôi nói với ông có thể tôi sắp đi xa. Ông ta nhìn tôi với cái nhìn xót xa lẫn một chút bối rối trong ánh mắt. Rồi ông xoa nhẹ chiếc đầu trụi tóc của tôi, bảo rằng tôi nhanh chân đi trước ông một đoạn đường. Cuộc đời là một cuộc chạy đua về cùng một đích, tôi là một nài giỏi nên đến nơi trước. Tôi gật đầu nói rằng tôi hiểu. Phải, đó là một cuộc chạy đua đến một điểm đã chờ đợi. Ai rồi cũng sẽ phải ra đi một mình như đã đến đây một mình. Sự vĩnh cửu ở một chốn khác, tất cả rồi cũng sẽ trở về với sự thật đó. Tất cả đã đem tôi trở về, để cho tôi hiểu thế nào là rung động của tình thương.

Hai hôm sau ngày ông ta làm phép rửa, tôi bắt đầu lịm đi trong những cơn mê man, cảm giác chập chờn giữa những liều thuốc dịu đau. Trong cơn mê, tôi thấy tôi đi lạc vào một vùng ánh sáng, vùng ánh sáng của thiên thần thánh linh đổ trên đầu tôi y như những gì ông ta diễn tả hôm làm phép rửa. Tôi thấy cả một vùng hoa tím sáng ngời, loài hoa dị thường nhưng không còn vẻ cô đơn lạc lõng. Tóc tôi mọc xanh mướt trở lại, tôi thấy tôi đi trên con đường có những bụi trúc mọc xanh um, tôi thấy bà ngoại tôi đứng chờ tôi ở ngưỡng cửa cười nụ cười móm mém với củ khoai cầm trên tay dành phần cho tôi, và tôi thấy cả nó với chiếc scooter kêu ầm ĩ. Tôi tỉnh dậy lòng nhẹ nhàng thanh thản, cơn đau biến mất và ông ta lại đến bên tôi kể những chuyện ngoài cánh đồng về con Arabian thế nào ngày hôm nay. Mỗi ngày, tôi ngồi trên ghế đu nửa tiếng đồng hồ bên hiên ngoài nhìn nắng và thu nhận tất cả hình ảnh trong vòm sáng đó. Con ngựa tía vẫn đứng yên một mình dưới bóng cây, lặng lẽ tư lự như một nhà hiền triết. Trước khi cơn đau làm tôi run rẩy co rúm người, ông ta lại chích một mũi thuốc vào cánh tay, rồi bồng tôi đặt vào giường không quên đặt nhẹ lên trán một nụ hôn chúc tôi giấc ngủ bình yên. Và cũng như mọi lần, trước khi thiếp đi, tôi lại nghe rõ tiếng phần phật của một đôi cánh đập vào nhau, đôi cánh trắng của thiên thần hay chim bồ câu, có lẽ đến đón tôi vào một nơi chốn thật bình yên. Tôi lặng lẽ ngả người trên gối, nhắm mắt, và chờ đợi.

PHẠM CHI LAN



THƯỜNG QUÁN

tưởng niệm

Gởi Thịnh

Những chiếc lá xanh tơi trong gió đắng
Viền mây đắp ngang
Trưa xin đất mở vuông vức
Như buổi sáng đầu tiên ô cửa vào thu

Những chiếc lá ngoài vòm sáng rách tươm trẻ thơ gối ngủ
Sóng đuối chìm sớm biển kêu đâu
Những be ghe úp vào đất
Bóng đổ vào đôi tay lặng lẽ khổ sở của cát

Những chiếc mái toát mồ hôi những chiếc lá thâm ngực
Giấc ngủ ngắn thành phố đêm lên mười
bàn chân bám miết vào vệ đường
Buổi sáng chưa buồn rao tiếng kêu nóng
Em còn ngủ giấc mơ ẩm.

Bánh mì và giấc mơ
Nghèo khổ và lương thiện
Bàn tay quờ những chiếc lá

Cắt ngang trán bả tóc cháy mở ngày
Những chiếc lá ẩm khô sẫm đen
Vệt máu dính trên những cành vỡ mủ thân thuộc

Ôi những chiếc lá từng cắn lấy đen đúa khao khát
Những chiếc lá tăm tối hoảng hốt
Những chiếc lá cắn chặt thương tâm
Những chiếc lá phải để lại ới gió đắng!
Cánh chim đen bay qua
Khuôn mặt nhỏ dại im lặng
Biển ơi, tình yêu đang tháo gỡ
Chiếc áo bê bết ba giờ trưa - chẳng còn đâu.

THƯỜNG QUÁN



ĐOÀN NHẬT

em đất đai kia

Ngày lạ mặt ở dấu đi hụt bước
Trong trí ta tầm nã tiếng động em
Từ vỡ tan cho đến ngày gặp mặt
Em đất đai kia với nỗi nhớ nỗi quên

Chìm dưới gió là trăm năm trễ muộn
Em biến thiên hư huyễn ảo tưởng đời
Ta vô lượng ở máu tim chảy cuộn
Nỗi khôn cùng trên những cánh chim xuôi

Ngày treo trên chỗ nằm quên lửng
Cây lá xa đây trơ trững giả hình
Miếng trời đắm say làm nỗi đau sờ sững
Em đất đai kia một cõi truân chuyên

Quay quắc ngôn ngữ giữa cõi bất khả
Truy lùng nhiều năm ánh sáng tình ta
Giọt biệt ly ngày rơi lã chã
Hút bóng trần gian em tăm tích mù xa

Ta thất lạc giữa mặt trời đất đỏ
Thoát cửa ra với nỗi nhớ hồng tươi
Mê mải nghe cây lá rừng đập vỗ
Em đất đai kia một cõi khôn nguôi

ĐOÀN NHẬT



MIHAJLO MIHAJLOV
PHAN TẤN HẢI *chuyển ngữ*

tại sao chúng ta câm lặng

Bản dịch này để tặng cho Giáo sư Đoàn Viết Hoạt — biểu tượng của dân chủ Việt Nam, người vừa bị nhà nước kết án 20 năm tù — với trọn lòng trân trọng.



LỜI NGƯỜI DỊCH: *Mihajlo Mihajlov là nhà phê bình văn học Nam Tư, giáo sư Đại Học Zagreb, chuyên viết các tiểu luận nghiên cứu về các nhà văn Liên Xô chống-Đảng như Abram Tertz (tên giả của nhà văn Andrei Sinyavsky), Solzhenitsyn, Pasternak, Zamyatin, Dudintsev... Ông bị tù hai lần; và ngay từ lần đầu bị tước bỏ ngay mọi quan hệ với nghề dạy và viết. Lần thứ nhì bị tù vì bài dưới đây,* Tại Sao Chúng Ta Câm Lặng, *gửi cho hai tạp chí Nam Tư nhưng bị từ chối in; may ông chuyển được ra thế giới Tây phương. Bài này viết năm 1965, Nam Tư đang đi đầu trong chủ nghĩa xét lại. Ông tin là những người cấp tiến ở hai thế giới tư bản và xã hội chủ nghĩa rồi sẽ gặp nhau. Hướng cần thiết là phủ nhận hai thế giới trên và xây dựng một chủ nghĩa xã-hội-dân-chủ cho nhân loại (Ông còn dùng chữ* Ky Tô *để giải thích rõ hơn nghĩa này). Chủ đề văn bản còn giải thích tại sao trí thức xã hội chủ nghĩa thường câm lặng trước những sự thật trong nước, phần chính là do* mặc cảm phản bội. *Chúng ta có thể dựa vào giải thích này để phân tích sự câm lặng hiện nay của trí thức Việt Nam không? Nhất là với trí thức miền Bắc, những người có quá khứ xã hội chủ nghĩa như Mihajlov, và đang bị mờ mắt vì lý luận nhà nước đưa ra, "Phải ổn định chính trị để xây dựng kinh tế," có bao giờ chớm lên* mặc cảm phản bội *này không? Lý luận ông không hoàn toàn đúng cho thập niên 90 và các nước Á Châu, nhưng có thể giúp chúng ta hiểu được phần nào suy nghĩ của những người cùng hoàn cảnh và tấm lòng như ông, nếu có ở Việt Nam.*

*

Tại sao hầu hết trí thức trong thế giới xã hội chủ nghĩa giữ câm lặng về các thực trạng đang xảy ra trong nước của họ? Và tại sao khi họ mở lời công khai, những phê phán chỉ nhằm vào các phương diện ngoại biên của xã hội, hơn là trực diện với vấn đề chủ yếu— cơ cấu chính trị họ đang sống? Những câu hỏi này, tôi đoán, phải thường được đặt ra ở phương Tây. Tôi cũng đoán, độc giả Tây phương trung bình giải thích thái độ câm lặng trên bằng một trong ba cách: hoặc giả thiết rằng con người trong các nước xã hội chủ nghĩa đã thỏa mãn với hiện trạng, hoặc sự sợ hãi đã ngăn chận họ phê phán, hoặc là họ không thể phổ biến những phê phán đó lên báo chí sách vở.

Các giải thích trên đều sai lầm. Không một xã hội nào có thể thỏa mãn được mọi người dân, và trong các nước xã hội chủ nghĩa cũng như ở các nơi khác, đã có nhiều người có những lý lẽ để bất mãn cơ cấu chính trị họ đang sống. Còn chuyện sợ bị trả thù, chúng ta đã thấy trong lịch sử là, ngay cả trận khủng bố tàn nhẫn nhất cũng không giữ được người dân câm lặng quá lâu. Trong vài trường hợp mà khủng bố trấn áp thành công được, chỉ là vì những người chịu đựng nó không xứng đáng với bất cứ gì tốt đẹp hơn. Cũng không phải chuyện khó khăn để in ấn xuất bản. Tất cả các trí thức hàng đầu trong các nước xã hội chủ nghĩa đều có cơ hội thường xuyên để biểu lộ quan điểm trên báo chí Tây phương, đặc biệt nếu họ phê phán chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, ngay cho dù các nhà báo và trí thức phương Tây hằng ngày đã viết những phê phán đánh vào tận gốc rễ xã hội tư bản, đăng tải trong cả hai khu vực báo chí của chính họ và của các nước xã hội, thì cũng là một hiếm hoi dị thường khi trí thức xã hội chủ nghĩa làm tương tự — và sự kiện này sẽ ngay lập tức đưa tới ồn ào xúc động.

Không. Thuận thảo với nhà nước, hoặc sợ hãi, hoặc không thể in ấn xuất bản—đều không phải là câu trả lời. Có một nguyên do sâu hơn cho thái độ câm lặng trong thế giới xã hội chủ nghĩa.

Khi trí thức Tây phương, từ Sartre tới Rolf Hochhuth, viết những dòng phê phán các điều kiện xã hội trong nước họ — sự kiện đơn giản là, họ có thể mở lời mà không bị bắt bớ hay mất các phương tiện sinh nhai — [chúng ta] trong thế giới xã hội chủ nghĩa đã sinh khởi lòng kính trọng các nước cho phép tự do phê phán. Đó là lý do tại sao các bài phê phán trên viết từ người phương Tây không thể bị lợi dụng một cách thành công như vũ khí tuyên truyền, cho dù được in ở phương Tây hay ở các nước xã hội chủ nghĩa.

Tình trạng gần như hoàn toàn đối nghịch trong trường hợp người dân các nước xã hội chủ nghĩa viết phê phán các điều kiện xã hội của họ. Bởi vì nó không thể xuất hiện trên báo chí trong nước, và khi nó chỉ được xuất bản ở ngoài nước nó trở thành vũ khí hiệu quả chống lại quốc gia và xã hội của người viết — một vũ khí đã thường rơi vào tay của cùng những thế lực mà các phê phán của Hochhuth nhằm vào. Như vậy, đối với hầu hết chúng ta, cũng

không thể viết phê phán để đăng tải trên báo chí Tây phương, mặc cho có được nhiều cơ hội để làm như vậy. Người trí thức xã hội chủ nghĩa khi bộc lộ thẳng thắn trước công chúng Tây phương thì, ở cách nào đó, đã cảm thấy mình như một tên phản bội.

Tôi tin là cảm giác đó đã được kinh nghiệm ngay cả bởi các nhà văn — phải cảm ơn cho các trường hợp dị thường này — đã thành công trong việc nói lên sự thật về xã hội họ đang sống. Pasternak, Dudintsev, và Solzhenitsyn hẳn đã cảm được điều khó chịu này. Và cảm giác phản bội này là yếu tố quyết định nhất để kềm giữ thái độ phát biểu tự do, hơn là sợ những trả thù mà trí thức xã hội chủ nghĩa tự đón nhận. Vì phê phán xã hội chủ nghĩa được dùng không chỉ như một vũ khí chống lại các nước xã hội chủ nghĩa mà còn chống lại chính chủ nghĩa xã hội, và cũng chống lại tất cả những người đang bị trấn áp bởi đói nghèo hay kỳ thị màu da trong thế giới Tây phương. Như vậy, chúng ta, những trí thức của các nước xã hội chủ nghĩa, cảm thấy như kẻ phản bội khi chúng ta nói lên sự thật — vừa như phản bội chính đất nước mình, và vừa như bội phản những người đang chiến đấu cho tự do ở các xã hội tư bản. Đó là lý do tại sao đa số chúng ta giữ câm lặng.

Ngay trung tâm vấn đề đã là một nghịch lý thô bạo. Những người đang ngăn chận chúng ta phát biểu sự thật ở đây đã xui giục cuộc trấn áp tự do ở thế giới tư bản; cho dù họ thích hay không, họ đã làm mạnh hơn các lực phản động trên mọi phương diện ở thế giới đối nghịch kia. Tương tự, những người ở phương Tây khi loại các đảng cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, và gắn bó với kiểm duyệt cấm đoán và chủ nghĩa McCarthyism (1), đã *làm mạnh hơn* các chế độ toàn trị cộng sản. Điều này tương tự như kiểu bình thông- nhau của tự do. Áp lực đè lên tự do ở phần này của thế giới sẽ tự động gây áp suất chống lại tự do ở mọi phần khác của thế giới; cuộc chiến đấu cho tự do trong bất kỳ xã hội nào cũng đồng thời là cuộc chiến đấu cho tự do cho cả nhân loại. Và trong cuộc chiến đấu này, trí thức xã hội chủ nghĩa ở trong hoàn cảnh bất cân xứng, gay go hơn, bởi vì họ bị trấn áp phải câm lặng.

Đối với chúng ta ở Nam Tư (Yugoslavia), hoàn cảnh lại đặc biệt phức tạp. Hiển nhiên, chúng ta có nhiều tự do hơn các nước xã hội chủ nghĩa khác, và khi chúng ta đòi hỏi thêm nữa, chúng ta bị khiển trách không chỉ từ nhà nước mà còn bởi những người cấp tiến Tây phương: "Đó, quý vị chẳng biết ơn tí nào. Quý vị được nhiều hơn những kẻ khác, bây giờ lại đòi đủ thứ." Nhưng tự do, cũng như cuộc sống, không có thể bị chia phần như vậy. Thêm nữa, phương pháp của Nam Tư đã được phần nào ứng dụng ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa Âu Châu, và làm cho vấn đề tự do ở Nam Tư trở thành vấn đề tự do ở toàn khối xã hội chủ nghĩa (LND: *Nam Tư là nước đầu tiên khởi lên* chủ nghĩa xét lại*; điều này ảnh hưởng đến toàn khối Đông Âu và Liên Xô giai đoạn đó*).

Thực sự, Nam Tư đã trở thành lăng kính trong đó định mệnh nhân loại đang được khúc xạ. Trong khi Liên Xô đang ở một mức độ lớn để tự giải

phóng, trong khi tuổi trẻ ở các nước xã hội chủ nghĩa đang trưởng thành tìm gần hơn tới các truyền thống đẹp nhất của các nền dân chủ Tây phương, thì tuổi trẻ Hoa Kỳ lại đang tìm tới cánh tả, tìm tới những hứa hẹn của chủ nghĩa xã hội, tới lý tưởng của nền dân chủ duy vật và không nhất thiết chỉ là một nền chính trị. Hai hướng tiến này đang hội tụ; sớm hay muộn chúng sẽ gặp nhau. Tôi xác tín rằng, Nam Tư, không thuộc vào thế giới phương Đông hoặc phương Tây, sẽ là nơi hai vận động này hòa nhập vào nhau. Lý do chính xác là vì, yêu cầu tự do có thể ở mức nghiêm trọng hơn ở Nam Tư, hơn là ở bất kỳ xứ sở nào hiện nay. Cuộc chiến đấu cho nhân loại tự do mai sau, nói trong nghĩa chính trị và kinh tế, sẽ không khởi động ở Việt Nam, nhưng là ở Nam Tư.

Tôi không tin rằng mâu thuẫn nền tảng của thời đại này là giữa hai hệ thống tư bản và xã hội chủ nghĩa; đúng hơn nó là mâu thuẫn giữa *chủ nghĩa xã hội dân chủ* (democratic socialism) và các chế độ toàn trị (totalitarianism) — cho dù đó là chế độ toàn trị chính trị như các nước xã hội chủ nghĩa, hay toàn trị kinh tế như các nước phương Tây. Tất cả các hoạt động tuyên truyền nhằm chống lại hệ thống đối nghịch, từ bên này hay từ bên kia, chỉ rồi ném cát vào mắt những người đang chiến đấu cho tự do ở cả hai phía. Đó là lý do tại sao những thế lực phản động nhất ở phương Tây đã được tiếp sức rộng rãi, dù chỉ từ một chút ngăn chận quyền tự do phát biểu trong các nước xã hội chủ nghĩa.

Giới lãnh đạo phương Đông và Tây, tôi tin là, đều có chung những quyền lợi. Nếu hai thế giới này tiến tới điểm chung mà vẫn duy trì các điều kiện xã hội hiện thời, thì chính nghĩa tự do sẽ bị thiệt hại nặng nề. Đó sẽ là một viễn ảnh kinh khủng: một thế giới toàn trị trong đó con người hồi nhớ với thèm khát những ngày khi sự thật về một hệ thống có thể được tự do biểu lộ chỉ trong hệ thống bên kia. Bởi vì Nam Tư trong nhiều phương diện là một hợp đề, hay chính xác hơn, có khả năng là một hợp đề của Đông và Tây, cuộc chiến cho tự do tư tưởng và phát biểu ở Nam Tư đồng thời cũng là cuộc chiến chống lại cả hai chế độ toàn trị kinh tế và toàn trị chính trị — một cuộc chiến chống lại khả thể của một toàn trị tổng hợp kinh tế-chính trị (a synthetic politico- economic totalitarianism), mà chế độ này sẽ vắt hết sức sống của toàn thể nhân loại.

Sau bước ngoặt giông bão của Nam Tư về với dân chủ năm 1948, một bước ngoặt đã ảnh hưởng tất cả các nước xã hội chủ nghĩa khác, xã hội Nam Tư hôm nay đã đi tới một điểm chủ yếu. Con đường có thể đưa tới một bước lùi về một chế độ toàn trị kiểu Xô Viết, hoặc có thể hướng tới một chủ nghĩa xã hội dân chủ hiện chưa đạt tới. Một cuộc đua quyết định nhưng vô hình đang được khởi lên hiện nay, giữa cái gọi là *dân chủ xã hội* (socialist democracy) và lý tưởng của *chủ nghĩa xã hội dân chủ* (democratic socialism). Những ảnh hưởng khởi động của cuộc đua này sẽ thấy rõ chỉ trong năm tới (LND: *Bài này viết năm 1965, không phổ biến được trong nước, nhưng đã phổ biến toàn*

thế giới tự do nhờ gửi được tới tạp chí The New Leader *ở Hoa Kỳ. Tác giả tin rằng năm 66 sẽ là năm quyết định của Nam Tư; và năm 66 ông bị ra tòa*).

Tuy nhiên, người ta có thể nhầm nếu nghĩ rằng, những người Nam Tư đang chiến đấu cho tự do trong hệ thống xã hội chủ nghĩa hiện nay là một lựa chọn trật tự xã hội tư bản. Ngược lại, họ có thể là những kẻ thù hung hãn hơn đối với chế độ toàn trị kinh tế Tây phương, hung hãn hơn những kẻ đang nắm quyền ở đất nước xã hội chủ nghĩa này. Sự dị biệt giữa quyền lực kinh tế và chính trị chỉ thuần túy là hình thức, không ở bản chất. Do vậy, dân chủ chân thực chỉ có trong một xã hội không còn tư hữu (LND: *Chúng ta nhớ là tác giả viết từ Nam Tư năm 65 và trong vai trò một trí thức xã hội chủ nghĩa.*) và đã loại trừ thành công bất cứ tập đoàn lãnh đạo chính trị tuyệt đối nào. Điều cuối cùng vừa nói chính là điều các nước xã hội chủ nghĩa vẫn chưa làm nổi, và là lý do tại sao các nước này ít dân chủ hơn các nước tư bản chủ nghĩa.

Ngày nay, Nam Tư đang trên đường thử nghiệm duy nhất — một nỗ lực thực hiện chủ nghĩa xã hội nhưng không toàn trị. Tôi sẽ không gọi hình thức xã hội chủ nghĩa này là Cộng Sản, bởi vì nó khác hẳn với lý thuyết Mác-Lê về cái gọi là "chuyên chính vô sản" — tức là độc tài của một đảng — cái tự động đưa tới toàn trị chính trị. Tốt hơn, tôi nên gọi nó là mang tính Ky Tô (Christian) — không phải vì xã hội xã-hội-chủ-nghĩa-dân-chủ-tự-do sẽ rao giảng đức tin Ky Tô, nhưng bởi vì cái *phóng chiếu* của *Ky Tô Thể* chân thực vào trong bầu khí chính trị-xã hội chính là dân chủ. Do vậy, bất kỳ xã hội nào duy trì sự toàn trị của một ý thức hệ, thí dụ như Tây Ban Nha của Franco, không thể gọi là có tính Ky Tô ngay cả nếu ý hệ đó là một ý hệ Ky Tô.

Chúng ta đừng quên rằng Adolf Hitler là kẻ chống Cộng cực đoan nhất, nhưng những hành động của Hitler đã giúp kéo dài quyền lực của chủ nghĩa Stalinism ở Liên Xô gần hai thập niên. Người ta không thể lấy trấn áp để chống trấn áp, hay là lấy dối trá chống dối trá. Trấn áp chỉ có thể thua bởi tự do, và dối trá chỉ thua bởi sự thật. Tôi không có cảm tình với những tư tưởng Cộng sản, nhưng khi phương Tây bắt đầu truy tố những người Cộng sản, tôi trở thành người Cộng sản. Mỗi lần cảnh sát đánh một người biểu tình ở Tây phương, thì một cách vô hình cũng đang đánh vào tất cả những người đang khao khát tự do ở nửa thế giới bên này. Cũng vậy, tổ chức Ku Klux Klan đốt cháy tự do của chúng tôi. Cách duy nhất một xã hội có thể giúp một xã hội chưa tự do khác, là bằng cách khai mở tự do chính nó trước.

Đó là lý do tại sao Hoa Kỳ hôm nay, với cuộc chiến ở Việt Nam, đang gây thiệt hại cho chính nghĩa tự do trong thế giới các nước xã hội chủ nghĩa. Như triết gia Nga Nikolai Berdyaev đã nói: "Bạo lực không thể cứu được ai, vì sự cứu rỗi đã tiền-giả-định là một hành vi của tự do... Tội ác đã chiến thắng ngay khi con người sử dụng tội ác để chiến đấu chống tội ác..." Ngược lại, khi tạp chí Tây Đức *Der Spiegel* truất phế được Bộ Trưởng Quốc Phòng Franz-Josef Strauss, thì lòng ngưỡng vọng dân chủ Tây phương đã trào dâng nơi các nước xã hội chủ nghĩa — nơi mà một hành động tương tự không thể nghĩ tới được.

Ngược lại, cuộc trấn áp Đảng Cộng Sản Tây Đức cũng đã trấn áp chính cuộc chiến đấu cho tự do trong khối xã hội chủ nghĩa.

Đối chiếu tất cả các chứng cớ thì thấy rằng, vết thương ung thư của nhân loại đó, chế độ toàn trị — trong mọi hình thức (Phát Xít, Cộng Sản, kinh tế) — có khuynh hướng xuất hiện *đồng bộ* trong khu vực Châu Mỹ-Châu Âu của thế giới.

Người ta chỉ cần so sánh thời điểm sinh khởi các nền độc tài ở Nga, Đức, Ý, Tây Ban Nha; tính đồng thời của các cuộc "tập thể hóa cưỡng bách" và cuộc khủng hoảng kinh tế ở phương Tây; "Chủ nghĩa Zhadanovism" (2) và "Chủ nghĩa McCarthyism" sau Đệ Nhị Thế Chiến ở Nga và Hoa Kỳ; và vân vân, để nhận thức rằng ở mọi nơi tiến trình đó đều như nhau, chỉ khác biệt ở hình thức và mức độ. Dù vậy, sự khác biệt đó không nên bị bỏ quên dù chỉ một chút. Đối với tôi thì, như dường là vì chế độ toàn trị đã đến mức độ cao nhất trong thế giới xã hội chủ nghĩa, nên nó đã có nhiều kẻ thù tích cực nhất ở đây. Cũng như dường là, Âu Châu đã đi từ địa ngục của chế độ toàn trị (LND: *ám chỉ Âu Châu dưới thời phát xít Đức, Ý*) tới lò luyện ngục, và sẽ không cho phép quay lại địa ngục. Cho nên, tất cả các chiến thắng của tự do trong bất kỳ nước nào cũng đều có ý nghĩa — bởi vì nó xác chứng cho một vận động hồi phục sức khỏe trên toàn Âu Châu. Tự do có lẽ sẽ bắt rễ sâu hơn ở các nước đã trải qua cơn bệnh chế độ toàn trị, hơn là ở các nước chưa trải qua hay chỉ mới ít phần đau khổ. Tất cả các kinh nghiệm đều làm phong phú các dân tộc, ngay cả nếu sự phong phú này có nghĩa là một phủ nhận kinh nghiệm đó. Sự thật, tôi tin là ý thức hệ Mác xít như một nền tảng cho toàn trị sẽ tiếp tục là một nguy hiểm lâu dài ở Tây phương hơn là ở thế giới Đông phương. (LND: *Thế giới Đông phương ở đây ám chỉ Liên Xô và Đông Âu, ở đoạn văn tiếp sau ông dùng chữ* Á Châu; *không có nghĩa gì với Á Châu và khu vực Thái Bình Dương bởi vì ảnh hưởng Ky Tô không mạnh ở đây*.)

Nhưng rồi cơn bệnh phải qua đi, như chỉ vì sẽ không có một xã hội toàn trị nào ngang bằng với chế độ toàn trị Á Châu vừa được ra đời (LND: *chỉ chế độ Stalin vừa chấm dứt*). Điều này sẽ yêu cầu một Âu Châu Ky Tô, tự do, hợp nhất với một nước Nga dân chủ (có thể nói là, Ky Tô) — cũng như sau cùng thì nước Liên Xô kiểu-Stalin đã phải khơi dậy tinh thần Ky Tô dân tộc của người Nga để đánh thắng nước Đức kiểu-Hitler. Và cuộc chiến cho nước Nga dân chủ lại đang được tiến hành hôm nay ở Nam Tư.

Yếu tính của cuộc chiến này là gì?

Mặc cho khá nhiều tự do mà Nam Tư xã hội chủ nghĩa được hưởng hôm nay — cảm ơn lý thuyết tự trị tự quản ở đất nước này — nhưng vẫn còn treo trên chúng ta một khả thể chưa ngưng dứt của việc hồi phục chế độ toàn trị. Điều này bởi vì không có cách thực tiễn nào Nam Tư có thể tự vệ, nếu quyền nắm Đảng Cộng Sản Nam Tư lại rơi vào móng vuốt những tên theo Stalin. Rằng người ta không thể phê phán nền tảng thực của một hệ thống mà không được thỏa thuận của những kẻ lãnh đạo hệ thống này — nhưng điều này cũng

có thể đưa tới tai họa. Bởi vì, mặc cho lý thuyết tự trị tự quản, tất cả phương tiện truyền thông và mọi tổ chức xã hội hợp pháp đều dưới sự kiểm soát của Liên Đoàn Những Người Cộng Sản (LND: *Tên chính thức của Đảng Cộng Sản Nam Tư*); cho nên cuối cùng thì chúng lại ở trong tay của một Đảng. Và tất cả các hệ thống một đảng, mặc cho điều gì người ta muốn nói về nó, cũng là những đứa con của chủ nghĩa Stalinism. Nó không thể chấp nhận được trên căn bản là — như trong trường hợp đặc biệt của Nam Tư, đó là hệ thống một-đảng cấp tiến dị thường — tương tự với ngai vàng tuyệt đối không thể được miễn lỗi vì sự xuất hiện tạm thời của một quân vương thánh thiện.

Dưới những điều kiện đã hình thành ở Nam Tư, một việc cần bảo đảm tiến bộ tương lai là tự do báo chí — tức là một nơi trong lĩnh vực này không có kiểm soát của Liên Đoàn Cộng Sản. Một khu vực thứ nhì của cải cách (đổi mới) thiết yếu nữa là tự do ý thức hệ - tức cho phép những biểu lộ cởi mở của những tư tưởng phi Mác xít (dù có tính cá nhân hay tôn giáo). Một khẩn yếu thứ ba cho tiến bộ là tự do lập hội — nơi gặp gỡ, tụ tập những người không có chức vụ quan yếu trong Đảng cầm quyền.

Một lần nữa, hoàn cảnh ở Nam Tư đã chứng tỏ rằng cuộc chiến nhằm tới những hướng trên thì không là mặt trận giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, nhưng chỉ là giữa những người ủng hộ"chủ nghĩa tuyệt đối xã hội chủ nghĩa tỉnh ngộ (hoặc chưa tỉnh ngộ)" và những người chủ trương chủ nghĩa xã hội dân chủ. Không thể có vấn đề hồi phục chủ nghĩa tư bản, cũng như sẽ không thể có sức mạnh nào để duy trì nó; và như tôi đã nói, năng lực của dân chủ thì lớn hơn vô lường trong xã hội xã hội chủ nghĩa hơn là trong chế độ tư bản. Chắc chắn là, tổ chức của lực lượng đối lập — tức một sáng tạo của hệ thống lưỡng đảng — sẽ không chỉ *không* hoạt động chống lại nhưng có thể là thuận lợi lớn để hình thành một sức mạnh xã hội (khác biệt với sở hữu chính trị hay kinh tế) chân thực dựa trên các phương tiện sản xuất và trên hàng hóa vật chất.

Tôi nghĩ rằng xã hội Nam Tư đã sẵn sàng ý thức về nhu cầu một cuộc dân chủ hóa chính trị-xã hội (socio-political democratization) cho *hệ thống chủ nghĩa xã hội* của nó. Cùng lúc đó, chỉ trong hai hoặc ba năm qua, đã có thêm những dấu hiệu cho thấy trong Liên Đoàn Cộng Sản, và cả ở ngoài, đã có thêm nhiều người nghiêng về hướng chế độ toàn trị. Trong một hoàn cảnh lịch sử đã biến đổi nhưng dưới một hệ thống không đổi, họ sẽ có thể làm một hồi phục chủ nghĩa Stalinism. Cho nên người ta không thể nhấn mạnh quá thường xuyên hoặc quá mạnh mẽ rằng, cuộc chiến cho tự do để phê phán hệ thống xã hội chủ nghĩa hiện tại cách công khai, tức cuộc chiến chống lại *chủ nghĩa toàn trị ý hệ của tư tưởng Mác xít*, là cuộc chiến cho tương lai của toàn thể những người Bắc Mỹ-Âu Châu.

Phải chắc rằng, như những cuộc chiến khác, cuộc chiến cho chủ nghĩa xã hội dân chủ sẽ có những nạn nhân của nó. Một điều kém may là, tự do chưa bao giờ chiến thắng mà không trả giá. Nhưng ngày nay *chủ nghĩa xã hội tự*

do đang có cơ hội xuất hiện ở Nam Tư. Cuộc chiến đang tiếp diễn, cách ý thức và vô thức, trong mọi lãnh vực của đời sống xã hội Nam Tư, trong những trái tim và khối óc. Vâng, trong xã hội này người ta còn phải viết và nói về nó trong một kiểu kín đáo — kiểu của một lực lượng đối lập nằm trong chủ nghĩa xã hội, của một trường phái biến hóa từ giáo điều Mác xít, và của tư tưởng phi Mác xít cởi mở trên mặt báo, vẫn còn hình như quá xa lạ và bị kết tội là hồi phục chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, nếu những thế lực của chủ nghĩa xã hội dân chủ thành công, các nước xã hội chủ nghĩa khác sẽ theo gương của Nam Tư — và chỉ sớm hay muộn, các nước tư bản hiện đại cũng sẽ theo con đường này.

Chúng ta trong thế giới xã hội chủ nghĩa giữ câm lặng bởi vì chúng ta không muốn bội phản đất nước mình, hay là tiếp sức cho các lực lượng phản động đang trấn áp các chiến sĩ tự do ở phương Tây. Trên hết, chúng ta muốn đòi những quyền mà người trí thức phương Tây đang hân hưởng — tự do tư tưởng và tự do báo chí. Lúc đó chúng ta không còn phải giữ câm lặng nữa.

MIHAJLO MIHAJLOV

CHÚ THÍCH CỦA NGƯỜI DỊCH:

(1) McCarthy là Chủ tịch Tiểu Ban Điều Tra Thường Trực của Thượng Viện Hoa Kỳ. Ông đã tạo cho dân Mỹ cảm giác là điệp viên Cộng sản đã tràn ngập Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ, và nhìn đâu cũng thấy Cộng sản. Chữ *McCarthyism* từ đó đồng nghĩa với săn phù thủy, ghi sổ đen...

(2) Zhadanov, còn viết là Zhdanov, là người đại diện Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng Cộng Sản Liên Xô đọc diễn văn chỉ thị tại Đại Hội Lần Thứ Nhất Hội Nhà Văn Liên Xô năm 1934. Nội dung diễn văn đánh giá ưu khuyết điểm Hội Nhà Văn Liên Xô, và quy định những nhiệm vụ chủ yếu của người cầm bút Xô Viết. Trong *Bản Tường Trình Bí Mật của Krouchtchev* tại Đại Hội Thứ 20 của Đảng Cộng Sản Liên Xô, thì Zhdanov còn tiếp tay Stalin trong nhiều vụ trấn áp đẫm máu; tích cực nhất là tổ chức lại hệ thống công an Tcheka năm 1936.



HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

gởi cho người

Tặng nàng

Thôi xem em là bông hoa
Một ngày qua một ngày qua - một ngày
Thôi xem anh là đám mây
Một đường bay một đường bay - một đời

Tài hoa cũng chuyện đùa chơi
Làm sao thưa hết một lời yêu thương
Anh đi tìm khắp thiên đường
Chỉ còn một đóa vô thường gửi em
gửi em một nét sông mềm
Con đò áo trắng đã chìm trong mưa
Rằng sông buồn tự thuở xưa
Vầng trăng mộng mị bây giờ là anh
Về trong huyền sử cũng đành
Gửi em lương phấn kinh thành chưa nguôi
Mùa thu anh góp tơ trời
Dệt vàng lụa gửi một người Huyền Trân
Gửi hoa hồng cho mùa xuân
Môi hồng riêng gửi thiên thần đắm say
Anh cầm ngọn gió trên tay
Gửi cho trần thế những ngày rong chơi
Gửi nghìn năm cho mây trời
Gửi cơn mê đắm cho đời phù du
Gửi thêm một chút sương mù
Vào trong đôi mắt hồ thu của người

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG
(Huế, 12-1992)



NAM DAO

hẹn vắng

Ta đây thức trắng mười đêm trắng
Chỉ thấy phong sương trắng lối về
Một trăm ngõ hẹn, trăm lần vắng
Dăm cơn gió thổi mấy cơn mê

Nguồn cơn

Thuở ấy nghiêng đầu bên khe nước
Ngắm một vì sao mùa cô đơn
Ta ơi, nước gợn nghìn thương nhớ
Liếm môi để nhớ nhớ môi hôn
Lửa tàn khơi lại, mưa chừng tạnh
Khói dựng trời cao, bước bước dồn
Úp mặt khóc cười như hóa dại
Nghe hồn sằng sặc hỏi nguồn cơn

... còn ta

Quơ tay, tóc ngả bạc
Đêm ngắn
Ngày dài ra
Lại thêm một xuân nữa
Trời đất
Vẫn còn ta

NAM DAO
(28.3.93)



THẬP LANG

những kiếp thiêu thân, trước ngọn đèn chủ nghĩa

Xin đừng bắt tôi làm một con người chủ nghĩa,
hãy để cho tôi làm một người nguyên thủy Việt Nam
Thập Lang



Trong một buổi điện đàm với anh chủ nhiệm báo *Nhân Văn,* tôi có phát biểu: năm mươi năm trở lại đây, chúng ta bị ràng buộc bởi mộı danh từ quái ác: "Chủ Nghĩa". Chủ nghĩa ở đây nói chung, chẳng riêng gì chủ nghĩa Cộng Sản. Thực sự, chủ nghĩa chưa bao giờ đem cơm áo đến cho con người, chưa bao ghiờ đem hạnh phúc đến cho nhân loại. Từ chủ nghĩa đến thép súng, chỉ một đoạn đường rất ngắn. Có chiến tranh tất có đổ máu, hận thù và tội ác. Dù người ta nhân danh cái gì đi nữa, chiến tranh vẫn là điều đáng nguyền rủa. Chủ nghĩa Cộng Sản, không chỉ là bài học cho những người Cộng Sản mà còn là bài học chung cho cả nhân loại, ở thế kỷ hai mươi này.

Cái bế tắc của con người là cứ đi tới. Niềm tin trong con người có ít nhiều phần trăm thuộc chất liệu cuồng tín. Khốn thay, chủ nghĩa đã tạo nên chất liệu cuồng tín để con người gây nên cơ sự trong suốt năm mươi năm của thế kỷ này.

Dưới đây là câu chuyện, chúng tôi xin cống hiến quý độc giả, để chứng minh cho những gì chúng tôi nói trên đây.

Năm đó, tôi bị động viên, theo học khóa sĩ quan trừ bị Thủ Đức. Trong tờ đặc san quân trường có đăng tải một bài tham luận tựa đề "Nông Thôn, Một Vấn Đề Then Chốt, Để Giải Quyết Cuộc Chiến Tranh Việt Nam". Ký tên "Người Áo Đen".

Từ bài bình luận mang tính chất chiến lược, đến nội dung chứa những ý kiến mới lạ, rồi đến bút hiệu mang theo một cái gì bí mật, tất cả đã thúc đẩy tôi đi tìm tác giả của bài viết.

Sau đó tôi được biết "Người Áo Đen" là một thanh niên rất trẻ, cùng một trung đội và cùng phòng với tôi. Hắn ngủ cái giường tận góc tường, lủi thủi, cô đơn và thầm lặng như con cóc ở xó nhà. Tôi nghĩ hắn là con cóc hóa thân. Con cóc mang huyền thoại làm cậu ông trời, mỗi lần mở miệng là trời đất rung chuyển. Chỉ một bài báo của hắn, đã làm cho khối kẻ có học và đang thao thức với thời thế lúc đó phải băn khoăn.

Hắn người Duy Xuyên, Quảng Nam, nơi sinh đẻ ra nhiều nhân tài trong kháng chiến chống Tây. Dường như hắn là một giáo sư sử địa trung học. Khổ người cao cao, mảnh khảnh, da trắng như da con gái, nước da luôn luôn chối bỏ, mâu thuẫn với khẩu garant trên tay người sĩ quan trừ bị bộ binh. Cái miệng có cặp môi thật đam mê. Nhưng đôi mắt lại thật sâu, thật lạnh lùng. Tuy nhiên có những lúc hắn nhìn lên, đôi mắt ấy toát ra vẻ mơ mộng như của một thi nhân.

Ngày ở quân trường tôi chỉ biết hắn có đến thế thôi, hắn trầm lặng đến mức độ bí mật, lại ít bạn bè với ai...

Mấy năm sau, từ chiến trường sôi động, tôi được thuyên chuyển về Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I tại Đà Nẵng.

Một hôm, nhân phiên trực tham mưu, tôi dở hồ sơ tại Khối Chiến Tranh Chính Trị, lại bắt gặp những bài viết về nông thôn ký tên "Người Áo Đen".

Đọc kỹ những bài viết của hắn, tôi vô cùng ngạc nhiên. hắn phân tích và phê bình cả hệ thống lý luận ấp chiến lược của ông Ngô Đình Nhu, rất chính xác.

Hắn viết: "Cái yếu điểm của ấp chiến lược là nặng nề lý thuyết. Tam Túc, tam giác, tam nhân là một hệ thống suy luận nhầm lẫn*. Tam túc phát sinh từ tư tưởng giáo điều, ước lệ và sách vở của ông Ngô Đình Nhu. Chính cái ước lệ sách vở đó đã không phù hợp với thực tế Nông Thôn. Còn Tam giác, có lợi cho chiến lược quân sự nhất thời, nhưng lại đảo lộn trật tự xã hội và tập quán nông dân, trở ngại cho việc phát triển kinh tế nông nghiệp. Đến Tam nhân thì rõ ràng là ảo tưởng, khi hướng tất cả về tôn giáo. Phải nhớ xã hội và tôn

giáo có tương quan, nhưng xã hội không phải là tôn giáo. Trong một xã hội có thể bao dung nhiều tôn giáo, khác nhau về chính kiến. Những nhà chính trị bảo thủ xưa nay, thường hay hiểu theo cung cách chủ quan này, do đó lịch sử đã trải qua những điều vô cùng đáng tiếc".

Hắn cũng phê phán cả ấp Tân Sinh, ấp Đời Mới, và luôn luôn kết luận nông thôn là là vấn đề thoen chốt, để giải quyết cuộc chiến tranh Việt Nam.

Rồi cũng một buổi trưa tham mưu sau đó, một thượng sĩ già ở phòng An Ninh Quân Đội, cùng phiên trực, kể cho tôi nghe câu chuyện về trung úy "Người Áo Đen".

Theo đó, trung úy "Người Áo Đen" là một cán bộ Cộng Sản, được cụm tình báo Hà Nội huấn luyện và cài vào Bộ Tham Mưu quân đội miền Nam. Anh ta đã được đào tạo từ thuở nhỏ và trở nên một chiến sĩ vô sản trong cuộc chiến tranh chủ nghĩa.

Thuở nhỏ, trong kháng chiến, hắn theo học cấp một và cấp hai tại Liên Khu V, nơi có người anh ruột của hắn là một cán bộ cao cấp trong bộ đội. Cha mẹ hắn chết sớm, nên được người anh bao bọc như một người cha.

Năm 1954, hòa bình lập lại sau tám năm kháng chiến. Người anh hắn theo bộ đội tập kết ra Bắc, để hắn lại cho người vợ mới cưới của ông ta chăm sóc đùm bọc dùm.

Chị dâu của hắn là một người đàn bà đảm đang hiếm có, mặc dầu chỉ hơn hắn có một tuổi.

Sau khi từ giã chồng, người chị dâu đưa hắn về Đại Lộc, quê quán của bà ta, rồi Quảng Tín, lúc ấy còn là Tam Kỳ, rồi Đà Nẵng. Hắn học trung học ở Đà Nẵng, và đại học, ở Huế. Chuyện học hành, đèn sách của hắn có lẽ không ai trong kẻ thân thích phải phàn nàn. Đó là một học sinh xuất sắc và trí tuệ. Tuy nhiên cả thời thiếu niên trên ghế nhà trường, hắn hướng tâm tình và chí hướng về người anh ruột như hoa hướng dương hướng về phía ánh nắng gay gắt của mặt trời. Anh hắn, một cán bộ Đảng cuồng tín về chủ nghĩa.

Khi còn là sinh viên sư phạm Huế, một ngày mùa đông, chị dâu hắn từ Đại Lộc, Quảng Nam ra thăm, đưa cho hắn một lá thư của người anh ruột thịt đang ở miền Bắc.

Hắn được thư mừng lắm. Đây là người ruột thịt duy nhất trên cõi đời, bao nhiêu năm biền biệt, nay mới được tin. Nhưng trong thư, tình cảm thì ít, chỉ ước lệ, nội dung lá thư lại như một chỉ thị, một sự vụ lệnh của cấp trên giao phó. Tự nhiên trên đầu hắn có Đảng, dù thực tế hắn chưa biết hình thù của Đảng như thế nào. Đó là một áng mây đen, bao trùm cả mặt đất, thiêng liêng như một vị thần? Một con vật đúc bằng vàng và được thánh hóa như một Đấng Tối Cao, có sức mạnh vô biên trên thân phận của mỗi cá nhân trong cũng như ngoài Đảng? Từ lúc ấy hắn mơ hồ cảm thấy Đảng giống như một vị thần không chân dung, trừu tượng, nhưng lại có triệu triệu con mắt để nhìn dân gian theo cung cách của Đảng. Đảng là một sức mạnh vô địch, đang đẩy cả dân tộc đi tới. Mọi người phải đi tới, không ai có quyền quay cổ lại phía

sau, hay quay mặt lại với nhau. Đảng thúc bách mọi người phải đi, không có thì giờ để suy tính. Phía trước, từ chân trời xa xa, là ngọn đèn trừu tượng Đảng thắp lên, phía sau, cả một khối dân tộc bị sức ép của Đảng tấn tới. Con người chỉ biết bước đi, bước đi trong thân phận bi đát của mình.

Phải tin, phải tin vào sức mạnh của Đảng, đó là câu kết luận quyết liệt của người anh ruột thịt từ Miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa gởi đến cho hắn.

Sau khi tốt nghiệp và đi dạy học được một năm tại Quảng Tín (Tam Kỳ), hắn được lệnh cấp trên phía bên kia nhập ngũ khóa Thủ Đức trừ bị. Mặc dù lúc đó, trên nguyên tắc, cán bộ giáo dục như hắn đang được hoãn nhập ngũ từng khóa.

Ra khỏi quân trường, người ta sắp xếp cho hắn về phục vụ tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I. Từ đó, người của phía bên kia tiếp tục liên hệ với hắn qua người chị dâu ở Đại Lộc.

Vụ nội gián của hắn đổ vỡ do trận đánh của bộ đội Bắc Việt phục kích tiểu đoàn 5 Thủy Quân Lục Chiến, di chuyển từ Đông Hà về hướng Khe Sanh, trên quốc lộ 9. Trận phục kích đó dường như tiểu đoàn 5 Thủy Quân Lục Chiến bị tiêu diệt hoàn toàn, vì cụm tình báo đã cho đầy đủ tin tức, chi tiết của cuộc hành quân. Nhưng dường như, một việc gì xảy ra, ông trời cũng bắt con người phải trả một cái giá nào đó. Sự khám phá ra cụm tình báo này hoàn toàn do tình cờ dun rủi. Trong trận phục kích, chỉ còn một sĩ quan sống sót, đó là trung úy Hảo, ban 5 (Tâm Lý Chiến) tiểu đoàn. Ông ta bị thương khá nặng, nhưng nhanh trí giả chết giữa đống xác đồng đội, nên thoát, và cũng chính nhờ vậy, ông ta được nghe mẩu đối thoại bất ngờ giữa hai sĩ quan chỉ huy của Bắc Việt, mới biết tiểu đoàn 5 TQLC bị bán đứng bởi những sĩ quan tại Tổng Tham Mưu và Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I.

Vụ bán đứng tiểu đoàn này nguyên do từ một trung tá làm việc tại Bộ Tổng Tham Mưu. Ông ta không phải là tình báo của Bắc Việt, nhưng lại là một Phật tử đấu tranh cuồng tín trong vụ biến động miền Trung. Tiểu đoàn 5 TQLC đã theo lệnh Nguyễn Cao Kỳ để dẹp phe tranh đấu tại Đà Nẵng và Huế. Điều này tạo cho ông trung tá một mối thâm thù, dẫn đến hậu quả là ông ta đã bán đứng "kẻ thù" cho Bắc Việt.

Ông trung tá bị bắt, đường dây nội gián của hắn cũng bị vỡ.

Người chị dâu hắn là một là một người đàn bà vô cùng can đảm. Khi biết mọi sự đã bại lộ, thay vì tẩu thoát vào bưng, bà ta lại ra thăm nuôi hắn và bị bắt luôn.

Sau khi bị bắt, thái độ của hắn rất bình lặng. Hắn cho như vậy cũng tốt thôi, giữa trách nhiệm và lương tâm ta phải chọn một, như tình và hiếu, mấy khi ở trọn vẹn với nhau được trong một lồng ngực của con người. Những người lính chết đi trên quốc lộ 9, đối với họ, đó là cái chết thiếu công bằng trên chiến trường, cái chết do bàn tay bá đạo, bàn tay đó chính là bàn tay hắn. Hắn chiến đấu cho một chủ nghĩa, mà chủ nghĩa đó nhằm giải phóng con người, nhưng thực sự chỉ là sự lường gạt thiếu lương tâm. Những người lính

kia, nguyên thủy, họ với hắn không có hận thù. Họ đánh giặc chẳng qua bởi nằm trong hệ thống "cui đánh đục, thì đục đánh săng". Một tiểu đoàn nằm xuống, phía sau lưng họ còn có bao mẹ già, những người vợ trẻ, những đứa con thơ bơ vơ không nơi bám víu. Tại sao phải bán họ bằng một mẩu tin bắn đi? Thắng lợi được gì trong vụ giết người này, khi mà cuộc chiến tranh cứ kéo dài bất tận như các chế độ phong kiến xa xưa, cha truyền con nối. "Các ông đã khám phá ra và bắt giữ tôi, điều đó giải quyết được cho tôi khỏi sự giằng co giữa lương tâm và trách nhiệm làm người". Hắn kết luận.

Người thượng sĩ già cũng cho biết, chính ông ta đã hỏi cung người chị dâu của hắn. Ông ta nói, không những ông ta chỉ khâm phục bà ta về lòng cam đảm, mà còn khâm phục ở cả một tấm lòng nữa. Ông ta kể: hôm thẩm vấn, trước mặt ông ta là một thiếu phụ trạc khoảng ngoài ba mươi. Rất sắc sảo, rất mặn mà. Bà ta nói giọng miền Trung, nhưng nhỏ nhẹ và có những tiếng gió rít qua kẻ răng trong lúc phát âm như phụ nữ Hà Nội hay Hưng Yên: "Tôi ngồi đối diện với ông ở đây như một hình thức tự nguyện. Khi nghe tin em chồng tôi bị bắt, tôi có thể bước ra khỏi cửa và có ngay đường dây đưa tôi vào mật khu. Không quá hai mươi bốn giờ tôi đã an toàn ở một nơi không thuộc thẩm quyền của các ông nữa. Nhưng tôi đã không làm điều đó. Tôi lấy xe đò ra đây, tìm gặp em tôi, cũng có nghĩa là tự nguyện nạp mạng cho các ông. Do đó, những gì phải khai, tôi đã khai hết rồi, không còn gì cần quanh co giấu giếm nữa."

Khi đề cập đến người em chồng, với một âm điệu buồn bã, bà ta nói, như tâm sự:

"Tuy là em chồng, và chỉ ít hơn tôi có một tuổi, nhưng đã mười bốn năm tôi đổ tâm huyết vào đứa em chồng của tôi. Tôi lấy chồng chỉ ba tháng, ở với chồng trọn vẹn mười hai ngày thì chồng tôi ra đi biệt tích đến bây giờ. Tôi không hão huyền đâu, nhưng lúc lấy chồng, tôi mới chỉ 18 tuổi, còn quá trẻ. Ông cũng biết, tuổi trẻ thường có những lựa chọn vượt ra ngoài sự hợp lý bình thường.

Mới đầu, vì tình yêu nồng nàn của người chồng mới cưới đã đi xa, tôi trút cả tình yêu lên người em chồng, đùm bọc, lo toan như một người chị ruột, hơn thế nữa, như một người mẹ thương con. Rồi từ từ, giữa chú ấy và tôi có một cái gì gắn bó, nẩy nở, mà tự tôi không giải thích được. Nó nằm giữa tình yêu máu mũ ruột thịt và tình yêu trai gái. Nó nằm lưng chừng giữa trách nhiệm và sự đam mê, lãng mạn. Ông đừng cười, 14 năm, thực sự chúng tôi chưa hề bước qua tấm phên thưa đạo lý mỏng manh chắn giữa tôi và chú ấy. Chúng tôi như hai nụ hoa sinh ra ở trên hai cành khác nhau, thấy nhau đó, ngày đêm gần gũi nhau đó, nhưng ngàn trùng xa cách, muôn đời xa cách. Khi tôi đã trên ba mươi, quay cổ nhìn lại thời gian mười tám, đôi mươi, chợt hiểu chồng tôi đã lợi dụng tôi để làm một thứ vú nuôi, để quàng lên tôi một gánh trách nhiệm và bổn phận, chả khác gì những bà vú trong những gia đình quan quyền phong kiến khi xưa. Tuy hiểu thế, tôi vẫn keo sơn với cái trách nhiệm

mơ hồ đó. Có lẽ tình cảm của tôi dành cho người em chồng không còn là thứ tình cảm phát sinh từ bổn phận và trách nhiệm nữa.

Em chồng tôi có thể lầm, nhưng tôi không thể lầm, chú ấy có thể say mê chủ nghĩa, nhưng tôi không hề quan tâm đến những thứ đó. Tuy nhiên trước sau tôi chưa hề can gián những gì chú ấy đã làm. Tôi biết chú ấy đang say đắm với lý tưởng của mình. Hạnh phúc của con người nhiều khi không phải đến từ kết quả của việc làm mang lại, mà hạnh phúc đến trong trong hành động "làm", mặc dầu có thể những việc làm đó chưa hẳn đã mang lại phúc lợi cho chính mình và cộng đồng xã hội. Vì hiểu như thế nên tôi chưa hề ngăn chặn những gì em chồng tôi đang say mê, miệt mài nhúng tay vào.

Đã bao nhiêu năm, tôi cố tìm hiểu em chồng tôi đã nghĩ gì về tôi. Tôi muốn biết chỗ đứng của người chị dâu trong lòng em tôi. Có những mùa hè em tôi từ trường học trở về, chúng tôi cùng sống dưới một mái nhà. Tôi đã van vái thời gian đó đừng đi quá mau. Có lần trong bữa ăn tối, cùng ngồi ở bàn ăn, chú ấy vô tình cọ xát đầu gối vào đùi tôi, chỉ có thế thôi, mà xác thịt tôi trũng xuống. Cái gì đó đã ngủ yên bao nhiêu năm chợt thức dậy. Nhưng tôi cũng lập tức hiểu rằng, cảm giác này rồi sẽ lụn tàn chóng vánh, bởi nó không thể tự do phát triển, tôi không cho phép nó phát triển. Hẳn ông hiểu rõ tâm trạng tôi lúc đó. Tâm trạng của một thiếu phụ luôn khát khao tình cảm nhưng lúc nào cũng gắng sức ức chế tình cảm. Sự ức chế mới thê thảm làm sao!"

Sau đó một thời gian, nội vụ của hắn được chuyển qua Biệt Khu Quảng Đà. Ba tháng sau được tin hắn chết. Trong hồ sơ báo cáo, hắn bị bắn chết khi toan chạy trốn trong lúc chuyển tù ở đoạn đường từ Điện Bàn đi Duy Xuyên.

Người thượng sĩ già kết luận:

"Hồ sơ của hắn kết thúc quá ngắn gọn. Ngắn gọn như cuộc đời hắn. Có người nói hắn chết do lệnh thủ tiêu của một thượng cấp nào đó, lại có kẻ nói hắn chết do một rủi ro. Nhưng dù giả thuyết nào thì hắn cũng đã chết. Trong một nước chiến tranh gian nan, và nhược tiểu như Việt Nam, mạng sống và cái chết của một con người nào đáng kể gì, minh bạch hay mờ ám, ai có thì giờ tìm tòi để phơi ra ánh sáng."

Người thượng sĩ già im lặng sau câu nói bi quan đó, đưa mắt đăm đăm nhìn qua cửa sổ vào bầu trời đêm đen. Chiến tranh đang đè nặng lên kiếp sống như tù đày của người lính già nua này. Ít nhất, đời ông ta đã gần ba chục năm trong quân ngũ. Trong ba chục năm đó, ông ta đã làm gì được cho tổ quốc? Và tổ quốc cũng đã làm được gì cho ông ta? Ông ta ở bên này, hay bên kia, thì chiến tranh vẫn xảy ra và cán cân lực lượng cũng chẳng vì thế mà lệnh đi. Do đó, chúng ta đừng bao giờ tự hào hay mặc cảm, chúng ta đã cầm súng chiến đấu cho bên này hay bên kia. Tất cả chỉ là phi lý.

Nghe nói về sau người chị dâu của hắn được trả tự do và chẳng ai biết bà ta đi về đâu. Chồng của bà ta sau 1975 trở về nắm vận mệnh của những người

dân miền Nam Trung bộ, nhưng lại có một người đàn bà trẻ đẹp khác xuất hiện bên cạnh ông ta. Không biết có ai vui miệng kể lại cho ông ta nghe về người vợ cưới vội vã trong những ngày chuẩn bị tập kết ra Bắc và cái chết bất hạnh của đứa em ruột thịt ở lại miền nam hay không?

Chủ nghĩa là ánh đèn chói chang giữa bầu trời hỗn độn, đã đốt cháy bao kiếp phù sinh khát khao lao vào ánh sáng, không hề thương tiếc bản thân mình đã được sinh ra làm một kiếp người.

Đời sau nghĩ gì về họ, đó là những anh hùng hay chỉ là những kiếp thiêu thân trước ngọn đèn chủ nghĩa?

Còn chung ta? Những người đã đắm chìm vào cuộc chiến, bên này hay bên kia, mấy ai tự cho rằng 50 năm trở lại đây, chúng ta chưa hề làm một việc gì quá đáng trong cuộc nội chiến cốt nhục thê thảm và lâu dài ấy, bởi chất khích thích của hai tiếng chủ nghĩa? Hãy trả lời đi. Xin hãy trả lời một câu thật thà nhất cho lương tâm và lịch sử.

Houston ngày 6.6.1992

THẬP LANG

---

* Tam túc, tam giác, tam nhân trong lý thuyết ấp chiến lược, đó là:

- Tam túc: tự túc tư tưởng, tự túc kinh tế và tự túc quản trị (nhân sự).

- Tam giác: địa điểm lập ấp chiến lược theo hình tam giác, với thế liên hoàn, để tiếp cứu nhau trong hệ thống phòng thủ.

- Tam nhân: con người phát huy về chiều sâu (cá nhân), chiều rộng (cộng đồng), chiều cao (hướng về Thượng Đế). Theo bài thuyết trình của ông Ngô Đình Nhu trong "Quốc Sách Ấp Chiến Lược" tại trung tâm thuyết trình ấp chiến lược tại Thị Nghè, năm 1962.



TRIỀU HOA ĐẠI

ở đó anh em

Tặng Lê Tấn Lộc

Ngày rơi thẳng thốt quanh mộng nhớ
ta với nhà ngươi tự đâu về
đốt lên ngọn lửa đêm chờ đón
mà đã như tàn một kiếp qua

Chẳng gọi những dấu đời thăm viếng
đá mòn như chảy trũng hoàng hôn
tay ôm tiếng linh hồn ngờ ngợ
ai biết đời ai lửa chập chùng

Nơi môi đó vẫn mừng hoài dục vọng
chết đường về trăng mọc thẳm xanh
có nhau ngồi đợi cùng sông trắng
bê bết đời ai lửa chập chùng

Chẳng hẹn lòng đau, không tiếng cười
ước gì thêm nhánh, mọc niềm vui
con đường trần trụi khua bụi tới
đâu dấu đời đau ở mặt người

Sao cứ chân khua là biết sống
trăm điều ghi vội cũng như thôi
đêm sao rạng rỡ hong tóc mượt
gom lại đường nhau tựa ngậm ngùi

Chẳng qua phận số long đong ấy
đến nỗi như là lại lãng quên
tiệc mới đầu ngày, xô bão tới
muôn điều day dứt lại cùng mong

Ở đó anh em vui tất bật
chiều quên, chén nhớ giọng mênh mang
không ai để dấu ngày mai lại
vết cũ dường như cũng mỏi mòn

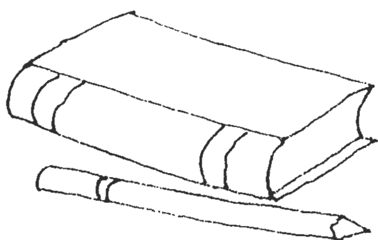
Ngày phơi bóng tới qua mộng dữ
ta với nhà ngươi tự ở đâu
nhặt mảnh gương soi ai kẻ khác
nườm nượp trần gian một mảng sầu

TRIỀU HOA ĐẠI



THANG MA

trung quốc tạp ghi



LTS: *Lẽ ra "phần đất" này là chỗ dành riêng cho mục* Ngày... Tháng..., *nhưng tòa soạn nhận thấy bài tạp ghi sau đây cho chúng ta nhiều dữ kiện khá thú vị về quá trình "cải cách khai phóng" của Trung Quốc trong kể từ lúc "cởi mở" đến nay. Nhìn người rồi nghĩ đến ta. Vừa mừng, vừa buồn. Mừng, vì đã thấy nhiều dấu hiệu chuyển động tích cực. Nhưng buồn, bởi "chừng nào Việt Nam ta được vậy?" Câu hỏi của Thang Ma, cũng là câu hỏi mà người phụ trách mục* Ngày... Tháng... *đã hỏi, nhiều lần, dưới nhiều hình thức.*

Đó là lý do Kim Thi tạm nghỉ một kỳ, để nhường đất cho Thang Ma, một người tỵ nạn Việt có quốc tịch Hoa Kỳ, nhưng đã "lưu lạc" qua Trung Quốc, lấy vợ Tàu, đẻ con Tàu và dạy học trò Tàu.

Hợp Lưu

Trời cuối tháng 3 ở Bắc Kinh gió nhiều và bụi. Cát từ sa mạc vùng Nội Mông Cổ thổi về phủ lên thủ đô Trung Quốc không khác gì những cơn gió cát ở West Texas hay Oklahoma mỗi độ trời báo xuân. Tôi đáp xe lửa từ Đông Bắc về lại Bắc Kinh lần này để thăm một người bạn cũ, mà có thời chúng tôi làm việc chung hơn hai năm. Được điện tín của Knynt Kyaw từ Rangoon, Miến Điện, báo anh sẽ đến Bắc Kinh dự hội nghị luật học Công Pháp Quốc Tế mười ngày. Rời nhà ga trung ương, ra ngoài bãi đậu tìm xe tắc-xi. Rờ túi quần, nghĩ không biết tiền tùy thân có đủ không. Một cuốc tắc-xi về khách sạn Hữu Nghị phải mất 50 đồng, tiền phòng mỗi ngày 120 đồng rẻ nhất. Không được, phải tiết kiệm. Đâu còn những ngày ở Mỹ tiền bạc dư dả. Tánh phiêu lưu đưa tôi đến Trung Quốc, lấy vợ sinh con địa phương, sống, làm việc và ăn lương đều theo tiêu chuẩn nhà nước Tàu. Mà mình có phải gốc Hoa đâu, nguỵ thứ thiệt sao lưu luyến xứ này đến thế? Bắc Kinh lần lần trở nên quen thuộc trong hồn tôi hơn con phố Bolsa ở Westminster hay khu thương

mại Việc nam hồi ở Houston.

Hành khách tứ xứ tràn ngập trong, ngoài nhà ga trung ương. Tôi lấn qua một đám khách đứng gần, đụng phải một thanh niên mặc âu phục với cái cà vạt đỏ chóe mắc tiền. Tôi vội vàng:

- Xin lỗi đồng chí nhé.

- Đồng chí ả? Người thanh niên quắc mắt nhìn.

- Ồ, "đối bất khởi", tiên sinh!(1) Tôi liền đính chính.

Dân Trung Hoa hiện nay ít người dùng hai chữ "đồng chí" để xưng hô như vài năm trước đây. Cải cách khai phóng rồi, đổi mới tư duy đi chứ. Phải thể hiện qua phong cách và lời nói. Cho "đồng chí" đi vào quá khứ. "Ông, Bà, Cô", xưng hô phải khẳng định tinh xác là "tiên sinh, thái thái, tiểu thư" đàng hoàng. Đâu thể bao gồm kiểu Xã Hội Chủ Nghĩa được. Trung Quốc đang trở về với truyền thống mà Mao Trạch Đông cố tình xóa bỏ. Ngày nay họ dùng từ gần gũi với Đài Loan, Hồng Kông vì ảnh hưởng sách báo, phim viedeo, phim bộ, nhạc... Đài TV trung ương và địa phương hằng ngày đều có tiết mục văn nghệ của Đài Loan, Hồng Kông. Văn hóa tự do truyền thống đã ngự trị vững chắc trong tâm hồn giới trí thức Tàu hiện giờ. Giới văn học đại lục đều công nhận có một nền văn học tươi mát rất "Tàu" của Đài Loan, Hồng Kông, Singapore và hải ngoại Hoa Kiều đi song song với nền văn học XHCN ở Hoa Lục, một điều mà họ đã chối bỏ trong quá khứ. Các văn gia, nghệ sĩ nổi tiếng ở Đài- Cảng(2) đều được mời về diễn thuyết văn học ở Bắc Kinh, Thượng Hải... hoặc trình diễn văn nghệ chung với các nghệ sĩ Đại Lục. Hồi tháng Giêng tết Quí Dậu, đài TV trung ương đã thực hiện một chương trình văn nghệ hết sức qui mô để đón giao thừa dài hơn 4 tiếng đồng hồ. Chương trình dùng vệ tinh nhân tạo (satellite) kết hợp tiết mục văn nghệ của Bắc Kinh - Đài Bắc - Hồng Kông, Singapore trực tiếp truyền hình khắp Á Châu. Ta có thể xem cùng lúc danh hề Đài Loan tương thanh (màn hài hước do hai hoặc ba tay hề nói qua lại chọc cười thiên hạ) danh hề Hoa Lục qua vệ tinh. Nghệ sĩ trình diễn của bốn nơi trực tiếp đối thoại hết sức cởi mở và cảm động. Vừa xem xong phần ca nhạc của Hồng Kông, tiếp theo một màn kinh kịch của Bắc Kinh, rồi xem đường phố Đài Loan đón xuân, kế là màn biểu diễn võ thuật ở Singapore... Vừa xem vừa ngẫm nghĩ chừng nào Việt Nam ta được như vậy. Qua đó, có thể nhìn thấy trình độ kỹ thuật truyền thông Trung Quốc đã bước vào hàng quốc tế.

Tôi qua dãy sạp bán sách báo. Ngừng lại điểm tựa sách. Hơn phân nửa các tiểu thuyết in ở Hoa Lục ngày nay của các tác giả nổi tiếng ở Đài Loan, Hồng Kông. Kiếm hiệp hàng đầu vẫn là Kim Dung, với mấy tập "vang lừng" miền Nam trước 75: *Lộc Đỉnh Ký, Tiếu Ngạo Giang Hồ, Anh Hùng Xạ Điêu, Cô Gái Đồ Long...*, kể luôn Cổ Long, Ngọa Long Sinh với những bộ dày cộm. Truyện dài tình cảm Quỳnh Giao nằm xếp hàng trên kệ, nào là *Song Ngoại, Kỷ Độ Tịnh Dương Hồng, Bích Vân Thiên, Tương Tư Thảo...* đủ cả. Tôi nhớ có lần dạy học mấy năm trước, vài cô sinh viên chuyền tay nhau trong lớp

cuốn *Song Ngoại* vừa ra lò in ở Đại Lục. Tôi tịch thu. Mấy cô xin lỗi năn nỉ mãi. Sau đó tội nghiệp, tôi đi một đường nói chuyện hiện tượng Quỳnh Giao ở Đài Loan thập niên 60 và ở Đông Nam Á thập niên 70. Thế là tên mình nổi trong Đại Học. Vài nam sinh viên năm đầu mời tôi kể chuyện Kim Dung. Không từ chối được, tôi kể chuyện *Lộc Đỉnh Ký* và vài mẩu chuyện nghe lóm về Kim Dung. Nhớ Sài Gòn thời 73-74, nhà nghèo, học lớp 11 ở ngôi trường gần sở thú, mỗi ngày đi thuê truyện *Lộc Đỉnh Ký* do Hàn Giang Nhạn dịch. Lúc đó tiếng Hán tự học của tôi chỉ mới vỡ lòng, không thể đọc nguyên tác. Sau này mua được một bộ nguyên tác ở Hồng Kông đọc lại, không còn cái hứng thú náo nức như khi đọc văn dịch Hàn Giang Nhạn. Nhắc tới Kim Dung tôi luôn nhớ Hàn Giang Nhạn.

Về phần tác giả Đại Lục hiện thời ăn khách nhất là Vương Sóc. Văn của Vương Sóc đầy rẫy tiếng lóng, rất thông tục. Nhiều văn gia khác tỏ ý chê. Nhưng Vương Mông, cựu bộ trưởng văn hóa Trung Quốc và cũng là một nhà văn đương đại nổi tiếng, phải công nhận Vương Sóc là một hiện tượng văn học của thập niên 90 cần chú ý. Thử bước vào những tiệm sách lớn như Tân Hoa Thư Điếm, có khắp nơi tại Trung Quốc, tiệm sách quốc doanh mà phần sách văn học tràn ngập tác phẩm Đài Loan, Hồng Kông in ở Đại Lục. Mang so sánh với tác phẩm tác giả Đại Lục thì chẳng khác gì mang sông ra so với suối. Đó là nói về lượng, còn phẩm thì rất ít người muốn đọc văn chương nội địa mặc dù các nhà văn Hoa Lục ngày nay đã lột bỏ cái vỏ XHCN, và gắng học văn phong Đài Cảng. Hiện tượng này khiến Vương Mông, khi phê bình Vương Sóc, đã thốt lên: *Vương Sóc thông tục quá, lóng nhiều, ưa thích nói lên cái xấu cuả xã hội. Văn viết như cỏ, không phải đại thụ. Thế mà nhiều người mua đọc. Văn học thì phải như rừng, phải có đại thụ. Mà văn học ta mấy mươi năm qua là bãi sa mạc. Vương Sóc nổi tiếng vì làm cọng cỏ trong đám sa mạc đó*. Thế cũng đủ kết luận nền văn học đương đại Trung Quốc dưới chế độ Cộng Sản. Nay được cởi trói, họ vẫn không khá hơn bao nhiêu. Tôi mang điều này đàm luận với một số giáo sư văn chương ở đây. Họ ngậm ngùi, chúng tôi còi cọc quá vì thiếu dinh dưỡng từ bé, nay cho thở không khí tự do, ăn những món ngon thì chỉ mập phì ra thôi, làm sao cao lớn hơn thêm. Nền văn học chúng tôi không tiến được, chỉ còn chờ thế hệ mới. Cái xe cũ sửa cho lắm vào cũng chỉ là xe cũ, có thể chạy thêm một thời gian, rồi đào thải. Cũng may cho Trung Quốc là còn hải ngoại Hoa kiều, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore giúp cho món ăn tinh thần, nên nói chung nền văn học Hoa ngữ khá phồn thịnh phong phú ở Trung Quốc. Nhiều bạn bè báo chí ở Mỹ nhắn tôi dịch một vài tác phẩm hay cái truyện ngắn ra Việt ngữ đăng chơi cho vui. Có gì mà vui. Tôi thử đọc qua vài tác phẩm của các "đại văn hào" ở đây. Xin lỗi, cảm không nổi nuốt không vô. Làm sao dịch cho ra hồn.

Các sinh viên Trung Quốc thường hỏi tôi vì sao Trung Quốc chưa được giải thưởng văn chương Nobel thế giới, mà Nhật Bản nhỏ hơn, lại có. mặc dầu nước Tàu có mấy ngàn năm văn hiến đứng đầu Đông Á. Xin mượn lời

Vương Mông: "Văn chương sa mạc, văn chương cỏ" làm sao được giải cho cây đại thụ trong rừng!

Trong một số báo *Văn Học* của Cali, tôi đọc phần phỏng vấn nhà văn Thế Uyên về tình hình văn học Việt Nam hiện nay đối với Tự Lực Văn Đoàn. Được biết giá trị tác phẩm của hầu hết tác giả trong nhóm đã được khôi phục. Tôi mừng vì tôi yêu Tự Lực Văn Đoàn. Nền văn học hiện đại Việt Nam được dựng lên, công lao "hãn mã" này phần chính là của nhóm Tự Lực. Cũng tương tự, văn học Trung Quốc từ 1915 cho đến 1949 đã được đóng góp bởi nhiều nhà văn và các văn đoàn. Sau 1949, nhà nước Trung Quốc chối bỏ toàn bộ công lao của họ. Chỉ có những nhà văn cách mạng mới là chính yếu. Mấy cây đa đại thụ rừng văn như Mao Thuẫn, Quách Mạc Nhược, Lão Xá, Ba Kim... đều bị chặt cho biến thành cây trứng cá trong vườn. Họ phải tự đê đầu nhận tội tiểu tư sản, tự kiểm thảo và phỉ nhổ vào những đứa con tinh thần do họ tạo ra để nhà nước cho những chức vụ lãnh đạo văn nghệ. Rồi từ đó thay mặt đảng phát quang cái lâm viên văn học quốc gia thành công viên thành phố trồng độc một thứ bông hồng. Và họ tự hào vô cùng về cái thành quả văn hóa này. Từ 1949, họ đổi nhân cách, đứng vững trên văn đàn Trung Quốc, không ai ngóc lên thay họ được. Họ làm mưa làm gió. Tình trạng này có thể nhìn thấy ở miền Bắc Việt Nam qua Hoài Thanh, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Huy Cận, Tế Hanh... Y chang như Trung Quốc. Đa số các nhà văn trước giải phóng 1949 đã qua đời, hiện còn lại Ba Kim, nay đã 99 tuổi (sanh năm 1904) vừa được bầu làm phó chủ tịch "Chính Hiệp" (Hội Đồng Cố Vấn Nhà Nước), chức vụ cao nhất cho một nhà văn vô đảng phái. Ba Kim không được vào đảng. Điều này cho thấy đảng đang cố gắng bớt ý thức hệ Cộng Sản phần hình thức.

Tháng ba mỗi năm ở Bắc Kinh, các đại biểu nhân dân toàn quốc về họp tại "Nhân Dân Đại Hội Đường" (Việt Nam ta thường gọi là Tòa Đại Sảnh Nhân Dân) tọa lạc về phía Tây quảng trường Thiên An Môn. Đây chính là toà nhà "Quốc Hội" Tàu. Không như các quốc gia Tây Phương đa đảng, quốc hội phải thường xuyên giải quyết vấn đề trong và ngoài nước. Đại biểu nhân dân Trung Quốc mỗi năm vào trung tuần tháng ba họp ở Nhân Dân Đại Hội Đường để biểu quyết các chính sách đảng đề ra. Nhiệm vụ các đại biểu chỉ về Bắc Kinh ngồi nghe báo cáo công tác chính phủ, học tập chính sách mới, và cuối cùng giơ tay "đồng ý" toàn bộ chính sách mà Chính Trị Bộ quyết định. Đo là dân chủ XHCN. Họp cho đến cuối tháng ba là xong. Sau đó các dân biểu về lại địa phương mình tổ chức học tập báo cáo đường lối đảng. Lần này tôi về thăm Bắc Kinh vào đúng lúc kết thúc "Đại Hội Đại Biểu Nhân Dân lần 8" (Trung Quốc gọi tắt "Bát Giới Nhân Đại"). Giang Trạch Dân lên làm chủ tịch nhà nước kiêm chủ tịch Quân Uỷ Trung Ương kiêm Tổng Thư Ký Đảng. Lý Bằng vẫn giữ chức Thủ Tướng (Ở Trung Quốc gọi là "Tổng Lý", từ "Thủ Tướng" chỉ dành cho ngoại quốc như Thủ Tướng Anh, Nhật...) Nhiều người cho rằng nếu không có vụ biến động Thiên An Môn

tháng 6, 1989, thì làm sao có được một Giang Trạch Dân may mắn trong vòng 4 năm từ Thư Ký Đảng ở Thượng Hải nhảy tót lên Chủ Tịch nhà nước. Ngậm ngùi cho Lý Bằng, chắc ông cũng đắng cay việc này. Xét về phong thái mỗi người, Giang Trạch Dân ăn nói hoạt bát, trí thức, luôn luôn cười và hấp dẫn được người nghe, nên phải công nhận đa số 3000 đại biểu đều thích ông. Thông thạo cả Anh ngữ lẫn Nga ngữ. Khi tiếp xúc không chính thức với quan khách ngoại quốc, ông thường dùng Anh ngữ đàm thoại. Lý Bằng trước năm 90, mặt rất lầm lì, không cười, luôn ra vẻ quan trọng. Từ năm 90 đến nay thay đổi theo Tây phương cười nhiều hơn, đi đâu cũng có phu nhân đi theo. Có lẽ ông là vị lãnh đạo Trung Quốc duy nhất cho đến nay tiếp quốc khách, đi thăm quốc ngoại đều dẫn vợ theo. Phu nhân thủ tướng Lý Bằng là Chu Linh, dáng người thanh nhã, đẹp hiền hậu, cười nhẹ nhàng. Bà trí thức, tốt nghiệp khoa sinh ngữ ở đại học Hắc Long Giang. Có nét hao hao giống bà Nguyễn Văn Thiệu, bà Thiệu trông phúc hậu hơn. Mấy năm coi TV Trung Quốc, cứ đến 7 giờ tối tin tức quốc nội, quốc ngoại, ông Lý Bằng thường xuất hiện tiếp quốc khách với nụ cười héo hon, chỉ những lần tiếp hoàng thân Sihanouk của Kămpuchia, Lý bằng cười tươi và hồn nhiên nhất. Bà Chu Linh cũng ôm hôn phu nhân Sihanouk, công chúa Monique, thật vui vẻ. Sihanouk những năm bôn tẩu thường ở Bắc Kinh và thỉnh thoảng ở Bình Nhưỡng, Bắc Hàn. Ông kết tình thâm giao với nhiều nhà lãnh đạo Trung Quốc. Họ quí mến Sihanouk vì tánh khiêm nhường của ông.

Trở lại Đại Hội Đại Biểu Nhân Dân lần 8, Trung Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh "Cải Cách Khai Phóng", mở cửa thu nhận văn hóa tư tưởng kỹ thuật nước ngoài. Phải công nhận từ khi Đặng Tiểu Bình mở cửa, Trung Quốc đã có những tiến bộ rõ rệt về kinh tế. Đời sống dân giờ qua giai đoạn "ăn no mặc ấm" và bắt đầu "ăn ngon mặc đẹp". Thật vậy, một gia đình công nhân trung bình ngày ngày đều có chút thịt cá, tuy không nhiều. Và ai ai cũng sắm một hai bộ âu phục thời trang mặc ra ngoài đường. Thanh niên Tàu nay rất say mê mặc áo vét (họ gọi là Tây trang). Nhiều khi đi dạy học, sinh viên ngồi trong lớp toàn mặc vét đóng cà vạt hẳn hoi làm tôi tự thấy lẻ loi vì giản đơn độc cái áo sơ mi trắng quần xanh. Chỉ 6 năm trước toàn quần áo chàm kiểu Cộng Sản, mà năm 93 thay hẳn, sặc sỡ nhiều màu sắc. Có vị Việt kiều nào thường đi thăm Trung Quốc hẳn đồng ý điều nhận xét này. Một người bạn tôi kể năm 86 anh dạy Nhật ngữ ở đại học Cát Lâm (tỉnh Cát Lâm miền Bắc Trung Quốc) đi đâu cũng một bộ đồ Trung Sơn (tức bộ quần áo Mao Trạch Đông mặc). Nhân có lần phái đoàn giáo sư Đông Kinh bên Nhật sang thăm, anh được cử làm thông dịch, nghèo quá nên trường may cho bộ đồ vét. Anh mặc không dám ra đường vì ngượng, ai cũng nhìn ngó. Nghĩ mà cười, bây giờ lúc nào tôi cũng thấy anh đóng vét cà-vạt hẳn hoi, ngay cả khi đi làm công tác học tập "tinh thần Lôi Phong".

Không những tiến bộ về kinh tế mà cả khoa học kỹ thuật lẫn các tư tưởng trào lưu hiện đại. Với phương tiện truyền thông, dân Trung Quốc giờ không

ai tin vào chủ nghĩa Mác. Mới đầu là "Mác-Lê", sau khi Liên Xô sụp đổ họ bỏ "Lê" chỉ còn"Mác" (gọi kiểu Tàu, "Mã Khắc Tư Liệt Ninh chủ nghĩa", tắc là "Mã-Liệt chủ nghĩa"). Họ thấy quá rõ thực chất của chế độ hiện nay là tư bản và kinh tế thị trường. Năm 1991 Lý Bằng vẫn còn khăng khăng phải theo kinh tế kế hoạch. Cuối năm 1992, mọi người đều nói tới kinh tế thị trường. Bát Giới Nhân Đại lần 8, nhà nước tuyên bố theo "XHCN với nét đặc sắc Trung Quốc" và "Phát triển kinh tế thị trường XHCN". Tôi đặt vấn đề với một vài đảng viên cao cấp giáo dục thế nào là kinh tế thị trường XNCN? Một ông nheo mắt trả lời, "Sao đảng có thể tuyên bố theo tư bản cho được?". Chúng tôi cười. Thực chất quá rõ. Vợ tôi rất ít văn hóa, chỉ biết buôn bán, bố vợ là đảng viên hồi hưu, có lần cả nhà ăn cơm, nàng tuyên bố: "cái đảng của bố nói gà thành vịt, vịt thành gà lúc nào cũng được. Coi nhân dân như con nít chẳng biết gì, mà lúc nào cũng muốn dạy dỗ. Kinh tế thị trường thì cứ nói thật ra là tư bản cho dân biết. Đảng dối trá quen rồi, há bố!"

Cả nước Tàu chỉ lo làm ăn buôn bán. Lớn làm lớn, nhỏ làm nhỏ. Chỗ nào hàng quán cũng có, mọc lên như nấm. Căn nhà nào có mặt tiền ở lộ chính thì mở tạp hóa. Đơn vị nào có xe có building thì cho thuê tự do, nhà nước không cấm. Kinh tế lên như triều dâng, vũ bão vô cùng. Xe hơi nhập cảng toàn thứ sang: Volvo, BMW, Mercedes, Cadilac, Lincoln... Tôi không nói quá một ly ông cụ. Bạn thử đến Bắc Kinh, Quảng Châu, Thượng Hải, Hạ Môn, Đại Liên... xem xe hơi thôi đủ biết. Nạn kẹt xe trầm trọng. Đường sá giao thông phát triển không kịp với số lượng xe đến nỗi chính phủ muốn ra lệnh cấm dân đạp xe đạp ở trung tâm thành phố.

Nào, tôi xin trở lại quá trình phát triển "Cải cách Khai Phóng" ở Tàu. Từ năm 1979 cho đến năm 1989 lúc Triệu Tử Dương nắm chính quyền, kinh tế tiến đều đặn, ông muốn đẩy mạnh kinh tế thị trường và cải tổ chính trị. Khi xảy ra vụ biến động Thiên An Môn, tháng 6 năm 1989, toàn Trung Quốc ngưng trệ, giới làm ăn buôn bán chậm lại, các đơn vị có xe hoặc building cho thuê thì đòi lại. Hầu như không khí toàn quốc trở lại thập niên 70, giới lãnh đạo không mặc đồ âu phục, đài, TV, radio ngưng phát chương trình văn nghệ Đài-Cảng và trở lại với nhạc phim cách mạng thời thập niên 50-60. Suốt hậu bán năm 1989 và đầu năm 90, mọi người lắng chờ cơn gió chính trị xem thổi chiều nào. Cả ngày nghe cổ động cách mạng. Cái cảm giác hao hao giống những ngày cuối cùng của miền Nam (VNCH) khi Dương Văn Minh tuyên bố đuổi Mỹ và muốn dàn xếp thương lượng với Mặt Trận Giải Phóng. Hẳn là các độc giả miền Nam còn nhớ lúc đó khoảng 25, 26 tháng 4 (tôi không nhớ đích xác), ai cũng ôm cái radio lắng nghe tin tức, và đài quân đội đổi nhạc, chơi những bài xưa cũ là lạ. Lúc đó cảm giác tôi nao nao, buồn lạ lùng.

Giữa thời gian này, ở Trung Nam Hải(3) chắc phải xảy ra những đụng độ chính trị gay go của cả hai phe: bảo thủ và cấp tiến. Nhiều người lúc đó ghét Đặng Tiểu Bình vì ông đã để xảy ra vụ Thiên An Môn. Cái khó của Đặng là ông đã không làm gì hơn. Tây Phương kết Đặng là bảo thủ. Có tin đồn ông

chết. Đặng đã nhượng bộ, hạ đàn em mình Triệu Tử Dương. Phe bảo thủ Đặng Dĩnh Siêu (vợ Châu Ân Lai), Dương Thượng Côn, Lý Bằng, Trần Vân(4)... có phần thắng thế. Giang Trạch Dân làm bù nhìn. Đặng Tiểu Bình phe nào, không ai biết, chỉ ngờ là bảo thủ.

Tây Phương làm khó kinh tế. Trung Quốc ngộp, phá giá hàng để mong xuất khẩu. Nhiều xí nghiệp không có việc làm vì không xuất khẩu, nhưng chính phủ vẫn phải trả lương, nếu không nổi loạn. Năm 1990, Trung Quốc bắt đầu thấm đòn chế tài. Phe bảo thủ biết phải cần thay đổi, không trở về với chế độ như cũ được nữa. Tình hình sụp đổ của Đông Âu 90 và Liên Xô 91 đã mở mắt phe bảo thủ. Đặng Tiểu Bình thấy thời cơ đã tới. Mặc dù già yếu nói không ra lời, tai lãng, ông làm một chuyến viếng thăm miền Nam Trung Quốc (Tàu gọi là chuyến "Nam tuần"). Đặc biệt là Thâm Quyến, Chu Hải, Xà Khẩu, Quảng Châu. Thâm Quyến 13 năm trước là một làng đánh cá nhỏ. Họ Đặng ra lệnh xây thành phố ở đó, lập thành khu vực kinh tế đặc biệt theo mô thức tư bản để thí nghiệm xem kinh tế XHCN hay tư bản mang lại lợi cho dân. Giống như kỹ sư chế xe phải làm thử một chiếc thí nghiệm trước khi sản xuất. Ông đưa các cán bộ giỏi về Thâm Quyến. Mười năm trước bị cho đi Thâm Quyến là đi đày, không ai muốn đi thí nghiệm tư bản. Nhỡ gió xoay chiều là tai nạn xuống đầu. Chính phủ mời không ai đi. Bây giờ Thâm Quyến là thành phố tiến bộ nhất Trung Quốc, khu vực đặc biệt hoàn toàn tự do tư bản, không phải ai muốn đến cũng được, phải được công an cho phép. Vùng Thâm Quyến, Xà Khẩu, Chu Hải, Quảng Châu (Shenzhen, Shekuo, Zhuhai, Guangzhou) hoàn toàn theo kinh tế thị trường từ 3 năm nay.

Chuyến "Nam tuần" mang ý nghĩa trọng đại là kinh tế thị trường sẽ là mẫu mực của Trung Quốc. Chuyến "Nam tuần" xảy ra vào tháng 1 năm 1992. Lúc đó tôi trở về Mỹ thăm bố mẹ anh em một tháng. Một hôm đi ăn phở ở Dallas, thuận tay lấy tờ báo biếu Hoa ngữ đọc, có tin họ Đặng đi thăm miền Nam. Mẩu tin nhỏ, chẳng gì đặc biệt. Tháng 2, 92 trở lại Trung Quốc, bạn bè đến viếng hỏi ở Mỹ có gì lạ không. Chẳng gì lạ, à mà nghe bên Mỹ nói Đặng Tiểu Bình Nam tuần hả. Bạn bè đều ngạc nhiên có nghe gì đâu. Yên lặng như tờ. Tôi nghĩ quái lạ, sao ở Tàu yên thế, chả có gì cả. Đi hỏi thăm thêm những tay "chính trị bàn rượu", không ai biết. Chắc Mỹ đồn láo. Cuối tháng 3, 92 kết thúc Đại Hội Nhân Dân Đại Biểu 7, TV loan tin "*Đồng chí Đặng Tiểu Bình đi thăm miền Nam*" cùng đầy đủ hình ảnh tin tức. Trên TV nổ như bắp rang lời xướng ngôn viên lặp lại lời của Đặng(5): *Trung Quốc phải tiếp tục và gia tốc cải cách khai phóng. Mọi người phải đổi mới tư duy hơn nữa. Dám nghĩ, dám làm. Đừng đặt vấn đề cái này tư bản hay XHCN. Đúng thì làm, sai thì sửa". Không đặt vấn đề tư bản hay XHCN.* Toàn quốc nhiệt liệt hoan hô. Mọi người đua nhau học tập "diễn văn" của Đặng. Phe bảo thủ đổi thế cũng theo ủng hộ Đặng Tiểu Bình. Dương Thượng Côn, Trần Vân, Lý Bằng, Giang Trạch Dân thay nhau xuất hiện trên TV ủng hộ đề xướng của Đặng Tiểu Bình.

Từ đầu tháng 1 cho đến tháng 4, 1992 đã có tranh chấp gay go ở Trung Nam Hải, nếu không, một chuyến kinh lý có tầm vóc như thế phải đợi đến ba tháng trời mới loan tin. Cuối cùng Đặng đã thắng lớn. Dù không còn chút địa vị gì, ảnh hưởng của Đặng hiện nay không thua Mao Trạch Đông. Có thể nói Mao có công sáng lập Trung Hoa Cộng Sản thì Đặng có công canh tân cho Trung Hoa thành cường quốc sau này, không khác một Minh Trị Thiên Hoàng. Kết thúc đại hội đảng 14 mới đây, Đặng xuất hiện bên cạnh Giang Trạch Dân. Và Giang Trạch Dân nay làm chủ tịch nhà nước kiêm chủ tịch quân ủy trung ương kiêm tổng thư ký đảng. Chức vụ tối cao. Chỉ một hai năm trước, mỗi lần Giang Trạch Dân và Lý Bằng xuất hiện cạnh nhau, Giang Trạch Dân tuy làm Tổng Thư Ký, nhưng thường lép vế. Khi Giang nói chuyện Lý Bằng lơ đãng nhìn quanh như không thèm chú ý. Khi Bằng nói, Giang chắp tay lắng nghe chăm chỉ. Lý Bằng không thể xem thường Giang Trạch Dân được nữa. Vụ đàn áp Thiên An Môn tháng 6. 1989 làm Bằng không lên hơn được chức thủ tướng. Ông biết rõ điều này. Nay cả Giang và Bằng đều lọt vào vòng ảnh hưởng canh tân của Đặng Tiểu Bình. Trung Quốc sẽ tiến nhanh, mạnh hơn trước.

Nghĩ lại thấy tiếc cho Triệu Tử Dương. Năm 89 tuổi muốn cải tổ chính trị quá lẹ trong lúc phe bảo thủ còn mạnh. Họ Triệu chưa lượng sức mình mà muốn dựa vào Đặng, vì dù sao ông là đàn em thân tín nhất của Đặng. Đặng đã hy sinh ông. Phải chi ông kiên nhẫn thêm vài năm nữa thì giờ đã xứng đáng làm chủ tịch nhà nước và "hãn mã" cải cách quốc gia là của ông, từ năm 1980. Gian Trạch Dân không được cái xứng đáng này của Triệu, Giang phải tự tạo cho mình công lao từ giờ đến năm 2.000, và Giang ý thức điều đó. Giang là vị lãnh đạo duy nhất đứng hát cho mọi người nghe thật vui vẻ. Ông có tài hoạt bát như một huynh trưởng hướng đạo. Năm 91 ông sang Liên Xô và đứng hát nhạc Nga tỉnh bơ cho quan khách Nga Tàu nghe. Dân Tàu càng lúc càng mến ông hơn.

Kể từ tháng 4, 92 sau khi mọi người hô hào học tập lời Đặng Tiểu Bình, kinh tế được sổ lồng nhảy vọt. Cả nước đua nhau làm thương mại, thế nước vỡ bờ. Công ty thật, công ty ma, hợp tư, hợp doanh khắp nơi. Ai cũng mê lập công ty. Thây kệ, không có tiền cũng lập, mượn đầu heo nấu cháo. Có gia đình ba người mà bốn công ty: Bố một công ty, mẹ một công ty, con một công ty, và cả ba người họp lại lập thêm một công ty. Tư bản còn hơn cả Mỹ, Nhật! Cái gì cũng thương mãi được. Ra ngoài đường ai cũng là "general manager". Kỹ nghệ in business cards lên ào ào. Riêng trường tôi dạy có đến... 400 công ty do từ sinh viên đến viện trưởng thành lập. Có tiền hay không, không cần biết, có cái tên công ty cho "le" trước đã. Vui nhộn không thể tả. Ăn uống đốt pháo mỗi ngày như tết, vì lập công ty thì phải đãi tiệc, đốt pháo để công bố chứ. Thành phố tôi ở chính phủ hãnh diện mỗi ngày thành lập 200 công ty. Hiện giờ có tới hơn... 15.000 công ty. Vợ tôi cũng náo nức "lập công ty đi anh, hợp doanh Mỹ-Hoa nhé?" Tôi đi vào mê hồn trận công ty. OK, lập ngay

một công ty cho cái sạp bán quần áo đầu chợ của vợ cho nó vui. Giờ nghĩ lại sao mà tếu quá chừng!

Dân chúng Tàu hiện nay hồ hởi vô cùng với lòng thiết tha canh tân đất nước. Ai ai cũng ôm hoài bão Trung Quốc thành đại cường. Họ yêu mến gọi Đặng Tiểu Bình là vị "Thiết Kế Sư" vĩ đại. Nhiệt tâm này khiến Trung Quốc có một sức sống, một niềm tin, như một người vừa qua một cơn bệnh hiểm nghèo. Chừng nào Việt Nam ta được như vậy? Còn tùy chính phủ có biết đáp ứng nguyện vọng của người dân hay không.

Tôi nhớ sau vụ Thiên An Môn 89, khoảng tháng 10, một công ty nhà nước nhờ tôi sửa dùm bản dịch Anh ngữ của công ty, kèm theo nguyên bản Hoa ngữ. Có câu như vầy: ... ngã môn đích hải thương sự nghiệp..." (sự nghiệp hải thương của chúng tôi). Bản Anh ngữ: "... the cause of our shipping industry...", tôi chữa thành "... Our shipping business..." đúng và gọn hơn. Ngày hôm sau một cán bộ công ty đến trả lại tôi bản dịch, xin đổi cho chữ "business" thành chữ gì khác. Vì chữ "business" nghe tư bản quá, sợ "trên" không thích. Tôi lắc đầu.

Giang Trạch Dân vừa lên chức chủ tịch nhà nước liền ngày hôm sau họp một số khoảng hơn 200 văn nghệ sĩ toàn quốc, ông tuyên bố nhà nước sẽ tạo điều kiện thuận lợi và không khí cởi mở cho các văn nghệ sĩ sáng tác. Ông nói: "Miễn là các văn nghệ sĩ phục vụ nhân dân và XHCN, đồng thời những văn nghệ sĩ nào muốn "trăm hoa đua nở", trăm nhà đua tiếng" cũng được tự do viết và trình diễn theo ý thích riêng". Theo nhận định riêng tôi, quả thật Trung Quốc nới lỏng cho văn nghệ sĩ khá nhiều. Sáng tác của họ mạnh mẽ hơn xưa. Chế độ kiểm duyệt lỏng lẻo, dân chúng tha hồ nói chuyện chính trị không còn sợ nữa. Đảng làm chuyện của đảng, chẳng ai để ý. Ít người muốn gia nhập đảng. Không vào đảng thành cái "mốt". Khác hẳn xưa, những người không vào đảng giờ rất hãnh diện họ là chim tự do. Đảng viên cũng chẳng còn tự khoe khoang là đảng viên nữa, mà đôi lúc còn hổ thẹn việc vào đảng.

Tháng ba là mùa học tập tinh thần Lôi Phong. Lôi Phong, người chiến sĩ cách mạng tầm thường luôn luôn giúp đỡ kẻ khác, quên thân mình. Chết trong một tai nạn. Lôi để lại cuốn nhật ký, ghi lại chuyện giúp người. Mao Trạch Đông ra lệnh cả nước học tập tinh thần hy sinh của Lôi Phong. Quốc gia XHCN thường hay tạo anh hùng, rồi bắt mọi người noi theo. Ba mươi năm học tập Lôi Phong, ai nấy đều chán ngấy cái tên này. Tháng ba, đơn vị nào có tài gì thì ra lề đường đứng đó cho kẻ khác nhờ. Các trẻ em không làm được gì thì đi lượm rác, quét đường. Sinh viên kỹ thuật đi sửa free radio cho ai có radio hư, hay xe đạp lủng bánh. Tôi cũng được hưởng lợi mấy lần học tập tinh thần Lôi Phong. Một vài anh em sinh viên kéo đến "xin" được đánh giày của tôi cho bóng, rồi quét cái sân cho sạch. Một anh thấy đồng hồ để bàn của tôi hư, tình nguyện mang dụng cụ ra sửa. Ấy, đừng đụng vào mà hư luôn, để mang ra tiệm sửa cho chắc ăn, tinh thần giúp đỡ loạn xà ngầu này vô trách nhiệm lắm, hư luôn ai đền?

Nghĩ mà mừng cho Trung Quốc đi vào con đường cởi mở. Dù vẫn là XHCN, nhưng nhân dân hiện giờ no ấm hơn. Tôi xin chúc mừng Trung Quốc, chúc mừng "Bát Giới Nhân Đại" thành công bằng một bài... thơ XHCN nhan đề "Chào Mừng Cải Cách Khai Phóng, Chúc Mừng Trung Quốc Thành Công":

"Cải Cách" chào mừng "Khai Phóng" ơi,
Tháng ba Trung Quốc tới đây rồi
"Bát Giới Nhân Đại" liên miên họp
"Lôi Phong Tinh Thần" học khắp nơi
Đảng ra nghị quyết đua nhau đọc,
Khẩu hiệu lập trường quảng cáo bôi
Đổi mới tư duy tân chủ nghĩa
"Kinh Tế Thị Trường" thắng lợi thôi

THANG MA

Chú Thích:

(1) "*Đột bất Khởi*": Xin lỗi. "Tiên sinh": thông thường chỉ có nghĩa là Ông. "Thái thái": bà, "Tiểu thơ": cô. Bảy tám năm trước ở Trung Quốc mọi người đều gọi nhau bằng "đồng chí". Bây giờ vẫn còn dùng giữa các cán bộ công quyền. Đa số dân chúng đều trở về lối xưng hô "ông, bà, cô" và họ có vẻ ghét từ "đồng chí".

(2) *Đài Cảng:* Đài Loan, Hương Cảng. Đa số người Việt gọi Hương Cảng là Hồng Kông. Cá nhân tôi thích dùng "Hồng Kông" hơn là "Hương Cảng". Xin mọi người chú ý, cuối năm 1997 Hồng Kông sẽ được nhà nước Trung Cộng, viết theo hệ Pinyin (phiên âm) phổ thông là Xiaggang". "Hồng Kông" viết tựa theo Quảng Đông có thể sẽ bị bỏ. Giống như "Peking" phải ghi là "Beijing", hoặc "Mao Tse-Tung" thành "Mao Zedong" (Mao Trạch Đông). Báo chí quốc tế nay đều theo hệ Pinyin của Trung Quốc.

(3) *Trung Nam Hải:* Khu vực cư ngụ và làm việc của các cấp lãnh đạo tối cao Trung Quốc. Tọa lạc tại trung tâm Bắc Kinh, gần Thiên An Môn, chiếm khu vực khá rộng, chung quanh có tường bao bọc. Một thứ cung cấm hiện đại. Có vị Việt kiều nào đi thăm Bắc Kinh, tới Thiên An Môn và đi dọc đại lộ Trường An (Changny Lu) về phía Tây độ một cây số, nhìn phía tay phải có dãy tường dài cao, gặp một cánh cổng đỏ theo kiểu cổ Trung Quốc, lính gác mặc quân phục đại lễ, súng trường dài. Đó là cổng vào Trung Nam Hải. Hay là tới thăm cung cấm các vị hoàng đế, ngay sau Thiên An Môn. Từ cổng Bắc cung cấm (Cố cung, Forbidden City) băng qua đại lộ Triều Dương (Chaoyang Lu) vào công viên Cảnh Sơn (Jingshan Park) tới chỗ vua Sùng Chính nhà Minh treo cổ tự tử, lên tận đỉnh đồi có mái đình. Từ đây nhìn về phía Tây Nam có một khu vực đầy công viên và hồ. Đó là Trung Nam Hải. Gọi là Trung Nam Hải, bởi vì khu vực bao gồm cái hồ dài chia làm bốn phần. Phần tít phía Bắc gọi "Hậu Hải", rồi đến "Bắc Hải" nơi có công viên "Bắc Hải" (Beihai Park) nổi tiếng nằm song song phía Tây

Cảnh Sơn, rồi đền "Trung Hải" và "Nam Hải". Khu vực này chiếm hồ Trung Hải và Nam Hải, nên gọi Trung Nam Hải. Lãnh tụ Trung Quốc thường tiếp khách ở tòa nhà câu Cá "Điếu Ngư Đài".

(4) *Trần Vân*: Chắc ít người ngoại quốc nào nghe tới cái tên này (Chen Yun). Rất bảo thủ, thế lực của ông mạnh tương đương Đặng Tiểu Bình. Ngồi trong bóng tối giựt dây, ít khi xuất hiện. Hai người thường gờm nhau. Đặng hiện, Trần ẩn như thế âm dương. Chỉ ở Tàu mới cảm cái thế Trần Vân. Ở đây xin ghi một số tên các nhà lãnh đạo hiện thời Trung Quốc theo Pinyin để các độc giả tiện đọc báo ngoại quốc: Đặng Tiểu Bình (Deng Xiaoping), Dương Thượng Côn (Yang Shangkun), Lý Bằng (Li Peng), Giang Trạch Dân (Jiang zemin). Mấy vị này mọi người đều biết, còn các vị khác như:

- Lý Thụy Hoàn (Li Ruihuan): Chủ tịch Chính Hiệp (như Hội Đồng Cố Vấn quốc gia), ông này xuất thân thợ mộc. Cựu thị trưởng Thiên Tân.

- Kiều Thạch (Qiao Shi): Chủ tịch quốc hội. Ông này nổi tiếng sau vụ Thiên An Môn. Được báo chí Tây phương tiên đoán trật lất là sẽ thay Triệu Tử Dương (Zhao Ziyang). Thành phần công an và từng làm hiệu trưởng trường đảng Trung Ương. Ăn nói kém cỏi.

- Chu Dung Cơ (Zhu Rongji): Phó Thủ Tướng. Rất liêm khiết và cấp tiến. Trước là thị trưởng Thượng Hải. Chức vụ thị trưởng của ba thành phố Thượng Hải, Thiên Tân và Bắc Kinh, lớn hơn tỉnh trưởng, vì ba thành phố này trực tiếp trung ương, không thuộc tỉnh nào cả. Gốc kỹ sư, giỏi Anh ngữ. Tây phương cũng tiên đoán trật lất ông này sẽ thay Lý Bằng. Thực sự, dân chúng rất mong ông thay Lý Bằng. Ai cũng thích ông. Ông có ba nguyên tắc: không cắt băng khánh thành, không nhận quà và không viết đề từ (viết chữ lưu niệm, một thông tục của giới lãnh đạo Trung Quốc).

- Vinh Nghị Nhân (Rong Yiren): Phó chủ tịch nhà nước. Không đảng phái. Tay "tư bản đỏ" của Trung Quốc. lần đầu tiên một "red" capitalist được cử làm phó chủ tịch nhà nước. Khi Đặng Tiểu Bình mở cửa năm 1979, ông được Đặng giao cho trọng trách phát triển ngoại thương, ngân hàng. Kinh tế Trung Quốc ngày càng phồn thịnh đều nhờ tài "kinh bang tế thế" của Vinh. Già 77 tuổi mà trông rất đẹp lão, giống một ông giám đốc công ty hơn chính trị gia.

(5) *Đặng Tiểu Bình*: Già yếu lắm. Nói không ra lời, lưỡi ríu lại, tai lãng. Mỗi lần xuất hiện đi đâu đều có đứa cháu gái đi theo cạnh để "thông dịch". Khi ai nói gì thì phải nói to như hét, rồi cháu gái lại lớn tiếng nói vào tai cho Đặng nghe. Đa số lãnh tụ Trung Quốc đều gốc miền Nam, nói giọng rất trọ trẹ, không phải tiếng phổ thông Bắc Kinh. Kiểu thí dụ lãnh tụ miền Nam gốc Huế, Quảng Nam hay Bình Trị Thiên mà ở Hà Nội hay Sài Gòn vậy.



HOÀNG TƯ THIỆN

tượng chàm

Muốn đi tận cùng bến bãi
mà sao gió thoảng qua tai
muốn về nương thân áo vải
ở đây xa khuất đường cày

Bước chân nổi chìm trong đá
Mỹ Sơn, Trà Kiệu, Đồ Bàn
trái tim ngập ngừng trong đá
lòng ta chùng lại trăm năm

điệu múa nửa chừng vời vợi
nhạc công, vũ nữ, tìm đâu
dòng sông muôn đời không đợi
ngỡ ngàng nửa giấc chiêm bao

Xiêm y mấy lần thay đổi?
nén trong vú đá niềm đau
tình yêu bao lần vẫy gọi?
mà em tàn rụng bàn tay

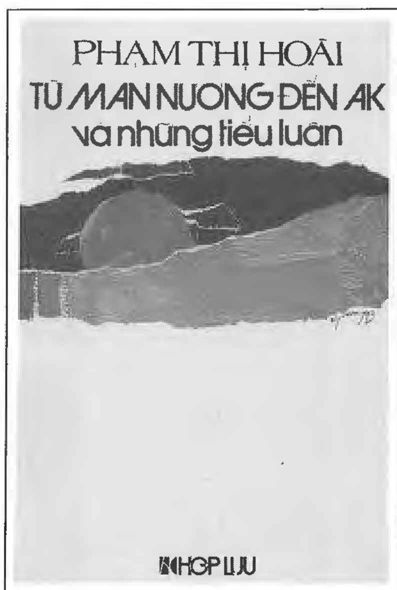
Dừng chân trong vườn đá tảng
vầng trăng treo lửng ngàn xưa
trán ta chạm vào đêm lạnh
ngàn năm phẳng lặng như tờ...

HOÀNG TƯ THIỆN
(Trong nước)



THỤY KHUÊ

phạm thị hoài trên sinh lộ mới của văn học



LTS: *Trước khi mời độc giả đi vào bài phê bình của Thụy Khuê về tác phẩm* Từ Man Nương Đến AK và Những Tiểu Luận Khác, *tòa soạn xin phép hai tác giả đăng lại một đoạn thơ của nhà văn Phạm Thị Hoài gởi nhà phê bình Thụy Khuê, để độc giả phần nào hình dung được cái thiên la địa võng của mạng lưới kiểm duyệt hiện nay tại quê nhà, khi muốn cho ra đời một tác phẩm đàng hoàng. Đồng thời cũng giải thích tại sao, tạp chí* Hợp Lưu *vốn rất nghèo, vẫn cố gắng mỗi người một ít, góp lại, để đưa tác phẩm này đến với bạn đọc:*

"... em kể chị nghe về cái sự lênh đênh của bản thảo này trong quốc nội. Đầu tiên em đưa vào Sài Gòn. Tất cả bạn bè làm trong các nhà xuất bản ở đó đều lắc đầu bảo: phải đưa ra Hà Nội thôi, trong này không muốn dính vào những vụ như thế này đâu, trong này in kiếm hiệp, in Best-seller Mỹ, in khiêu dâm, in tuốt, trừ những vụ như thế này. Em mang bầu, và nằm im ở Hà Nội. Một hôm có một biên tập của nhà xuất bản Lao Động đến tận nhà, bảo nghe nói Hoài có bản thảo, đưa chúng tôi in, anh Mai Văn Kháng (tổng biên tập) mạnh dạn lắm. Chắc chị biết anh Kháng là tác giả nhiều tiểu thuyết đổi mới. Vài hôm sau, lại đưa trả tận nhà, bảo anh Kháng cho rằng hãy từ từ, hiện đang có vụ Linh Nghiệm, *và anh ấy còn phải đi Đan Mạch về đã (Hội Nghị Văn Học Việt Nam). Em lại nằm im, rồi đi sinh con. Con vừa được một tháng,*

chồng cho phép ngồi lên xe máy, là em vù đến nhà xuất bản Hội Nhà Văn, là nhà xuất bản của hầu hết các tác phẩm có tiếng vang nhất trong vài năm gần đây. Anh Nguyễn Phan Hách, biên tập cuốn của Bảo Ninh, trước đã in hụt cuốn Thiên Sứ, *bây giờ quyết ra cho bằng được Phạm Thị Hoài, lại thêm Lê Minh Khuê, biên tập cuốn của Nguyễn Huy Thiệp, rồi Lại Nguyên Ân, giám đốc Nguyễn Kiên, toàn những người bạn rất giàu thiện chí, rồi cuối cùng bàn đi tính lại đề nghị em bỏ hẳn đi hai truyện ("Cuộc Đến Thăm" và "Nền Cộng Hòa"), bỏ chương áp chót của "Thầy AK.", bỏ hàng loạt các câu chữ khác, và bỏ bài tiểu luận, như thế thì sẽ in. Em từ chối, mang bản thảo về. Nhân lúc ấy nhà xuất bản Thanh Niên vừa ra cuốn* Dấn Thân *của Xuân Cang, em đọc, thấy Xuân Cang có vẻ ưu ái cánh trẻ, và cũng "mạnh" lắm (cuốn sách đổi mới này cũng đang được xem xét). Em định đưa đến Thanh Niên, thì được tin Xuân Cang về làm giám đốc nhà xuất bản Lao Động. Vội đưa đến ngay. Ba tuần sau, Xuân Cang trả lời cùng Ma Văn Kháng: Mong Hoài thông cảm, nhà xuất bản chúng tôi chưa đủ lực để ra cuốn này, bây giờ ra là có vấn đề ngay, không phải khó cho cá nhân tôi, mà cho số phận của toàn bộ nhà xuất bản. Nghe thấy thế là em thông cảm liền, không dám gánh một số phận tập thể trên vai, như thế tội to quá. Em đưa sang Thanh Niên, giám đốc, biên tập, ai cũng vui mừng, toàn là hân hạnh thắm tươi cả, vài tuần sau đã thấy cười cười trả lời: chúng tôi đọc với tư cách độc giả hâm mộ thôi. Trời ơi, với tư cách độc giả chứ không phải với tư cách người xuất bản thì tác giả biết làm gì đây!*

Cuối cùng, khi em hết mọi hy vọng rồi thì có một phụ nữ rất dũng cảm và kiên quyết chìa tay ra. Chị ấy thường thành công và có thể xuất bản tất cả những gì chị ấy muốn, nên lần này chị ấy cũng đầy tự tin là có thể xuất bản cuốn này. (Chị ấy cũng xuất bản được cuốn Con Gái Thủy Thần *của Nguyễn Huy Thiệp, chỉ phải cắt hai chữ). Em đã đồng ý với phương án là bỏ "Ngài Thanh Tra Chính Phủ" đi để có thể ra được. Nhưng cho đến nay, mọi chuyện vẫn chưa rõ ràng, mới cách đây vài ngày, chị ấy cho em biết, thậm chí còn phải cắt bỏ nhiều hơn phương án của nhà xuất bản Hội Nhà Văn. Hiện chị ấy đang đang xoay đến cửa cuối cùng, không biết nó có mở ra không (...)*

Hy vọng sách ra ở Việt Nam là gần như tiêu tan rồi..."

(Phạm Thị Hoài - *thư riêng đề ngày 12 tháng 4, 1993*)

Hợp Lưu

Sau *Thiên sứ* xuất bản năm 1989, *Mê Lộ*, năm 90, *Từ Man Nương Đến AK Và Những Tiểu Luận*, tác phẩm mới nhất của Phạm Thị Hoài vừa do Hợp Lưu xuất bản tại Hoa Kỳ, là một tác phẩm quan trọng trong tiến trình văn học của Phạm Thị Hoài và văn học Việt Nam hiện đại. Tác phẩm này xác định chủ đích đổi mới văn chương mà Phạm Thị Hoài đã mở đường bằng *Thiên Sứ* và *Mê Lộ*. Phong cách khai quang ấy xuất hiện dưới hai hình thức:

- Cập nhật hóa tản văn với ngôn ngữ các ngành nghệ thuật đương đại như

điện ảnh, hội họa, âm nhạc...

- Từ chối lối kể chuyện một chiều theo trật tự cổ điển, tác giả soi cái nhìn hai chiều vào một hiện tượng: đi từ ngoại cảnh đến nội tâm, hoặc ngược lại. Lối nhìn mới ấy cho phép độc giả tiếp nhận một lúc cả hai khía cạnh: khía cạnh khách quan (nhìn từ bên ngoài của người viết) và khía cạnh chủ quan (nhìn từ bên trong của chính hiện tượng vừa được viết ra).

Đó là lối viết flash (nói kiểu điện ảnh) hoặc lập thể (nói kiểu hội họa), chủ yếu nằm trên sự *cắt* đứt mạch tư tưởng bằng những grosplan thoáng qua trong đầu. Điều này thường xảy ra trong trí óc chúng ta (đang nghĩ chuyện này nhảy sang chuyện khác): ý nọ *nhằng* ý kia (chữ của Nguyễn Tuân)). Nhưng chính sự "nhằng nhịt" ấy mới là tư tưởng trong trạng thái tinh chất.

Sự chuyển mình của Phạm Thị Hoài hình thành qua cách đặt câu hỏi: Trước hết, viết là gì?

Viết, theo Phạm Thị Hoài, là một cách ứng xử với bản thân mình và ứng xử với môi trường.

Như thế nghĩa là thế nào? Nghĩa là Phạm Thị Hoài không viết về một cái gì, không hề thuật chuyện, không hề kể chuyện. Mà Phạm Thị Hoài chọn cách thuật, cách kể, cách thể hiện chữ nghĩa để nói lên tư tưởng của mình. Và chính cái tư tưởng ấy cũng không có tham vọng "giải quyết" gì cả: đọc xong "câu chuyện", không những "vấn đề" vẫn còn nguyên, mà còn đưa đến trăm ngàn "vấn đề" khác. Phạm Thị Hoài sử dụng ngôn ngữ như một chất liệu hơn là một ký hiệu. Ở điểm này, Phạm Thị Hoài gần gũi với các họa sĩ, nhà thơ, điện ảnh gia, kịch tác gia hơn là các tiểu thuyết gia kể chuyện theo lối cổ điển.

Tác phẩm *Từ Man Nương Đến AK Và Những Tiểu Luận* được chia làm năm phần. Xuyên qua 5 phần ấy, ngôn ngữ giữ những chức năng khác nhau:

Phần I: Gồm hai tùy bút, thật ra là hai bản giao hưởng: giữa ngôn ngữ và tình yêu (trong "Man Nương"), giữa ngôn ngữ và những kỷ niệm một đời phong trần (trong "Kiêm Ái").

Phần II: Gồm một bài tường thuật và một bài tham luận: "Cuộc Đến Thăm Của Ngài Thanh Tra Chính Phủ" và "Nền Cộng Hòa Của Các Nhà Thơ". Hai bài này viết theo thể lý luận bằng ngụy biện và phản chứng.

Phần III: Gồm hai truyện ngắn, vừa có tính cách siêu thực: pha trộn dĩ vãng và thực tại, thực tại và ảo giác; vừa có tính cách cực thực: phá vỡ mọi ảo tưởng về cuộc đời, với tựa đề "Một Anh Hùng" và "Những Con Búp Bê Của Bà Cụ".

Phần IV: Truyện ngắn "Thuế Biển" dạo đầu cho tiểu truyện "Thày AK, Kẻ Sĩ Hà Thành", tác phẩm then chốt của Phạm Thị Hoài.

Phần V: Gồm ba tiểu luận. "Viết Như Một Phép Ứng Xử": bàn về quan niệm viết của tác giả. "Một Trò Chơi Vô Tăm Tích": nói về chức năng của văn chương và "Văn Học Và Xã Hội Việt Nam": luận về cách sử dụng văn học trong đời sống Việt Nam.

Những phân đoạn trên đây có vẻ như không liên lạc gì với nhau nhưng toàn bộ tổng hợp chặt chẽ đường lối đổi mới bút pháp và cách thị sát con người của Phạm Thị Hoài. Trong năm phần, chỉ có phần thứ nhì và phần thứ năm Hoài dùng ngôn ngữ như một ký hiệu thông thường để dẫn giải và lý luận. Những phần còn lại, ngôn ngữ được sử dụng như một chấn liệu phản ánh tư tưởng trong trạng thái nguyên thủy, chưa pha trộn màu mè, chưa được sắp xếp thứ tự như khi đã phát âm ra ngoài thành tiếng nói, và lại càng không phải là thứ ngôn ngữ mà *nhà văn* đã dàn xếp với những quy luật, xảo thuật, lớp lang, với hàng hà sa số hư từ, liên từ, giới từ, chấm, phẩy, rườm và cộm để bao bọc chữ nghĩa.

Gọt cái vỏ ngoài đi, Phạm Thị Hoài làm hiện hình ngôn ngữ nguyên chất: sắc, thô, gai góc, và thể hiện nó dưới một quan niệm mỹ học khác, dựa trên những điểm:

- Gợi nhạc trong âm điệu thầm của các thanh âm.

- Gợi hình trực tiếp bằng *từ vựng chiến lược*, hoặc gián tiếp qua *ẩn dụ công phá.*

- Phô bày một lúc hai lớp lang: vừa hiện tượng (qua cách tả), vừa bản chất (qua cách luận), cả hai phong cách xen kẽ nhau, trùng hợp nhau, làm nên một hợp chất cô đọng, súc tích, nhiều hình ảnh, châm biếm, chua cay, mà cũng thấm đậm, đau đời.

Ngôn ngữ Phạm Thị Hoài do đó vừa gọn, sắc và có chất thơ đối với người đồng điệu, vừa khó hiểu đối với người không cùng độ nhạy cảm và quan điểm thẩm mỹ. Ngôn ngữ ấy cần sự cộng tác của người đọc. Độc giả không đọc Phạm Thị Hoài như đọc một câu chuyện kể theo mạch cổ điển, đọc đâu hiểu đấy, mà vừa đọc vừa khám phá, vừa phải "nhai lại" những điều vừa đọc, đối thoại với chính mình và đối thoại với tác giả. Nói cách khác: đọc Hoài cũng là một cách *ứng xử*, với mình, với tác giả và với môi trường. Đọc như thế đòi hỏi một phong cách trí thức - trí thức hiểu theo nghĩa là người biết suy nghĩ mà văn hay - những người có bằng cấp cao không hẳn là một phạm trù.

*

Man Nương, tại sao lại Man Nương? Man Nương có liên quan gì đến người con gái trong truyền thuyết "Truyện Man Nương" ghi trong *Lĩnh Nam Chích Quái*? Hay là người con gái thổ dân miền sông Đà, núi Tản, xưa gọi là Man, nay là Mán? Chắc là có. Man là một biến tự (anagrammme) của Nam - tên thật của Hoài. Nhưng những điều ấy không mấy quan trọng, Man Nương vừa là bản giao hưởng của tình yêu, vừa chứng minh một thử nghiệm bút pháp. Mạch văn ở đây diễn tả trực tiếp tư tưởng lóe ra trong đầu với cường độ nhanh, chậm, đứt khúc, ghềnh, thác của một dòng sông. Nói như một nhà âm nhạc: "dòng chảy trong đầu tôi" thì Man Nương chính là "dòng tư tưởng chảy trong đầu người tình" từ khi người yêu đến cho đến lúc nàng đi, mỗi buổi chiều từ hai giờ đến bốn giờ, trong căn phòng xanh lơ, vuông vắn (4mx4m5) và chiều cao standard 2m8: kích thước tiêu chuẩn của một đời sống bình

thường. Và tình yêu cũng bình thường, trần trụi không màu mè, son phấn như trong các tiểu thuyết bán chạy, giữa một người đàn ông "khẳng khiu, nhan nhản xương" với một người đàn bà có "khuôn mặt và mái tóc không cùng ê-kíp". Man Nương là sự tiếp xúc trực tiếp bằng thị giác, thính giác, xúc giác và tâm linh giữa hai cá thể. Man Nương là lưu lượng chan hòa của tình yêu trong nhịp dập thiết tha và dồn dập nhất: bản giao hưởng nhẹ tấu lên khi Man Nương se sẽ bước vào phòng:

Man Nương, tôi gọi em như vậy những buổi chiều bốn mét nhân bốn mét rưỡi nhân hai mét tám màu xanh lơ trong căn phòng trống rỗng tầng ba có hai nhành xanh một thứ cây nào đó tôi không bao giờ biết tên.

Man Nương em không rón rén nhưng cũng không thật đàng hoàng băng qua một hành lang dài bếp dầu hôi chậu và guốc dép vải như kẹo trước mỗi cửa phòng phòng nào cũng bốn mét rưỡi nhân hai mét tám màu xanh lơ (trang 10).

Thử đọc to lên, chúng ta mới thấy văn trong Man Nương không thể đọc vì sự phát ngôn không bắt kịp nhịp chữ và lượng chữ dài hơn lượng thở. Ngôn ngữ ở đây là những "tiếng thầm" biến tấu trong đầu khi dồn dập, khi xô lệch, khi cao, khi thấp, khi buông, khi thả, tùy theo động tác thể xác hay suy tưởng tâm linh. Chức năng ngôn ngữ ở đây là gợi hình, biểu cảm, môi giới cho cảm xúc giữa hai người tình. Những hình ảnh nhấp nhô không chỉ là những hình ảnh đẹp mà còn xen lẫn những góc cạnh méo mó, lệch lạc của đời thực: *đã bao lần em gắng thu xếp một tư thế lý tưởng nào đó lúc thì giấu giếm ngực lúc xua đuổi hai cái xương chậu và chủ yếu là thủ tiêu những đường cong ngược, ôi Man Nương!* (trang 11).

Man Nương không phải là bản giao hưởng du dương trầm bổng trong không khí lãng mạn "tiểu thuyết" mà là một bản nhạc khác thường, hiện đại, cực thực, với những sần sùi, gai góc, những đường cong ngược... trên thân thể và tâm hồn con người ngay trong phút giây cực lạc. Ngòi bút sắc và đôi mắt sáng của Hoài không ở đó để ghi lại *khía cạnh đặc dị* (singularité) của đời sống mà để khai quật, mổ xẻ, lột mặt nạ (démasquer) *khía cạnh bình thường* dưới nhiều lăng kính, nhiều góc độ khác nhau. Nếu văn cổ điển dùng *sự thành thực* làm chuẩn thì văn của Phạm Thị Hoài dùng *sự thực* làm chuẩn. Điểm khác nhau và cái mới là ở chỗ đó.

*

Đối với Phạm Thị Hoài, mẹ Việt Nam không phải là hình ảnh những bà mẹ Âu Cơ, đẻ ra trăm trứng, trứng rồng, trứng tiên. Cũng không phải là những bà mẹ kháng chiến huyễn hoặc và thần thoại trong thơ Tố Hữu. Mẹ Việt Nam của Phạm Thị Hoài là bà mẹ trong "Kiêm Ái", sống trong những căn buồng cũng giang hồ như những *ga tàu treo, cái gì cũng chuẩn bị nhổ neo*, những bà mẹ bán trôn nuôi miệng, bán tấm thân trần hình cong chữ S, *sần sùi bờ biển vĩ độ mười hai mười ba*, để mua về những kỷ niệm rách nát, treo lủng lẳng trên tường. Những bà mẹ bị những đứa con khôn sớm nhìn sõi vào

từng vết tích kệch cỡm, chiếu kính hiển vi vào từng sợ dây thần kinh nhàu nát của cuộc đời phong trần, trụy lạc, càng này càng nhão mãi ra. Những đứa con ấy còn nhẫn tâm khai quật quá khứ, cả những tầng "người người lớp lớp" đã chôn sâu dưới lòng đất mà mùi xú uế còn không ngớt xông lên. Những đứa con quật mồ ấy không nhân nhượng với quá khứ gian dối của cha và hiện tại giang hồ của mẹ. Cũng phải.

Mẹ Việt Nam của Phạm Thị Hoài còn là những bà cụ *mũi nhăn nheo như một quả chuối khô giữa mặt* ngồi bên Bờ Hồ, bán nnhững đứa con do chính bà sản xuất ra. Những đứa con gái ấy có vóc dáng như thế này: *Một con áo cộc tay chấm đỏ, vạt sa, quần cháo lòng ống sớ, đi hài thun đỏ đế trắng. Một con mặc bộ ca-rô xanh nhạt, cổ viền valide nâu, ủng trắng mềm lót đế giả da nâu. Một con áo chẽn vải bạt, ve to vành nhạt, quần lửng cũng vành nhạt và đôi hài đế vàng...* ("Những Con Búp Bê Của Bà Cụ").

Những vóc dáng dệu dạo bán ba mươi đồng không ai thèm mua ấy được Phạm Thị Hoài sinh động hóa thành những thiếu nữ Việt Nam - không phải là những *thiếu nữ da vàng, yêu quê hương như yêu người yếu kém* trong nhạc Trịnh Công Sơn - người thiếu nữ Việt Nam của Phạm Thị Hoài, ngày hôm nay là những *con bé nhà hàng xóm bên phải đang cầm chặt chiếc tích-kê trong tay chờ nạo thai lần thứ ba trong vòng một năm rưỡi. Bạn đừng hình dung nó là đứa con gái trơ tráo nhảy tót lên bàn nạo xong rồi phủi đít trèo xuống. Lần nào nó cũng khóc mùi mẫn đủ ba mươi phút tiêu chuẩn trước khi phải nhường giường cho người tiếp theo. Đáng lẽ phải khóc cho cái tình yêu vừa bị vét ra bằng hết thì nó lại chỉ khóc vì bị bác sĩ chửi mắng, làm như nếu được đối xử nhẹ nhàng hơn thì nó còn năng lui tới đây hơn (...)*

Trong khi đó thì con bé nhà hàng xóm bên trái đã hoàn thành thêm một chùm thơ mới toanh, dĩ nhiên nói về tình yêu là cái nó chưa hề nhấp thử một giọt (...). Nó viết những bài thơ giống như của các thi sĩ nổi tiếng phương Đông, những người chỉ ưa tiêu diêu du, thơ nó có nước sông Hoàng tuôn từng dòng lớn từ trên trời xuống, có núi Thiên Mụ, có bến Tầm Dương, có những tâm sự đột ngột xuống hàng (...) Phố tôi lại khoái những cảm xúc bịa rất dở của nó, người nào không thấy hay thì vỗ tay đen đét vào trán mình tự trách không đủ trình độ thưởng thức (...). Con bé bèn làm thêm những bài thơ vạch trần tội ác xã hội mà nó đọc được trong đống báo cũ mua về để gói cà (...)

Những vại cà được bảo trợ bắt đầu đóng váng mà con bé không hay biết, nó còn đang ở trong thời quá khứ, cái gì cũng khắc biến thành dĩ vãng liêu xiêu, vẫn bịa dở như bao giờ. Tôi đến huơ huơ đồng bạc trước mắt nó và bảo, hai trăm này, hai trăm này, để nhắc nó ra khỏi cái quá khứ không hề có, nước sông Hoàng chảy như thế là nhiều rồi (trang 95, 96, 97, 98).

Sự *nhẫn tâm* của tác giả lúc nào cũng chờ đợi và sẵn sàng chọc thủng bất cứ màng lưới nào chắn che sự thật kèm thêm việc sử dụng *ẩn dụ công phá* để sai khiến hình ảnh về hùa, phóng ra những tấm portrait, những nhận xét, hay những cảnh huống, khi thì hài hước, khi thì nên thơ, khi cay đắng, tàn nhẫn

đến lạnh người, đại loại:

Một bên mi giả của nàng sắp rơi và hai quả đồi non trên ngực nàng so le nhau, mỗi quả ở một độ cao, có lẽ do đắp vội (trang 92).

Kỷ niệm còn là những vết thủng trên tường bê-tông... một đồ đạc treo nặng tình nghĩa nào đó đã sơ tán... Mẹ con em sống kiểu thời chiến, kỷ niệm cũng ngụy trang, vội vội vàng vàng.

Có lúc em muốn châm lửa đốt sạch, giải tán luôn cái nhà ga này, hay tế nhị hơn: dùng chiếc quạt tai voi già nua xua tơi tả đống kỷ niệm không chịu tự động hành quân ấy ra ngoài cửa sổ, cho chúng đậu xuống mái nhà tầng dưới... (trang 22)

Nửa Nam đất nước thì nhuốm màu cải lương, nửa Bắc thì tỉ tê em chã (trang 113)

Văn sĩ và họa sĩ là hai thứ duy nhất ở Hà Nội có thể sánh với phù sa sông Hồng, dày đặc và vô tận (trang 127).

Tượng là những hình khối cực kỳ tiên tiến của tâm linh, đứng giữa cuộc giao hoan tưng bừng của các thời đại đá đồng gốm sắt ấy ta mới được biết tâm linh của chúng ta vón cục như thế nào, rổ chằng rổ chịt như thế nào (trang 129).

Phạm Thị Hoài tạo ra một thế giới đa diện: vừa có thực, cực thực và mộng ảo, siêu thực. Tác dụng của ẩn dụ biến những hình hài cụ thể trở thành trừu tượng và những kỷ niệm trừu tượng trở thành cụ thể để Hoài vẽ - một hiện tượng - với ít nhất một ảnh thật, một ảnh ảo về một ảo ảnh và với lượng chữ nhỏ nhất. Nếu những tác giả trước Hoài vung vít chữ nghĩa thì tới Hoài, chữ nghĩa đó được tiêu xài dè sẻn, nếu không muốn nói là tiết kiệm tới độ tối đa.

*

Những bài viết trong phần II, có tựa là "Làng Đình", đứng riêng một thể loại khác, gồm một bài tự thuật và một bài tham luận. Bài thứ nhất, "Cuộc Đến Thăm Của Ngài Thanh Tra Chính Phủ" là lời của một "dân làng" vừa "tâm sự" vừa "giải thích" lý do tại sao Làng Đình vắng bóng nhiều thứ như: khoa học, triết học, thi ca v.v... Tóm lại, những thứ đó đối với họ đều "phù phiếm" cả. Tay ấy lý luận như thế này: sở dĩ chúng tôi không có các nhà thơ, vì chúng tôi không coi *việc bầu trời xanh trong mắt một người đàn bà là một nội dung ra hồn, bầu trời quê tôi xanh hay không, điều đó phụ thuộc vào thời tiết và được phản ánh trung thực trong mắt tất cả một ngàn nhân khẩu, hơn hai trăm hộ... chứ đâu phải độc quyền miêu tả của riêng ai...* (trang 41). Chúng tôi không có triết học bởi vì các triết gia thuộc loại ưa giật dây kẻ khác, làm lũng đoạn xã hội, khi họ còn sống đã đành, mà ngay cả khi *họ đã yên phận đâu đó ở thế giới bên kia, họ vẫn tiếp tục già mồm triết lý*. Cho nên, *họ chính là những kẻ đầu têu nguy hiểm nhất* (trang 43).

Cái lối lý luận *gàn* này gồm thâu cả *nguỵ biện* lẫn *phản chứng* cứ từ từ dẫm lên những thực trạng - mà bình thường ta gọi là *thảm trạng* - bằng thứ ngôn ngữ hóm hỉnh, hài hước, khiến người đọc càng nghiền ngẫm càng thú vị và cái thú vị càng cao thì cái chua cay càng lớn. Phạm Thị Hoài từ chối loại "câm

xúc" dễ dàng trực tiếp. Hoài lựa chọn gián tiếp: muốn khóc phải cười trước đã.

Bài tường thuật kết thúc trong chủ ý: Anh đã lường gạt dân quá nhiều lần, thì lần cuối anh có muốn nói thật, muốn *đổi mới thật*, họ cũng không tin.

Làng Đình với bốn bức cổng chào, chỉ là hình ảnh nước Việt bế quan tỏa cảng, thu gọn lại. Bao nhiêu năm bị giam hãm, bưng bít trong bốn bức tường, không cần đến các thứ "văn minh văn hiến" đó thì ngày nay, *ích gì mà phải đổi mới?*

Đối lập với tiếng nói của nhân dân là bài tham luận của một ông quan văn tựa đề "Nền Cộng Hoà Của Các Nhà Thơ", trong đó diễn giả mô tả một nền cộng hòa văn học mà đội ngũ nhà thơ được tổ chức theo phạm trù quân sự: gồm thi sĩ thường và sĩ quan thơ ca. Sĩ quan thơ ca lại có ngạch trật: dự bị, úy, tá, tướng và nguyên soái, với một ban tham mưu, một bộ tư lệnh và hai tổng tư lệnh toài cõi thơ: *Về toàn cục, lực lượng thơ ca sẽ được tổ chức thành thi đoàn, gồm các nhà thơ chủ lực, và thi khu của các thi sĩ địa phương (...) Chúng ta sẽ có các bộ phận thơ chỉ huy, hậu cần, phòng không, văn công, đặc nhiệm, đại bác, cảm tử, thiết giáp... nói chung rất là phong phú. Một tòa án đặc biệt chuyên ngành, vâng, tòa án binh, sẽ tập trung xét xử những vi phạm đẳng cấp và nghi thức trong nội bộ đội ngũ các nhà thơ-chiến sĩ (...) Cái đẹp loại một, loại hai, cho chí cái đẹp hạng bét không còn pha trộn tùm lum như trong thùng nước mắm mậu dịch* (trang 66, 67)

Cái cười ở đây xác nhận tâm cảm bi quan tột độ của Phạm Thị Hoài trước xã hội Việt Nam hiện tại.

Hai bài viết trong phần "Làng Đình" đã là lý do chính khiến tác phẩm không thể xuất bản được tại quốc nội.

*

Những bài viết trong ba phần đầu cho chúng ta khái niệm tổng quát về con người và xã hội Việt Nam. Nhìn sâu, từ người mẹ giang hồ trong "Kiêm Ái" đến "Những Con Búp Bê Của Bà Cụ" hay những "Anh Hùng" chỉ là những nạn nhân của xã hội. Ngay cả ông quan văn sáng chế ra cái nền cộng hòa bất hủ của các nhà thơ cũng chỉ là thứ sản phẩm tất yếu của một xã hội thượng thừa quy chế quân luật và bao cấp.

Phần thứ IV với truyện ngắn "Thuế Biển", tác giả đưa ra một mô hình "thủ phạm", để dẫn tới phần V, thầy AK., điển hình cho các khuôn mặt thủ phạm khác đã cấu tạo nên cái xã hội ấy. Người đàn ông trong "Thuế Biển" mới chỉ là nét phác, sơ đồ của một thứ "lương tâm" luôn luôn được *đánh bóng mạ kền*, thứ người *trọng danh dự, trọng chữ nhân tâm*, một loại "đức Chúa hằng sáng", đức Phật từ bi. Những "đức tính" ấy của người đàn ông làm nên *cái diện mạo tinh thần của cả một cộng đồng?*

Và tất cả những *cố gắng để làm vừa lòng kẻ khác* của ông khi đi chơi với người con gái: *ngôn từ, ngôn từ, rồi lại ngôn từ*... làm cho ông ta trùng hợp với Pandora (người đàn bà đầu tiên trên trái đất, trong thần thoại Hy Lạp, trách

nhiệm đem cái xau đến cho nhân loại) và đã dẫn đến cái *acte gratuit (chữ của Gide) hành động vô cố cuối cùng và lạnh lùng của người con gái: Tôi giơ tay ra, rất nhẹ, và nhìn theo cho đến khi mái tóc tóc người da đỏ của ông ta mất hút giữa những làn sóng biển. Dưới đó không có bảo hiểm.*

Sau lưng tôi là tiếng rú của một ni cô. Tiếp theo là a di đà phật (trang 117).

Thuế Biển với kết từ dứt khoát và lạnh lùng: lương tâm thật (người con gái) loại trừ lương tâm giả (người đàn ông), mới chỉ là khúc nhạc dạo đầu cho tiểu truyện *Thầy AK, Kẻ Sĩ Hà Thành*, trong phần V.

Phần tối thượng trong tác phẩm, Phạm Thị Hoài dành riêng cho giới trí thức văn nghệ sĩ với tiểu truyện "Thầy AK., Kẻ Sĩ Hà Thành bằng ngòi bút tuyệt xảo trong sự châm biếm.

Thầy AK., một thứ thầy đời, một kẻ sĩ chính hiệu, AK gồm thâu toàn bộ đức tính của mười hai đệ tử của chàng:

- Kẻ sĩ thứ nhất ưa dự án, phác họa và đề cương.
- Kẻ sĩ thứ nhì: có thể viết ngàn trang sách mà không cần hiểu nghệ thuật là gì.
- Kẻ sĩ thứ ba: vừa là họa sĩ kiêm điêu khắc, tác phẩm lổn nhổn những nỗi đau xoắn vặn mù mịt vào nhau, *những nỗi đau rỗng và láo toét như những khẩu hiệu chính trị.*
- Kẻ sĩ thứ tư thuộc loại mình tự xỉ vả mình: bao nhiêu điều xấu trên đời tôi nhận hết - tôi cầu kinh sám hối.
- Kẻ sĩ thứ năm: bao nhiêu xấu xa thuộc người khác, *chúng nó khốn nạn thật, chúng nó dạo này làm căng, chúng nó không để cho mình yên đâu...*
- Kẻ sĩ thứ sáu: Chuyên xưng tụng những khuôn mặt sống nổi danh nhất ở đất Hà Thành. Qua họ, chàng nhận ánh hào quang ké và phản xạ lại: chàng sáng hơn họ.
- Kẻ sĩ thứ bảy: thuộc lòng các vĩ nhân đã chết. *Voltaire nói thế này, Goethe nói thế kia...*
- Kẻ sĩ thứ tám: Là đấng học sĩ chính qui, phó tiến sĩ, phó viện trưởng, phó giáo sư, hiên ngang quẳng những danh giá văn bằng vào sọt rác mà chúng ta ngẩn ngơ nhặt lên và tiếc của.
- Kẻ sĩ thứ chín: là một anh nhà quê, hiền lành ngồi nghe và chu đáo trả tiền khi tất cả đều bước ra khỏi quán.
- Kẻ sĩ thứ mười: là một nhà phê bình nghệ thuật tuyệt đối tránh dùng thể khẳng định mà chỉ ưa những *phải chăng, có phải, có lẽ, dường như, nếu như, đâu như...*

Mười vị đó cộng thêm cô học trò Kiều Mai và một đệ tử thứ mười hai, vẽ nên toàn diện các khuôn mặt sĩ phu Bắc Hà.

Trong lối công phá những sâu mọt xã hội, Phạm Thị Hoài không thèm đếm xỉa đến những thứ mà mọi người chờ đợi. Chính quyền nếu có xuất hiện trong tác phẩm chỉ là thứ chính phủ mà người dân không thèm biết *nằm ở đâu, ở hướng nào dưới gầm trời mênh mang này* (trang 16) hoặc ám chỉ mông

lung: *bây giờ chúng ta đang ở trong một ngôi miếu thờ Ông Rắn mà dân bản xứ công kích gọi là Người* (trang 146). Chữ *Người* viết hoa: Đó là cách miệt thị gián tiếp.

Đối tượng của Phạm Thị Hoài, ở đây, là những bộ mặt trí thức văn nghệ sĩ, xúc không hết, *có thể so sánh với phù sa sông Hồng dày đặc và vô tận*. Và thầy AK là một biểu tượng.

AK - có thể là một khẩu súng - biểu tượng của sự phá hoại.

AK - có thể là do chữ AQ của Lỗ Tấn và chữ K, nhân vật chính của Kafka trong hai tác phẩm *Vụ Án* (Le Procès) và *Lâu Đài* (Le Château) ghép lại. hai tác giả mà Phạm Thị Hoài khâm phục và ảnh hưởng.

Nếu AQ điển hình cho những bộ mặt Trung Hoa thời Lỗ Tấn thì AK là khuôn mặt điển hình mà Phạm Thị Hoài chọn lựa cho xã hội Việt Nam ngày nay.

Phạm Thị Hoài mở đầu bằng hình ảnh hóa thân mà Kafka bày ra trong La Métamorphose: anh chàng Gregor Samsa sáng dậy tự nhiên thấy mình biến dạng thành một con bọ khổng lồ. Sự thoát xác của nhân vật trong truyện Kafka - cuốn sách mà thày AK vừa đọc và không hiểu và gán cho nó ý nghĩa "luân hồi" chỉ là cái cớ để Phạm Thị Hoài nói về cái dốt của người trí thức và mở đầu cho cuộc phiêu lưu mang hình thức thánh giáo của hai thầy trò AK, trong một xã hội mà bản chất lương thiện đã bị thầy trò AK làm ô nhiễm đến tận xương tủy.

Nếu AQ của Lỗ Tấn là nạn nhân của xã hội Trung Hoa thời đầu thế kỷ thì AK của Phạm Thị Hoài là thủ phạm đã ô nhiễm xã hội Việt Nam hiện nay. AK là ai? AK là những người giả hiền, mang mặt Chúa, Phật đi truyền giáo.

Những trí thức ấy lừa bịp bản thân và lừa bịp quần chúng.

Họ là những nhà văn tự lừa đảo trong văn phong, trong tư tưởng... họ sát nhân bằng ngôn ngữ, bằng ngòi bút.

Họ là những thầy thuốc chữa bách bệnh bằng dầu cù là.

Họ là những thầy giáo dạy học trò bằng lộng ngôn và ngoa ngữ.

Họ là những con bù nhìn chính trị, suốt đời chỉ biết nhai lại độc một bản diễn văn.

Họ là những thi sĩ làm thơ bằng cảm xúc bịa.

Họ là những họa sĩ, điêu khắc gia sáng chế những quần quại giả tưởng...

Không khí trào lộng và hý lộng trong cuộc thánh du của hai thầy trò AK càng cao thì bản cáo trạng càng dài.

*

Phạm Thị Hoài là một người trí thức công khai nhìn nhận trách nhiệm của người trí thức. Trách nhiệm trước tiên đối với bản thân, sau đó với chữ nghĩa và sau cùng với người đồng loại.

Paris 17.4.93

THỤY KHUÊ



MILAN KUNDERA
TRỊNH Y THƯ *chuyển ngữ*

nhẹ kiếp nhân sinh

(*Tiếp theo số 9*)

PHẦN BA

Những Từ Ngữ Bị Hiểu Sai



1.

Geneva là thành phố với những bồn phun nước lớn nhỏ, những công viên nơi có thời vang lừng tiếng nhạc. Ngay cả khu trường đại học cũng nằm khuất sau những lùm cây. Franz vừa dậy xong lớp học chiều. Lúc anh bước chân ra khỏi giảng đường, vòi phun nước đang thi nhau bắn lên không những cột nước trắng bạc tưới xuống thảm cỏ xanh. Lòng anh rộn rã niềm vui. Anh đang trên đường đến thăm cô nhân tình anh ở cách đó vài con đường.

Anh đến nhà cô luôn, nhưng khi đến anh tự cho mình đóng vai trò người bạn chứ không phải người tình. Bởi vì nếu anh làm tình với cô nơi phòng vẽ của cô ngay tại Geneva này thì hóa ra anh là người đàn ông đi từ người đàn bà này sang người đàn bà khác, từ vợ sang tình nhân rồi lại về với vợ, trong cùng một ngày. Và thêm nữa, ở Geneva vợ chồng ngủ với nhau theo kiểu Pháp, tức là chung một giường, anh biến thành gã đàn ông bò từ giường người đàn bà này sang giường người đàn bà khác trong khoảng thời gian vỏn vẹn vài tiếng đồng hồ. Anh thấy điều đó xúc phạm cả vợ lẫn tình nhân, và cuối cùng đến cả anh nữa.

Hai người yêu nhau được mấy tháng rồi. Tình yêu anh dành cho cô quý

giá đến độ anh cố tạo riêng cho nó một chỗ đứng độc lập trong đời sống anh, một vùng đất tinh khiết được bao che chặt chẽ, trong đó anh cất giấu hình ảnh cô. Anh thường được mời đi diễn thuyết tại các trường đại học nước ngoài và khác với lúc trước, anh không từ chối một lời mời nào cả. Thế vẫn chưa đủ, anh còn phải bịa ra những hội nghị, những phiên họp tưởng tượng để kiếm cớ vắng nhà. Cô nhân tình của anh, không bị ràng buộc bởi việc làm, có mặt bên anh trong tất cả những lần đi nói chuyện đó, những buổi diễn thuyết có thực cũng như do anh tưởng tượng ra. Thế là, chỉ sau một thời gian ngắn ngủi, anh đưa cô đi thăm rất nhiều thành phố ở Âu-châu và một thành phố Mỹ-châu.

"Mười hôm nữa em đi Palermo với anh nhé." Anh hỏi cô.

"Em thích Geneva hơn." Cô trả lời, mắt vẫn chăm chú xem xét một bức tranh đang vẽ dở.

"Không đi thăm Palermo mà em sống được à?" Franz hỏi lại, cố gắng làm cho không khí tươi vui lên.

"Em thấy Palermo rồi."

"Em thấy rồi?" Giọng anh đượm chút ghen tuông.

"Một người bạn có lần đi Palermo gửi về cho em một tấm bưu thiếp. Em dán nó trên toa-lét, anh không thấy sao?"

Rồi cô kể anh nghe một câu chuyện: "Hồi xửa hồi xưa, vào khoảng đầu thế kỷ, có người thi sĩ già. Ông già đến nỗi người môn đệ phải xốc nách đỡ ông lên mỗi khi ông bước chân ra ngoài. Một hôm, người môn đệ nói. 'Ô kìa, thầy! Nhìn lên trời mà xem. Lần đầu tiên có phi cơ bay trên thành phố.' Cụ già không buồn ngẩng đầu lên, mắt vẫn nhìn xuống đất, trả lời người môn đệ: 'Thầy có hình của nó rồi.' Em có bức hình thành phố Palermo. Nó cũng có chừng đó khách sạn và chừng đó xe cộ như tất cả các thành phố khác. Và phòng vẽ của em luôn luôn có những bức hình mới lạ."

Franz thấy buồn bã. Anh đã quá quen với cách ràng buộc liên hệ tình cảm giữa hai người bằng những chuyến du lịch ra nước ngoài, đến nỗi câu nói "Chúng ta đi Palermo đi!" thực ra chỉ là gợi ý "Chúng ta hãy làm tình đi!" và câu trả lời "Em thích Geneva hơn" chỉ có thể chứa đựng một ý nghĩa: cô hết thấy ham muốn anh rồi.

Tại sao anh lại cảm thấy bất an đến như vậy? Đã có tín hiệu gì khiến anh phải lo sợ đâu! Sự thực, chính cô đã tấn công anh trước, ngay sau khi hai người gặp gỡ nhau lần đầu. Nhân dáng, mặt mũi anh dễ nhìn. Anh lại có địa vị rất cao trong nghề nghiệp. Các đồng nghiệp anh ai cũng phải e dè về tính khí cao ngạo cũng như sự tự tin đến chắc nịch toát ra từ con người anh vào những dịp hội họp giữa những người trong giới. Nếu vậy tại sao anh lại mang canh cánh trong lòng mối lo âu hằng ngày là cô nhân tình của anh đang sắp sửa lìa bỏ anh?

Tôi chỉ có thể giải thích được là, đối với Franz, tình yêu không phải là phần nối dài của đời sống xã hội, mà là cái gì hoàn toàn tương phản. Có nghĩa

tình yêu là lòng mong muốn được quy phục dưới gót chân người tình của mình. Kẻ chịu đầu hàng làm tù binh phải nộp luôn vũ khí của mình chứ. Và vì bị tước đoạt mất cái khả năng tự vệ dùng để chống trả lại cú đánh phủ đầu, hắn ta không tránh được mối lo sợ thường xuyên không biết lúc nào cú đánh sẽ đổ ụp xuống. Đó là lý do tại sao tôi dám đoan chắc, đối với Franz, tình yêu đồng nghĩa với sự chờ đợi cú đánh chí tử từ trên đổ xuống đó.

Trong lúc Franz thừ người ra với nỗi buồn bực của mình, người đàn bà buông cọ vẽ xuống và khuất mình vào gian buồng bên cạnh. Cô trở ra với chai rượu trên tay. Cô mở rượu, không nói không rằng, rót ra ly cho hai người.

Ngay tức khắc, Franz thở ra nhẹ nhõm và anh thấy hơi khôi hài. Câu nói "Em thích Geneva hơn" không có nghĩa cô từ chối, không chịu làm tình với anh nữa, ngược lại, nó ngụ ý cô đã chán cảnh phải giới hạn chỉ được yêu nhau ở các thành phố nước ngoài.

Cô giơ ly rượu lên rồi đưa vào môi uống cạn. Franz làm theo cô. Dĩ nhiên, anh thấy sung sướng vô cùng vì lời từ chối đi Palermo của cô thực ra là lời kêu gọi tình yêu, nhưng anh lại thấy vẩn vơ lo lắng một mối lo khác: cô nhân tình của anh có vẻ như sẽ quyết liệt vi phạm vùng đất tinh khiết do anh tạo ra cho mối liên hệ giữa hai người; cô không chịu hiểu giùm anh những cố gắng anh lúng túng làm chỉ cốt để tình yêu hai người bớt đi vẻ vô vị, nhàm chán và tách biệt nó ra khỏi ngôi nhà hôn nhân của anh.

Thái độ tự trói buộc mình không được làm tình với cô ở Geneva thực ra chỉ là hình thức Franz tự trừng phạt về tội đã kết hôn với người đàn bà khác. Anh mang trong người cái mặc cảm có điều gì tội lỗi hay không toàn vẹn. Mặc dù chuyện chăn gối giữa vợ chồng anh thực tình chẳng có gì đáng nói, anh vẫn ngủ chung giường với vợ, vẫn nửa đêm thức giấc trong hơi thở nặng nề của nhau và hít vào phổi mùi vị, hơi hướm trên thân thể nhau. Đúng, anh muốn ngủ riêng một mình một giường, nhưng chiếc giường hai người nằm chung vẫn là biểu tượng cho sự ràng buộc trong hôn nhân và như chúng ta biết, cái gì đã là biểu tượng rồi thì trở nên bất khả xâm phạm.

Mỗi lần nằm xuống bên cạnh vợ trên chiếc giường đó, trong đầu anh lại nảy lên ý nghĩ cô nhân tình anh chắc đang tưởng tượng ra cảnh anh đang nằm cạnh vợ như vầy, và lần nào anh cũng thấy tự xấu hổ với chính mình. Đó là lý do tại sao anh muốn tách rời chiếc giường anh nằm ngủ với vợ ra thật xa, càng xa càng tốt, chiếc giường anh làm tình với người đàn bà họa sĩ, nhân tình của anh.

Người đàn bà rót thêm ly rượu nữa. Cô cạn ly rồi vẫn trong im lặng và với vẻ dửng dưng đến kỳ lạ, như thể quên bẵng sự có mặt của Franz ở đó, cô từ tốn đưa tay lên cởi chiếc áo ngoài. Cô hành động như người sinh viên kịch nghệ đang tập diễn trong lớp học để cả lớp phải tin cô đang ở trong lớp một mình và không ai nhìn thấy cô.

Cô đứng đó, trên người chỉ còn bộ đồ lót. Đột nhiên (như bỗng chợt nhớ ra Franz đang có đó), cô giương mắt nhìn anh trân trân.

Anh hoàn toàn không hiểu nổi cái nhìn. Nó làm anh bối rối. Tất cả những người yêu nhau, dù không chủ ý, đều tự bày ra cho mình những luật lệ của trò chơi tình ái mà ngay từ giai đoạn đầu đã không để bất cứ điều gì vượt qua làn ranh giới hạn. Cái nhìn cô đang dán lên người Franz không có trong những luật lệ của trò chơi tình ái đó; nó không giống bất cứ cái nhìn, bộ tịch nào hai người thường có trước khi làm tình. Nó không mang vẻ khiêu khích hay bỡn cợt; nó mang một dấu hỏi, như đang thắc mắc điều gì vậy thôi. Vấn đề là Franz không chút mảy may có một ý niệm mơ hồ nó đang hỏi cái gì.

Kế đó, cô nhấc chân ra khỏi chiếc áo ngoài, nắm tay Franz và kéo anh đến đứng trước tấm gương lớn treo trên tường. Vẫn nắm tay người đàn ông, cô nhìn vào gương, vẫn cái nhìn như muốn tra vấn điều gì, thoạt đầu nhắm vào chính cô rồi lại quay sang Franz.

Dựng gần tấm gương lớn là một cái giá treo tóc giả, trên đó có chiếc mũ dạ tròn màu đen trông cũ kỹ. Cô cúi xuống, cầm chiếc mũ, rồi đội lên đầu mình. Hình ảnh trong gương lập tức biến đổi: hình ảnh người đàn bà trong bộ đồ lót, kiều diễm nhưng xa lạ và cách biệt, đầu đội chiếc mũ dạ tròn trông lạc lõng đến thảm thương, tay nắm tay người đàn ông cổ cồn cà-vạt, com-lê xám.

Một lần nữa anh lại tự mỉm cười cho sự ngu ngốc của mình không sao hiểu nổi tâm lý cô nhân tình. Cô cởi áo ra không phải để lẳng lơ gợi tình mà như để diễn xuất trong vở tuồng cỏn con kỳ quặc, một tiết kịch chỉ có hai người. Anh nở rộng nụ cười rạng rỡ ra vẻ hiểu biết và chấp thuận.

Anh đợi chờ ở cô một cử chỉ dịu dàng, nhưng cô làm như không biết. Tay vẫn nắm tay anh, cô đứng yên nhìn vào gương, trước nhìn vào chính mình rồi quay sang anh.

Giờ khắc qua đi. Franz bắt đầu thấy pha tuồng (mà anh thấy vui vui nghĩ nó không đến nỗi quá vô duyên) kéo dài quá lâu. Anh sẽ sàng đưa hai ngón tay lên kẹp vành chiếc mũ dạ tròn, nhấc khỏi đầu cô, miệng vẫn mỉm cười, rồi đặt nó trở lại chỗ chiếc giá treo tóc giả. Anh hành động như thể đang cố bôi xóa vệt đen do đứa trẻ tinh nghịch nào vẽ râu lên bức hình Đức Mẹ Đồng Trinh Maria.

Cô giữ vẻ bất động thêm vài giây nữa, mắt vẫn chăm chú nhìn vào gương. Franz phủ lên người cô những chiếc hôn mơn trớn. Anh lặp lại lời đề nghị ban nãy rủ cô mười hôm nữa đi Palermo với anh. Lần này cô ừ, không hỏi han vặn vẹo và anh từ giã cô ra về.

Anh lại thấy lòng tràn ngập niềm vui. Thành phố Geneva, suốt đời anh nguyền rủa nó là một thành phố buồn hiu, bữa nay bỗng trở nên đẹp đẽ và đầy ắp những cuộc phiêu lưu. Lúc ra tới đường, anh ngoảnh cổ lại ngước đầu lên nhìn khung cửa sổ rộng của căn phòng. Cửa sổ được che nắng bằng những tấm bạt sọc. Franz đi tản bộ về phía công viên. Ở đằng xa, nóc vòm màu vàng chóe của ngôi nhà thờ Chính-thống-giáo nhô lên như hai quả đạn đại bác giát vàng như được giữ lơ lửng trên không trung bởi một quyền năng vô hình

nào. Cảnh vật đẹp đẽ. Anh đi về phía bờ hồ, đáp chuyến tàu đưa anh ngược lên hướng bắc nơi anh cư ngụ.

2.

Còn lại một mình trong phòng, Sabina quay lại đứng trước gương, trên người vẫn mặc bộ đồ lót. Cô cầm lại chiếc mũ dạ tròn đội lên đầu rồi ngắm nghía mình trong gương rất lâu. Cô kinh ngạc hết sức khi nhớ lại từng đó năm tháng cô bỏ ra để theo đuổi, tìm kiếm một giây khắc đã mất.

Nhiều năm về trước, có lần đến phòng vẽ thăm cô, Tomas bị chiếc mũ thu hút. Nó kích thích trí tưởng tượng của anh. Anh đội chiếc mũ lên đầu mình rồi nhìn vào gương, cũng tấm gương lớn treo trên tường như tấm đang treo trong gian phòng ở Geneva này. Anh muốn xem bộ dạng, nhân dáng anh trông ra sao nếu anh là viên thị trưởng của thế kỷ mười chín. Lúc Sabina cởi quần áo, anh đặt chiếc mũ lên đầu cô. Hai người đứng trước gương (họ luôn luôn đứng trước gương khi Sabina cởi quần áo) rồi nhìn vào chính mình. Cô chỉ còn bộ đồ lót trên người, và chiếc mũ dạ tròn. Đột nhiên, cả hai người đều bị kích động bởi hình ảnh trong gương.

Cái gì đã khiến hai người bị kích động như vậy? Một khoảnh khắc trước đó, chiếc mũ chỉ là một trò đùa không hơn không kém. Phải chăng sự kích động thực ra chỉ là bước nhỏ đến từ nỗi nực cười?

Vâng, đúng thế. Lúc hai người mới thoạt nhìn nhau trong gương, cô chỉ thấy một cảnh tượng hoạt kê, nực cười. Nhưng đột nhiên, cái tức cười biến thành cái kích động: chiếc mũ dạ tròn không còn là trò đùa nữa; nó mang ý nghĩa bạo hành, sự bạo hành quất lên người Sabina, xúc phạm đến phẩm tiết đàn bà của cô. Cô thấy đôi chân trần trụi của mình và mảng tam giác trái cấm hiện rõ dưới làn vải mỏng. Bộ đồ lót làm cô tăng thêm vẻ kiều my, đầy nữ tính trong khi chiếc mũ thô cứng đầy nam tính lại cố tình chối bỏ điều đó, nó vi phạm và chế giễu vẻ đàn bà của cô. Sự việc Tomas quần áo chỉnh tề đứng bên cạnh mang ý nghĩa hai người không có ý muốn tìm kiếm một trò vui đùa thuần túy (giả như Tomas đang đùa nghịch thì anh cũng sẽ tự lột quần áo ra và đội lên đầu một chiếc mũ tương tự). Đúng hơn, nó là sự nhục mạ. Nhưng thay vì tỏ vẻ khinh thị, không thèm đếm xỉa đến, Sabina lại cố tình khiêu khích, như thể đang tự hiến dâng thân xác để được công khai hãm hiếp. Và đột nhiên, không cưỡng lại được sự thèm muốn, cô kéo Tomas nằm xuống sàn nhà. Chiếc mũ lăn long lóc dưới gầm bàn, hai người ôm nhau lăn lộn trên thảm ngay bên dưới tấm gương.

Nhưng chúng ta hãy trở lại với chiếc mũ dạ tròn:

Thứ nhất, chiếc mũ nhắc nhở một cách hết sức mơ hồ về tổ phụ Sabina, viên thị trưởng của cái thị trấn Bô-hê-miên nhỏ bé vào thế kỷ mười chín.

Thứ hai, chiếc mũ là kỷ vật do cha Sabina để lại cho cô. Sau đám tang cha, người anh trai tìm cách chiếm đoạt hết của cải cha mẹ để lại, và cô, với vẻ khinh bỉ ra mặt, không thèm tranh chấp đòi hỏi một thứ gì, lại còn tuyên bố

với vẻ nhạo báng là gia tài cha mẹ để lại, cô chỉ lấy chiếc mũ dạ tròn mà thôi.

Thứ ba, nó là món vật cô dùng trong các trò chơi tình ái với Tomas.

Thứ tư, nó là biểu tượng cho cái gì rất riêng tư mà cô cố tình xây đắp bấy lâu nay. Khi rời bỏ quê hương, cô chỉ được phép đem theo một số rất ít đồ đạc vật dụng tùy thân, và cô ôm theo chiếc mũ kềnh càng, hết sức vô dụng này có nghĩa cô phải bỏ lại những thứ khác thực dụng hơn.

Thứ năm, giờ đây cô sinh sống ở nước ngoài, chiếc mũ trở thành món vật mang một ý nghĩa tình cảm. Hôm xuống Zurich thăm Tomas, cô đem nó theo bên mình và đội trên đầu lúc cô đón Tomas ở ngưỡng cửa căn phòng khách sạn. Nhưng rồi điều cô không hề trù liệu đã xảy ra: chiếc mũ không còn đượm vẻ thản nhiên, vô hại hay mời mọc, khiêu khích nữa, nó trở thành món vật kỷ niệm của một thời quá khứ. Cả hai người đều bị xúc động. Họ làm tình với nhau như lần đầu tiên nằm chung giường. Đây không phải là lúc cho những trò chơi dâm ô, bởi vì lần gặp gỡ này không phải là sự nối tiếp những buổi hẹn hò tình ái của hai người mà mỗi lần gặp gỡ là cơ hội để nghĩ ra một trò chơi hư đốn nho nhỏ nào đó. Lần gặp gỡ này là sự gọi nhớ thời gian, một bản thánh ca nói về thời quá khứ hai người, một cái gì rất tình cảm tóm lược câu chuyện không tình cảm chút nào và đã tan biến ở một khoảng cách xa xôi lắm.

Chiếc mũ là mô-típ của khúc nhạc, của cuộc đời Sabina. Nó cứ trở về hoài hoài, mỗi lần với một ý nghĩa khác nhau, và tất cả các ý nghĩa khác nhau đó chảy qua chiếc mũ như dòng nước chảy xuyên qua lòng sông. Tôi chạnh nghĩ có thể gọi chiếc mũ là dòng sông của Heraclitus ("Bạn không thể bước hai lần xuống cùng một dòng sông"): chiếc mũ dạ tròn là đáy con sông mà qua đó mỗi lần bắt gặp, Sabina lại thấy một dòng sông khác chảy qua, một dòng sông ý nghĩa khác: mỗi lần là một ý nghĩa khác nhau, mặc dù tất cả những ý nghĩa cũ lại cộng hưởng (như tiếng dội, một loạt những tiếng dội) hòa nhập với ý nghĩa mới. Mỗi kinh nghiệm mỗi vang lên, và mỗi lần như thế lại hòa nhập vào làm bản hòa âm thêm phần phong phú. Khi Tomas gặp lại Sabina ở Zurich trong căn phòng khách sạn, hình ảnh chiếc mũ gây một xúc động vô cùng lớn lao và hai người làm tình với nhau gần như trong nước mắt. Đó là vì sự hiện hữu đen tối của chiếc mũ không những chỉ nhắc nhở hai người về cái trò chơi tình ái lúc trước, nó còn là kỷ niệm thân quý của cha Sabina, của tổ phụ cô, của những người sống vào thế kỷ không có xe cộ, tàu bay.

Giờ đây, có lẽ chúng ta hiểu rõ hơn về cái hố thẳm ngăn cách giữa Sabina và Franz: anh hăm hở lắng nghe chuyện đời cô và ngược lại cô cũng hăm hở lắng nghe chuyện đời anh, nhưng mặc dù hai người thấu hiểu hết mọi ý nghĩa hợp lý của từng từ ngữ trao đổi, họ hoàn toàn thất bại trong việc nghe được tiếng thầm thì của dòng sông chảy qua họ.

Và khi cô đội chiếc mũ dạ tròn lên đầu trước mặt anh, Franz cảm thấy ngượng nghịu, như thể có người nói với anh bằng thứ ngôn ngữ anh hoàn toàn không hiểu biết. Hành động cô không có tính cách dâm đãng mà cũng không

vì tình cảm, nó chỉ là động tác anh không hiểu thấu và vì thế anh đâm ra ngượng nghịu.

Khi con người còn tương đối trẻ trung và khúc nhạc đời sống của họ còn ở những trường canh vừa khai mở, họ có thể nhập chung vào và trao đổi những mô- típ (như Tomas và Sabina trao đổi mô-típ chiếc mũ dạ tròn), nhưng khi họ gặp nhau lúc già nua hơn, như Franz và Sabina, khúc nhạc ít nhiều đã đầy đặn hơn, và mỗi mô-típ, mỗi vật thể, mỗi từ ngữ đều có một ý nghĩa riêng biệt đối với mỗi người.

Nếu tôi có thể làm một bản văn ghi lại những cuộc đối thoại giữa Franz và Sabina, rất có thể tôi sẽ sưu tập được một quyển tự vựng dầy về những hiểu lầm giữa hai người. Nhưng thay vào đó, chúng ta hãy tạm hài lòng với một tập từ điển ngắn.

MILAN KUNDERA
(*Còn tiếp*)



BÙI CHÍ VINH

ngựa , anh

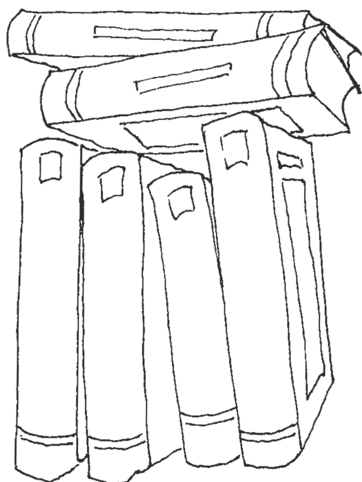
Tụi nó cưỡi lên anh làm ngựa
Khiến lưng anh trổ lông
và gáy mọc ra bờm
Anh vừa hí
vừa vặn mình nôn mửa
Một đống lạ lùng nửa áo nửa cơm

Tụi nó lại treo trước mặt anh
một giỏ hoa thơm
Có mùi văn chương có mùi nghệ thuật
Anh nghiến răng nhai vội cuống cuồng
Đến khi ợ mới biết mồm tàn tật

Tụi nó lại bắt anh ăn tuốt sự thật
Nên nước mắt em đã đông đặc thành chuông
Anh cứ sải dù bốn chân cà nhắc
Để thấy rằng mình còn một quê hương

BÙI CHÍ VINH
(Trong nước)

kháng thư
về việc nhà nước
cộng hoà xã hội chủ nghĩa việt nam
đàn áp diễn đàn tự do.



Đồng nhịp với những vận động tự do dân chủ và cởi bỏ chế độ Cộng Sản tại Trung Âu và Liên Xô, hưởng ứng chính sách đổi mới tư duy ở Việt Nam, một nhóm người yêu nước gồm các nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ đứng đầu là giáo sư Đoàn Viết Hoạt đã mở ra một phong trào vận động cho tự do dân chủ và đa nguyên trong nước với cơ quan ngôn luận *Diễn Đàn Tự Do* phát hành trên bốn số báo và tám băng thu âm tại Việt Nam và nước ngoài từ đầu năm đến tháng 8/1990, đăng cả những bài viết và lí luận của các người trong hàng ngũ Đảng Cộng Sản Việt Nam (như Dương Thu Hương, Lương Dân Nguyễn Kiến Giang) li khai với sự chuyên chế của đảng này.

Đến 19/11/90 những người chủ trương *Diễn Đàn Tự Do* bị bắt và bị khép vào tội "ấn hành và phổ biến tài liệu chống Đảng".

Ngày 20/3/1990 tòa án Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh lên án những người kể trên với bản án tối đa theo bộ luật hình và khép họ vào tội "hoạt động phản cách mạng" và "soạn thảo lý luận phản động chống chế độ Xã Hội

Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam". Giáo sư Đoàn Viết Hoạt bị kết án 20 năm tù và 5 năm mất quyền công dân; những người kia bị kết án từ 8 tháng đến 16 năm tù.

- *Nhận định rằng* những người chủ trương *Diễn Đàn Tự Do* chỉ tranh đấu chính trị cho tự do dân chủ theo phương cách bất bạo động, hành sử quyền tự do tư tưởng, ngôn luận, báo chí được công nhận trong Tuyên Ngôn Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc và Hiến Pháp Việt Nam;

- *Nhận định rằng* giáo sư Đoàn Viết Hoạt và các bằng hữu bị kết án chỉ vì đã bày tỏ quan diểm chính trị khác biệt với Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Quan điểm đó đứng trên căn bản dân tộc, xuất phát từ hiện thực của đất nước và kết hợp với xu thế của thời đại, tức là đầy đủ yếu tố để đóng góp vào sự giải quyết cuộc khủng hoảng hiện tại và đưa tổ quốc vào con đường phát triển. Nỗ lực trí tuệ đó được hưởng ứng rộng cả trong và ngoài nước, do đó bị Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam cho là chống phá chế độ.

- *Nhận định rằng* quá trình hoạt động và sự nghiệp trí tuệ của giáo sư Đoàn Viết Hoạt và các bằng hữu chứng tỏ họ là những người yêu nước chân chính, luôn luôn đứng trong lòng dân tộc và là những kẻ sĩ đáng quí của tổ quốc. Họ là những công dân xuất chúng của quốc gia, luôn luôn tôn trọng sự thật, công lý và hòa hợp hòa giải. Chúng tôi, những người Việt thiết tha với quê hương, yêu Tự Do Dân Chủ, vì hoàn cảnh lịch sử hiện đang phải sống ngoài nước:

1. *Đòi hỏi* nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam phải hủy bỏ bản án đối với những người chủ trương *Diễn Đàn Tự Do* và trả tự do cho giáo sư Đoàn Viết Hoạt và các bằng hữu là các ông Phạm Đức Khâm, Nguyễn Xuân Đồng, Hoàng Cao Nhã, Nguyễn Văn Thuận, Lê Đức Vượng, Nguyễn Thiện Hùng và Phạm Thái Thủy, đồng thời tôn trọng những quyền tự do căn bản của con người và công dân như những đóng góp của mọi người Việt Nam vào việc xây dựng Tự Do Dân Chủ;

2. *Kêu gọi* những người yêu chuộng tự do Dân Chủ, những người công nhận Nhân Quyền và Dân Quyền, hãy cùng chúng tôi lên tiếng can thiệp mạnh mẽ nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam để giáo sư Đoàn Viết Hoạt và các bằng hữu được tự do tức khắc và vô điều kiện.

Làm tại Toronto ngày 20 tháng 4 năm 1993

CANADA: Bạch Văn Minh, Chu Dung, Đoàn Quốc Chấn, Đoàn Văn Bích, Đỗ Gia Huấn, Đỗ Quí Toàn, Đỗ Văn Thông, Hà Vũ Trọng, Hoàng Chiều Nhân, Hồ Đình Nghiêm, Huỳnh Văn Thưởng, Lâm Công Quận, Lâm Thành Lạc, Lâm Thị Nguyệt Quí, Lê Quang Phúc, Lê Văn Anh Dũng, Lê Ý Đức, Lưu Nguyễn, Ngô Văn Nhàn, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Hữu Nguyên, Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Ngọc Lợi, Nguyễn Tăng Chương,

Nguyễn Thế Hùng, Nguyễn Thị Phương Liên, Nguyễn Tiến Văn, Nguyễn Ước, Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Văn Sơn, Nguyễn Vy Khanh, Phạm Đăng Tu, Phạm- New Khang, Phan Ni Tấn (ND), Phùng Văn Bộ, Trần Thị Phòng, Trần Thiện Hoài, Trân Sa, Trần Ngọc Tâm, Trang Châu, Trần Nhã Nguyên, Trần Quang Khâm, Tư Đồ Tuệ, Võ Kỳ Điền, Võ Minh Phước, Vũ Hữu Doanh.

HOA KỲ: Bùi Bích Hà, Bùi Bội Khanh, Bùi Ngọc Đường, Bùi Vĩnh Phúc, Cao Bá Minh, Chân Phương, Đỗ Hữu Tài, Đào Trọng Vinh, Đoàn Thị Ấu Khanh, Đoàn Văn Hiến, Hà Huyền Thanh, Hoàng Sử Mai, Hoàng Khởi Phong, Hoàng Mai Đạt, Hoàng Thị Ái, Khánh Trường, Khế Iêm, Lam Sơn, Lê Chí Thảo, Lê Công Đa, Lê Đình Điểu, Lê Ngọc Tùng, Lê Tấn Hà, Lê Thứ, Lý Khôi Việt, Mạc Ngọc Pha, Nguyễn Hương, Nguyên I ương, Nguyễn Đắc Huyên, Nguyễn Đình Lý, Nguyễn Hữu Liêm, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Quốc Trung, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Trọng Nho, Nhật Tiến, Phạm Đình Liệu, Phạm Quốc Bảo, Phạm Việt Cường, Phạm Xuân Đài, Phan Mạnh Lương, Phan Tấn Hải, Thân Trọng Mẫn, Trần Nguyệt Anh, Trần Nhu, Trần Quân, Trần Văn Kha, Trần Văn Sơn, Trần Việt Long, Vĩnh Hảo, Vũ Quỳnh N.H., Trương Văn Cảnh, Trương Vũ.

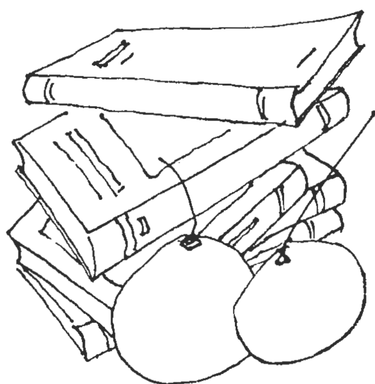
CHÂU ÂU: Arnourd (Michel), Bolle (Marie Hélènne), Bùi Tín, Chef (Francoise), Cung Hồng Hải, Cuny Cẩm Phượng, Cuny (Francoise), De Lang (Nicole), Đặng Tiến, Đỗ Thuận Khiêm, Dunay (Claudine), Hoàng Quốc Dũng, Houde (Patrice), Hứa Hiền Minh, Huỳnh Hùng, Kafel (Sandrinne), Larcenaire (Natalie), Lê Anh Dũng, Lê Mạnh Tường, Lê Văn Đằng, Lê Văn Tuấn, Lê Tất Luyện. Lê Thái Quang, Lê Thục Cơ, Lê Thục Diễm, Lương Thị Thanh Tùng, Nghiêm Phong Tuấn, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Cư Trinh, Nguyễn Đức Vượng, Nguyễn Gia Kiểng, Nguyễn Kết, Nguyễn Khắc Đỗ, Nguyễn Hữu Thư, Nguyễn Ngọc Giao, Nguyễn Ngọc Lộc, Nguyễn Phan Huy, Nguyễn Quang Trọng, Nguyễn Quốc Sơn, Nguyễn Thái Hảo, Nguyễn Thị Hồ Quì, Nguyễn Trọng Kha, Nguyễn Thị Ngọc Diễm, Nguyễn Thị Vy Lan, Nguyễn Văn Huy, Nguyễn Ứng Long, Nguyễn Văn Ái, Nguyễn Văn Khoa, Niclausse (Gilbert), Perrin (Alain), Phạm Ngọc Lân, Phạm Trọng Chánh, Phan Đình Thìn, Phan Thị Trọng Tuyến, Poirson (Vivienne), Quản Mỹ Lan, Quỳnh Giao, Salron, (Jean Philippe), Savonnet (Yvan), Thụy Khuê, TônThất Long, Trần Ngọc Sơn, Trần Nguyên Đạo, Trần Thanh Hiệp, Trần Vũ, Villa (Jean-Pierre), Võ Xuân Minh, Võ Quang Tùng, Vũ Thiện Hân, Vương Văn Đông, Wuft (Franc).

ÚC: Bùi Chánh Thời, Hoàng Nguyên Nhuận, Lệ Hằng, Lưu Nhân Nghĩa, Thường Quán.



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

giới thiệu sách mới



SỐNG THẲNG, NÓI THẬT. NHẬT KÝ 1990-1991 của Nguyễn Ngọc Lan. Bìa Thanh Lý và Tấn Đức, xếp chữ Bạch Nhựt. Nhà xuất bản Tin ấn hành. Paris 1993. Giá 100 quan Pháp / 20 Mỹ Kim. Liên lạc: TIN, 54, Avenue Léon Blum - 92160 Antony. France

Đây là cuốn nhật ký thứ hai của cùng tác giả. Cuốn đầu cũng do nhà xuất bản TIN ấn hành năm 1991. Sách dày gần 400 trang, khổ chữ nhỏ, tuy nhiên nhờ kỹ thuật ấn loát có tiêu chuẩn cao nên rất sáng sủa, dễ đọc.

Về nội dung, cũng như cuốn đầu, bằng những nhận xét ngắn, gọn nhưng vô cùng thông minh, ý nhị, dí dõm, Nguyễn Ngọc Lan đã phản ánh khá đầy đủ cái đa tạp của cuộc sống hiện nay tại quê nhà.

"Sống Thẳng Nói Thật" là tác phẩm rất cần tìm đọc.

NÓI CHO CON NGƯỜI, của Chân Tín, cũng do nhà xuất bản TIN ấn hành tại Paris 1993.

Với 71 trang khổ lớn (8.50"X11.50"), chữ nhỏ, gồm những bài than luận, phát biểu, thư, bốn bài giảng đã được đăng tải rộng rải và dịch ra nhiều thứ tiếng. Nội dung các bài này tiếp nối, đào sâu thái độ của Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan và nhóm bạn từ sau 1975...

"Ước gì bạn đọc không chỉ coi tập hồ sơ này như một tài liệu tham khảo. Đàng sau những dòng chữ có một bộ mặt, một niềm tin của một công dân, một linh mục VN thiết tha làm chứng cho khổ đau và hy vọng của con người VN..." (*lời nói đầu - Nhà xuất bản TIN*).

NHỮNG CÁNH CHIM HOANG, tiểu thuyết của Nguyễn Thị Ấm, bìa Lương Xuân Đoàn, nhà xuất bản Hội Nhà Văn, Việt Nam 1992. 338 trang. Giá 11.000$ VN.

Tuy mới xuất hiện chưa lâu tại Việt Nam, nhưng nhiều tác phẩm của Nguyễn Thị Ấm - nhất là truyện ngắn - từng chứng tỏ bà là một ngòi bút có

bản lĩnh.

Những Cánh Chim Hoang, tiểu thuyết đầu tiên của nhà văn nữ này, đề cập đến một vấn đề - đối với độc giả quốc nội - được xem là nóng bỏng: Những người Việt Nam vượt biên trốn ra nước ngoài. Họ đi thế nào? Họ sống ra sao? Và họ nghĩ gì về tổ quốc?... Đọc hết 337 trang sách, cảm tưởng của chúng tôi (có thể chủ quan) là tác giả viết chưa đều tay, chưa đủ sâu, đủ sắc để làm nổi rõ một chủ đề vốn khá gai góc, và nhất là chưa dám đẩy ngòi bút đến tận cùng. Một nhược điểm nữa: có lẽ vì chưa sống ở các xã hội phương Tây, nên nhiều sự kiện tác giả đã dựng nên qua trí tưởng tượng. Tiếc thay, những "xen" hư cấu này hoàn toàn sai với thực tế, làm cho người đọc (ngoài nước) thấy phi lý và ... nhà quê. Ví dụ bà cho một nhân vật mang vàng vào ngân hàng đổi lấy dolars (không có ngân hàng nào ở ngoại quốc đổi vàng trực tiếp qua dollars cả), sau đó mua ngay một chiếc xe, phóng một lèo từ Cali về... thủ đô, đoạn đường, nếu lấy chiều dài nước Việt Nam làm đơn vị, ít nhất cũng dài gấp... bốn lần! Anh chàng này không điên cũng thuộc loại "mát" nặng. Đó là chưa kể anh ta vừa chân ướt chân ráo bước vào đất Mỹ! Không bằng lái xe, không thông thuộc đường sá. Bộ luật pháp ở Mỹ cũng giống... Việt Nam?

CÁT BỤI CHÂN AI, hồi ký của Tô Hoài, bìa Nguyễn Trung, nhà xuất bản Hội Nhà Văn, 1992. Giá 15.000$ VN. Nhà xuất bản Hồng Lĩnh tái bản tại hải ngoại, 1993. Bìa Khánh Trường. Giá 12 Mỹ Kim. Nhà xuất bản Thanh Văn cũng tái bản cùng lúc. Bìa Nguyễn Thị Hợp. Giá 12 Mỹ Kim.

Các Bụi Chân Ai là một trong rất ít tác phẩmchỉ mới xuất hiện ở Việt Nam, đã cùng lúc có đến hai nhà xuất bản tại hải ngoại in lại.

Qua tác phẩm này, độc giả sẽ có cảm tưởng như đang ngồi quây quần quanh vuông chiếu hoa, trong ngôi nhà thừa tự của tổ tiên, dưới ánh sáng chập chờn của ngọn đèn dầu lạc, lắng nghe tiếng kể trầm tĩnh, nhẹ nhàng, nhưng vô cùng sâu lắng của một ông già đã có trên nửa thế kỷ hệ lụy cùng quê hương. Ông già đó, nhà văn Tô Hoài, tác giả của *Dế Mèn Phiêu Lưu Ký* mà chắc chắn không một người VN nào chưa từng ê a học thuộc lòng vào cái thời còn mài đũng quần ở ghế trung học, sẽ đưa chúng ta về lại với thổ ngơi tiền chiến, nơi có những nhân vật từng "vang bóng một thời": Nguyễn Tuân, Nguyễn Bính, Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyên Hồng, Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Vũ Bằng, Vũ Trọng Phụng... và nhóm Nhân Văn Giai Phẩm cùng các "chức sắc" trong lãnh vực văn nghệ, nói riêng, nhà nước, nói chung. Nơi, ở đó, họ đã sống, đã sinh hoạt, đã vui chơi, đã sáng tác, đã "rất người" trong thân phận con người. Nơi, từ đó, họ ra đi, họ lên đường, họ nhập vào dòng đời, để rồi mỗi người, bằng cá tính riêng của mình, tự chọn lựa hoặc bị chọn lựa một thế sống nào đó. Những thế sống gọp chung lại, làm nên dòng chảy của văn học và chính trị Việt Nam trong một thời điểm có thể coi là giông bão nhất của lịch sử Việt Nam hiện đại và đương đại.

Có lẽ *Cát Bụi Chân Ai* là cuốn hồi ký trung thực nhất của một nhà văn,

viết về các bạn văn cùng thời, và về chính mình.

Một tác phẩm hay. Rất cần có trong mọi tủ sách gia đình.

MỐI TÌNH ĐẦU, truyện ngắn của Samuel Beckett. Hoàng Ngọc Biên dịch. Trình bày xuất bản 1993. Không ghi giá bán.

Mối Tình Đầu (Premier Amour) là một trong những tác phẩm quan trọng đầu tiên của Samuel Backett...

Tác phẩm in khổ chữ lớn, trang nhã - Cái trang nhã cố hữu của nhà Trình Bày - khiến người đọc khi cầm trên tay, cảm thấy hài lòng trước tiên về hình thức, tạo tác động không nhỏ để hăng hái đi vào nội dung. Mà nội dung - cũng là đặc tính có hữu của nhà Trình Bày - đều rất giá trị, như dịch phẩm này, cùng hầu hết những tác phẩm khác.

Được biết, dịch giả Hoàng Ngọc Biên đến Hoa Kỳ cách đây không lâu. Ông là một cây viết và họa sĩ nổi tiếng tại Việt Nam trước cũng như sau 1975.

NGÀY QUA RẤT VỘI, thơ Lưu Nguyễn. Bìa Lê Quang Xuân. phụ bản Đinh Cường, Nguyễn Hữu Nhật, Lê Quang Xuân, Võ Đình. Nắng Mới xuất bản 1993. Giá 10 Mỹ Kim (ngoài Canada thêm 1 Mỹ Kim). Liên lạc: Nắng Mới, 40 Succ. Côte Des Neiges. Montréal, PQ. H3S-2S4. Canada.

Tác phẩm thứ hai của nhà thơ Lưu Nguyễn, sau *Tri Âm* (thơ, Sông Thu, 1990).

Cùng với những nhà thơ gốc miền Trung như Thái Tú Hạp, Luân Hoán... Lưu Nguyễn là một khuôn mặt thơ rất quen thuộc của thi ca hải ngoại. Thơ ông giản dị, mộc mạc, thường xoay quanh các chủ đề về tình yêu, tình bằng hữu, tình quê hương...

Được biết, Lưu Nguyễn hiện đang chủ trương tạp chí *Nắng Mới* (cùng một số thân hữu) tại Canada, và là đương kiêm chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Quebec, Canada.

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN NHẬT BẢN, bìa Khánh Trường. Hồng Lĩnh xuất bản 1993. Giá 12 Mỹ Kim.

Truyện ngắn Nhật Bản đã từng biết đến những thời kỳ rực rỡ, như thời kỳ của Yhara Saikaku (thế kỷ thứ XVII), một nhà văn xuất sắc của Nhật được độc giả say mê đọc suốt gần ba trăm năm liền, hay như những năm 20 của thế kỷ này, khi trên văn đàn xuất hiện tên tuổi của Akutagawa, cây bút truyện ngắn bậc thầy Nhật Bản, người đã biết kết hợp tài tình những truyền thống phương Đông với truyền thống phương Tây trong sáng tác của mình, đã đưa dòng văn học Nhật hòa chung vào đại dương văn học thế giới, người mà tên được đặt cho giải thưởng văn học lớn nhất hiện nay của Nhật.

Tập truyện này giới thiệu với bạn đọc 17 truyện ngắn có chủ đề và phong cách khác nhau của 17 tác giả có tên tuổi, trong đó có những tác giả nổi tiếng từ lâu như Yasushi Yanôuê, Hayashi, Fumikô, Shugôrô Yamamôtô, Sichirô Fukawata, Shusaku Endô, Tatsuô Nagai... và những tác giả tuy xuất hiện chậm hơn nhưng đã nhanh chóng dành được vị trí vững chắc trên văn đàn như Kôbô Abê, Takêshi Kaikô, Têtsuô Miura, Kôichirô Unô...

MÙA LÁ RỤNG TRONG VƯỜN, tiểu thuyết Mai Văn Kháng. Bìa Khánh Trường. Hồng Lĩnh tái bản tại hải ngoại 1993. Giá 14 Mỹ Kim.

Đã rừng rực khác vọng tiền bạc, giàu sang, phú quí. Đã nổi cơn nồng nã với kẻ sung sướng hơn mình và thề sẽ đạp trên dư luận đạo đức để đạt ước muốn.

Nhưng, cũng có những ngày hồi tỉnh, hổ thẹn với chính mình. Đạo lý như một vành đai nhân hậu, công luận như một mệnh lệnh ân tình của xã hội. Lương tâm còn sáng, trí thông minh còn đủ để nhận biết. Còn gã trưởng phòng thì thật xấu trai, lố bịch và sự làm giàu mới ám muội làm sao. Đã có nhiều lúc Lý căm ghét anh ta. Đồ hợm của! Đồ gian manh! Đồ nịnh đầm! Đồ mất dạy! Ngôn ngữ anh ta bỉ ổi! Thủ đoạn anh ta xảo trá! Âm mưu anh ta tàn ác! Đã có hôm cùng anh ta đi ăn một bữa đặc sản về, Lý ghê tởm móc họng nôn ọe hết ra. Đã có lúc thấy những tranh ảnh tởm lợm trong sách báo anh ta đưa cho xem. Lý đỏ mặt bỏ đi và nguyền sẽ không bao giờ đặt chân tới căn buồng đó nữa...

Đoạn trích dẫn trên đây có thể cho độc giả một cái nhìn tổng quát về chủ đề của tác phẩm. Đó là cuộc chiến dai dẳng, muôn đời, muôn nơi, giữa thiện và ác, giữa lý trí và bản năng, giữa khát vọng hướng thượng và sức quyến rũ mãnh liệt của tội lỗi.

Ma Văn Kháng là một trong những nhà văn nổi tiếng tại quốc nội. Tưởng độc giả hải ngoại cũng nên có dịp làm quen với văn chương của tác giả này.

ĐỒNG XANH, thơ Huy Trâm, tác giả xuất bản. Bìa Khánh Trường, Quyên Duy trình bày, Đông Duy ấn loát. Giá 10 Mỹ Kim.

Trước hết và sau cùng, thơ Huy Trâm là điểm hội tụ của những trái tim cùng đập chung một nhịp đập Việt Nam trên buốt giá quê người. Không quặn xót vật vã, không than van yếm thế, không quằn quại khổ đau, thơ Huy Trâm như dòng sông nhỏ chảy hiền hòa qua những bãi bờ của một quê hương đã nghìn trùng khuất lấp. Nhưng chìm sâu dưới dòng chảy tưởng êm đềm kia, là ngổn ngang bao nhiêu trầm tích, kết tinh thành nỗi hoài nhớ khôn nguôi về một nơi chốn đã sinh ra, đã lớn lên, đã sung sướng, đã khổ đau, và bây giờ, đã cách ngăn một đại dương vời vợi.

Và như thế, thơ Huy Trâm là cánh cò trôi chậm giữa bát ngát đồng xanh, là lũy tre già, là bờ sông vắng, là rặng núi xa, là sợi khói mong manh vương nhẹ trong chiều... Thơ Huy Trâm là nỗi buồn, nhưng đó là nỗi buồn đã thăng hoa, đã hóa kiếp, đã lẫn vào thịt xương máu huyết để làm thành hơi thở, đời sống Việt Nam.

ÁC MỘNG, tiểu thuyết Ngô Ngọc Bội. Bìa Khánh Trường. Hồng Lĩnh tái bản tại hải ngoại 1993. Giá 14 Mỹ Kim.

Cùng một chủ đề với nhiều tác phẩm của các nhà văn tiến bộ trong giai đoạn "cởi trói" tại Việt Nam: Cải cách ruộng đất ở miền Bắc sau 1954. Ngô Ngọc Bội đã vẽ lại trung thực những thảm kịch kinh hoàng mà một nửa đất nước của chúng ta từng gánh chịu.

Lạnh lùng, khách quan, tàn bạo, qua trên ba trăm trang sách, độc giả

không ngừng "vã mồ hôi" và "tức thở" vì hàng núi chi tiết được phơi bày trước mắt. Đọc *Ác Mộng,* để hiểu tại sao những người CS, dù đã có công dành được độc lập cho đất nước, vẫn đang và sẽ dần dần bị xóa bỏ.

CHUYỆN CỦA MỘT NGƯỜI DI CƯ NHỨC ĐẦU VỪA PHẢI của Nguyễn Bá Trạc. Bìa Đinh Cường. Văn Nghệ xuất bản 1993. Giá 10 Mỹ Kim.

Rất hiếm khi một tác phẩm lại được những văn nghệ sĩ có tầm cỡ như sau đây hết lòng ngợi khen.

Nguyễn Bá Trạc tài hoa trong chữ nghĩa, phong phú trong đời sống, giàu có trong tưởng tượng. Tôi khó tìm thấy một người thứ hai trong văn chương Việt Nam đi trên con đường mà Nguyễn Bá Trạc đã đi. (*nhà văn* Nguyễn Xuân Hoàng).

Từ ngôi thứ nhất, ông chuyển qua ngôi thứ ba, từ diễn viên, ông trở thành đạo diễn. Chỉ khác với những đạo diễn tính toán chi li bằng óc, Nguyễn Bá Trạc chỉ gợi nguồn cảm hứng và để cho các diễn viên (và cả bạn đọc) tự do biểu hiện tất cả cảm xúc phong phú của mình. Đúng hơn hết, đây là một tập thơ dài viết bằng những rung động tinh tế và tài hoa, dàn trải tùy hứng không lụy vào các hình thức thông thường, tưởng là những mảng tâm sự rời rạc nhưng thực ra là muôn hình vạn trạng của cuộc sống biến ảo... (*nhà văn* Nguyễn Mộng Giác).

Đối với tôi, đây không phải là một cuốn sách hay. Đây cũng không phải là một cuốn sách rất hay.

Đây là một cuốn sách cực hay. (*nhà văn* Vũ Huy Quang)

Đủ quá, chả còn chỗ trống nào để người phụ trách mục này chen vào... ăn có!

THIÊN THẦN QUÉT LÁ, tập truyện Vĩnh Hảo. Bìa Đinh Cường. Tác giả xuất bản 1993. Giá 10 Mỹ Kim.

Tác phẩm thứ tư của một nhà văn "âm thầm" nhất, nhưng cũng đều tay nhất.

Trong lời tựa, tác giả viết: *Nhìn lại, chúng ta thấy các chú tiểu đúng nghĩa là "tiểu" từ hơn hai ngàn năm trăm năm nay ở nhiều quốc gia trên thế giới không phải là ít. Vậy mà hiếm thấy sách nào viết về các chú tiểu (...) Cho nên, tập truyện này không có cao vọng gì nhiều ngoài sự giới thiệu đôi nét về các chú tiểu (...) và đặc biệt, dù chỉ nói được rất ít, cũng hy vọng hé mở phần nào công hạnh đẹp đẽ dễ thương của các chú tiểu ở chùa: những em bé ngây thơ chân còn chập chững mà đã biết chối bỏ trần gian phiền lụy để chọn cho mình lối đi thênh thang trên ngàn mây xanh thẳm.*

Bên cạnh vô số những tác phẩm (cả trong lẫn ngoài nước) đắm chìm trong "một cõi nhân gian bé tí" nhưng đầy lục dục thất tình. Tác phẩm của Vĩnh Hảo, như điểm sáng, dù nhỏ bé, cũng phần nào giúp ta nhìn thấy cuộc đời, dẫu sao, cũng không phải chỉ *tràn đầy những toan tính vụn vặt, vị kỷ và bao nhiêu phiền tạp phải có để sống còn.*

JOURNAL OF VIETNAMESE STUDIES. Tạp chí nghiên cứu Việt học

viết bằng Anh ngữ, của *Australian Association of Vietnamese Studies* (Hội Nghiên Cứu Việt Học ở Úc Đại Lợi). Số 6, tháng giêng 1993. Dày 124 trang, không đề giá bán.

Số này đặc biệt với chủ đề chính là giáo dục, bên cạnh các tiểu luận về văn chương, xã hội, kinh tế... Bài quan trọng nhất trong số này—vì đề cập đến một vấn đề cốt tủy của phát triển Việt Nam là giáo dục—tựa đề *Education in Vietnam: an Overview* (Tổng quan về giáo dục tại Việt Nam) do Giáo sư Nguyễn Xuân Thu viết. Với nhiều con số thống kê cập nhật tới năm 1991, và tài liệu UNESCO và Hội Đồng Bộ Trưởng tới năm 1992, ông đã vẽ lên tương đối đầy đủ các mặt tích cực và tiêu cực về hiện trạng giáo dục Việt Nam. Ông cũng đề nghị một số cải cách quan trọng về giáo dục Việt Nam để hợp lý hóa và có thể phát triển kịp người, như phải quan niệm giáo dục là một phương tiện quan trọng để phát triển kinh tế quốc gia (chứ không phải để củng cố một ý thức hệ), phải mở rộng hệ thống giáo dục tới tận các vùng quê, nỗ lực mời gọi đóng góp của các chuyên gia người Việt ở hải ngoại cũng như của các chuyên gia quốc tế để xây dựng các thế hệ mới, tái cấu trúc hệ thống giáo dục đặc biệt là hệ Trung Học Chuyên Nghiệp và Trung Tâm Dạy Nghề, thiết lập các Viện Đại Học nhiều ngành (chứ không phải nhiều Đại Học chuyên ngành như hiện nay) để sinh viên thích ứng được với xã hội đa diện tương lai, tái cấu trúc Viện Nghiên Cứu Khoa Học để phù hợp với nhu cầu và là động lực cho nền kinh tế thị trường (*hệ thống giáo dục và nghiên cứu kiểu Xô Viết phải biến mất trong nền kinh tế thị trường,* trang 20). Thiết tưởng đây là những suy tư nghiêm chỉnh, cần được nhà nước Việt Nam quan tâm.

Greg Lockhart đã nêu lên câu hỏi về truyện Nguyễn Huy Thiệp, xem nên xếp loại là hậu Nho giáo hay hậu hiện đại (bài *Nguyen Huy Thiep's Writing: Post-Confucian, Post-Modern?* Tạm dịch, *Văn Chương Nguyễn Huy Thiệp: Hậu Nho Giáo hay Hậu Hiện Đại?*). Chúng ta có thể gợi nhớ, cuộc thẩm định này bắt đầu với Peter Zinoman, trong số *Vietnam Generation, Inc.* số mùa Xuân 1992, đã gọi NHT là "gần như hậu hiện đại" (almost post-modern), với kỹ thuật "nhào trộn huyền thoại với lịch sử".

Chúng ta cũng biết, những phân loại như vậy thường không chính xác, vì người ta có thể tìm được nhiều ảnh hưởng từ các chủ nghĩa khác nhau trong một tác giả; thí dụ như trường hợp NHT, truyện *Con Gái Thủy Thần* và *Muối Của Rừng* mang phong cách hiện thực huyền ảo, truyện *Tướng Về Hưu* và *Không Có Vua* phong cách hiện thực, truyện *Cún* phong cách phản-truyện (anti-fictional, innovative, kiểu bố cục phần mảnh và truyện trong truyện), cuốn *Những Ngọn Gió Hua Tát* phong cách chuyện kể dân gian (fable)... Tuy nhiên ở nhiều tác giả khác, trong và ngoài nước, thường dùng các văn phong tương đối thống nhất hơn, có lẽ là do cá tính và sở thích. Các nhà văn trong nước, trừ Phạm Thị Hoài và *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh, hầu hết đều viết trong khuynh hướng hiện thực, sau khi chủ nghĩa hiện thực xã hội đã lui vào bóng tối. Trong vị trí người đọc hải ngoại, chúng ta còn tìm thấy

tính đa dạng hơn ở văn chương ngoài nước, có lẽ do các tác giả được tiếp xúc rộng hơn. Cụ thể như, trong các truyện phổ biến các năm 1990-1993, chúng ta có thể gọi truyện Trần Vũ là hậu hiện đại với cách bóp méo thực tại, truyện Trần Diệu Hằng là phản-truyện, truyện Vũ Quỳnh N. H. là cực-kỳ-hiện-thực (hyper-realism, kiểu ống kính máy ảnh), vân vân.

Riêng Greg Lockhart ở đây lại muốn nhìn truyện NHT như hậu Nho giáo. Lý giải của ông khá chính xác khi nhìn NHT trong dòng lịch sử dân tộc khi rời chủ nghĩa Marxist-Leninism để hướng về giá trị truyền thống dân tộc. Tuy nhiên, dù phân loại thế nào đi nữa, điều chắc chắn là truyện NHT đã hoàn toàn là một hướng ly khai với nền văn chương phải đạo của Đảng CSVN.

Độc giả quan tâm, có thể liên lạc về địa chỉ tòa soạn:

Australian Association of Vietnamese Studies, G.P.O. Box 2918DD, Melbourne Victoria 3001, Australia.

VIETNAM'S ECONOMIC POLICY SINCE 1975. Tác giả Võ Nhân Trí. Viết bằng Anh ngữ. In lần thứ nhất 1990, tái bản 1992. Dày 268 trang. Xuất bản ở Singapore, do Institute of Southeast Asian Studies (Viện Nghiên Cứu Đông Nam Á). Giá 19.5 Mỹ kim cho ấn bản bìa mềm, 26 Mỹ kim bìa cứng.

Mặc dù đặt tựa sách là *Chính Sách Kinh Tế Việt Nam từ 1975*, tác giả cũng lược sơ về chính sách cưỡng bách kinh tế ở miền Bắc cuối thập niên 50 và đầu 60, để độc giả thấy được bối cảnh làm nền cho chính sách kinh tế Bắc-hóa (Northernisation) sau 75 trên cả nước. Phần chính của sách ghi lại thời kỳ từ 1975 tới 1986, với các kế hoạch kinh tế năm năm lần thứ nhì và thứ ba. Tác phẩm còn nghiên cứu về chính sách đổi mới cho tới cuối năm 1990.

Sách đã được các tạp chí quốc tế đánh giá cao. Đặc biệt là tờ *International Affairs*, số tháng tư 1991, đã cho đây là tác phẩm có giá trị tư liệu rất cao (very well-informed). Tác phẩm cần cho mọi người quan tâm đến vấn đề kinh tế Việt Nam. Được biết, hiện Tiến sĩ Võ Nhân Trí đang làm việc tại Trung Tâm Quốc Gia Nghiên Cứu Khoa Học ở Paris, Pháp.

KHI NGƯỜI TA TRẺ, tập truyện đầu tay của Phan Thị Vàng Anh. Tựa Huỳnh Như Phương, bìa Đỗ Trung Quân. Nhà xuất bản Hội Nhà Văn, Việt Nam 1993. Không ghi giá bán.

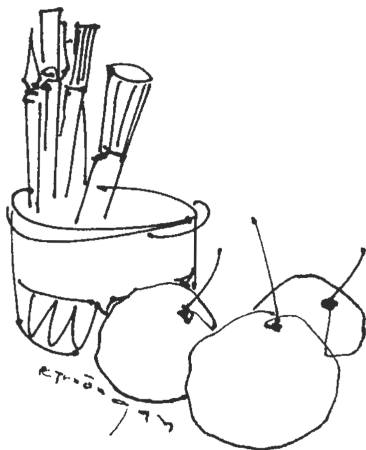
Tuy mới xuất hiện, nhưng Phan Thị Vàng Anh đã nhanh chóng trở nên *một hiện tượng văn học* tại quốc nội. Truyện của cô thường ngắn (như đa số những người viết trẻ khác), tuy thế lại rất gợi mở. Trong thế giới của Phan Thị Vàng Anh, *những sự vất gần gũi nhất lại đưa tâm hồn con người đi xa nhất (...)* và *đứng giữa một thế giới văn chương già cỗi - hay đúng hơn, đang có nguy cơ già cỗi - tác phẩm của Vàng Anh cũng như của một số cây bút mới xuất hiện những năm gần đây là thứ văn chương KHI NGƯỜI TA TRẺ*.

Hai truyện ngắn *Đất Đỏ* và *Kịch Câm* có trong tuyển tập này đã được Hợp Lưu giới thiệu cách đây không lâu, hẳn độc giả chưa quên.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



với văn hữu và bạn đọc



THƯ VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC

Chúng tôi chẳng cần những anh "nhà văn" viết cho nửa dân tộc này (Bắc) hoặc nửa dân tộc kia (Nam)...

Tôi xin chân thành cảm ơn sự nhiệt tình truyền bá tư tưởng dân chủ, đa phương đến bạn đọc (trong số đó có tôi). Mặc dù còn khó khăn về tài chánh cũng như sự đe dọa, khích bác, châm chọc từ mọi phía, nhưng các anh chị đã cố gắng gánh chịu vì tương lai VN (dân chủ, đa nguyên và phú cường). Thật là đáng quý. Tôi cũng như bè bạn tôi luôn luôn trân trọng những tấm lòng đó.

Thật tình tôi rất xúc động. Có sống ở quê người mới thấy những tấm lòng như các anh chị thật không phải dễ tìm. Ở đâu cũng thấy khủng bố, đe dọa, châm chọc, bôi nhọ, cướp giật, thậm chí giết hại nhau, kẻ làm không được thì to mồm phê phán, chụp mũ, khiến cho một số người có tâm huyết đâm nản lòng. Tôi đi làm thuê với đồng lương rẻ mạt, còn bị trăm sự dày vò khinh bỉ của người bản xứ. Đối với người bản xứ, tôi không trách cứ gì họ, chỉ buồn là giữa người VN với nhau, cư xử với nhau như thế làm sao khá nổi. Nói ra điều này thật đau lòng, nhưng không nói không được: Người Việt ta rất đa nghi và khôn vặt, không có tầm nhìn xa trông rộng, kể cả giới văn nghệ sĩ. Nhất là giới văn nghệ sĩ, tầng lớp được mệnh danh là trí thức... Theo suy nghĩ của dân cày chúng tôi thì đất nước chẳng cần những anh "nhà văn" viết cho nửa dân tộc này (Bắc) hoặc nửa dân tộc kia (Nam), mà hãy đem cái tài ba của mình viết cho một dân tộc duy nhất là Việt Nam, và nếu tác phẩm của họ được nhân loại công nhận thì như thế mới đáng mừng, đáng hãnh diện cho người Việt, nói chung. Thời đại bây giờ là thời đại khoa học kỹ thuật, thời đại của lý trí và hiểu biết, quan hệ giữa con người với con người dựa trên pháp quyền, tôi không cần sự ban ơn, bố thí và ngược lại. Chỉ chấp nhận với nhau một điều là hai bên cùng tồn tại bình đẳng trước pháp luật, cùng nhìn về một mục đích cao đẹp là đất nước VN phú cường mai hậu.

Chúng tôi ai cũng muốn tự do, dân chủ, đa nguyên. Dân chúng Việt mình tuy còn thấp về mọi mặt nhưng họ không ngu đâu, họ biết hết, chỉ chưa có điều kiện để đạp đổ những bất công xã hội, vì chỉ lo ăn lo mặc cũng đủ chóng mặt. Chiến trường chính theo tôi là ở trong nước, chúng tôi đánh giá người này hơn người nọ ở chỗ họ đã làm gì được một cách cụ thể cho VN, chứ không phải cứ to mồm ở hải ngoại. Đã đấu tranh cho dân chủ thì mọi người đều có thể tham gia việc nước (kể cả đảng viên đảng Cộng Sản), trong tinh thần đoàn kết, hiểu biết hầu tạo sức mạnh đối địch với những thế lực đang làm suy yếu tiềm lực quốc gia. Lại cũng theo cách suy nghĩ của dân cày chúng tôi, thì anh nào thực sự muốn tranh đấu cho một VN tương lai, hãy về nước mà đấu tranh. Chúng ta kính phục những người đang nằm trong vòng kiềm tỏa của chế độ, mà vẫn dám lên tiếng , đương đầu với chế độ, chứ hay ho gì cái trò nỏ mồm tại đây (sống trong xã hội dân chủ mà chẳng học được chút gì ở các xã hội đó), nói thì luôn lép nhép hai chữ dân chủ trên đầu môi, nhưng nếu ai đó khác quan điểm với mình thì đe dọa, cấm đoán, xúi dục bạo lực. HL đã vượt qua được ranh giới đó, ở HL đã có nhiều tiếng nói khác nhau, quan điểm khác nhau, và dành cho người đọc quyền tự do lựa chọn.

Nói thật với các anh, vì trình độ học vấn thấp, lại chẳng có tham vọng chính chị chính em gì, nên chẳng dám dạy bảo khuyên răn ai, chỉ xin qua HL, được gởi vài lời đến các... chính trị gia, các nhà văn nhà báo cả tiếng ở hải ngoại: Nếu quí vị nhắm mình không làm được gì cho đất nước thì xin hãy làm một người bình thường lo tròn bổn phận với vợ con gia đình, như thế cũng tốt chán, chứ đừng có ca mãi giọng điệu cũ rích, mình hát chỉ mình nghe có ích lợi gì đâu, chỉ tốn calo. Chẳng những chế độ chả coi quý vị ra gì, mà dân chúng chắc chắn sẽ đánh giá quý vị không hơn những cái thùng rỗng (nên kêu to). Ở hải ngoại ai chả hát được, dễ và an toàn quá mà! Bọn chúng tôi mai đây sẽ trở về VN (vào khoảng nửa tháng 5/1993), và sẽ đối đầu với bao nhiêu lo toan khốn khó, nếu quý vị không làm được gì cho chúng tôi bớt khổ, thì cũng xin để chúng tôi yên.

Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!

DOMINCONG (CR)

Mong anh bình yên khi trở lại quê nhà, và sẽ không còn "đối đầu với bao nhiêu lo toan khốn khó". Kính mến.

Mệt mỏi

... Tôi đã quá mỏi mệt với hận thù, với chiến tranh tâm lý, với cả cái lẽ "ai thắng ai" của một thời nồi da xáo thịt. Mệt mỏi và chán chường. Thôi để thì giờ làm việc khác cần thiết hơn.

HPNT (Việt Nam)

- Bài viết về Đinh Cường rất tiếc đến trễ, khi báo đã lên khuôn. Đành xin

lỗi, và mong sáng tác mới của anh.

- Những tập "PD" anh nhờ VĐ chuyển chúng tôi đều đã nhận được. Cảm ơn. Thân mến.

Thật là vui...

Thật là vui khi thấy các bạn ở xa tổ quốc luôn khắc khoải muốn làm một cái gì đó cho quê hương đất nước, mặc dù vấp phải bao khó khăn, thậm chí nhiều khi bị công kích từ ba bề bốn bên. Bọn tôi rất thông cảm với các bạn...

DT (Việt Nam)

Chúng ta không Hợp Lưu thì thôi, chứ còn đòi cái gì nữa?

Tôi đọc thư, bảo viết bài cho báo các bạn ở xa. Tôi rất hứng thú nhưng xin các anh cho chầm chậm và cũng lại nói là cước fax, express đắt quá, bọn tôi chắc chẳng đủ tiền gởi nhiều đâu các anh ạ.

Anh em ở bên nhà chẳng có chuyện nghĩ, phân chia chính kiến gì cả đâu (bọn họa sĩ ấy mà). Bọn tôi chỉ đi chơi, vẽ, mong sao có nhiều anh em bạn bè, vừa đủ ăn, đủ mời nhau chút xíu khi gặp nhau. Chính vì vậy mà bức tranh là khúc ruột mà cũng chỉ bán vặt vừa đủ vắt mũi bỏ mồm thôi. Nên chăng tờ Hợp Lưu của... (chúng ta!) nên tập trung chính vào tình bạn nghệ sĩ (mà nghệ sĩ thì đáng thương hơn là đáng trách, đáng đánh đòn), tình đời và tình nghệ thuật. Tất cả mọi người xa gần đều mong muốn nghệ thuật của VN bừng nở, còn chuyện chính trị thì... bố Đặng... Đại Bình nói mèo đen mèo trắng miễn bắt được chuột đều tốt, Nhái tôi bèn trộm nghĩ: là nghệ sĩ, chẳng đỏ đen gì ráo trọi, miễn là nghệ sĩ thật và nghệ thuật *trong suốt* là được.

Tất cả anh em ở đây đều chào mừng Hợp Lưu - Chúng ta không Hợp Lưu thì thôi, còn đòi gì nữa? Chúng tôi chỉ mong các anh liên lạc luôn, và chúng tôi sẽ tích cực mời các anh em viết bài...

Họa sĩ LCN (Việt nam).

Vâng, đúng như anh nói: đỏ đen gì miễn là nghệ sĩ thật, và "trong suốt" là tuyệt vời. Xin anh đừng quên nhắc các vị khác viết cho HL

Là người đọc, tôi vẫn sợ những người viết bịt mắt dẫn đi.

Tôi có đọc bài phê bình văn học (truyện ngắn) của nhà văn Mai Kim Ngọc và cũng được đọc các bài nghị luận phê bình (văn hóa) của các cây bút như Phan Tấn Hải, Nguyễn Tiến Văn, Lê Thư... Riêng các bài đi trên HL tạo cho riêng tôi có được một cách nhìn phóng khoáng hơn (tạm gọi là Horizon "élargi"). Không biết số đông độc giả thì sao? Cá nhân tôi, vì "ham vui", vì sợ tiếng mẹ hao mòn cũng có, nên đôi khi cũng quèn quẹt làm thơ, viết lách (đăng báo thì ít, nuôi gián, mọt thì nhiều). Dù là tài tử, ngoại đạo tôi vẫn trân trọng những bài viết nghiêm túc, khách quan, đưa tin đầy đủ. Là người đọc tôi sợ những người viết bịt mắt dẫn đi! (Một chữ viết hoa hay không hoa, một

lỗi chánh tả, đánh máy lầm về sự việc, ngày tháng... dăm khi là một đại họa, một chuyện động đất?...) Về những vụn vặt kể trên Nguyễn Tiến Văn là người còn tin vào độc giả biết tự nhặt sạn (xin cám ơn ông ta).

Văn phong - tôi dư biết - đôi khi không là con người. Nhưng qua các bài viết của NTV, PTH, LT văn phong còn là sinh thức: một con tim trong khối óc, và màng tế bào thần kinh cơ tâm. Rõ hơn: chống cái xấu xa, tha hóa, phi nhân... không có nghĩa là quay lưng lại đồng bào dân tộc (tôi tự dặn mình, chớ không dám "lên mặt" với ai cả, chớ chụp nhầm tội nghiệp).

Vậy, dù ngoại đạo (giới văn nhân, nghệ sĩ) tôi vẫn cố tìm hiểu vì sao - qua những cuộc đổi mới - văn hóa có những cuộc ly thân cấp thiết. Nhất là văn hóa... người mình (để nói theo kiểu ĐT). Không kể chi đến các báo Việt ngữ khác, HL "dám" làm và đảm nhiệm đặng sự ra riêng của mình. Chỉ riêng việc này HL làm biết bao người khó xử!

Những giấc ngủ ngày, đôi khi chập chờn, xao xác tiếng "nhớ". Chợt tỉnh, biết mình nằm trên giường, trong nhà nhưng lại nhớ nhà. Những bữa cơm gia đình, những buổi trà dư tửu hậu giữa đám bạn bè, những ngày lễ lớn cuối năm, đầu năm dương lịch, rồi những Tết Việt cổ truyền; không ai là người Việt mà không đôi lần nhớ về một con đường, một khu phố, một hàng me, một màu phượng, màu pháo, màu áo; ruột thịt hơn, một dáng nằm, một dáng ngồi, một vành khăn, một mái tóc, một nốt ruồi... Rồi biết đâu một góc nhà thờ, một cây bông sứ sân chùa, thậm chí có người da diết về một tiếng gà trưa, một dòng sông, một tiếng nói... Anh có thể mắng tôi: "Đồ mắc dịch! Ở đâu mà không có những thứ ấy".

- Đúng. Nhưng anh đừng quên rằng: lứa tuổi bọn mình không tìm lại "in hệt" những thứ ấy, bất cứ ở đâu, chỉ trừ VN. Anh cũng có thể nhắc tôi: "Không hai lần tắm một dòng sông"

- Cũng đúng luôn, nhưng anh lại quên: trong văn hóa, nghệ thuật con người cần tắm lại một dòng sông, cần tìm về với mình, chính mình anh ơi.

Cho nên nhân danh lũ con chúng tôi, xin cảm ơn anh chị, cảm ơn các bạn HL cố dành và giành cho thế hệ mai sau một cách nhìn, một lối về.

Về đâu thì mỗi người chúng ta tự biết lấy.

Tứ hải ngũ hồ đâu chẳng nhà (!?)

Nguyên Minh (Pháp).

Sao anh không ký cái bút hiệu vẫn thường dùng cho thơ? Hay NM cũng là một bút hiệu của anh? Vẫn "ghi tâm khắc cốt" lời khuyên "cử rượu", và sẽ cố. Kính mến.

Điều thiện không dễ thực hiện

Tôi là một sinh viên hiện đang du học tại Hungary...

Hợp Lưu là một tờ tạp chí văn học nghệ thuật đầu tiên tôi được đọc ở bên này. Tôi được gặp lại ở đây những tác giả quen thuộc mà tôi rất mến mộ từ

các tờ báo khác như Thụy Khuê, Đặng Tiến... Tôi cũng được làm quen với nền văn hóa "hải ngoại" cùng những tên tuổi xưa kia (mà vì là người Bắc nên tôi hoàn toàn không biết đến các tác phẩm của họ) và với các tác giả mà tôi nghĩ là "trẻ" hiện nay. Qua những số HL nhận được, tôi thực sự hâm mộ văn của Trần Vũ, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Hồ Đình Nghiêm, Vũ Quỳnh N.H, Nguyễn Thị Thanh Bình..., thơ của Đỗ Kh., vì vẻ trẻ trung, táo bạo, bất ngờ trong văn phong họ. Rồi thỉnh thoảng, được đọc lại Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hảo..., những tác giả quốc nội tôi thường theo dõi thời "văn nghệ phản kháng".

HL là một ấn bản đẹp về hình thức, giá trị về nội dung: chấp nhận mọi kiểu cách, mọi giá trị văn hóa, miễn là nó toát lên thiện chí hàn gắn những vết thương trong lòng dân tộc, giúp cộng đồng Việt Nam xích lại gần nhau, tin tưởng và thấu hiểu nhau.

Tôi cũng không ngạc nhiên lắm khi nghe tin HL thường bị tấn công từ nhiều phía (chỉ nghe phong thanh thôi, vì báo chí hải ngoại tôi hầu như không có). Điều thiện không dễ thực hiện. Thôi thì "đường ta ta cứ đi"...

NHL (Hungary)

Vâng, thưa anh, "đường ta ta cứ đi", bởi vì bên cạnh còn có những người như anh, rất nhiều. Họ là cái đám đông thầm lặng đã ngấm ngầm hỗ trợ HL. bằng không, làm sao "nó" sống đến ngày hôm nay? Thân mến.

Các anh có con đường minh sáng...

Tôi nghĩ, chủ trương của HL như thế là đúng đắn, minh bạch; mở ngỏ cho một tiến trình một VN tương lai, làm cho đất nước rạng rỡ thêm ra, mà hòa mình được với cộng đồng nhân loại, trong hòa hợp, tương sinh. Hợp lưu, hòa hợp, trung dung, không phải ai muốn cũng có được, mà cả một tổng hợp của ý thức, sự hy sinh, bám một quá trình thậm kỳ cam khó gay go, mới tới được cái chỗ rời-bỏ-hai-cực. Trong đó, kẻ hy sinh, kẻ tạo dựng thường có khi bị nhìn ngắm bằng những con mắt nghi ngờ, đố kỵ. Mặc, các anh có con đường minh sáng, mong các anh cứ đi. Mỗi ngày một đông dần bằng hữu.

CTB (Việt Nam)

Tập truyện sắp hoàn tất phần kỹ thuật. Hy vọng sẽ trình làng vào tháng 7, để chính hắn sẽ trao tận tay anh, như một món quà từ một kẻ xa quê, cho một bằng hữu cùng nghiệp, cùng chốn chôn nhau. Thân mến.

Tuyệt vời

HL số đặc biệt hội họa vừa qua thật tuyệt vời. Có lẽ lần đầu tiên, cả trong nước lẫn hải ngoại, trong khuôn khổ một tờ tạp chí mà gói ghém được một cách phong phú và đầy đủ quá trình hình thành nền hội họa Việt Nam hiện đại như thế. Tôi là sinh viên hiện đang theo học nghành Art tại Hoa Kỳ, tài

liệu các anh chị cung cấp cho thật bổ ích. Nếu anh chị cho phép, tôi xin được sử dụng những tài liệu này để viết luận án ra trường vào năm tới. Ngoài ra, tôi đoán anh chị còn có nhiều tài liệu khác nữa, tôi rất mong được đến thăm các anh chị để nhờ giúp đỡ. Hội họa VN hiện đại, theo tôi, tuy mới hình thành hơn nửa thế kỷ, nhưng cũng đã tạo được một bản sắc độc đáo, hy vọng qua luận án vào năm tới, tôi sẽ giới thiệu được sự độc đáo này đến người ngoại quốc...

Trần Đình Chu (California)

Rảnh, mời anh ghé tòa soạn. Tài liệu chúng tôi không nhiều nhưng có lẽ tạm đủ để anh thực hiện cái "luận án" ra trường. Thân mến.

Tiếng nói của lương tâm

Tôi xúc động khi nhận được HL số 10, tháng 4 và 5-1993. Những gì tôi viết gởi tới HL như một thôi thúc của lương tâm người Việt Nam bình thường.

Theo tôi, đối với người Việt hải ngoại, dù có sự phân hóa, nói là "lập trường" có khác nhau, nhưng vẫn dễ có sự cảm thông, xí xóa, một khi tất cả đều đã có thể qui-về-một-mối. Tôi cũng nghĩ, đối với người Việt hải ngoại, nhất là những người cầm bút, ai cũng có một tâm-hồn-Việt-Nam, họ đều muốn hướng về, và tìm kiếm ở đó - ở Việt nam - một sự bao dung và hết sức trung thực. Nếu còn có những e ngại là vì với một-quá-khứ-như-thế và một hiện-tại- như-vậy, đã tạo ra mối hoài nghi.

Tôi đã đọc kỹ bài phỏng vấn nhà thơ Phạm Tiến Duật, những điều ông ta nói đều là tiếng nói của lương tâm; Nhưng bên cạnh những điều nói ra của lương tâm đó, còn có một cái gì khác, đó chính là cái "chuyện này chuyện kia", mà nhà thơ PTD đã nhắc đến qua bài trả lời cuộc phỏng vấn (trang 180, HL 9, tháng 2&3,1993). Chính cái "chuyện này chuyện kia" đó đã làm cản trở bao nhiêu sự tiến bộ khác. Chỉ như một "hạt sạn trong một bát cơm", nhưng khi ăn cơm mà đụng phải một hạt sạn (dù là lớn hay bé) cũng làm mất mát sự ngon lành. Làm thế nào để biết hạt sạn nằm ở chỗ nào để "nhằn nó ra"?

Dĩ nhiên, sự cảm thông giữa những người viết rất dễ bắt nhịp với nhau, nhưng với cái đặc tính của chế độ hiện nay ở trong nước, đã cản trở rất nhiều ý muốn của tất cả mọi người cầm bút cả trong lẫn ngoài. Câu chuyện giữa những người viết với nhau, những lúc "trà dư tửu hậu" là những chia sẻ, những mong muốn thế này thế khác, nhưng khi "đi vào vấn đề" hay "đặt lại vấn đề" thì ý nghĩa ban đầu sẽ bị quật ngược lại, nguy hiểm hơn, còn có thể trở thành nạn nhân.

Tôi muốn chia sẻ thêm với nhà thơ PTD rằng: "Dân văn hóa dễ bắt tay nhau hơn dân quân sự, thế mà các viên tướng Mỹ đã bắt tay các viên tướng Việt Nam rồi, huống gì các nhà thơ, họa sĩ... sao lại không thể bắt tay nhau được?" là điều ông muốn nói với người Mỹ, hay nói với người Việt hải ngoại?

Nếu nhà thơ muốn nói với người Việt Nam làm văn học nghệ thuật ở hải ngoại thì có lẽ nên nói ngược lại rằng "người VN làm văn học nghệ thuật cả trong lẫn ngoài nước nên tạo cơ hội bắt tay nhau, trước khi để cho các tầng lớp khác có thể ngồi lại với nhau bàn chuyện xây dựng lại đất nước". Bởi lẽ hiện nay, Việt Nam bắt tay với Mỹ, không phân biệt giai tầng (kể cả những tướng lãnh hay viên chức chính phủ) dễ dàng hơn, trong khi những người Việt (trong nước) với người Việt (hải ngoại) muốn bắt tay nhau, *còn cần có sự lựa chọn*. Mà chính sự lựa chọn này đã làm nức nở bao tâm hồn đầy tình-dân-tộc-Việt-Nam.

Dĩ nhiên, cái nhìn của người làm văn học nghệ thuật (có thể) xa hơn cái nhìn thực tế (của người cầm quyền), vì vậy cần phải có thời gian. Tất cả những điều nói ra lúc này (hay giữa lúc này) mới chỉ là những mong ước, dự đoán, còn thực tế sẽ như thế nào (?), sự việc xảy ra nhanh hay chậm vẫn còn phải tùy thuộc vào giới cầm quyền. Người ta chỉ mong muốn rằng những người còn nắm quyền thế trong nước cũng mang một tâm hồn nhạy bén và một lương tâm Việt Nam nhằm phụ họa được với điều tin tưởng của nhà thơ PTD rằng: "Anh em văn nghệ, các nhà thơ hải ngoại hay nội địa có thể làm sáng tỏ mọi việc để tiến hành việc đoàn tụ hầu có thể ngồi lại với nhau mà cùng hướng về tương lai"... mà không phải chỉ có anh em văn nghệ... mà tất cả mọi tầng lớp người Việt đều mong muốn như vậy (tôi nghĩ thế), nhưng cái chìa khóa để có thể mở ra cho cái tương lai đó không phải nằm trong tay số người Việt hải ngoại mà hoàn toàn ở trong tay những người đang cầm quyền trong nước.

(Viết thêm). Tôi rất tin tưởng và ủng hộ điều mà các anh chị đề ra, là yểm trợ học bổng cho con em văn nghệ sĩ trong nước. Xin các anh chị cho biết thêm chi tiết, ví dụ người cấp học bổng ($50.00) mỗi năm có được lựa chọn học sinh mình muốn gởi học bổng không? hay do chính các anh chị phân phối? Chẳng hạn có người (bạn tôi) muốn cấp một hai học bổng cho con em một hay hai gia đình văn nghệ sĩ vùng Nghệ Tĩnh thì có dễ dàng chấp nhận không?...

Nguyễn Quang (San Jose. CA)

Hy vọng nhà thơ PTD sẽ đọc được những góp ý của anh.

Cũng như anh, đa số phiếu nhận cấp học bổng cho con em văn nghệ sĩ nghèo chúng tôi nhận được đều tỏ ý muốn cấp cho các vùng ngoài Bắc. Vì theo nhận xét chung: các vùng này từ bao đời nay vẫn luôn cơ cực, cơm không đủ ăn chứ đừng nói chi đến chuyện cắp được sách đến trường. Tất nhiên chúng tôi sẽ cố gắng thỏa mãn yêu cầu của các vị hảo tâm (trong đó có bạn anh), trừ phi không còn chỗ trống. Kính.

HỢP LƯU TRẢ LỜI BẠN ĐỌC, VĂN HỮU

Anh T. Lũ (Cali.): Đã viết cho anh một thư riêng, khá dài, nhưng tìm mãi không thấy địa chỉ của anh. Vậy cho HL xin, vì có nhiều vấn đề cần anh giúp

đỡ. Kính.

Chị NTD Anh (Úc): Không phải Hợp Lưu muốn "nhét" chỗ trống đâu, chỉ tại đất đai mắc mỏ quá, mà bài vở thì bề bộn, tòa soạn tham lam, muốn giới thiệu với độc giả càng nhiều càng tốt những sáng tác của anh chị em văn nghệ sĩ, bởi nghĩ, cái quan trọng là nội dung chứ không phải vị trí (trang nào, chỗ nào không là giấy. Và chúng ta đọc chữ, chứ có đọc cái "vị trí" đâu?). Tuy nhiên góp ý của chị cũng rất tốt, chúng tôi sẽ cố gắng cải thiện cho thoáng hơn. Kính.

Họa sĩ Đỗ Duy Minh (Canada): Cảm ơn các bức tranh anh gởi cho HL. Kính.

Hợp Lưu





Giá 6 Mỹ Kim